



Từ THIÊN NHIÊN đến SẢN PHẨM SẠCH & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUYÊN LIỆU SẠCH - SẢN PHẨM SẠCH - MẬT RỈ - CÔNG NGHỆ XANH - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA



NỘI DUNG

- 05 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
06 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Đơn vị thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH

Trưởng ban chỉ đạo

Ông Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phó ban chỉ đạo thường trực

Ông Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Trưởng ban biên tập

Ông Nguyễn Quốc Hoàn
Chánh văn phòng Công ty

Phụ trách công tác hỗ trợ

Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Quyển Giám đốc Hỗ trợ

Phụ trách tổng thể nội dung

Bà Võ Thị Bích Hạnh
Phó Chánh văn phòng Công ty

Phụ trách thiết kế, hình ảnh

Bà Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng Hành chính quản trị

Phụ trách tổng thể nội dung kiêm thư ký

Ông Nguyễn Quang Thái
Chuyên viên Văn phòng Công ty

Phụ trách nội dung

Bà Ngô Thanh Tuyền
Chuyên viên Văn phòng Công ty
Bà Nguyễn Thị Huyền Trinh
Chuyên viên Tài chính kế hoạch

Đơn vị tư vấn

CÔNG TY THIẾT KẾ LẬP PHƯƠNG

156/1/1 Cộng Hòa, Phường 12,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
T: (08) 3948 5745
F: (08) 3948 5746
W: www.lapphuong.com

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 11 Thông tin khái quát
12 Quá trình hình thành và phát triển
14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
20 Các chi nhánh và công ty con của Công ty
24 Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
36 Định hướng phát triển Công ty niên độ 2016 - 2017
38 Phân tích SWOT
40 Chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2016 - 2020
44 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2015 - 2016

- 50 Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2015 - 2016
52 Tổ chức và nhân sự niên độ 2015 - 2016
58 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
62 Tình hình tài chính
68 Cơ cấu cổ đông

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

- 72 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
74 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
76 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
82 Những thành tựu nổi bật niên độ 2015 - 2016
84 Kế hoạch phát triển niên độ 2016 - 2017

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty

- 88 Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của HĐQT
92 Báo cáo giám sát Ban Điều hành của HĐQT
94 Báo cáo hoạt động HĐQT trong niên độ 2015 - 2016
95 Phương hướng hoạt động của HĐQT niên độ 2016 - 2017



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 98 Hội đồng Quản trị
- 102 Ban Kiểm soát
- 106 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
- 114 Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty
- 114 Kế hoạch hành động và thành lập các tiểu ban chuyên trách thuộc HĐQT
- 116 Kế hoạch và mục tiêu cải thiện ma trận mức độ quản trị doanh nghiệp

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 124 Thông điệp phát triển bền vững
- 126 Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững
- 128 Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan
- 130 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
- 132 Nghiên cứu và phát triển sản phẩm đường Organic theo hướng bền vững
- 135 Xây dựng vùng nguyên liệu bền vững
- 140 Chương trình phòng vệ thực phẩm
- 141 Tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất
- 146 Tiêu thụ năng lượng
- 150 Nguồn nước và các vấn đề liên quan
- 154 Đánh giá tác động môi trường
- 160 Tuân thủ pháp luật
- 162 Công tác xã hội - công tác quan hệ cộng đồng & địa phương
- 168 Chỉ số xã hội
- 178 Danh mục đối chiếu G4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 191 Thông tin chung
- 193 Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- 194 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 196 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 199 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 200 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 202 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG điệp CỦA **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHÁT TRIỂN XANH - SẠCH & BỀN VỮNG
HƯỚNG VỀ CỘNG ĐỒNG**



**GIAI ĐOẠN 2016 - 2020,
CÔNG TY XÁC ĐỊNH
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CHIẾN LƯỢC CỐT LÕI
VÀ XUYỀN SUỐT LÀ
“XANH - SẠCH - PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG”**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM HỒNG DƯƠNG

Kính gửi Quý vị cổ đông!

Niên độ 2015 - 2016 đã khép lại ghi nhận kết quả rất đáng khích lệ đối với tập thể Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS), với tổng lợi nhuận trước thuế đạt hơn 310 tỷ đồng, vượt +41% so với kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra; quy mô tổng tài sản Công ty tăng trưởng đạt gần 7.000 tỷ đồng cùng giá trị vốn chủ sở hữu hơn 2.700 tỷ đồng, chính thức đứng vào Top 30 Công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất trên sàn chứng khoán TP.HCM (HOSE). Bên cạnh đó, TTCS tiếp tục ghi nhận mốc son mới trong lịch sử 21 năm hình thành và phát triển với tổng lượng đường cung ứng đạt hơn 245.000 tấn, là Công ty có sản lượng đường lớn nhất Việt Nam với thị phần hơn 16% toàn ngành.

Điều này khẳng định cam kết của Hội đồng Quản trị đã nêu trong Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Báo cáo thường niên năm tài chính 2014 - 2015: Tập thể Ban Lãnh đạo và Cán bộ nhân viên (CBNV) TTCS luôn nỗ lực đồng lòng, tư duy sáng tạo, tìm kiếm các giải pháp tối ưu để vượt qua chính giới hạn mục tiêu mà mình đặt ra, đó là nền tảng và động lực để TTCS liên tục phát triển.

Với các kết quả đạt được, TTCS đã vinh dự nhận được các giải thưởng Forbes 2016 Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam và nhiều giải thưởng danh giá khác như: Huân chương Lao động hạng Nhì, VNR 500, Top Brand... Đây tiếp tục sẽ là một trong những nguồn động lực tinh thần quý giá, hun đúc thêm niềm tin cho tập thể TTCS vững tin thực thi chiến lược 2016 - 2020.

Quý vị cổ đông thân mến!

Giai đoạn 2016 - 2020, Công ty xác định định hướng phát triển chiến lược cốt lõi và xuyên suốt là **“Xanh - Sạch - Phát triển bền vững”**.

Trong bối cảnh khí hậu toàn cầu thay đổi phức tạp, đã và đang gây nên những thiệt hại vô cùng to lớn đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và canh tác cây mía nói riêng, TTCS xác định phải tiên phong trong việc ứng dụng các nhóm giải pháp để đồng hành cùng người trồng mía tồn tại và phát triển trong điều kiện canh tác mới. Chính vì vậy, niên vụ 2016 - 2017 TTCS tập trung triển khai trên toàn bộ vùng nguyên liệu: Áp dụng các mô hình tưới mía hiệu quả - Cơ giới hóa đồng bộ để tăng năng suất cây mía - Tập trung nghiên cứu lai tạo giống mía phù hợp và đẩy mạnh liên kết, hợp tác quốc tế với Trung tâm nghiên cứu hàng đầu Châu Á và thế giới.

21 năm phát triển, trên cơ sở nền tảng vững chắc về công nghệ, hệ thống quản lý sản xuất khoa học và tác phong chuyên nghiệp của đội ngũ quản trị điều hành cùng lợi thế vùng nguyên liệu phát triển bền vững, TTCS hội đủ điều kiện để sẵn sàng bước sang giai đoạn tăng trưởng mới trên phạm vi khu vực và quốc tế.

310

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

7.000

TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

Bước sang niên vụ mới 2016 - 2017 - niên vụ mở đầu cho chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020, dù thị trường có những biến động mạnh, nhưng với sự chủ động chuẩn bị trong mọi hoạt động, đặc biệt thông qua hoạt động M&A với các công ty mục tiêu tiềm năng trong nước và quốc tế, TTCS tin tưởng rằng niên vụ này sẽ là niên vụ đánh dấu sự khởi đầu tốt đẹp, tạo ra sức bật mới cho một chu kỳ phát triển mới của Công ty.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, thay mặt Ban Lãnh đạo TTCS, Tôi gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông đã tin tưởng và ủng hộ TTCS trong suốt thời gian vừa qua. Tương lai sẽ có rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng với những định hướng rõ ràng về chiến lược phát triển bền vững gắn kết chặt chẽ với cộng đồng và người trồng mía, cùng với nội lực của tập thể được kết tinh qua một hành trình lao động miệt mài và đầy trách nhiệm, Tôi tin rằng TTCS sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc kế hoạch 2016 - 2017 và các năm tiếp theo. Công ty đề cao tính cam kết với tất cả các đối tác cùng tham gia trong chuỗi giá trị ngành với tâm thế sẻ chia và cộng hưởng để cùng phát triển; đặc biệt tôn chỉ **“Trách nhiệm của chúng ta (TTCS) là làm giàu cho nông dân”** để mang lại những giá trị bền vững cho Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và sự phát triển bền vững của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của ngành mía đường Việt Nam.

Tầm nhìn



Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện
hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Sức mạnh



Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe.

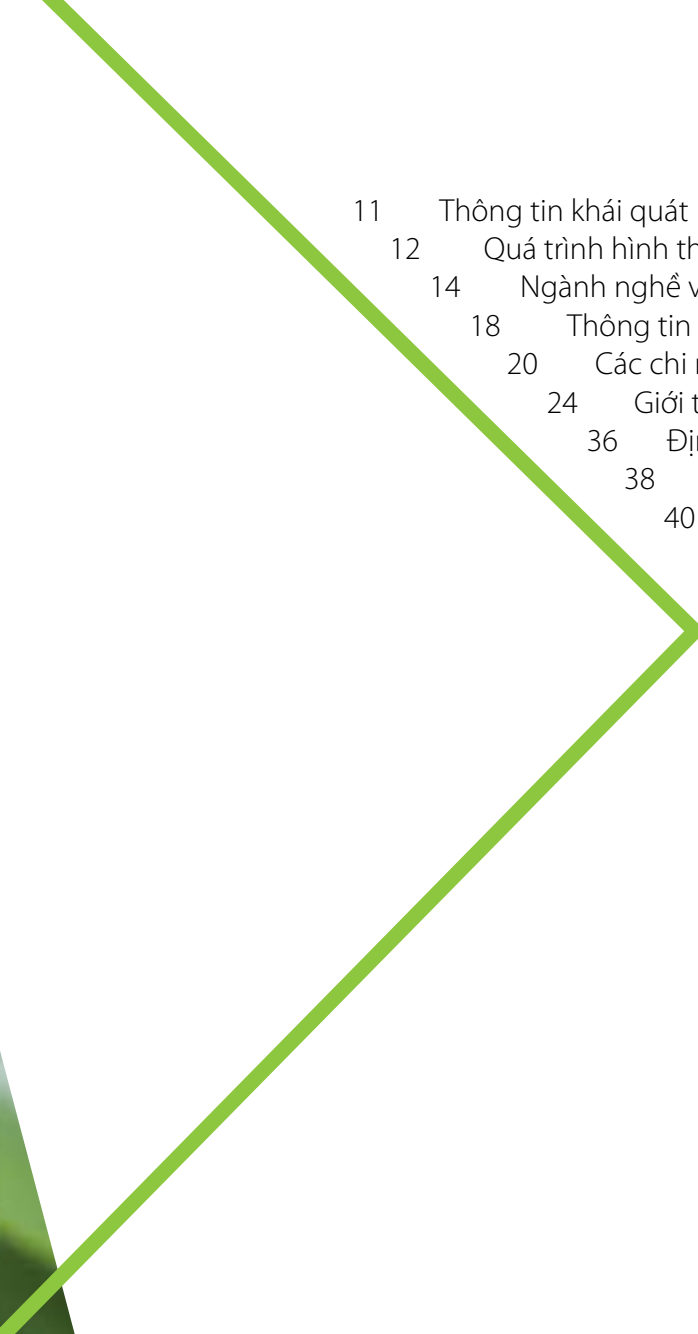
Giá trị cốt lõi

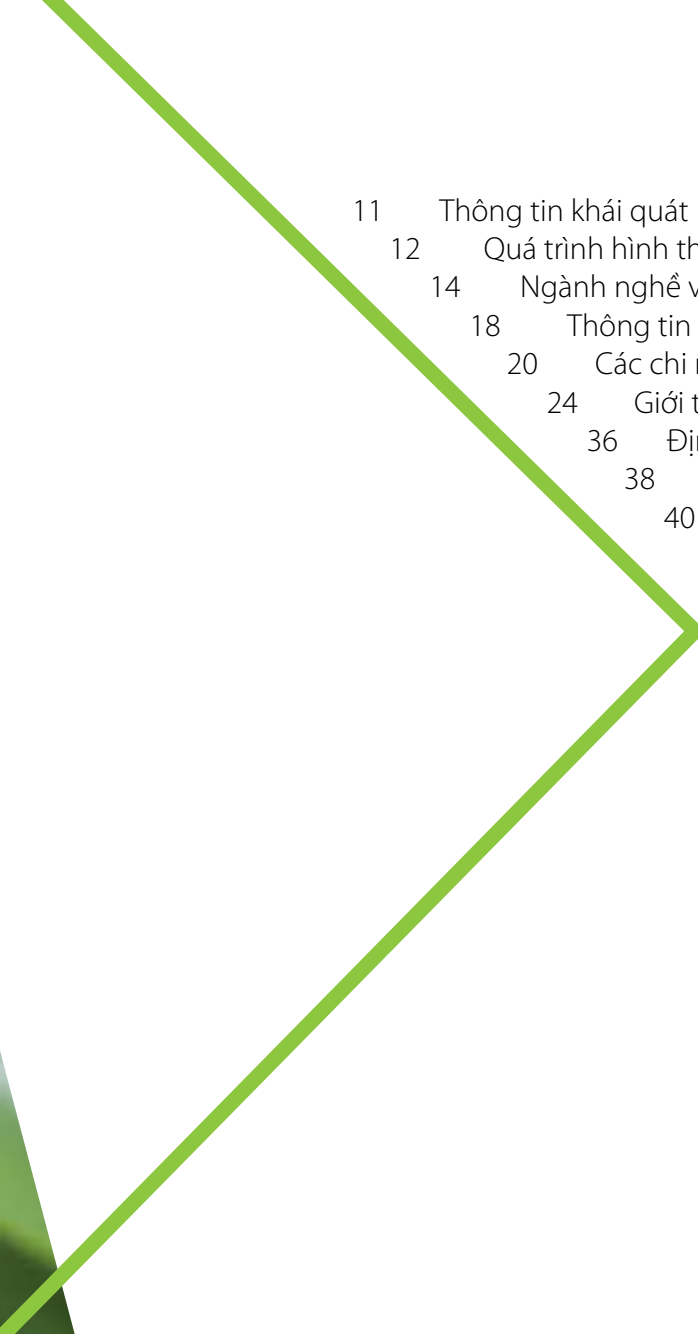


- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu.
- Nhân viên là tài sản.
- Nông dân là bạn đồng hành.
- Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng.
- Luôn là người tiên phong.

1

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 
- 11 Thông tin khái quát
 - 12 Quá trình hình thành và phát triển
 - 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - 18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - 20 Các chi nhánh và công ty con của Công ty
 - 24 Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
 - 36 Định hướng phát triển Công ty niên độ 2016 - 2017
 - 38 Phân tích SWOT
 - 40 Chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2016 - 2020
 - 44 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động



Khởi nguồn **TỪ THIÊN NHIÊN**



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH

Tên giao dịch: THANH THANH CONG TAY NINH JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **TTCS**

Mã chứng khoán: **SBT**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh cấp, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 18/7/2016

Vốn điều lệ: 1.947.610.330.000 đồng (Một nghìn chín trăm bốn mươi bảy tỷ sáu trăm mười triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)

CỔ ĐÔNG LỚN

(tính tới ngày 30/6/2016)

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
- Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư Thuận Thiên
- Market Vectors ETF Trust - Market Vectors Vietnam ETF

THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Trụ sở chính: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: 066.3753.250
- Fax: 066.3839.834
- Website: <http://www.ttcsugar.com.vn>
- Email: ttcs@ttcsugar.com.vn

CÔNG TY KIỂM TOÁN

- Tên công ty: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 28, tòa nhà Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: 08 3824 5252
- Fax: 08 3824 5250

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2010

Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của Công ty.



2008

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT



2011

Lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy Bourbon Tây Ninh triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã chính thức hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí kế hoạch của dự án. Nhà máy chính thức đưa vào hoạt động với công suất 9.000 tấn trong vụ ép 2011-2012.



2009

Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.



1995

Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh (nay là CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh) thành lập ngày 15/07/1995 do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp. Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng Công ty Mía đường II và Công ty Mía đường Tây Ninh.



2012

Nhà máy Bourbon Tây Ninh tiếp tục triển khai dự án nâng công suất ép từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2012-2013. Bên cạnh đó, nhà máy cũng đã hoàn thành dự án Affinage (xưởng hòa tan đường thô), đã đưa vào sử dụng tháng 12/2012, góp phần làm gia tăng sản lượng đường RE - vốn là sản phẩm chủ lực của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường.



2013

Quý III năm 2013, Công ty phát hành thành công 6.574.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và tăng vốn điều lệ lên 1.485.000.000.000 đồng. Ngày 02/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 13 cho Công ty. Theo đó, Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh sang tên mới là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Công Tây Ninh (TTCS).



2014

Công ty vinh dự được Bộ Y tế công nhận sản phẩm đạt danh hiệu Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam 2014. Cùng với sự phát triển không ngừng về quy mô, hoạt động và xu hướng của nền kinh tế, Công ty tiến hành các thủ tục sáp nhập Công ty với Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai nhằm mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh.



2015

Ngày 22/10/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 đánh dấu cột mốc Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai sáp nhập vào TTCS, đồng thời vốn điều lệ của Công ty cũng được nâng lên 1.856.423.580.000 đồng giúp Công ty trở thành doanh nghiệp mía đường lớn nhất niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Năm 2015 cũng là năm Công ty tròn 20 tuổi, đánh dấu 20 năm hình thành phát triển với những đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.



2016

Lần đầu tiên Công ty phát hành gói trái phiếu 1.000.000.000.000 đồng góp phần giúp ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn, tái cấu trúc hệ thống tài chính. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát hành thêm 9.118.675 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận những đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty. Thông qua đợt phát hành này vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.947.610.330.000 đồng, giúp cho Công ty ổn định nguồn tài chính để triển khai những dự án trong giai đoạn 2016-2020.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỶ SUẤT TRÊN TỔNG DOANH THU NĂM 2013 (%)	TỶ SUẤT TRÊN TỔNG DOANH THU NĂM 2014 (%)	TỶ SUẤT TRÊN TỔNG DOANH THU NĂM 2015 (%)
01	1072	Sản xuất đường	82,8	89,6	90,4
02	1079	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường	14,5	8,6	8,3
03	3510	Sản xuất điện thương phẩm	2,7	1,8	1,3

Thông tin về chất lượng sản phẩm của TTCS

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM
Đường trắng cao cấp MIMOSA Premium White Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.7 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.07 - Màu (Icumsa) ≤ 70 - Tro (% w/w) ≤ 0.07 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.1 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 10	Đường trắng cao cấp Mimosa là sản phẩm có tiêu chuẩn cao cấp và là sản phẩm RS có chất lượng tốt nhất trên thị trường đối với phân khúc RS. Sản phẩm phù hợp với các khách hàng công nghiệp bao gồm: Bánh kẹo, thực phẩm, sữa,...
Đường tinh luyện tiêu chuẩn MIMOSA Standard Refined Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.8 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.04 - Màu (Icumsa) ≤ 60 - Tro (% w/w) ≤ 0.03 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.05 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện tiêu chuẩn, được sử dụng sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thực phẩm/ đồ uống trên thị trường.
Đường tinh luyện cao cấp MIMOSA Premium Refined Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.8 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.04 - Màu (Icumsa) ≤ 30 - Tro (% w/w) ≤ 0.02 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.03 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện cao cấp, phù hợp với các tiêu chuẩn sản xuất cao của hầu hết các khách hàng sản xuất trong các ngành hàng như: Thực phẩm, nước giải khát, bánh kẹo, sữa kem,...
Đường tinh luyện đặc biệt MIMOSA Special Refined Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.9 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.05 - Màu (Icumsa) ≤ 20 - Tro (% w/w) ≤ 0.03 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.03 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện đặc biệt phục vụ cho các khách hàng cao cấp trong ngành công nghiệp như: Dược phẩm, nước giải khát, có yêu cầu cao về đặc tính kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế như đường không bị kết tủa sau khi đóng chai của các sản phẩm nước giải khát.
Đường tinh luyện thượng hạng MIMOSA Super Refined Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.9 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.04 - Màu (Icumsa) ≤ 10 - Tro (% w/w) ≤ 0.01 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.03 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường có độ tinh khiết cao, phục vụ và đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất của các khách hàng công nghiệp cũng như cho người tiêu dùng trực tiếp.
Đường tinh luyện hạt nhuyển MIMOSA Caster Refined Sugar	- Pol (OZ) ≥ 99.8 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.05 - Màu (Icumsa) ≤ 30 - Tro (% w/w) ≤ 0.035 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.035 - SO₂ (mg/ kg) ≤ 2	Phục vụ nhóm khách hàng cao cấp, có yêu cầu cao về đường kính hạt đường nhỏ để chế biến như: Cà phê hòa tan, trà hoặc dược phẩm.
Đường tinh luyện thượng hạng TSU EXTRA PREMIUM	- Pol (OZ) ≥ 99.90 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.04 - Màu (Icumsa) ≤ 15 - Tro (% w/w) ≤ 0.01 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.03	Cô đọng vị ngọt thuần khiết tự nhiên từ mía, qua công nghệ tinh luyện đường hiện đại bậc nhất đến từ Châu Âu, TSU Extra Premium xứng danh là bí quyết cho vị ngọt lành thuần khiết trong từng món ăn, thức uống cho gia đình bạn.
Đường tinh luyện cao cấp TSU PREMIUM	- Pol (OZ) ≥ 99.80 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.04 - Màu (Icumsa) ≤ 30 - Tro (% w/w) ≤ 0.02 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.03	Sản xuất với công nghệ tinh luyện đường hiện đại bậc nhất đến từ Châu Âu, TSU Premium là đường tinh luyện siêu sạch đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế vì sức khỏe trong từng món ăn, thức uống cho gia đình bạn.
Đường trắng cao cấp TSU FAMILY	- Pol (OZ) ≥ 99.80 - Ẩm (% w/w) ≤ 0.05 - Màu (Icumsa) ≤ 70 - Tro (% w/w) ≤ 0.04 - Đường khử (% w/w) ≤ 0.1	Được sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt, TSU Family xứng đáng là sản phẩm đại diện cho những chuẩn mực về chất lượng, lựa chọn phù hợp nhất đáp ứng mọi nhu cầu vị ngọt cuộc sống hàng ngày.
Nước uống hương mía Miaqua	Nước cất trực tiếp từ quá trình tinh luyện mía đường	Được sản xuất từ dây chuyền hiện đại, sản phẩm nước uống hương mía Miaqua là sản phẩm nước tinh khiết không màu và hóa chất với hương mía đặc trưng từ quá trình luyện đường sẽ làm thỏa mãn mọi cơn khát của bạn.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của TTCS trong 3 năm 2013, 2014 và 2015, bao gồm miền Đông Nam Bộ, miền Bắc, miền Trung, khu vực TP.HCM và một phần xuất khẩu.

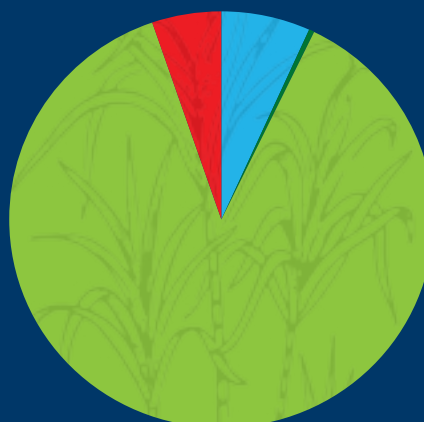
Khu vực, thị trường	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Miền Bắc	5,3%	6,8%	5,6%
Miền Trung	0,8%	0,2%	0,7%
Miền Nam	89,2%	87,4%	87,3%
Xuất khẩu	4,7%	5,6%	6,3%

2013



■ MIỀN BẮC **5,3%**
■ MIỀN TRUNG **0,8%**
■ MIỀN NAM **89,2%**
■ XUẤT KHẨU **4,7%**

2014



■ MIỀN BẮC **6,8%**
■ MIỀN TRUNG **0,2%**
■ MIỀN NAM **87,4%**
■ XUẤT KHẨU **5,6%**

2015



MIỀN BẮC

5,6%



MIỀN TRUNG

0,7%



MIỀN NAM

87,3%



XUẤT KHẨU

6,3%

Phú Quốc

Phú Quý

Quần đảo Trường Sa

Quần đảo Hoàng Sa

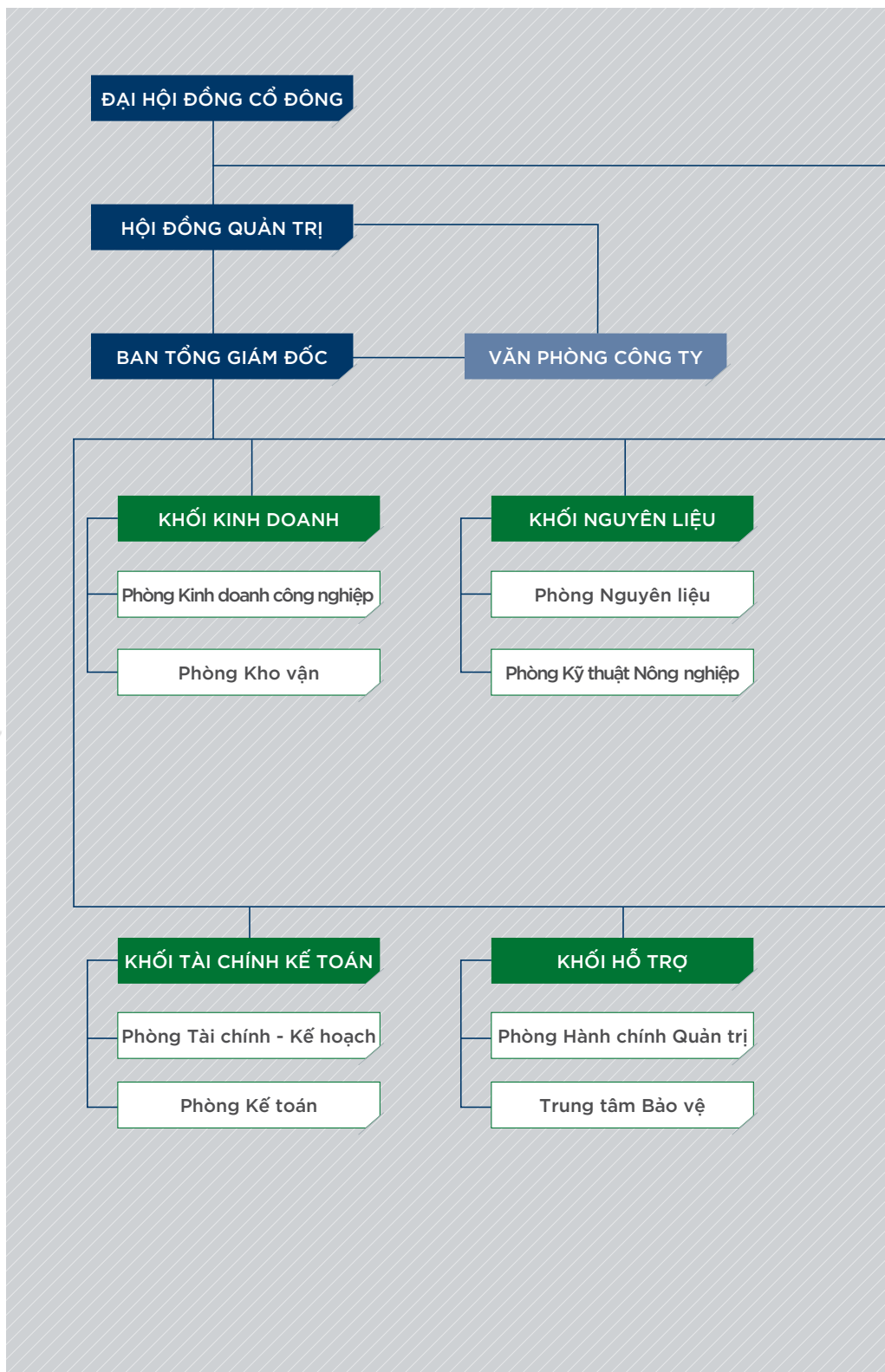
Côn Đảo

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

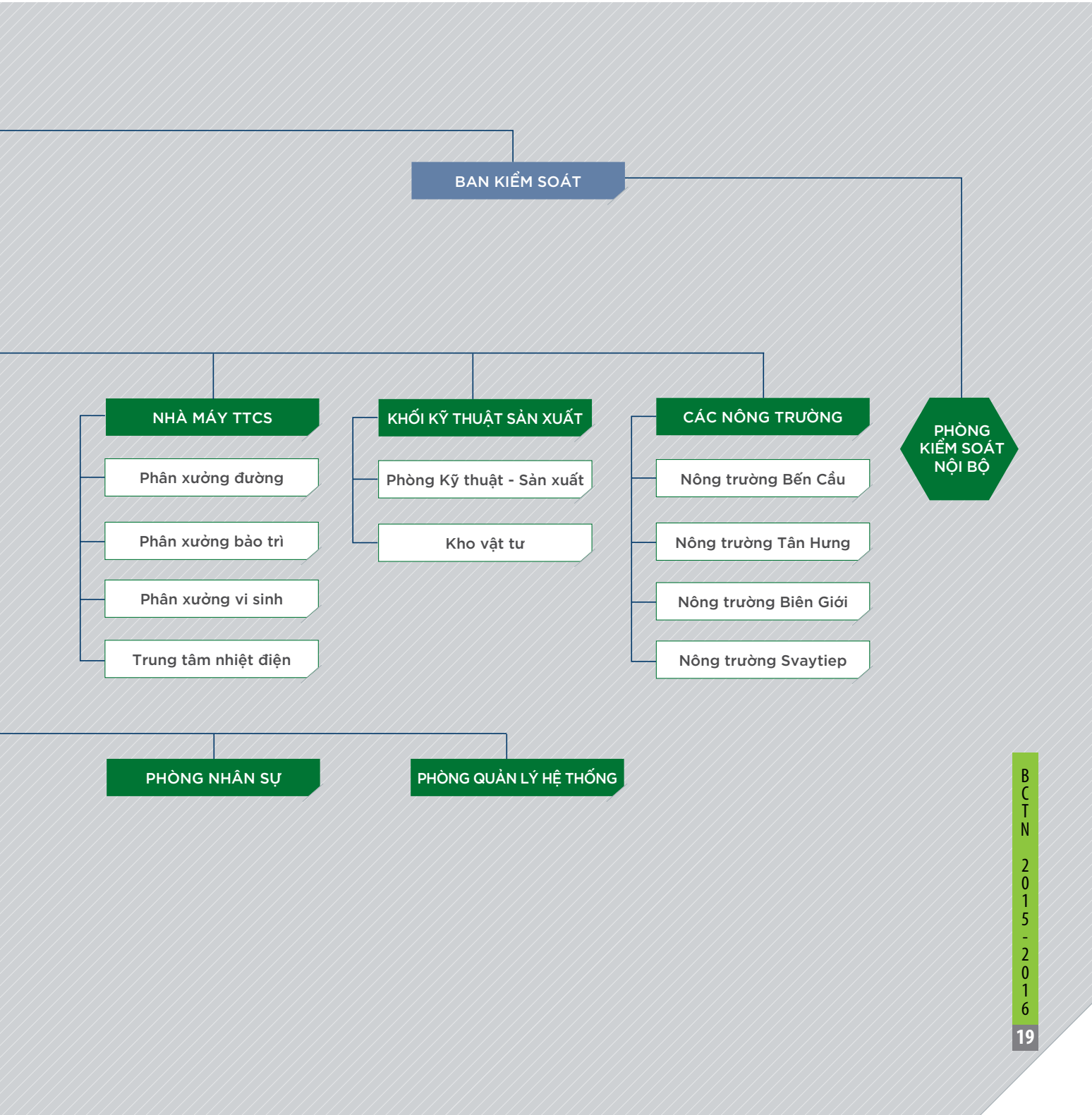
CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các khối: Khối Kinh doanh, Khối Tài chính - Kế toán, Khối Kỹ thuật - Sản xuất, Khối Nguyên liệu, Khối Hỗ trợ
- Đơn vị sản xuất: Nhà máy TTCS
- Phòng ban chức năng: 18



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



CÁC CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY

CÁC CHI NHÁNH



VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI TTCS

Địa chỉ: Lầu 1, số 62 Trần Huy Liệu, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại: 086.2926.918 - 086.2926.919

Fax: 086.2926.920



KHO ĐƯỜNG TẠI TP.HCM

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công, KCN Tân Bình, Quận Tân Bình, TP.HCM



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.3823.843



NÔNG TRƯỜNG TTC TÂN HƯNG

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.3753.802



NÔNG TRƯỜNG TTC BẾN CẦU

Địa chỉ: Xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.3760.828

Fax: 066.3760.828

NÔNG TRƯỜNG BIÊN GIỚI

Địa chỉ: Xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

NÔNG TRƯỜNG SVAYTIEP

Địa chỉ: Huyện SvayTiep, tỉnh SvayRieng, Vương quốc Campuchia



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI THÀNH THÀNH CÔNG PLAZA

Giấy phép Kinh doanh số:

45121000278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013

Địa chỉ:

217-219 đường 30/4, KP3, P. 2, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt:

TTCP

Mục tiêu và quy mô dự án:

Trung tâm thương mại-Trung tâm hội nghị, tiệc cưới, văn phòng làm việc, khách sạn

Ngành nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh Trung tâm thương mại, hội nghị và tiệc cưới, văn phòng, khách sạn

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI

Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 02 tháng 8 năm 2007.

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

Tên viết tắt: TTCS Gia Lai

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất đường và sản phẩm phụ sau đường

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 100% vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Giấy phép Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

Tên viết tắt: TTCS Gia Lai

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện và truyền tải điện

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 100% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CỐN THÀNH THÀNH CÔNG

Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: TTCE

Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất Cồn thực phẩm 100.000 lít/ngày, tương đương 21 triệu lít/năm; Sản xuất CO₂ 17.000 tấn/năm

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất cồn và sản phẩm phụ sau cồn

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 90% vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH TƯ NHÂN ĐẦU TƯ TSU

Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 844/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Địa chỉ: 60, Paya Lebar Road, Paya Lebar Square #10-51, Singapore 409051

Mục tiêu hoạt động: Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường; Mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới...

Tổng vốn đầu tư: 12.640.000 USD (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đô la Mỹ)

CÁC CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY

(tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH THÀNH CÔNG

Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (TTCIZ) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê đất khu công nghiệp

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 49% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG

Thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính đặt tại số 99, ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 62% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NƯỚC TRONG

Giấy phép Kinh doanh số 3900243272-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 05 năm 2016

Địa chỉ: Ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Tên viết tắt: NUTROJSCO

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất đường cát trắng (RS) và trồng cây mía.

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 23,95% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Giấy phép kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/02/2016

Địa chỉ: Số 19, Võ Thị Sáu, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: Tanisugar JSC

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây cao su; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất đường; Bán buôn thực phẩm, cụ thể: Đường, sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc,...

Tổng vốn đầu tư: 39,2% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT TÂY NINH

Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tân Hội 1, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: Tanichem

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất Sorbitol sử dụng nguyên liệu chính từ khoai mì

Tổng vốn đầu tư: 21,96% vốn điều lệ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông

PHẠM HỒNG DƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Dương trải qua 17 năm gắn bó và cống hiến, với tinh thần không ngừng học hỏi và phát triển bản thân, ông luôn nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ Ban Lãnh đạo và đồng nghiệp để đảm đương các vị trí quan trọng trong lĩnh vực quản trị và điều hành. Ngày 27/02/2015, ông chính thức trở thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị TTCS. Sau hơn một năm dưới sự lãnh đạo, định hướng của ông và các TV.HĐQT, Công ty có nhiều bước chuyển mình tích cực nổi bật, TTCS trở thành một trong những Công ty thuộc Top 30 vốn hóa tại sàn HOSE trên cơ sở định hướng chiến lược xác lập rõ ràng củng cố nội lực để vươn tầm khu vực và quốc tế, đồng thời không ngừng phát triển và phục vụ người tiêu dùng Việt Nam ngày một tốt hơn.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ Quản trị sản xuất

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 27/02/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 2014 - 30/06/2015: TV.HĐQT CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai
- Từ 2013 - 30/06/2015: TV.HĐQT CTCP Sản xuất - Thương mại Bao bì Thành Thành Công
- Từ 2012 - 30/06/2015: TV.HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- Từ 2011 - 2012: PTGD Kỹ thuật CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 2009 - 2011: Giám đốc nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh



Ông

LÊ VĂN DĨNH

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị -

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Văn Đình với bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm công tác trong ngành mía đường, ông được đánh giá là chuyên gia hàng đầu của ngành Mía đường Việt Nam. Ông tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty với vai trò thành viên độc lập, đảm đương vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông hỗ trợ công tác tham vấn về Kỹ thuật cho hệ thống nhà máy của TTC, đảm bảo sự vận hành của nhà máy đạt được hiệu quả tốt nhất, mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm đường đạt chất lượng Quốc tế. Hiện ông Lê Văn Đình là thành viên danh dự của nhiều Tổ chức, Hiệp hội và Diễn đàn Mía đường uy tín thế giới.



Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Công nghệ (1954 - 1960)

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 1994 - nay: Sáng lập viên và TV.HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 1975 - 1981: Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa
- Từ 1960 - 1975: Giám đốc Nha Kỹ thuật & Khai thác (Công ty Đường Việt Nam), Trưởng Nhà máy Lọc đường Biên Hòa

Bà

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 2/2015 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 4/2012 - 2/2015: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 7/2009 - 12/2012: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Từ 7/2007 - 7/2009: PTGD Thường trực CTCP Sản xuất - Thương mại Thành Thành Công



- Từ 12/2006 - 7/2007: Phó Giám đốc Điều hành CTCP Sản xuất - Thương mại Thành Thành Công

Bà Đặng Huỳnh ỨC MY tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh, với kinh nghiệm quản lý điều hành tại các công ty quy mô lớn như TGD CTCP Đầu tư TTC, Chủ tịch HĐQT TTC và với nhân quan chiến lược sắc bén cùng kiến thức hiểu biết sâu rộng ngành Mía đường Việt Nam đã góp phần quan trọng đưa TTC vượt qua những khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành mía đường nói riêng đồng thời gặt hái được nhiều thành tựu mới. Trong giai đoạn phát triển chiến lược 2016-2020, bà Đặng Huỳnh ỨC MY tiếp tục được tin nhiệm phân công phụ trách các mảng ứng dụng CNTT trong hoạt động Công ty, đồng thời góp phần thực thi chiến lược đưa TTC vươn tầm khu vực và Châu Á.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thành Thành Công.
- Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Bến Tre.

Bà

PHẠM THỊ THU TRANG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Thu Trang với hơn 10 năm kinh nghiệm với vai trò quản lý cấp trung và cao cấp tại các công ty hàng đầu Việt Nam, am hiểu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị tài chính, xây dựng và điều hành kế hoạch. Trong năm vừa qua, với sự hỗ trợ của bà, TTCS đã có những bước đi vững chắc trong việc tái cấu trúc Công ty và hoạch định chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh vai trò TV.HĐQT bà còn đang đảm nhiệm các vị trí quản lý tại tổ chức khác như: Phó Chủ tịch Ủy ban Mía đường TTC, TV.HĐQT CTCP Thương mại Thành Thành Công, TV.HĐQT CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công. Với kinh nghiệm và năng lực của mình, bà Thu Trang sẽ góp phần rất lớn giúp TTCS hoàn thiện và củng cố các hoạt động thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán ngày càng hiệu quả hơn.



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế ngoại thương; Thạc sĩ Kinh tế phát triển

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 19/12/2015 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 10/2010 - nay: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Tài chính; Trưởng phòng Kế hoạch; Phó Tổng Giám đốc Khối Kế hoạch - Đầu tư CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Từ 2007 - 2009: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch và Nghiên cứu phát triển CTCP Tập đoàn Mai Linh
- Từ 2005 - 2007: Quyền Trưởng phòng Dịch vụ Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp TP. HCM
- Từ 2003 - 2005: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Khu vực miền Nam CTCP Mai Linh

Ông

NGUYỄN QUỐC VIỆT

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 19/12/2015 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 8/2014 - 7/2016: Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Mía đường Phan Rang
- Từ 8/2014 - 9/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa phụ trách nhà máy Biên Hòa - Tây Ninh



- Từ 01/2013 - 8/2014: TV.HĐQT, Giám đốc CTCP Mía đường Phan Rang

Bằng sự trải nghiệm và am hiểu lĩnh vực nông nghiệp mía đường Việt Nam trong vai trò quản lý cấp cao tại nhiều nhà máy đường trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên & Đồng Nam Bộ, ông Nguyễn Quốc Việt đã góp phần quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguyên liệu của Công ty giai đoạn 2016 - 2020, thúc đẩy các chương trình ứng dụng các mô hình canh tác hiện đại, bền vững trên toàn vùng nguyên liệu. Trên cơ sở năng lực và tính tin nhiệm của mình, hiện nay ông Việt còn đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các công ty do TTCS tham gia góp vốn như Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường Nước Trong, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh, TV.HĐQT CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công.



GIỚI THIỆU **BAN KIỂM SOÁT**



Bà

NGUYỄN THÙY VÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Vân tham gia Ban Kiểm soát TTCS từ năm 2012 đến nay, với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác Kế toán - Tài chính - Đầu tư, bà Nguyễn Thùy Vân là một trong những người rất am hiểu chuyên sâu về lĩnh vực đang hoạt động đặc biệt lĩnh vực mía đường. Thời gian qua, với vai trò Trưởng Ban Kiểm soát TTCS, bà đã có rất nhiều đóng góp trong việc xây dựng và ban hành hệ thống kiểm soát hiệu quả trên cơ sở đảm bảo cao nhất tính tuân thủ, nhằm bảo vệ hơn nữa lợi ích nhà đầu tư, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông. Hiện tại bà đang giữ vị trí Trưởng BKS CTCP Đầu tư Thành Thành Công, Thành viên BKS CTCP Đường Biên Hòa và Thành viên BKS CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 2011 - 2012: Phó TGD CTCP Kho vận Thiên Sơn
- Từ 2009 - 2011: Phó GD Sàn Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
- Từ 2008 - 2009: Trưởng phòng Giao dịch Hàng hóa CTCP Đầu tư Tín Việt
- Từ 2004 - 2007: Trưởng Phòng Tài chính CTCP Vinamit



Ông

HUỖNH THÀNH NHÂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Thành Nhân với vai trò là Thành viên BKS của Công ty, ông đã đóng vai trò tích cực trong việc giám sát các công tác quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán,... của Công ty. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Trà Phú, Kiểm soát viên CTCP Đường Nước Trong, Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Tây Ninh.



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế, Chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 18/12/2015 - nay: Kiểm soát viên CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 7/2015 - nay: Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Từ 10/2010 - 6/2015: Kiểm toán viên chính tại CTTNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Ông

NGUYỄN XUÂN THANH

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 18/12/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 11/2014 - nay: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ CTTNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.



- Từ 9/2011 - 10/2014: Kế toán trưởng CTCP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
- Từ 9/2009 - 8/2011: Kế toán trưởng CTCP Ayun Thượng

Ông Nguyễn Xuân Thanh với hơn 20 năm kinh nghiệm và thực tế trong lĩnh vực tài chính - kế toán, quản lý dự án... đã hỗ trợ BKS hoàn thành công tác giám sát công tác kế toán, cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đảm bảo các quyết định của HĐQT và BTGD là phù hợp với pháp luật, với các nghị quyết của ĐHĐCĐ và bảo vệ lợi ích của các cổ đông. Hiện tại, ông còn hỗ trợ Hội đồng Quản trị TTCS kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai thông qua vai trò Kiểm soát viên.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông

NGUYỄN THANH NGỮ

Tổng Giám đốc

Trên cơ sở những thành tích nổi bật đạt được khi giúp TTCS 2 năm liên tiếp hoàn thành xuất sắc mục tiêu ĐHĐCĐ giao phó, TTCS vinh dự 2 năm liên tiếp được Forbes Việt Nam bầu chọn Top 50 trên sàn HOSE, năm vừa qua ông Nguyễn Thanh Ngữ vinh dự được tạp chí uy tín hàng đầu thế giới Forbes bình chọn là một trong "30 Under 30" tại Việt Nam. Bên cạnh những thành tích cá nhân nổi bật về hoạt động kinh doanh của Công ty, ông tiếp tục khẳng định năng lực lãnh đạo của mình trong việc tham gia tích cực cùng Hội đồng Quản trị xây dựng và hoạch định chiến lược 2016 - 2020, trong đó đặt trọng tâm chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững và thị trường vươn tầm khu vực, củng cố thị phần hàng đầu Việt Nam hiện nay. Hiện tại, ông hiện còn giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các Công ty do TTCS góp vốn đầu tư như:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Mía đường Tây Ninh.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Cao su Nước Trong.
- Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Đường Nước Trong.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Khoai mì Tây Ninh.
- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tapioca Việt Nam.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 01/11/2014 - nay: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 5/2014 - 31/10/2014: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
- Từ 01/2013 - 3/2014: Phó TGD Thường trực CTCP Đường Ninh Hòa
- Từ 4/2012 - 01/2013: Phó Chánh văn phòng CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Ông
NGUYỄN VĂN ĐỆ
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đệ với những kiến thức chuyên sâu về Quản trị tài chính, Hoạch định ngân sách, Thẩm định dự án,... Ông gia nhập TTCS từ năm 2012 và liên tục mang lại cho Công ty những kết quả hoạt động tài chính tích cực và nền tảng vững chắc trên thị trường vốn. Với năng lực đã được khẳng định, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tin tưởng giao nhiệm vụ để ông phụ trách toàn bộ mảng kinh doanh và đầu tư của TTCS tại Singapore thông qua vai trò Giám đốc Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU, đồng thời ông cũng đảm nhiệm vai trò TV.HĐQT CTCP SX-TM Cổn Thành Thành Công.



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 8/2015 - nay: PTGD CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
 - Từ 1/2015 - 8/2015: PTGD thường trực CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
 - Từ 7/2013 - 12/2013: PTGD Tài chính CTCP Bourbon Tây Ninh
 - Từ 4/2012 - 7/2012: Phó Giám đốc Tài chính CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 8/2007 - 4/2012: Trưởng phòng Tài chính Công ty Sacomreal

Bà
DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 13/10/2014 - nay: Phó TGD Kinh doanh CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 12/2013 - 20/01/2015: Giám đốc Thương mại CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh



- Từ 10/2010 - 12/2013: Giám đốc Thương mại CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 2007 - 09/2010: Phòng thị trường và Kinh doanh CTCP NIVL

Hơn 20 năm kinh nghiệm kinh doanh các sản phẩm đường đã giúp bà Dương Thị Tô Châu có nhiều lợi thế trong việc am hiểu đặc điểm diễn biến ngành đường Việt Nam, đồng thời kết hợp mạng lưới các đối tác khách hàng rộng khắp đã giúp bà Dương Thị Tô Châu là một trong những nhân sự kinh doanh hàng đầu ngành mía đường Việt Nam hiện nay. Bằng năng lực và niềm đam mê kinh doanh của mình, bà Dương Thị Tô Châu đã từng bước xây dựng và hiện thực hóa chiến lược kinh doanh mà HĐQT đã phê duyệt, và hoàn thành vượt chỉ tiêu do Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đặt ra.

Ông

NGUYỄN VIỆT HÙNG

Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu

Trên cương vị lãnh đạo khối Nguyên liệu, với kinh nghiệm hơn 20 năm gắn bó với lĩnh vực nông nghiệp và với định hướng phát triển phù hợp với từng giai đoạn ngành đường Việt Nam. Trong năm vừa qua, ông đã triển khai thành công nhiều nhóm giải pháp chiến lược, mang tính bền vững và dài hạn giúp Công ty mở rộng vùng nguyên liệu sang các khu vực đầy tiềm năng để mở rộng diện tích như Long An, Bình Phước, Campuchia,... Bên cạnh đó, ông cũng đề xuất các chính sách xây dựng nông trường kiểu mẫu, cơ giới hóa toàn diện từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch tiến tới việc TTCS chủ động xây dựng vùng nguyên liệu bền vững.



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 15/11/2015 - nay: Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 10/11/2014 - 15/11/2015: Giám đốc khối Nông nghiệp CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 01/08/2014 - 10/11/2014: Quyền Giám đốc khối Nông nghiệp CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 02/12/2013 - 01/8/2014: Phó Giám đốc Nông nghiệp CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 07/11/2013 - 02/12/2013: Phó Giám đốc Nông nghiệp CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 7/2013 - 11/2013: Giám đốc Nông trường Thành Long, CTCP đường Biên Hòa
- Từ 3/2013 - 7/2013: Phó Giám đốc phụ trách phòng Nhân sự Nhà máy đường Biên Hòa Tây Ninh
- Từ 6/2006 - 3/2013: Phó Giám đốc Nông nghiệp Nhà máy đường Biên Hòa Tây Ninh
- Từ 6/1998 - 2006: Phó phòng, Trưởng phòng Nguyên liệu Nhà máy đường Biên Hòa Tây Ninh

Là một trong những học viên đầu tiên của Chương trình hạt giống lãnh đạo IPL của PACE, bà Hồ Nguyễn Duy Khương đã từng bước khẳng định được năng lực vượt trội của bản thân khi đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các đơn vị: CTCP Đường Biên Hòa, CTCP Du lịch Thành Ngọc (Đà Lạt)... Trên cơ sở đó, bà Hồ Nguyễn Duy Khương được Hội đồng quản trị bổ nhiệm vai trò Phó Tổng Giám đốc Hỗ trợ kiêm Chánh văn phòng Công ty. Với kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm công tác trong lĩnh vực hỗ trợ, bà có nhiều sáng kiến cải tiến giúp tiết giảm chi phí quản lý, cải thiện phúc lợi cho CBNV và tăng cường công tác đối ngoại với các tổ chức đoàn thể, cơ quan chính quyền địa phương.

Bà

HỒ NGUYỄN DUY KHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc Hỗ trợ

(Thôi nhiệm chức danh P.TGD Hỗ trợ từ ngày 01/06/2016)

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 20/12/2015 - 01/6/2016: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh văn phòng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh



- Từ 15/7/2015 - 19/12/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 01/12/2014 - 15/7/2015: Giám đốc khối kiêm Chánh văn phòng CTCP Đường Biên Hòa
- Từ 01/3/2014 - 31/12/2014: Chánh văn phòng HĐQT kiêm Chánh văn phòng TGD CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 05/9/2012 - 30/6/2014: Chánh văn phòng CTCP Đường Biên Hòa
- Từ 01/7/2011 - 04/9/2012: Chánh văn phòng Hội đồng Quản trị CTCP Thành Ngọc; TV.HĐQT CTCP Công nghiệp Lâm Đồng; thành viên Ban Kiểm soát CTCP Nước khoáng Khánh Hòa

Bà

NGUYỄN THỊ THU TRANG

Quyền Giám đốc Khối Hỗ trợ

(Bổ nhiệm Quyền Giám đốc Khối Hỗ trợ từ ngày 18/4/2016)

Bà Nguyễn Thị Thu Trang trải qua nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại TTCS và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Thư ký - Phiên dịch Tổng Giám đốc, Trợ lý Giám đốc, Trưởng phòng Hành chính, Phó Giám đốc Hỗ trợ. Vì thế, bà am hiểu sâu sắc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời có nhiều cơ hội tiếp cận và nắm rõ những cơ chế quy trình quản lý hành chính. Với năng lực vượt trội, bà được Ban Lãnh đạo tin tưởng để cử nắm giữ chức vụ Quyền Giám đốc Khối Hỗ trợ vào tháng 4/2016.



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Ngữ văn

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 4/2016 - nay: Quyền Giám đốc Khối Hỗ trợ
- Từ 4/2015 - 3/2016: Phó Giám đốc Hỗ trợ
- Từ 9/2009 - 3/2015: Trưởng phòng Hành chính CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 9/2008 - 9/2009: Trợ lý Giám đốc Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 2003 - 2008: Thư ký - Phiên dịch Tổng Giám đốc CTCP Bourbon Tây Ninh

Bà
NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Giám đốc Tài chính

Với hơn 20 năm phụ trách công tác kế toán tại Công ty Bourbon Tây Ninh, nay là CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh, bà Nguyễn Thị Thủy Tiên là một trong những nhân sự chủ chốt và am hiểu sâu sắc hoạt động tài chính của Công ty. Bằng những nỗ lực không ngừng bà được Ban Lãnh đạo tin tưởng, bổ nhiệm vào nhiều vai trò quan trọng như Kế toán trưởng và hiện tại là Giám đốc Tài chính. Trong năm 2016, bà cùng tập thể CBNV Khối Tài chính - Kế toán đã hoàn thành xuất sắc việc phát hành thành công gói trái phiếu 1.000 tỷ đồng, phát hành hơn 9 triệu cổ phiếu ESOP cho CBNV góp phần giúp



Công ty ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn, tái cấu trúc hệ thống tài chính.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh
- Thành viên HĐQT CTCP KCN Thành Thành Công

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán ĐH Kinh tế TP. HCM, Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (Minta)

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 16/07/2016 - nay: Giám đốc Tài chính CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 20/01/2015 - 16/7/2015: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 10/2007 - 20/01/2015: Kế toán trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Ông
LÊ ĐỨC TÔN
Giám đốc Nhà máy

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Hóa công nghệ

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 01/01/2015 - nay: Giám đốc Nhà máy CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 8/2013 - 12/2014: Phó Giám đốc Nhà máy CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh



- Từ 9/2009 - 07/2013: Trưởng phòng Sản xuất CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 12/2007 - 08/2009: Phó phòng Sản xuất CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 3/2004 - 11/2007: Trưởng ca Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 8/1996 - 02/2004: Phó ca sản xuất - Phía sau CTCP Bourbon Tây Ninh
- Từ 1990 - 7/1996: Quản đốc tại Xí nghiệp Chế biến Cao su Tây Ninh





Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP.HCM, sau đó gia nhập gia đình CTCP Bourbon Tây Ninh (tiền thân của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh) từ những ngày đầu phát triển, ông Lê Đức Tôn đã có nhiều đóng góp giá trị trong việc cải thiện hiệu suất hoạt động của Nhà máy TTCS, đặc biệt dự án nâng cấp nhà máy từ 8.000 TMN lên 9.800 TMN hiện nay. Trải qua thời gian thử thách trên cương vị Phó Giám đốc Nhà máy, ông đã được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm vai trò Giám đốc phụ trách toàn bộ hoạt động của Nhà máy TTCS và tham mưu về mặt kỹ thuật của các công ty trong hệ thống. Trong năm 2015 - 2016 vừa qua, dưới sự quản lý và điều hành của ông, nhà máy đường TTCS đã lần đầu tiên luyện thành công hơn 105.000 tấn đường thô, trở thành công ty có sản lượng đường sản xuất lớn nhất cả nước.

Ông LÊ PHÁT TÍN Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- Từ 16/7/2015 - nay: Kế toán trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 5/2013 - 15/7/2015: Phó phòng Kế toán CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh



- Từ 9/2006 - 5/2013: Làm việc tại CTCP Sữa Việt Nam
- Từ 02/2006 - 9/2006: Làm việc tại CTCP Kinh Đô

Với kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán cho những tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam như Vinamilk, Kinh Đô,... Ông Lê Phát Tín đã có nhiều đóng góp nổi bật vào quá trình hoàn thiện hệ thống kế toán Công ty, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực, quy định của Nhà nước, tổ chức hệ thống kế toán của Công ty theo hướng chuyên nghiệp và khoa học,... Với những kiến thức chuyên môn cao cộng với sự nhiệt huyết trong công tác, nỗ lực không ngừng học hỏi để phát triển bản thân, ông đã được Ban Lãnh đạo tin tưởng và bổ nhiệm vai trò Kế toán trưởng từ 16/7/2015. Bên cạnh đó, ông còn kiêm nhiệm vai trò Kế toán trưởng CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2016 - 2017



“

MỤC TIÊU NIÊN ĐỘ 2016 - 2017, TTCS ĐẠT MỤC TIÊU GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG: 320 - 350 TRIỆU USD DUY TRÌ VỊ THẾ CÔNG TY QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM VÀ TRỞ THÀNH 1 TRONG NHỮNG CÔNG TY HÀNG ĐẦU VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM.

”

TTCS đã và đang trong quá trình hiện thực hóa chiến lược 2016-2020, tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng cốt lõi: Xanh - Sạch - Hiệu quả & Phát triển bền vững, trong đó đặt trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân lên hàng đầu với phương châm “Làm giàu cho nông dân là trách nhiệm của chúng ta”. Niên vụ 2016 - 2017, TTCS tiếp tục triển khai theo định hướng chiến lược đã xây dựng, phát huy hiệu quả cộng hưởng từ hoạt động M&A với TTCS Gia Lai. Đồng thời mở rộng, đẩy mạnh tái cấu trúc, mở rộng quy mô hoạt động Công ty thông qua các thương vụ M&A khác với công ty trong cùng ngành nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn bị nội lực vững vàng, sẵn sàng hội nhập khi mở cửa thị trường đường năm 2018.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- 1 Ổn định diện tích mía đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu tự chủ.
- 2 Giảm giá thành canh tác, đảm bảo lợi ích người trồng mía.
- 3 Chuyên môn hóa hoạt động, chức năng quản lý bằng hệ thống CNTT: FRM (Farmer Relationship Management); ERP (Enterprise resource planning software); Business Intelligent (BI); DMS...
- 4 Duy trì và tiếp tục cải tiến chất lượng sản phẩm.
- 5 Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- 6 Đẩy mạnh công tác nghiên cứu R&D nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, tăng giá trị thu hồi từ sản phẩm phụ.
- 7 Tập trung đào tạo đội ngũ kế thừa, tạo điều kiện phát triển bình đẳng và công bằng cho tất cả nhân viên.



PHÂN TÍCH **SWOT**

ĐIỂM MẠNH

NÔNG NGHIỆP

- Diện tích tổng vùng nguyên liệu đạt hơn 24.000 ha, trong đó mía nông trường 1.200 ha.
- Ban Điều hành trẻ, năng động, có năng lực quản lý, vững nghiệp vụ và kinh nghiệm.
- Đội ngũ cán bộ nông vụ giàu kinh nghiệm.
- Các chính sách pháp lý đất đai đang có xu hướng hỗ trợ cho ngành đường trong việc dồn điền đổi thửa, thừa nhận quyền nhận chuyển nhượng, quyền sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế với thủ tục hành chính đơn giản.

KỸ THUẬT

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật giàu kinh nghiệm, hoàn toàn làm chủ được công nghệ.
- Nhà máy có chất lượng công nghệ sản xuất hiện đại, tiêu chuẩn Châu Âu.

SẢN PHẨM - KINH DOANH

- Sản phẩm đường RE có chất lượng cao, an toàn sức khỏe và đa dạng chủng loại.
- Hệ thống kho có sức chứa lớn.
- Thị phần sản phẩm đường RE của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong nhóm khách hàng công nghiệp lớn.
- Nhóm sản phẩm đường RS tiệm cận dần chuẩn RS cao cấp.
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt.
- Sẵn sàng cung ứng kịp thời và đầy đủ theo nhu cầu khách hàng.

TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính lành mạnh.
- Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng.
- Chi phí tài chính, lãi vay luôn được kiểm soát ở mức thấp, cạnh tranh so với thị trường.

CƠ HỘI

- Mức tiêu thụ bình quân đầu người của Việt Nam vẫn còn thấp hơn so với thế giới.
- Nhu cầu sử dụng sản phẩm với chất lượng cao hơn, an toàn hơn.
- Môi trường chính trị ổn định, tạo điều kiện thu hút đầu tư với ngành đường.

NÔNG NGHIỆP

- Vùng nguyên liệu đa phần manh mún, chưa được quy hoạch tốt, trải rộng, khó khăn trong việc cơ giới hóa.
- Năng suất và chất lượng cây mía còn thấp chưa được cải thiện qua thời gian dài.
- Giống mía phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng còn ít.
- Chi phí mía khá cao.

KỸ THUẬT

- Nhà máy Đường Nước Trong có công suất nhỏ, đã vận hành lâu năm, công nghệ lạc hậu chưa theo kịp sự phát triển của ngành đường.
- Hệ thống dây chuyền thiết bị, máy móc tại nhà máy Gia Lai sau quá trình nâng công suất lên 6.000 TMN trong 2 vụ đầu tiên vẫn chưa chạy ổn định, chất lượng đường thành phẩm chưa ổn định, chưa đạt được tiêu chuẩn để ra.

SẢN PHẨM - KINH DOANH

- Cơ cấu Khách hàng vẫn tập trung chính vào nhóm B2B.
- Chi phí tồn kho để phục vụ khách hàng công nghiệp.

TÀI CHÍNH

- Do mở rộng danh mục đầu tư nên cấu trúc tài chính đang có xu hướng sử dụng đòn cân nợ nhiều hơn, gia tăng áp lực lãi vay.

ĐIỂM YẾU

- Biến đổi khí hậu, hạn hán, ngập mặn, thiếu nước trồng trọt.
- Cạnh tranh cây trồng khác.
- Đe dọa của sản phẩm chất ngọt thay thế.
- Tâm lý e ngại của người tiêu dùng do ngày càng được khuyến khích sử dụng ít chất ngọt vì béo phì...
- Thực thi các cam kết theo các hiệp định thương mại đã ký kết, sẽ có thêm nhiều đối thủ có quy mô gia nhập thị trường.

THÁCH THỨC

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN **TRUNG VÀ DÀI HẠN**

GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

KHÍA CẠNH	MỤC TIÊU CÔNG TY	ĐVT	TTCS GROUP				
			VỤ 15-16F	VỤ 16-17F	VỤ 17-18F	VỤ 18-19F	VỤ 19-20F
Tài chính	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.948	2.532	2.532	2.532	2.532
Kinh doanh	Tổng sản lượng tiêu thụ đường	Tấn	175.764	202.921	212.204	221.591	228.111
	Sản lượng đường thô luyện	Tấn	106.250	90.000	105.000	100.000	110.000
Sản xuất	Sản lượng đường thành phẩm	Tấn	185.015	213.601	223.373	233.254	240.117
	Điện thương phẩm	Kwh	75.422	81.459	124.764	130.596	162.467
	Chi phí BDSC hàng năm	Tỷ đồng	41	41	43	45	47
	R&D sản phẩm cạnh và sau đường		✓	✓		✓	
	Công suất	TMN	16.800	22.800	22.800	22.800	23.300
	Sản lượng mía ép	Tấn	1.656.846	1.715.298	1.905.027	2.024.332	2.174.452
	Năng suất mía đầu tư	Tấn/ha	65	67	70	73	75
Nguồn nhân lực	Số lượng nhân viên	Người	1.977	1.937	1.899	1.861	1.824

Ghi chú: Mục tiêu trên chưa bao gồm hoạt động M&A với các đơn vị cùng ngành khác từ 2017 - 2018 trở về sau.

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

- Xây dựng vùng nguyên liệu bền vững, cung cấp mía nguyên liệu ổn định, đảm bảo công suất ép tối ưu các nhà máy. Định hướng đến năm 2020 xây dựng tổng diện tích vùng nguyên liệu 30.000 ha, hàng năm cung cấp 2,3 triệu tấn mía đảm bảo công suất hoạt động tối ưu của nhà máy.
- Ứng dụng tiến bộ khoa học vào canh tác mía, tăng cường cơ giới hóa nông nghiệp, đặc biệt là cây sâu và tưới hữu hiệu.
- Phát triển cánh đồng mía lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa, ứng dụng kỹ thuật canh tác hiện đại

giúp giảm giá thành sản xuất, từ đó nhân rộng mô hình ra toàn vùng nguyên liệu.

- Nghiên cứu và phát triển bộ giống mía năng suất, chất lượng cao, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng nguyên liệu, quy hoạch lại cơ cấu giống mục tiêu hướng đến năng suất 7,5 tấn đường/ha.

KỸ THUẬT - SẢN XUẤT

- Tập trung nghiên cứu kiện toàn dây chuyền sản xuất, giữ vững lợi thế dẫn đầu về công nghệ, cung ứng sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu đa dạng và khắt khe của khách hàng.





- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới cạnh và sau đường, đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng thu hồi từ sản phẩm phụ nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh. TTCS đã phát triển thành công và đưa ra thị trường sản phẩm nước đóng chai hương mía Miaqua. Trong thời gian tới, TTCS tiếp tục phát triển những sản phẩm mới từ bã mía, mật rỉ và chuyển giao công nghệ sản xuất đến công ty thành viên.

THỊ TRƯỜNG

- Tiếp tục duy trì khách hàng truyền thống đồng thời tăng cường phát triển khách hàng mới, gia tăng tỷ trọng tiêu thụ đối với nhóm khách hàng công nghiệp vừa và nhỏ.

- Phát triển thị trường xuất khẩu, khẳng định uy tín thương hiệu và chất lượng đường TTCS cũng như sản phẩm đường Việt Nam trên thị trường thế giới, sẵn sàng hội nhập.

NHÂN SỰ & ĐÀO TẠO

- Nâng cao năng lực chuyên môn, tập trung đào tạo nội bộ gia tăng năng suất lao động, đặc biệt chú trọng đào tạo nhân sự kế thừa.

QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- Kiện toàn công tác quản lý hệ thống về văn bản lập quy.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý: hệ thống quản lý ERP, FRM, CRM,...



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG - CÔNG TÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG & ĐỊA PHƯƠNG

“

XÁC ĐỊNH HOẠT ĐỘNG HÀI HÒA VỚI TỰ NHIÊN LÀ NỀN TẢNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY, TTCS LUÔN ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG BẰNG NHỮNG GIẢI PHÁP CỤ THỂ VÀ HIỆU QUẢ.

”

MÔI TRƯỜNG

- Hoạt động bảo vệ môi trường được Công ty đặc biệt chú ý, hướng đến xây dựng nhà máy xanh, thân thiện với môi trường. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành dưới sự giám sát chặt chẽ, đảm bảo nguồn nước được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi hòa vào hệ thống thoát nước chung.
- Xây dựng nhà máy điện sinh khối với công suất 65 MWh sử dụng nhiên liệu từ bã mía, ứng dụng hệ thống phát điện bằng năng lượng mặt trời tạo nguồn năng lượng sạch, thân thiện môi trường và bền vững.
- nỗ lực cùng chính quyền địa phương giải quyết tình trạng lỵ bình phát triển mạnh trên sông Vàm Cỏ Đông, giúp khơi thông dòng chảy, cải thiện môi trường sinh thái, xóa bỏ những ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân, góp phần mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội.



XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- An toàn vệ sinh thực phẩm là ưu tiên hàng đầu trong sản xuất. Từ niên vụ 2015 - 2016, Công ty đã áp dụng hệ thống phòng vệ thực phẩm và kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo cung ứng đến khách hàng sản phẩm sạch và an toàn.
- Phát triển sản phẩm đường Organic hoàn toàn tự nhiên không sử dụng hóa phẩm bảo vệ thực vật, với hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao phục vụ cộng đồng vì sức khỏe.
- Tiếp tục phát huy truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, công tác đền ơn đáp nghĩa, Công ty luôn trích một phần lợi nhuận dành cho công tác xã hội, chăm sóc các đối tượng dễ tổn thương ở địa phương. Hoạt động

hiến máu nhân đạo được duy trì và tổ chức hàng năm như một nét đẹp văn hóa của Công ty thể hiện tinh thần tương thân, tương ái của tập thể cán bộ nhân viên TTCS đối với cộng đồng.

- Tích cực tham gia chăm lo vấn đề sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục trẻ em với các chương trình tài trợ, ủng hộ kinh phí các chương trình xây sửa lớp học tình thương, trao tặng học bổng học sinh giỏi vượt khó.
- Tiếp tục tham gia đóng góp và đồng hành cùng quỹ Xã hội - Từ thiện TTC với mức đóng góp hàng năm không ít hơn 1 tỷ đồng, hoạt động với tiêu chí “Vì cộng đồng, phát triển địa phương”.



CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG



RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 đang có dấu hiệu chững lại và gia tăng bất ổn. Tăng trưởng 6 tháng đầu năm chỉ đạt 5,52% (6 tháng đầu năm 2015 đạt 6,28%). Lạm phát quay trở lại, ngân sách tiếp tục thâm hụt, nợ công đến cuối năm 2016 sẽ vào khoảng 62% GDP và nợ xấu ngân hàng vẫn chưa được xử lý hiệu quả. Sức cầu nội địa giảm, nhu cầu tiêu thụ đường của các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, nhất là bánh kẹo, nước giải khát cũng bị ảnh hưởng, tác động bất lợi đến sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp.

Việt Nam đang hội nhập sâu và rộng vào thị trường khu vực và thế giới, doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp ngành đường nói riêng có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, kinh doanh, gia tăng giá trị. Tăng cường hội nhập cũng đồng nghĩa với mở rộng đối thủ cạnh tranh. Khi hàng rào bảo hộ được tháo dỡ, doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh trong nước mà mở rộng ra khu vực và thế giới.

Giải pháp khắc phục

- Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.
- Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.
- Tập trung phát triển ổn định vùng nguyên liệu trong nước, tăng năng suất, chất lượng nguyên liệu, tăng sức cạnh tranh với các cây trồng khác, đảm bảo lợi ích người trồng mía.
- Nắm bắt cơ hội từ gia nhập AEC, TTCS tích cực thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất sang Lào, Campuchia, tận dụng lợi thế theo quy mô, tiết giảm chi phí cạnh tranh, giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.



RỦI RO LÃI SUẤT, TỶ GIÁ

Vốn vay là nguồn vốn bổ sung quan trọng đối với hoạt động sản xuất, đầu tư của doanh nghiệp, giúp tối ưu hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp. Với quy mô sản xuất lớn và tiếp tục được mở rộng, nhu cầu vốn lưu động cao, sự biến động lãi suất sẽ làm tăng rủi ro đối với tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Sự biến động tỷ giá làm gia tăng rủi ro về chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, cũng như ảnh hưởng đến tài khoản ngoại tệ của doanh nghiệp.

Giải pháp khắc phục

- Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.
- Sử dụng các công cụ phái sinh quản lý rủi ro biến động về tỷ giá.



RỦI RO CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

TTCS là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật An toàn thực phẩm, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Giải pháp khắc phục

- Bộ phận chính sách, pháp chế của TTCS thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách, pháp luật và kịp thời đưa ra ý kiến tham mưu, tư vấn nhằm ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của doanh nghiệp.



RỦI RO XU THẾ TIÊU DÙNG

Sự thay đổi hành vi tiêu dùng làm gia tăng cơ hội cũng như rủi ro đối với ngành sản xuất hàng tiêu dùng nhanh và ngành đường. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc sản phẩm, tác động của sản phẩm đối với sức khỏe và môi trường và ưu tiên chọn những sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường.

Giải pháp khắc phục

- Phát triển bền vững, khai thác tài nguyên thiên nhiên (đất, nước) đi đôi với bảo vệ môi trường là mối quan tâm hàng đầu đối với ban lãnh đạo TTCS.
- Đối với mỗi công trình xây dựng, TTCS đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực thi giải pháp bảo vệ môi trường. Công trình xử lý nước thải, chất thải được đầu tư và vận hành hiệu quả, đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi hòa vào hệ thống thoát nước chung.
- Đổi mới công nghệ canh tác, hạn chế sử dụng phân bón hóa học, áp dụng các biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh, giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường.
- Phát triển sản phẩm đường Organic hoàn toàn tự nhiên, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe.

CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)



RỦI RO NGUYÊN LIỆU

Mía là đầu vào quan trọng đối với hoạt động sản xuất của Công ty. Sản xuất mía phụ thuộc vào tài nguyên khan hiếm là đất đai mà vùng nguyên liệu mía tại Tây Ninh luôn đối diện rủi ro bị cạnh tranh diện tích từ các loại cây trồng khác, đặc biệt là khoai mì.

Giải pháp khắc phục

- Phối hợp Viện Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống mía năng suất, chất lượng cao phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng. Xây dựng cơ cấu giống tối ưu.
- Đổi mới chính sách đầu tư, tập trung vào cơ giới hóa, cày sâu, tưới bec, giúp tăng năng suất, chất lượng rõ rệt so với các niên vụ trước, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người trồng mía và Công ty, giúp người dân yên tâm gắn bó với cây mía.
- Xây dựng cơ cấu giống phù hợp theo khu vực, cải thiện năng suất, tăng chất lượng, áp dụng tưới tiêu, cày sâu, khoa học canh tác,... tăng lợi ích từ cây mía so với cây trồng khác.



RỦI RO ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Cùng với sự hội nhập kinh tế quốc tế, TTCS xác định đối thủ cạnh tranh không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn trong khu vực và trên thế giới. Đây là thách thức không nhỏ đối với ngành đường Việt Nam, khi mà sau hơn 20 năm được bảo hộ, năng suất chất lượng mía không có sự cải thiện đáng kể, phần lớn nhà máy đường trong nước vẫn hoạt động với công suất thấp, sản phẩm chủ yếu là đường RS.

Với lợi thế dẫn đầu về công nghệ, sản phẩm chất lượng cao và ổn định, TTCS đã có sự chuẩn bị về nội lực để giữ vững thị trường trong nước, tiến tới mở rộng thị phần xuất khẩu, khẳng định năng lực cạnh tranh của ngành mía đường Việt Nam.

Giải pháp khắc phục

- Từng bước triển khai thực hiện chiến lược 2016 - 2020 nhằm giảm giá thành sản xuất, giữ vững lợi thế chất lượng hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Không ngừng nghiên cứu đổi mới sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khắt khe của khách hàng.
- Phát triển sản phẩm mới cạnh đường, sau đường, mở rộng chuỗi giá trị ngành đường, đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, cộng đồng và cổ đông của Công ty.



RỦI RO CHẤT LƯỢNG

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, các tiêu chí về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm là yêu cầu hàng đầu phải tuân thủ. Sản phẩm kém chất lượng hoặc chất lượng không ổn định sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm với nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác nhau giúp TTCS đáp ứng tốt nhất nhu cầu từng nhóm khách hàng, gia tăng sản lượng, thị phần, tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên, việc sản xuất nhiều chủng loại cũng áp lực lên hệ thống quản lý, kho vận, tăng rủi ro kiểm soát ổn định chất lượng sản phẩm.

Giải pháp khắc phục

- Nhận diện được rủi ro, Công ty đã xây dựng quy trình quản lý nhập xuất kho chặt chẽ, đảm bảo cung ứng đến khách hàng sản phẩm phù hợp với các chỉ tiêu chất lượng đã cam kết với khách hàng.
- Thường xuyên rà soát, kiện toàn dây chuyền thiết bị, đảm bảo sản phẩm được sản xuất với chất lượng ổn định.
- TTCS hướng tới cạnh tranh chi phí thấp cho khách hàng. Với hệ thống logistic tin cậy, chất lượng sản phẩm ổn định, khách hàng sẽ được giảm thiểu chi phí lưu kho dự phòng, giảm chi phí kiểm tra, giám sát và đổi trả khiếu nại...



RỦI RO KHÁC

Thiên tai, dịch bệnh là mối nguy hại ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp nói chung và sản xuất mía đường nói riêng.

Diễn biến thời tiết không thuận lợi làm giảm sản lượng, chất lượng mía, tăng cạnh tranh trong công tác huy động nguyên liệu.

Giải pháp khắc phục

- Chủ động trong công tác phòng ngừa sâu bệnh bằng các biện pháp thân thiện với môi trường: xử lý đất trồng, trang bị bẫy đèn, sử dụng thiên địch...
- Phát triển hệ thống thủy lợi, tưới tiêu chủ động bằng các thiết bị tưới hiện đại, hiệu quả, tiết kiệm: tưới béc, năng lượng mặt trời.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2015 - 2016

- 50 Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2015 - 2016
- 52 Tổ chức và nhân sự niên độ 2015 - 2016
- 58 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 62 Tình hình tài chính
- 68 Cơ cấu cổ đông

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

- 72 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
- 74 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 76 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 82 Những thành tựu nổi bật niên độ 2015 - 2016
- 84 Kế hoạch phát triển niên độ 2016 - 2017

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty

- 88 Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của HĐQT
- 92 Báo cáo giám sát Ban Điều hành của HĐQT
- 94 Báo cáo hoạt động HĐQT trong niên độ 2015 - 2016
- 95 Phương hướng hoạt động của HĐQT niên độ 2016 - 2017

Chất lượng **LÀ CAM KẾT**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nội dung phân tích dưới đây sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán:

Doanh thu

Cơ cấu doanh thu niên độ 2015 - 2016

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	TH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	% +/- 15/16 so 14/15
1	Tổng doanh thu	2.536.910	3.259.362	28,5%	2.066.900	57,7%
	Đường	2.336.891	3.045.308	30,3%	1.851.955	64,4%
	Mật rỉ	85.410	84.784	-0,7%	110.144	-23,0%
	Điện thương phẩm	48.932	48.344	-1,2%	37.339	29,5%
	Doanh thu khác	65.676	80.926	23,2%	67.461	20,0%
2	Doanh thu HĐ Tài chính	57.348	121.603	112,0%	86.347	40,8%
3	Thu nhập khác	-	8.049	-	10.161	-20,8%

(Số liệu theo BCTC riêng đã kiểm toán)

3.259 TỔNG DOANH THU
TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu thuần tăng 28,5% so với kế hoạch 2015 - 2016 và tăng 57,7% so với cùng kỳ.

3.045 DOANH THU ĐƯỜNG
TỶ ĐỒNG

Doanh thu đường tăng 30% so với kế hoạch và tăng hơn 64% so với cùng kỳ.

Đường là sản phẩm chủ lực của Công ty, trong niên độ 2015 - 2016, ngoài đường tinh luyện RE, Công ty đã phát triển thêm đường RS cao cấp. Trong đó, tỷ lệ doanh thu từ đường chiếm 93% trong cơ cấu doanh thu thuần (RE chiếm 76%, RS chiếm 17%).

Niên độ 2015 - 2016, tổng sản lượng đường tiêu thụ tăng hơn 24% so với kế hoạch là nguyên nhân chính giúp doanh thu thuần tăng 28,5% so với kế hoạch 2015 - 2016 và tăng 57,7% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu đường đạt 3.045 tỷ đồng tăng 30% so với kế hoạch và tăng trưởng hơn 64% so với cùng kỳ.

Chi phí

Cơ cấu chi phí niên độ 2015 - 2016

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	TH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	% +/- 15/16 so 14/15
1	Giá vốn hàng bán	2.155.740	2.761.818	28,1%	1.808.240	52,7%
2	Chi phí hoạt động tài chính	82.957	150.174	81,0%	38.879	286,3%
3	Chi phí bán hàng	71.438	76.826	7,5%	68.365	12,4%
4	Chi phí quản lý DN	80.744	110.103	36,4%	65.532	68,0%
5	Chi phí khác	-	2.066		2.018	

(Số liệu theo BCTC riêng đã kiểm toán)

Sản lượng tiêu thụ tăng tương ứng giá vốn tăng. Trong kỳ, trước sự điều chỉnh giá của thị trường đường trong nước và thế giới, Công ty chủ động nâng mức hỗ trợ, chia sẻ với người trồng mía, do đó chi phí nguyên liệu đầu vào tăng. Nhưng nhờ những giải pháp tối ưu hiệu quả chế luyện, tiết giảm chi phí sản xuất, gia tăng hiệu suất thu hồi, Công ty đã kiểm soát tốt giá thành sản phẩm so với kế hoạch. Tổng giá vốn tăng 28% so với kế hoạch và tăng 52,7% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng doanh thu.

Công tác kho vận logistic được cải thiện, tối ưu hóa hoạt động điều tiết, giao hàng, từ đó gia tăng chất lượng phục vụ và giảm chi phí bán hàng. Ngoài ra, giá nhiên liệu giảm cũng góp phần giúp Công ty tiết kiệm chi phí vận chuyển. Chi phí vận chuyển thực hiện trong năm 2015 - 2016 được kiểm soát khá tốt, định mức tiết giảm hơn 31 đồng/kg so với kế hoạch.

Chi phí tài chính trong kỳ tăng 81% so với kế hoạch do gia tăng nhu cầu tài trợ cho các dự án đầu tư phát triển và đáp ứng nguồn vốn lưu động cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu lợi nhuận niên độ 2015 - 2016

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	TH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	% +/- 15/16 so 14/15
1	Lợi nhuận trước thuế	203.378	288.026	41,6%	180.375	59,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	186.114	269.383	44,7%	162.836	65,4%

(Số liệu theo BCTC riêng đã kiểm toán)

Kết quả lợi nhuận trước thuế Công ty tăng hơn 40% so với kế hoạch và tăng gần 60% so với cùng kỳ. Thành tích đạt được là kết quả tổng hợp của nỗ lực phấn đấu vượt chỉ tiêu kế hoạch ở tất cả các mảng huy động nguyên liệu, tiết giảm chi phí, kiểm soát giá thành, tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn, đặc biệt là nỗ lực trong công tác luyện đường và bán hàng. Niên vụ 2015 - 2016, Công ty sản xuất hơn 180.000 tấn đường, với hệ số an toàn thiết bị và hiệu suất thu hồi vượt chỉ tiêu kế hoạch.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Chi tiết tại mục thông tin Ban Lãnh đạo Công ty.

CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Số lượng cán bộ nhân viên trong niên độ 2015 - 2016:

STT	CẤP CHỨC VỤ	SỐ NGƯỜI	TỶ LỆ
	Tổng số	723	100%
I.	Nhân viên chính thức:	537	74%
1	Ban Tổng Giám đốc, Cố vấn Ban Tổng Giám đốc	8	1%
2	Ban Giám đốc, Cố vấn Ban Giám đốc	12	2%
3	Quản lý cấp trung (Trưởng/Phó đơn vị hoặc tương đương)	45	6%
4	Quản lý cấp thấp (Trưởng/Phó ca, Trưởng trạm, Giám sát, hoặc tương đương)	23	3%
5	Chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ	411	57%
6	Lao động phổ thông, tạp vụ, phục vụ	38	5%
II.	Nhân viên thời vụ	186	26%





“

**CÔNG TY CHÚ TRỌNG
ĐÀO TẠO CẬP NHẬT VÀ
NÂNG CAO CÁC KIẾN THỨC
CHUYÊN MÔN CHO CBNV,
ĐÀO TẠO CÁC KỸ NĂNG
MỀM NHƯ KỸ NĂNG BÁN
HÀNG, KỸ NĂNG GIÁM
SÁT, KỸ NĂNG CHĂM SÓC
KHÁCH HÀNG, QUẢN LÝ
CẤP TRUNG,... GIÚP CBNV
TỰ TIN TRONG CÔNG VIỆC,
TĂNG NĂNG LỰC XỬ LÝ
VẤN ĐỀ ĐỂ HOÀN THÀNH
MỤC TIÊU CÁ NHÂN VÀ
ĐÓNG GÓP VÀO MỤC TIÊU
CHUNG CỦA CÔNG TY.**

”

Niên độ 2015 - 2016, TTCS thực hiện thành công thương vụ M&A với Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai và phát triển dự án kinh doanh nước Miaqua,... Sự phát triển về lượng cũng như về chất đòi hỏi một đội ngũ nhân lực lớn, có trình độ để tiếp quản, vận hành các công ty con. Do đó, trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã tuyển 122 nhân sự để kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Việc thiếu hụt nguồn lực dự phòng các năm trước là vấn đề được TTCS đặc biệt lưu tâm. Trong niên độ 2015 - 2016, phòng Nhân sự TTCS đẩy mạnh tương tác với các trường đại học, trung cấp nghề, đặc biệt ở các nhóm ngành khó tuyển mà TTCS đang có nhu cầu. Ngoài ra, Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ kế thừa với lộ trình thăng tiến và kế hoạch đào tạo bài bản nhằm nâng cao nguồn lực nội bộ, tạo cơ hội phát triển cho CBNV trong Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NIÊN ĐỘ 2015 - 2016 (tiếp theo)

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Tình hình thực hiện đào tạo niên độ 2015 - 2016:

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	SỐ KHÓA KH	SỐ KHÓA TH	SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM DỰ	CHI PHÍ ĐÀO TẠO KẾ HOẠCH	CHI PHÍ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN
Đào tạo bên ngoài	45	40	1.811	733.270.000	970.394.158
Đào tạo nội bộ tại TTC	8	11	74	38.000.000	59.817.000
Đào tạo nội bộ tại TTCS	13	11	405	448.000.000	107.902.000
Tổng cộng	66	62	2.290	1.219.270.000	1.138.113.158

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của TTCS. Do vậy, trong công tác nhân sự, việc đào tạo, bồi dưỡng năng lực nhằm nâng cao năng suất lao động và phát triển đội ngũ nhân lực luôn được Công ty chú trọng hàng đầu. Công tác đào tạo hàng năm được các đơn vị lên kế hoạch, xem xét phê duyệt và tổ chức thực hiện đầy đủ, có đánh giá soát xét định kỳ và nhắc nhở thực hiện.

Năm 2015 - 2016, Công ty đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo, trong đó tăng cường các hoạt động nội bộ như tổ chức hội thảo, chuyên đề,... để thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong công việc cũng như trong hoạt động đặc thù của Công ty. Ngoài ra, việc nâng cao kiến thức, năng lực quản lý cho các cán bộ chủ chốt cũng được Ban Lãnh đạo quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành tại các đơn vị. Trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã tổ chức và hoàn tất 62 khóa đào tạo với 2.290 lượt đào tạo với chi phí đào tạo là 1.138.113.158 đồng.

TTCS tự hào tạo ra một tổ chức học tập, nơi kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn được chia sẻ giữa CBNV với nhau và giữa lãnh đạo với CBNV. Ban Lãnh đạo Công ty khuyến khích và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo nội bộ như tổ chức CLB Tiếng Anh, tủ sách tri thức TTCS,...



Các hình thức đào tạo



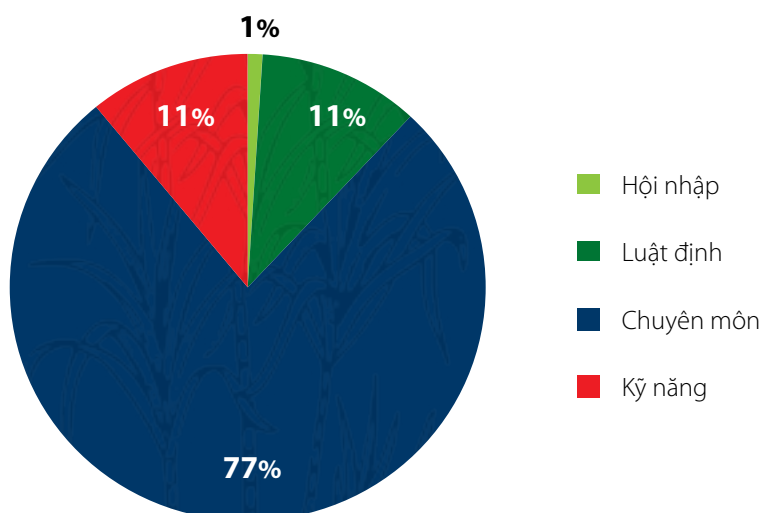
62 KHÓA ĐÀO TẠO

2.290 LƯỢT ĐÀO TẠO

Ngoài các khóa đào tạo theo luật định (như huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, an toàn điện - sát hạch bậc an toàn, phòng cháy chữa cháy,...) Công ty còn chú trọng cập nhật và nâng cao các kiến thức chuyên môn, đào tạo các kỹ năng mềm (kỹ năng bán hàng, kỹ năng giám sát,

kỹ năng chăm sóc khách hàng, quản lý cấp trung,...) giúp CBNV tự tin trong công việc, tăng năng lực xử lý vấn đề để hoàn thành mục tiêu cá nhân và đóng góp vào mục tiêu chung của Công ty. Tỷ lệ các khóa đào tạo theo các nhóm mục tiêu như sau:

Đào tạo theo nhóm mục tiêu



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NIÊN ĐỘ 2015 - 2016 (tiếp theo)

BỔ NHIỆM VỊ TRÍ MỚI, THAY ĐỔI TRONG BĐH

Các nhân sự trong Ban Điều hành được bổ nhiệm mới hoặc miễn nhiệm trong niên độ 2015 - 2016 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐC THỜI GIAN BỔ NHIỆM	MỐC THỜI GIAN MIỄN NHIỆM
1	Trương Thị Hồng	Phó TGD Hỗ trợ		10/07/2015
2	Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó TGD Hỗ trợ	15/07/2015	01/06/2016
3	Nguyễn Văn Đệ	Phó TGD Thường trực		13/08/2015
4	Nguyễn Văn Đệ	Phó TGD	13/08/2015	
5	Lê Quang Hải	Phó TGD Kỹ thuật		15/09/2015
6	Nguyễn Việt Hùng	Phó TGD Nguyên liệu	15/11/2015	
7	Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	15/11/2015	
8	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng		16/07/2015
9	Lê Phát Tín	Quyển Kế toán trưởng	16/07/2015	
10	Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	16/01/2016	
11	Nguyễn Thị Thu Trang	Quyển GD Khối Hỗ trợ	18/04/2016	
12	Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	15/06/2016	

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách tiền lương, thu nhập

Công ty xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập nhằm chi trả xứng đáng những đóng góp và đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Chính sách này được lập ra dựa trên các quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Công tác tính trả thu nhập và nâng lương hàng năm cho CBNV được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Công ty, qua đó thu nhập bình quân của CBNV các năm gần đây dần được cải thiện.

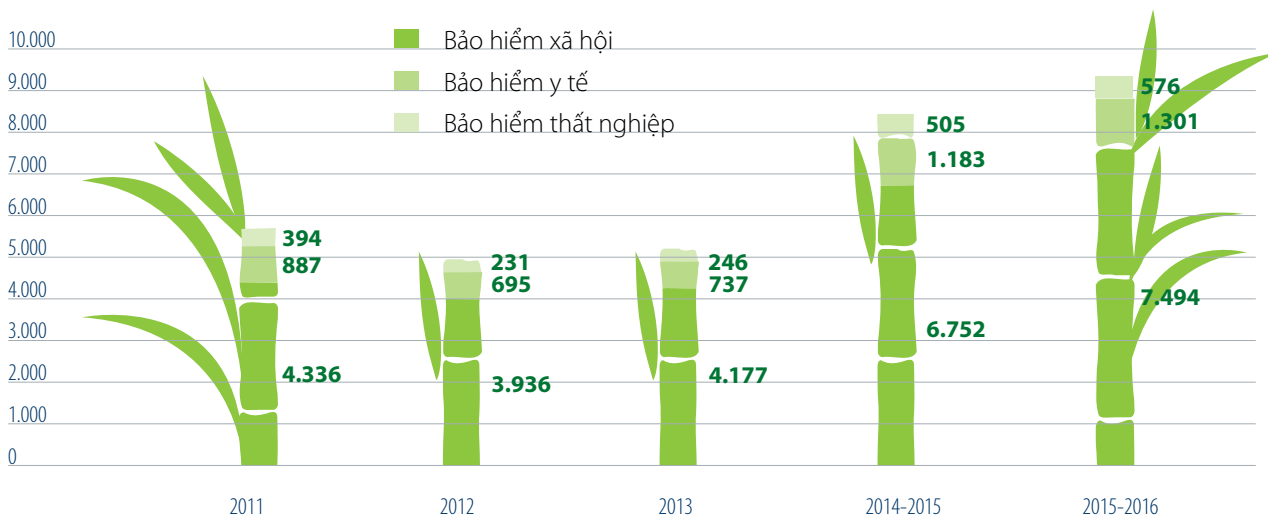
Trên thị trường lao động tại tỉnh Tây Ninh, TTCS là một trong những công ty đứng đầu về chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ cho CBNV. Nhờ vậy, đời sống người lao động được đảm bảo và ngày càng nâng cao.



Chế độ bảo hiểm

Công ty luôn đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể chi phí trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trong các năm gần đây như sau:

Chi phí BHXH, BHYT, BHTN qua các năm (triệu đồng).



Ngoài ra, Công ty còn chăm lo đời sống CBNV về vật chất và tinh thần như mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể CBNV với mức bồi thường 222.990.000 đồng/người/năm, bảo hiểm sức khỏe cho đối tượng CBQL cấp trung trở lên (ốm đau, bệnh tật, thai sản,...) với mức bồi thường cao nhất 210.000.000 đồng/người/năm.

Chính sách khen thưởng

Hằng năm, TTCS đều dành một khoản ngân sách cho việc khen thưởng đối với toàn Công ty trong công tác thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Ngoài các chính sách thưởng định kỳ theo quy định của Công ty, còn có các quyết định biểu dương, khen thưởng đột xuất do Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo trong thẩm quyền của mình. Cụ thể trong trường hợp các khối, đơn vị, tập thể có những nỗ lực vượt bậc, góp phần gia tăng chất lượng sản phẩm và giảm chi phí cho Công ty (năng suất mía tăng, chữ đường tăng, hiệu quả thu hồi đường trong sản xuất tăng...); nhiệt tình cống hiến trong lao động, sản xuất (luyện đường trong dịp Lễ, Tết...); có sáng kiến đóng góp vào phát triển Công ty (nghiên cứu sản xuất, nghiên cứu thiết kế cải tiến thiết bị...). Nếu các vấn đề khen thưởng vượt ngoài quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc cũng sẽ thực hiện đề xuất trình HĐQT phê duyệt, nhằm đảm bảo sự kịp thời và hiệu quả của công tác khen thưởng đối với tình hình thực tế Công ty.

Bên cạnh đó, lãnh đạo cao nhất cũng viết thư biểu dương, khen ngợi công khai các đơn vị hoặc cá nhân có thành tích xuất sắc nhằm khuyến khích tinh thần thi đua trong toàn Công ty.

Chế độ chính sách khác

Ngoài các chế độ, chính sách bắt buộc theo quy định, Công ty còn có các chương trình phúc lợi khác để nâng cao việc chăm lo cho đời sống CBNV cụ thể như sau:

- Kết hôn, sinh con, sinh nhật
- Ốm đau, tai nạn
- Tang chế
- Quà tặng CBNV nghỉ hưu
- Du lịch hằng năm
- Quà tặng các dịp Lễ, Tết
- Khen thưởng con CBNV đạt danh hiệu học tập cuối năm, đạt danh hiệu trong các kỳ thi tỉnh/ thành phố, quốc gia, quốc tế

Bên cạnh đó, Công ty còn phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức hội diễn văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể thao và tạo điều kiện cho người lao động tham gia; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ,...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



“

TRONG THỜI GIAN TỚI, TTCS SẼ TẬP TRUNG ĐẨY MẠNH R&D NHẪM CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT SẢN XUẤT, ĐỒNG THỜI TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM CẠNH/ SAU ĐƯỜNG, HƯỚNG ĐẾN HOÀN THIÊN CHUỖI GIÁ TRỊ CÁC SẢN PHẨM TỪ CÂY MÍA, ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC SẢN PHẨM PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG. TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016, TTCS ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN RẤT NHIỀU DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHẪM MỞ RỘNG VÀ CẢI THIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

”

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	TÊN DỰ ÁN	CHI PHÍ ĐẦU TƯ (TỶ VNĐ)	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Cải tạo kho đường thô thành kho xá 24.000 tấn	20,4	20/10/2016
2	Cải tạo Bến thủy nội địa Năm Chỉ	4,4	30/10/2016
3	Xưởng sản xuất nước mía không ngọt Miaqua	8,02	15/11/2016
4	Sản xuất đường Organic	4,9	15/12/2016
5	Cải tạo trung tâm nhiệt điện	186,8	15/10/2017
6	Tái cấu trúc nhà máy nước khoáng Đa Kai	24,3	10/2017
7	Xây dựng kho Tân Kim	355,9	27/10/2018

ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ CẢI TIẾN NĂNG LỰC SẢN XUẤT, CẢI TIẾN KỸ THUẬT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Cải tạo kho đường thô thành kho xá 24.000 tấn

Công ty đang mở rộng thị phần với mục tiêu sản phẩm đường tinh luyện đạt tiêu chuẩn cao cấp sẽ có mặt trên toàn quốc. Do đó để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, Công ty đã chủ trương cải tạo kho đường thô thành kho xá 24.000 tấn.

Kho đường thô được xây dựng tuân thủ các tiêu chuẩn về lưu kho sản phẩm của ISO và HACCP, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

KHO ĐƯỜNG THÔ THÀNH KHO XÁ

24.000 TẤN

Dự án Bến thủy nội địa Năm Chỉ

Dự án hoàn thành giúp việc vận chuyển mía từ Campuchia về Việt Nam thuận tiện hơn. Trong niên độ vừa qua, Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống bến và phà Năm Chỉ với tổng chi phí ước theo giá trị đã thanh toán 1,9 tỷ đồng/kế hoạch dự toán 4,4 tỷ đồng và ngày 30/10/2016 sẽ chính thức đi vào khai thác sử dụng.

Xưởng sản xuất nước mía không ngọt Miaqua

Sản phẩm nước uống đóng chai với 100% nguồn nước chưng cất từ cây mía, được tách ra trong quá trình sản xuất đường thông qua hệ thống bốc hơi và được xử lý bằng chu trình diệt khuẩn đạt chuẩn ISO. Do đó, đây là nước hoàn toàn không nhiễm khuẩn và mang hương vị mía tự nhiên, cung cấp nguồn khoáng chất tốt cho sức khỏe người tiêu dùng.

Dây chuyền sản xuất nước uống đóng chai với công suất 15.000 chai nước/ngày giá trị đầu tư thực hiện 2.466 tỷ/kế hoạch chi phí 2.809 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa dây chuyền sản xuất vào 20/12/2015. TTCS còn dự kiến nâng công suất xưởng lên khoảng 50.000 chai/ngày với sản lượng khoảng 09 triệu chai nước cho niên độ 2016 - 2017, tổng giá trị đầu tư dự kiến hơn 8 tỷ đồng.

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

15.000 CHAI/NGÀY

TĂNG LÊN

50.000
CHAI/NGÀY

Sản xuất đường Organic

Đường organic là loại đường được chế biến từ mía hữu cơ - loại mía không qua bất kỳ điều trị nào bằng hóa chất, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và cũng không được phát triển nhờ bất kỳ loại phân bón thương mại nào, do đó rất tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. Đường Organic là một sản phẩm hoàn toàn mới mà thị trường Việt Nam chưa có. Việc sản xuất đường organic giúp TTCS chủ động thực hiện chiến lược kinh doanh mới, mở rộng thị trường cung ứng và tăng cường tiếp cận các thị phần nhiều tiềm năng tại Việt Nam.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

Cải tạo Trung tâm nhiệt điện

Việc cải tạo và nâng cấp Trung tâm Nhiệt điện sẽ giúp tối ưu hóa công nghệ sản xuất, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu và gia tăng lượng điện thương phẩm. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng của nhà máy đường nói chung và Trung tâm Nhiệt điện nói riêng, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.



Tái cấu trúc nhà máy nước khoáng Đa Kai

Nước khoáng Đa Kai thuộc mỏ khoáng thiên nhiên tại Dagun, Đức Linh, Bình Thuận. Sản phẩm nước khoáng của Công ty là sản phẩm duy nhất có chứa hàm lượng lode thiên nhiên, loại khoáng chất rất cần thiết cho sự phát triển của trí não con người. Ngoài ra, các ion natri, bicarbonate có trong nước khoáng Đa Kai hỗ trợ tốt cho hoạt động của hệ thần kinh và hệ tiêu hóa, đặc biệt là ion - iodua duy nhất chỉ có trong nước khoáng Đa Kai bổ sung lode chống bướu cổ, đần độn, tăng cường sự thông minh theo chương trình bổ sung lode cấp quốc gia.

Sản phẩm được đóng chai tại nguồn, nhà máy nằm trên diện tích 1,2 ha được đầu tư xây dựng đáp ứng mọi tiêu chuẩn theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), được trang bị hệ thống đóng chiết chai đồng bộ khép kín hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP CODE: 2003 của tổ chức QUACERT Australia, New Zealand và TCVN 5603-1998 của Bộ Y tế.

TÁI CẤU TRÚC NHÀ MÁY NƯỚC KHOÁNG ĐA KAI

24,3

 TỶ ĐỒNG

ĐẠT TIÊU CHUẨN

HACCP CODE : 2003

của tổ chức QUACERT Australia,
New Zealand và TCVN 5603-1998
của Bộ Y tế.

Xây dựng kho Tân Kim

Trong năm 2016, vấn đề mở rộng hoạt động kinh doanh kho bãi tại các khu vực nằm trong chiến lược dài hạn và cấp bách của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS).

Khu công nghiệp Tân Kim là một công trình trọng điểm, được ưu tiên xây dựng trong kế hoạch của tỉnh Long An nhằm nâng cao khả năng hội nhập vào quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đây cũng là khu vực có nhiều thuận lợi để phát triển khu công nghiệp tập trung, có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Dự án đầu tư xây dựng kho bãi tại KCN Tân Kim mở rộng sẽ góp phần mang lại lợi nhuận và tạo dựng một hình ảnh mới, một vị thế mới cho TTCS.

XÂY DỰNG KHO TÂN KIM

356

 TỶ ĐỒNG



CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

Đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững

Đầu tư vùng nguyên liệu Svay Tiệp tại Campuchia

Mở rộng vùng nguyên liệu, tạo điều kiện quy hoạch cánh đồng mẫu lớn áp dụng cơ giới hóa trong canh tác nông nghiệp là một trong những bước chiến lược quan trọng nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế của TTCS. Ngoài chiến lược mở rộng diện tích vùng nguyên liệu trong nước, TTCS còn phát triển kế hoạch phát triển tại các quốc gia Đông Dương, tiến đề là việc đầu tư vùng nguyên liệu diện tích 2.000 ha tại huyện Svay Rieng, Campuchia.

Đầu tư xây dựng hệ thống tưới nông trường Tân Hưng

Việc đầu tư tưới mía là mục tiêu chiến lược nhằm định hướng sản xuất nông nghiệp bền vững. Nông trường Tân Hưng có thể chủ động trong tưới tiêu, dễ dàng điều chỉnh thời vụ, kỹ thuật canh tác cũng như các giải pháp tiên tiến nhằm tiết giảm chi phí tối đa một cách hợp lý và đồng thời tăng sản lượng lên 10 - 15 tấn/ha so với mức năng suất hiện tại trên diện tích 134 ha, nâng cao chất lượng mía, tăng khả năng cung ứng giống tại chỗ, hạn chế được tình trạng thiếu hụt mía giống của các nhà máy trên địa bàn Tây Ninh, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của cây mía với các loại cây trồng khác.

Ứng dụng công nghệ vào quản lý nông nghiệp hiệu quả

Dự án FRM (Farm Relationship Management)

Hệ thống ứng dụng phần mềm đa phân hệ, tích hợp toàn bộ hệ thống quản lý khách hàng nông dân, diện tích đất, tình hình canh tác và áp dụng cơ giới hóa sản xuất cũng như công nợ đầu tư. FRM giúp theo dõi các hoạt động đầu tư và quản lý hoạt động nông nghiệp được thông suốt từ đó đưa ra các chính sách định hướng kế hoạch đầu tư vùng nguyên liệu một cách hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

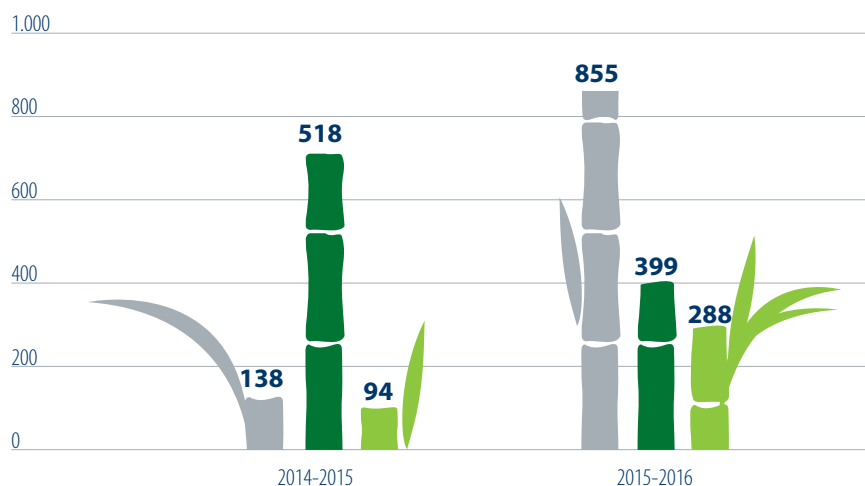
ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015		NIÊN ĐỘ 2015 - 2016		% TĂNG GIẢM	
	GIÁ TRỊ	%	GIÁ TRỊ	%	GIÁ TRỊ	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.062	18%	855.375	55%	717.313	520%
Đầu tư vào công ty liên kết	517.892	69%	398.984	26%	(118.908)	-23%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	94.437	13%	287.922	19%	193.485	205%
Tổng cộng	750.391	100%	1.542.281	100%	791.890	106%

(Nguồn Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán)

Thời điểm 30/06/2016, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 717 tỷ, tương ứng tăng 520% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do Công ty tăng nguồn tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với giá trị 423 tỷ tại các ngân hàng thương mại.

ĐVT: Tỷ đồng



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Đầu tư vào công ty liên kết
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TĂNG

520 %

SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2016 giảm 118 tỷ, tương đương giảm 23% so với thời điểm 30/06/2015, nguyên nhân là do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS) và Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (NHS) sáp nhập, dẫn đến tỷ lệ sở hữu BHS giảm từ 23% xuống còn 16%, tương ứng với việc BHS không còn là công ty liên kết, chuyển BHS qua khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, góp phần vào việc làm tăng giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 193 tỷ, tương đương tăng 205% so thời điểm 30/06/2015.



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Danh mục đầu tư hiện tại của TTCS bao gồm 03 công ty con và 05 công ty liên kết. Tuy nhiên, trong quá trình hợp nhất kinh doanh có phát sinh thay đổi tỷ lệ sở hữu, làm cho cơ cấu đầu tư tập đoàn có sự thay đổi theo. Toàn bộ các doanh nghiệp TTCS nắm phần vốn kiểm soát đều thuộc các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nhằm gia tăng sức mạnh cộng hưởng.

	ĐVT	VỐN ĐIỀU LỆ	% VỐN SỞ HỮU (theo số liệu BCTC riêng)	% VỐN SỞ HỮU (theo số liệu hợp nhất kinh doanh)
CÔNG TY CON				
CTCP SXTM Cồn Thành Thành Công	Triệu đồng	210.000	90,00%	90,00%
CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Triệu đồng	389.998,76	100,00%	100,00%
CT TNHH Tư nhân Đầu tư TSU	USD	12.640.000	94,94%	100,00%
CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Tây Ninh	Triệu đồng	30.000	48,00%	62,00%
CT TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Triệu đồng	130.000	-	100,00%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công	Triệu đồng	500.000	49,00%	49,00%
CTCP Đường Nước Trong	Triệu đồng	58.000	23,95%	30,54%
CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Triệu đồng	143.810	21,96%	21,96%
CTCP Mía đường Tây Ninh	Triệu đồng	294.040	39,23%	39,23%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty con

CTCP SXTM Cồn Thành Thành Công: Hiện Công ty đang trong giai đoạn góp vốn và nghiên cứu phương án khả thi nên chưa đi vào hoạt động.

Tình hình tài sản và nguồn vốn kinh doanh riêng niên độ 2015 - 2016.

ĐVT: Triệu đồng

	TTCS (Báo cáo riêng)	TTCS Gia Lai (Báo cáo riêng)	GTC	TTCE	SRDC	TSU
Tài sản	30/06/2016	30/06/2016	30/06/2016	30/06/2016	30/06/2016	30/06/2016
Tài sản ngắn hạn	3.214.288	686.303	26.567	185.201	28.861	274.765
Tài sản dài hạn	2.605.402	885.688	260.114	13.202	3.007	-
Tổng tài sản	5.819.690	1.571.992	286.680	198.402	31.868	274.765
Nguồn vốn						
Nợ phải trả	3.118.083	1.054.034	160.783	35	2.132	99
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.701.607	517.958	125.898	198.368	29.736	274.666
Tổng nguồn vốn	5.819.690	1.571.992	286.680	198.402	31.868	274.765

TỔNG TÀI SẢN

TTCS
5.820
TỶ ĐỒNG

TTCS Gia Lai
1.572
TỶ ĐỒNG

GTC
287
TỶ ĐỒNG

TTCE
198
TỶ ĐỒNG

SRDC
32
TỶ ĐỒNG

TSU
275
TỶ ĐỒNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng niên độ 2015 - 2016.

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TTCS (Báo cáo riêng)	TTCS Gia Lai (Báo cáo riêng)	GTC	TTCE	SRDC	TSU
	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)	Niên độ (01/07/2015- 30/06/2016)
Tài sản						
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.259.362	665.731	29.519	-	4.836	177.176
Giá vốn hàng bán	2.761.818	565.452	24.059	-	3.646	176.543
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	282.043	27.047	(5.880)	3.859	120	(6.689)
Lợi nhuận trước thuế	288.026	26.949	(5.880)	3.857	135	(6.652)
Thuế TNDN	18.642	(3.587)	-	850	-	-
Lợi nhuận sau thuế	269.383	30.537	(5.880)	3.007	135	(6.652)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

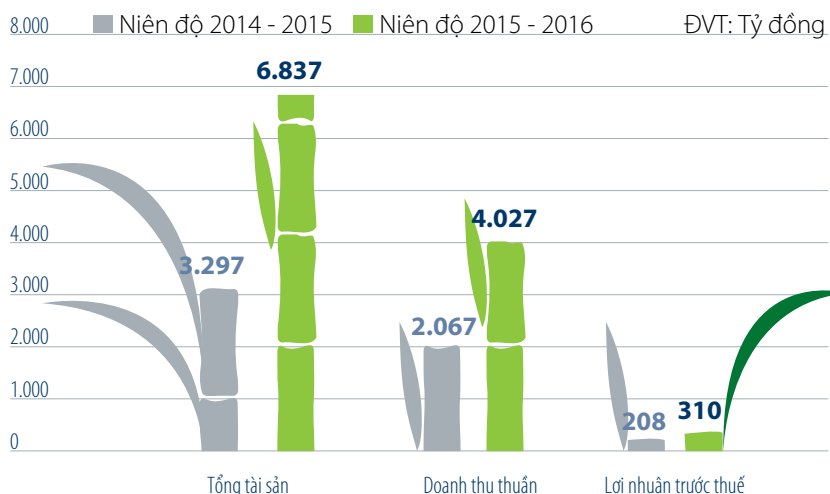
Nội dung phân tích dưới đây sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất.

Tình hình tài chính Công ty niên độ 2015 - 2016

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	3.296.586	6.836.697	107%
Doanh thu thuần	2.066.900	4.027.233	95%
Lợi nhuận từ HĐKD	200.165	303.829	52%
Lợi nhuận khác	8.140	6.248	-23%
Lợi nhuận trước thuế	208.306	310.076	49%
Lợi nhuận sau thuế	188.973	294.166	56%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)



Biểu đồ tình hình tài chính Công ty niên độ 2015 - 2016

Tổng tài sản hợp nhất thời điểm 30/6/2016 tăng mạnh so với đầu kỳ xuất phát từ thương vụ sáp nhập với CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai vào tháng 09/2015. Nhờ phát huy hiệu quả cộng hưởng lợi thế từ hoạt động M&A giúp tăng năng lực cung ứng sản phẩm ra thị trường. So với cùng kỳ niên độ 2014 - 2015, tổng sản lượng đường tiêu thụ tăng 20% đã giúp doanh thu đường tăng theo, doanh thu thuần hợp nhất tăng 95%, lợi nhuận trước thuế tăng 49% so với cùng kỳ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

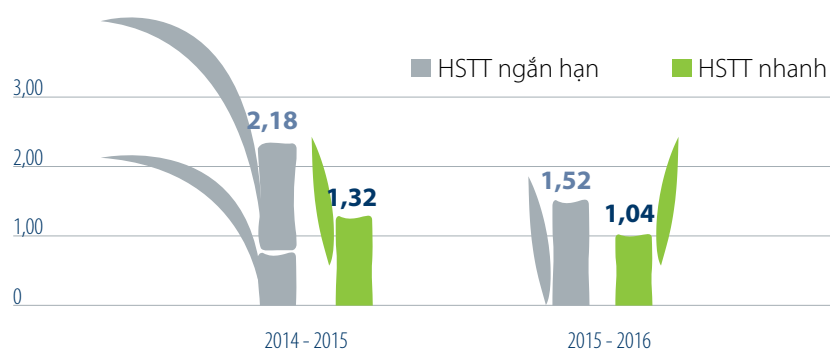
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TĂNG/GIẢM
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,18	1,52	-30%
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,32	1,04	-21%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

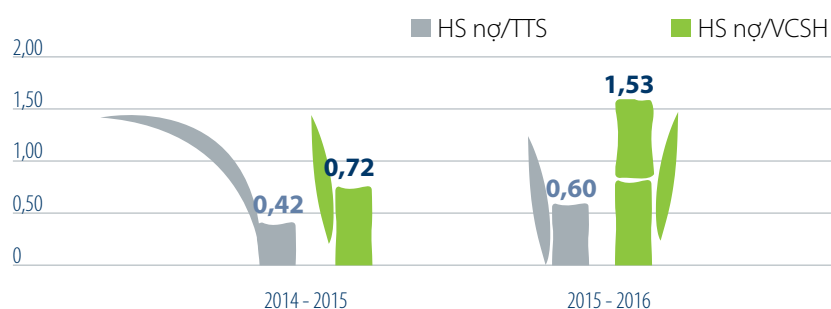


Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,52 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,04 lần tại thời điểm 30/06/2015. Các hệ số đều lớn hơn 1 cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TĂNG/GIẢM
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,42	0,60	+ 45%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,72	1,53	+ 114%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

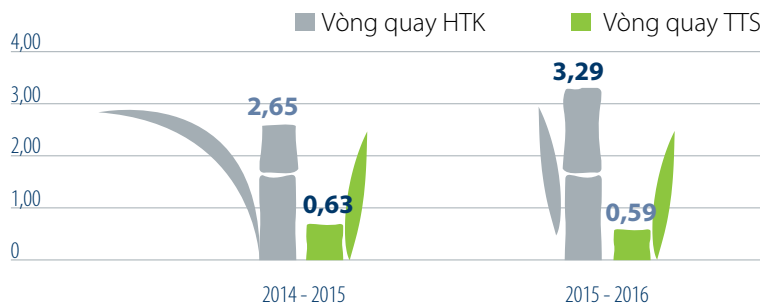


Tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn thời điểm 30/6/2016 tăng so với đầu kỳ do tăng tài trợ cho các hoạt động đầu tư phát triển và đáp ứng vốn lưu động cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TĂNG/GIẢM
Vòng quay HTK: (GVHB/ HTK bình quân)	2,65	3,29	+ 24%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,59	- 6%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

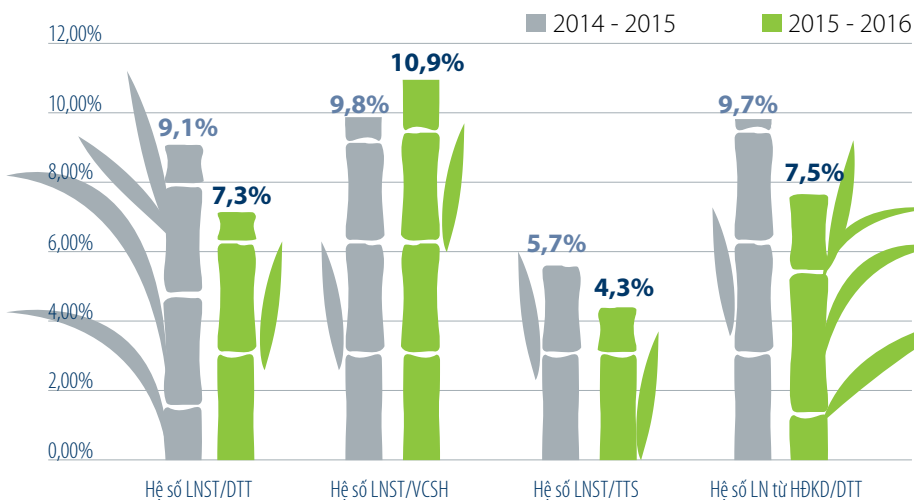


Do đặc điểm ngành mía đường, một năm chỉ sản xuất trong thời gian từ 5 đến 6 tháng và sản phẩm phải dự trữ để cung ứng cho khách hàng theo cam kết trong cả năm. Do đó, hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt mức từ 2 đến 3 vòng là phù hợp. Niên độ 2015 - 2016, hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng 24% so với niên độ trước. Điều này cho thấy tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho là nhanh.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TĂNG/GIẢM
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,14%	7,30%	-20%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,83%	10,89%	+ 11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,73%	4,30%	-25%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	9,68%	7,54%	-22%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)



Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cho thấy Công ty đã nỗ lực giữ vững thị trường, kiểm soát tốt chi phí, hoạt động kinh doanh hiệu quả trong bối cảnh ngành mía đường còn nhiều khó khăn như hiện nay.

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của Công ty niên độ 2015 - 2016 được duy trì ở mức ổn định, an toàn và hiệu quả. Công tác quản lý tài chính được thực hiện một cách nghiêm túc, đảm bảo tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn, góp phần gia tăng lợi nhuận Công ty.

Nhờ những giải pháp tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, niên độ 2015 - 2016, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng tương 11% so với cùng kỳ.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Theo danh sách chốt ngày 30/06/2016)

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

- Tổng số cổ phần : 194.761.033 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 185.642.358 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 9.118.675 cổ phần
- Lý do hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động trong Công ty, 50% số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày phát hành, 50% hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày phát hành.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
2	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	88.969.402	45,68	3	3	-
3	- Trong nước	78.908.412	40,51	2	2	-
	- Nước ngoài	10.060.990	5,17	1	1	-
	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
4	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Quý	3.268.840	1,68	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
	Cổ đông khác	102.522.791	52,64	2.865	65	2.800
7	- Trong nước	88.041.305	45,20	2.765	43	2.722
	- Nước ngoài	14.481.486	7,44	100	22	78
	TỔNG CỘNG	194.761.033	100	2.869	69	2.800
	Trong đó: - Trong nước	170.218.577	87,4	2.768	46	2.722
	- Nước ngoài	24.542.476	12,6	101	23	78

194.761.033

CỔ PHẦN
TỔNG SỐ CỔ PHẦN

185.642.358

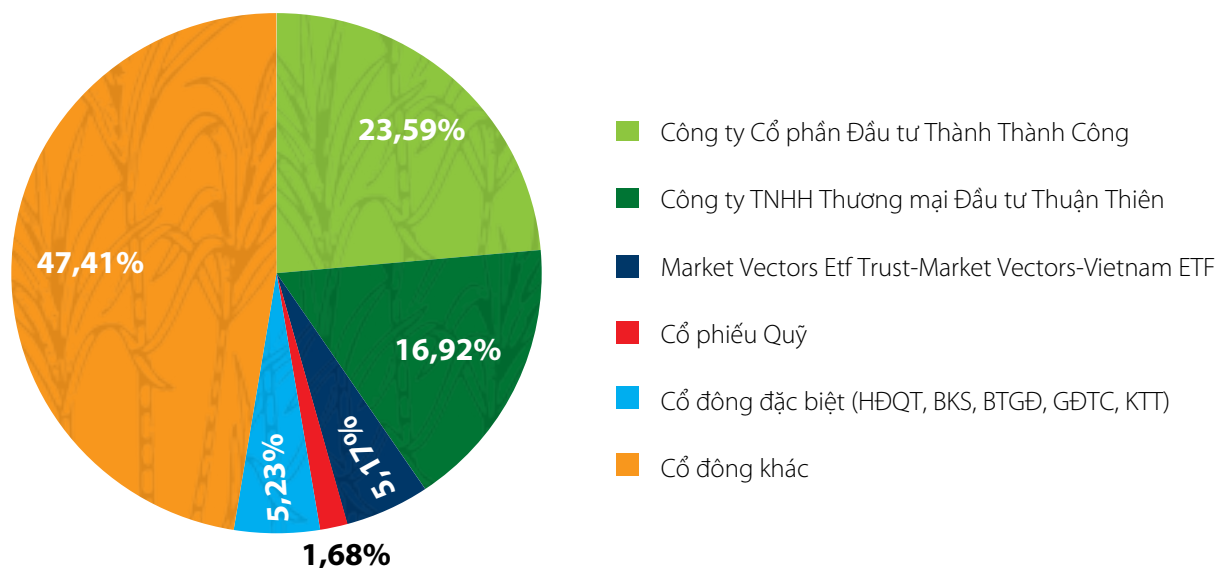
CỔ PHẦN
CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO

9.118.675

CỔ PHẦN
HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ %
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	23,59
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	16,92
Market Vectors Etf Trust-Market Vectors-Vietnam ETF	5,17
Cổ phiếu Quỹ	1,68
Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BTGD, GĐTC, KTT)	5,23
Cổ đông khác	47,41



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(tiếp theo)

Loại hình sở hữu

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CP HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG			SỐ LƯỢNG CP CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	2(**)			3	4=2+3	5
	(1)	(2)	(3)			
I. Cổ đông đặc biệt	2.428.988	2.428.987	-	6.611.629	11.469.604	5,98
1. Hội đồng Quản trị	1.427.388	1.427.387	-	3.323.740	6.178.515	3,17
2. Ban Tổng Giám đốc	375.550	375.550	-	1.879.317	2.630.417	1,40
3. Ban Kiểm soát	439.700	439.700	-	242.870	1.122.270	0,58
4. Giám đốc Tài chính	51.600	51.600	-	0	103.200	0,05
5. Kế toán trưởng	36.550	36.550	-	0	73.100	0,04
6. Người được ủy quyền CBTT	98.200	98.200	-	1.165.702	1.362.102	0,75
II. Quý	-	-	-	3.268.840	3.268.840	1,68
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	2.228.550	2.228.550	-	176.834.391	181.291.491	93,31
1. Trong nước	2.228.550	2.228.550	-	152.291.915	156.749.015	80,71
1.1. Cá nhân	2.228.550	2.228.550	-	57.055.130	61.512.230	31,80
1.2. Tổ chức	-	-	-	95.236.785	95.236.785	48,90
2. Nước ngoài	-	-	-	24.542.476	24.542.476	12,60
2.1. Cá nhân	-	-	-	365.031	365.031	0,19
2.2. Tổ chức	-	-	-	24.177.445	24.177.445	12,41
TỔNG CỘNG:	4.657.538	4.657.537	-	186.714.860	196.029.935	100,97

(Tỷ lệ sở hữu lớn hơn 100% vì Tổng Giám đốc đồng thời cũng là người được ủy quyền công bố thông tin).

Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	NGÀY CẤP	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG (**)		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	0301466073	25/07/2007	62 Trần Huy Liệu, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM, Việt Nam	45.945.397	23,59	-	-	-
2	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	0303125287	16/10/2003	Số 75, đường 30/4, P3, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	32.963.015	16,92	-	-	-
3	Market Vectors Etf Trust-Market Vectors-Vietnam ETF	CA2930	13/04/2009	99 Park Avenue, 8TH F1 New York NY 10016 USA	10.060.990	5,17	-	-	-

Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu

Trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã thực hiện 2 đợt phát hành cổ phiếu.

Chi tiết từng đợt phát hành thể hiện trong bảng sau:

STT	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	THỜI GIAN PHÁT HÀNH	KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	THAY ĐỔI TỔNG KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH
1	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC). Tỷ lệ hoán đổi là 1,05 cổ phiếu SEC đổi 1 cổ phiếu SBT.	30/09/2015	37.142.739	185.642.358
2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động công ty nhằm ghi nhận những đóng góp của CBNV có thành tích cao trong năm.	16/07/2016	9.118.675	194.761.033

Cổ phiếu Quỹ

Trong giai đoạn 01/07/2015 - 30/06/2016, TTCS đã thực hiện 01 giao dịch bán cổ phiếu quỹ (CPQ) nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty, chi tiết giao dịch được thống kê trong bảng sau:

SỐ LƯỢNG CPQ TRƯỚC KHI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ LƯỢNG CPQ ĐÃ THỰC HIỆN BÁN	SỐ LƯỢNG CPQ SAU KHI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH	THỜI GIAN GIAO DỊCH
4.993.840	1.725.000	3.268.840	145.231.160	Từ 20/8/2015 đến 18/9/2015

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



“

**NIÊN ĐỘ 2015
- 2016, CÔNG
TY ĐÃ TIÊU THỤ
TRÊN 245.000 TẤN
ĐƯỜNG, VƯỢT
KẾ HOẠCH 20%,
DOANH THU VƯỢT
22% KẾ HOẠCH,
ĐẠT 310 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC
THUẾ HỢP NHẤT
VÀ VƯỢT 41% SO
VỚI KẾ HOẠCH
CỦA ĐHCĐ.**

”

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

TÌNH HÌNH CHUNG

Kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2016 diễn ra bất bình và trong bối cảnh các nền kinh tế chủ chốt đang nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước mình. Nền kinh tế Mỹ chưa có nhiều điểm sáng, kinh tế châu Âu phục hồi nhưng chưa vững chắc, kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, các nền kinh tế đang nổi có dấu hiệu suy giảm. Do đó, tăng trưởng kinh tế thế giới trong nửa cuối 2016 được dự báo tiếp tục âm ỉ. Và sự kiện nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu ngày 23/06/2016 đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường tài chính thế giới: thị trường chứng khoán toàn cầu giảm trên 5%; đồng Bảng Anh và đồng Euro liên tục mất giá; giá dầu và giá hàng hóa nguyên liệu giảm mạnh trong khi giá vàng liên tục tăng.

Trong nước, tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2016 tiếp tục tăng thấp hơn so với cùng kỳ 2015. Nguyên nhân chủ yếu do sự suy giảm tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và lĩnh vực khai khoáng, cũng như tổng cầu có mức độ cải thiện thấp. Phân rã tăng trưởng cho thấy xu thế tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam vẫn đang duy trì được xu hướng tăng tích cực. CPI tăng trong 6 tháng đầu năm chủ yếu do tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục (đóng góp 46% vào mức tăng CPI kể từ đầu năm). Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn duy trì ổn định ở mức dưới 2% trong 6 tháng đầu năm.



NGÀNH ĐƯỜNG

Sau 5 năm thặng dư, thị trường đường thế giới đang xoay cực từ thừa sang thiếu. Theo nhiều dự báo quốc tế, tình trạng thâm hụt nguồn cung này sẽ kéo dài cho tới đầu năm 2017. Với các diễn biến do tình hình khí hậu El Nino ảnh hưởng toàn cầu, nguồn tin từ Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo thế giới sẽ đối mặt với một đợt suy giảm lịch sử từ vụ 10/11 đến nay.

Sự thiếu hụt nguồn cung đã giúp giá đường thế giới nhanh chóng hồi phục. Giá đường thô cuối tháng 6/2016 giao dịch ở mức 20 cent/pound tương đương 441 USD/tấn, tăng khoảng 75% so với giá đáy vào thời điểm tháng 09/2015 và khả năng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao do ảnh hưởng tình hình hạn El Nino trên toàn cầu, sản lượng sụt giảm tại các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và việc gia tăng nhập khẩu từ các nước như Trung Quốc, Indonexia,...

Trong nước, vụ 2015 - 2016 tổng sản lượng mía ép đạt 12.930.000 tấn (mía giảm so với vụ trước là 1.474.000 tấn), sản xuất được 1.237.300 tấn đường các loại (giảm so với vụ trước 180.500 tấn). Theo Hiệp hội Mía đường, trong 6 tháng đầu năm tồn kho đường tại các nhà máy luôn thấp hơn so với cùng kỳ vụ trước. Nguyên nhân do hạn hán tại các tỉnh miền Nam dẫn đến năng suất mía kém, thu hoạch mía non chạy hạn. Thiếu hụt nguồn cung giúp cải thiện giá bán đường của RE và RS trong nước, tại thời điểm tháng 6/2016 giá đường RE ổn định quanh mức 17.000 - 17.500 đ/kg tại kho NM chưa VAT và RS 15.200 - 15.700 đ/kg chưa VAT tại kho nhà máy.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã đạt được những chỉ tiêu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 15-16	TH 15-16	% TH/KH
A	Sản lượng mía ép	Tấn	1.470.000	1.465.253	100%
B	Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	55.000	102.186	186%
C	Sản lượng sản xuất				
1	Đường	Tấn	197.230	232.111	118%
2	Mật rỉ	Tấn	74.300	81.929	110%
3	Điện thương phẩm	Mwh	77.942	62.884	81%
D	Sản lượng tiêu thụ				
1	Đường	Tấn	204.650	245.239	120%
2	Mật rỉ	Tấn	81.955	86.834	106%
3	Điện thương phẩm	Mwh	77.942	62.289	80%
E	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	3.306.000	4.027.233	122%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	220.000	310.076	141%

(Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TỔNG SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

232.111

TẤN ĐƯỜNG

81.929

TẤN MẬT RỈ

62.884

MWH ĐIỆN THƯƠNG PHẨM

➤ **Kết quả:** Niên độ 2015 - 2016, Công ty đã tiêu thụ trên 245.000 tấn đường, vượt kế hoạch 20%, doanh thu vượt 22% kế hoạch và tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Công ty đạt 310 tỷ đồng, vượt 41% so với kế hoạch.

➤ **Nguyên nhân:** Trên cơ sở dự báo tình hình đường thế giới và trong nước theo chiều hướng thâm hụt tạo điều kiện giá thị trường chuyển biến tích cực, Ban Lãnh đạo đã kịp thời đưa ra các quyết sách cụ thể tăng sản lượng RE bán nội địa lên hơn 150.465 tấn vượt 18% so với kế hoạch và sản lượng RS đạt 37.425 tấn vượt 71% so với kế hoạch, tương ứng với giá bán tăng từ 4% - 5% so với kế hoạch. Ngoài ra, bộ phận kinh doanh đã điều tiết tốt khâu logistic trong quá trình vận chuyển giúp tiết giảm 8% chi phí vận chuyển; góp phần làm biên lãi gộp đường của kỳ thực hiện đạt 19,3% và vượt 5% so với kế hoạch.

Những tiến bộ vượt bậc của Công ty trong niên vụ 2015 - 2016 vừa qua

➤ **Công tác nguyên liệu:** Tổng sản lượng mía ép đạt 1.465.253 tấn. Tại Tây Ninh đã tổ chức ép được 912.941 tấn mía, vượt 6% so với kế hoạch đề ra. Trong vụ Công ty đã kiểm soát tốt công tác thu hoạch vận chuyển, chất lượng thu hoạch mía đầu tư tại Tây Ninh được cải thiện: tạp chất bình quân mía đầu tư giảm, chặt sát gốc đạt yêu cầu, tẻ ngọn tốt hơn so với vụ trước nhằm tận thu phần mía có chữ đường cao; tỷ lệ mía cháy được kiểm soát ở mức 8%, giảm 23% so vụ trước. Kiểm soát tốt tình hình sâu bệnh, tích cực chăm sóc mía, tưới mía tăng năng suất góp phần làm năng suất bình quân đạt 65 tấn/ha, tăng 5% so vụ trước. Trong đó, mía đầu tư tại Việt Nam đạt đến 73 tấn/ha, tăng 9% so cùng kỳ. Ngoài ra, đường thô nguyên liệu trong vụ đạt sản lượng đáng kể 102.186 tấn, vượt 86% so với kế hoạch và vượt 61% so cùng kỳ.

➤ **Công tác sản xuất:** Tổng sản lượng đường thành phẩm đạt 232.111 tấn vượt kế hoạch 18%. Riêng tại TTCS sản lượng sản xuất niên độ 2015 - 2016 đạt 180.619 tấn

đường thành phẩm, vượt 36% so với kế hoạch. Trong vụ, chất lượng đường được đánh giá khá tốt, khắc phục hoàn hảo tình trạng sản phẩm không phù hợp, cải thiện tình trạng đường vón cục góp phần giảm đáng kể tình trạng khiếu nại khách hàng, tỷ lệ không phù hợp đạt 0,08% < 0,25% kế hoạch. Hiệu suất thu hồi tốt, dần được cải thiện và đạt 9,92%. Chi phí sản xuất được kiểm soát trong mức kế hoạch đề ra. Kiểm soát tổn thất trong sản xuất luôn được đề cao và tập trung cao độ, tổng tổn thất thấp hơn kế hoạch nhờ kiểm soát tốt tổn thất trong mật.

➤ **Công tác kinh doanh:** Sản lượng đường tiêu thụ niên độ 2015 - 2016 đạt 245.239 tấn, vượt 20% so với kế hoạch, trong đó tiêu thụ đường RE nội địa tăng 18% và phát triển sản phẩm RS tăng 71% so với kế hoạch. Tập trung chú trọng phát triển chuỗi khách hàng kênh công nghiệp vừa và nhỏ, số khách hàng phát triển mới tăng 78% so kế hoạch và tăng gấp 3 lần so cùng kỳ. Ngoài ra, công ty đã thực hiện đưa sản phẩm nước Míaqua đến với người tiêu dùng tháng 4/2016, triển khai đến từng nhà phân phối và quảng bá tại hơn 4.000 cửa hiệu khu vực Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ **CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

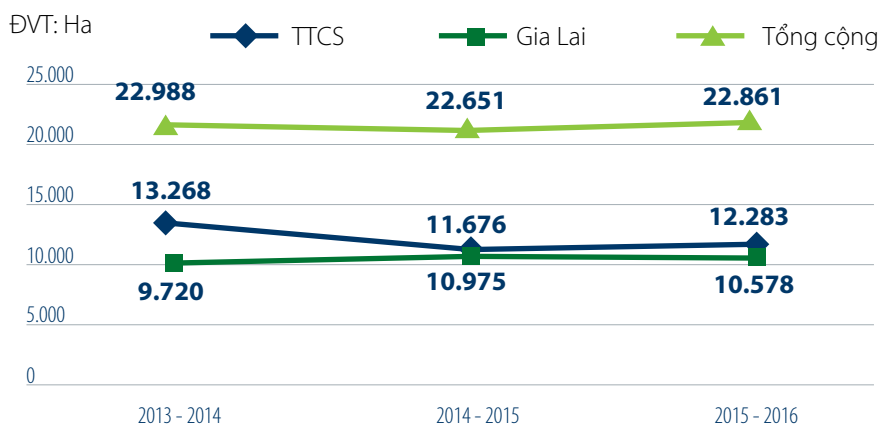
CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

➤ **Diện tích đầu tư:** Trong bối cảnh vùng nguyên liệu ngày càng bị thu hẹp, để đảm bảo nguồn nguyên liệu tối ưu công suất ép của nhà máy, Công ty đã chủ động mở rộng diện tích sang vùng nguyên liệu Campuchia và Long An. Tổng diện tích đầu tư vụ 2015 - 2016 đạt 22.861 ha. Ngoài ra, với mục tiêu chung là phát triển vùng nguyên liệu tự chủ, Công ty đã chủ trương tăng diện tích đất sở hữu, hình thành các vùng mía tập trung theo quy hoạch, trực tiếp tổ chức sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn.

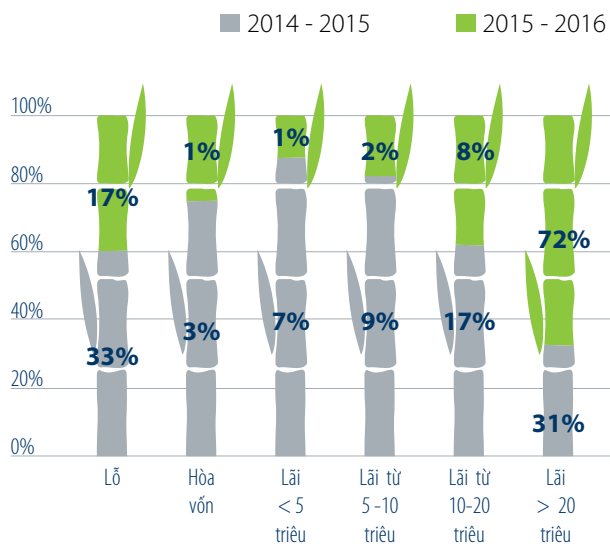
22.861

HA

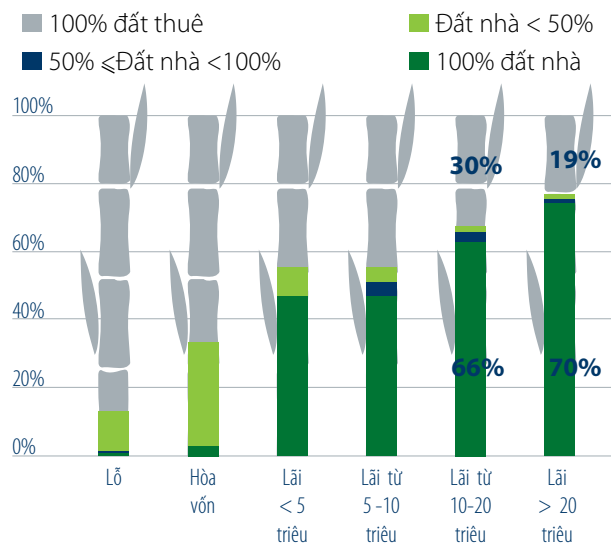
**TỔNG DIỆN TÍCH ĐẦU TƯ
VỤ 2015 - 2016**



➤ **Diện tích đất thuê và đất nhà:** Với chính sách đầu tư theo định hướng phát triển đất nhà đã làm thay đổi tỷ trọng trong cơ cấu trong chuyển dịch từ đất thuê sang đất nhà, cụ thể chuyển dịch từ 38% (đất nhà) - 62% (đất thuê) lên mức đạt tỷ trọng 47% (đất nhà) - 53% (đất thuê). Đối với người trồng mía trên đất nhà có khả năng đạt lợi nhuận ở mức trên 30 triệu đồng/ha.



Biểu đồ tỷ trọng lợi nhuận theo nhóm khách hàng

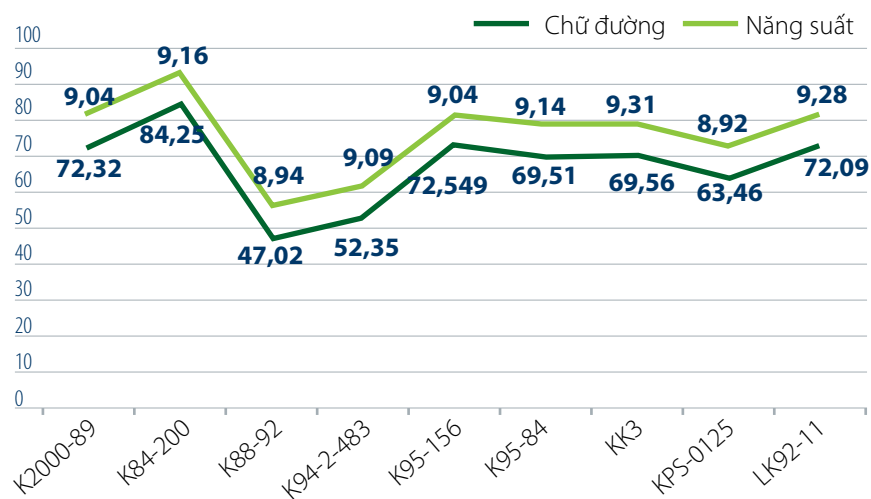


Biểu đồ tỷ trọng lợi nhuận nhóm khách hàng theo loại đất



➤ Chương trình khuyến nông:

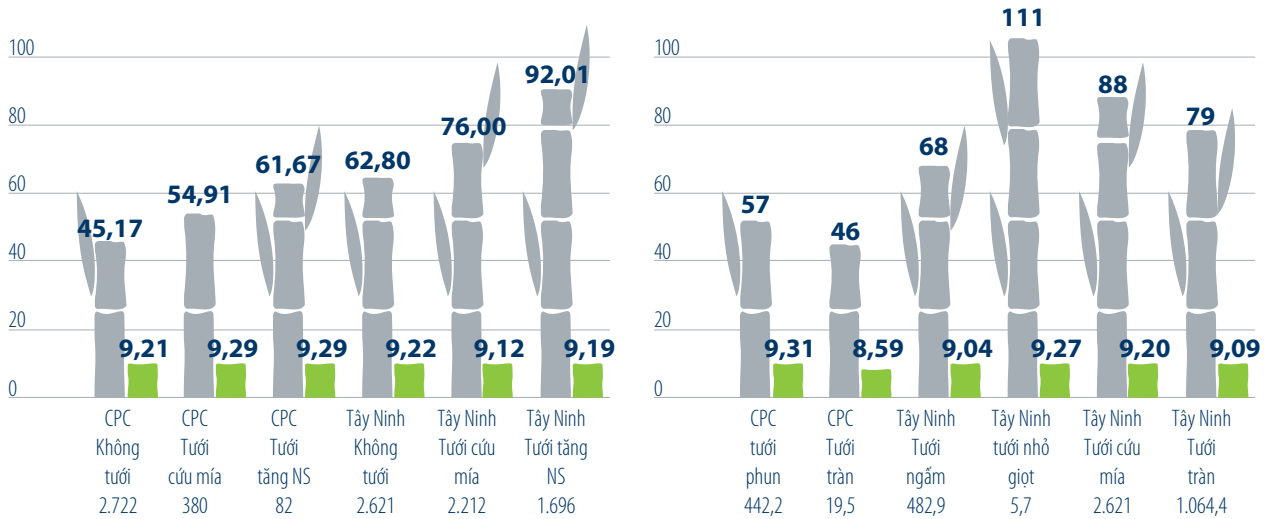
Cơ cấu giống: Đã tiến hành khảo nghiệm giống phù hợp với từng vùng. Tập trung vào giống cho năng suất và chất lượng cao với mục tiêu năng suất bình quân trên 72 tấn/ha và chữ đường bình quân cao hơn 9,3 CCS.



Công tác bảo vệ thực vật, phòng trừ sâu bệnh: Công ty thường xuyên tổ chức hội thảo hướng dẫn, chủ động khuyến cáo cho bà con nông dân, phát hiện và xử lý kịp thời, diện tích và tỷ lệ sâu đục thân đã giảm đáng kể, không ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng mía.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)

Công tác tưới mía: Công ty nhận định tưới mía là phương pháp tăng năng suất hiệu quả và tiết kiệm nhất. Trước tình hình thời tiết khô hạn hơn mọi năm và chuyển biến ngày càng gay gắt, Khối Nguyên liệu đã vận động bà con nông dân tưới mía để đảm bảo cung cấp đủ nước cho cây mía, giảm thiệt hại năng suất do ảnh hưởng của mùa khô hạn. Tổng diện tích tưới vụ 2015 - 2016 đạt 9.286 ha tương đương 41% diện tích VNL.



Biểu đồ NS, CCS theo số lần tưới

Biểu đồ NS, CCS theo phương pháp tưới

Câu lạc bộ năng suất cao: Được thành lập với 48 thành viên và tổng diện tích 235,07 ha. Năng suất bình quân CLB vụ 2015 - 2016 đạt 103 tấn/ha với sản lượng 24.332 tấn; chữ đường trung bình 9,2 CCS; năng suất đường BQ 9,43 tấn/ha. Câu lạc bộ thường xuyên tổ chức tham quan mô hình tưới, tìm hiểu kỹ thuật canh tác tại các nông trường,... nhằm hướng dẫn nông dân kỹ thuật canh tác theo mô hình kiểu mẫu mang lại năng suất và chất lượng cao hơn.

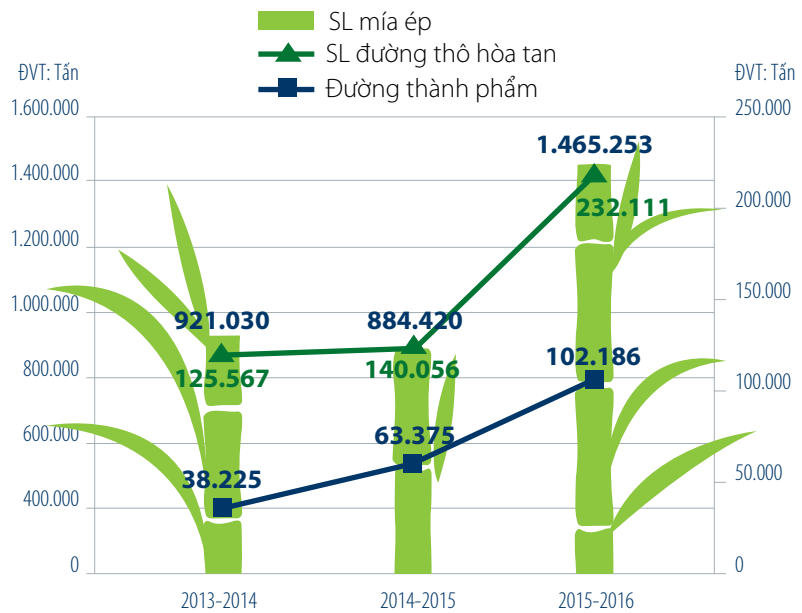
Công tác truyền thông: Vụ 2015 - 2016, công tác truyền thông đã được đẩy mạnh đáng kể so với các vụ trước thông qua các phương tiện truyền thông đa chiều như báo chí, đài truyền hình, đài truyền thanh, website, hội thảo,... Thông tin chủ trương, định hướng của Công ty được chuyển tải đến khách hàng kịp thời. Các kỹ thuật trồng chăm sóc mía được Công ty cập nhật thường xuyên, hỗ trợ bà con trong quá trình canh tác.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

➤ Sản lượng đường thành phẩm

Tổng sản lượng đường thành phẩm cả vụ đạt 232.111 tấn (gồm TTCS 180.619 tấn RE và TTCS Gia Lai 51.492 tấn RS) vượt 18% mục tiêu đề ra và tăng 66% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng mía ép đạt kế hoạch tương ứng 1.465.253 tấn, cùng với sản lượng đường thô đưa vào hòa tan đạt mức kỷ lục qua các năm tương ứng ở mức 102.186 tấn, vượt hơn 86% kế hoạch và vượt 61% so cùng kỳ. Dây chuyền sản xuất ổn định, hệ số an toàn thiết bị đạt gần 100%, đáp ứng tốt các chỉ tiêu kỹ thuật.



➤ Chất lượng đường thành phẩm

Khá ổn định, các chỉ tiêu hóa lý của đường thành phẩm đạt ổn định so với tiêu chuẩn công bố, khắc phục hoàn hảo tình trạng sản phẩm không phù hợp, cải thiện tình trạng đường vốn cục góp phần giảm đáng kể tình trạng khiếu nại khách hàng, tỷ lệ không phù hợp đạt $0,08\% < 0,25\%$ kế hoạch.

➤ Công tác môi trường

Trong vụ sản xuất 2015 - 2016, việc kiểm soát các chỉ tiêu COD phát thải vượt ngưỡng xuất sắc so với tiêu chí đặt ra, góp phần giảm tổn thất và tăng thu hồi đường. Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định; kiểm soát tốt nước tạo chân không, không bị lỗi cuốn đường; không vi phạm về bảo vệ môi trường trong suốt mùa vụ.

➤ Công tác R&D

Hoàn thành dây chuyền sản xuất thành công sản phẩm nước hương mía Miaqua. Nghiên cứu khắc phục sự rò rỉ nước mía tại búa đập nhằm giảm thất thoát nước mía và tiết kiệm được chi phí môi trường. Thay đổi biến dạng tấm lợp băng tải T1 nhằm hạn chế tình trạng mía cây sót lại sau búa đập.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)

CÔNG TÁC KINH DOANH

➤ **Tình hình tiêu thụ:** Trước tình hình sản xuất trong và ngoài nước đang trong giai đoạn thâm hụt, Công ty đã nắm bắt cơ hội gia tăng sản xuất và tiêu thụ trong niên độ 2015 - 2016. Sản lượng tiêu thụ đường của Công ty đạt 245.239 tấn, vượt 20% so với kế hoạch và tăng 83% so với cùng kỳ. Trong đó đường RE tiêu thụ nội địa chiếm hơn 74% tổng sản lượng, tiêu thụ 37.425 tấn đường RS tăng 71% so với kế hoạch và xuất khẩu thực hiện vượt 4% so với kế hoạch đề ra, với kết quả này doanh thu mang lại cho Công ty đạt 4.043 tỷ vượt 22% so với kế hoạch và tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt hơn 310 tỷ đồng vượt 41% so với kế hoạch và tăng 56% so với cùng kỳ.

➤ **Số lượng phát triển khách hàng mới:** Ngoài việc tiếp tục duy trì được lượng khách hàng ổn định, giữ vững thị phần, trong niên độ vừa qua Công ty đã phát triển mới thêm 89 khách hàng vượt 78% so với kế hoạch cả niên độ. Trong đó chú trọng phát triển chuỗi khách hàng kênh công nghiệp vừa và nhỏ.

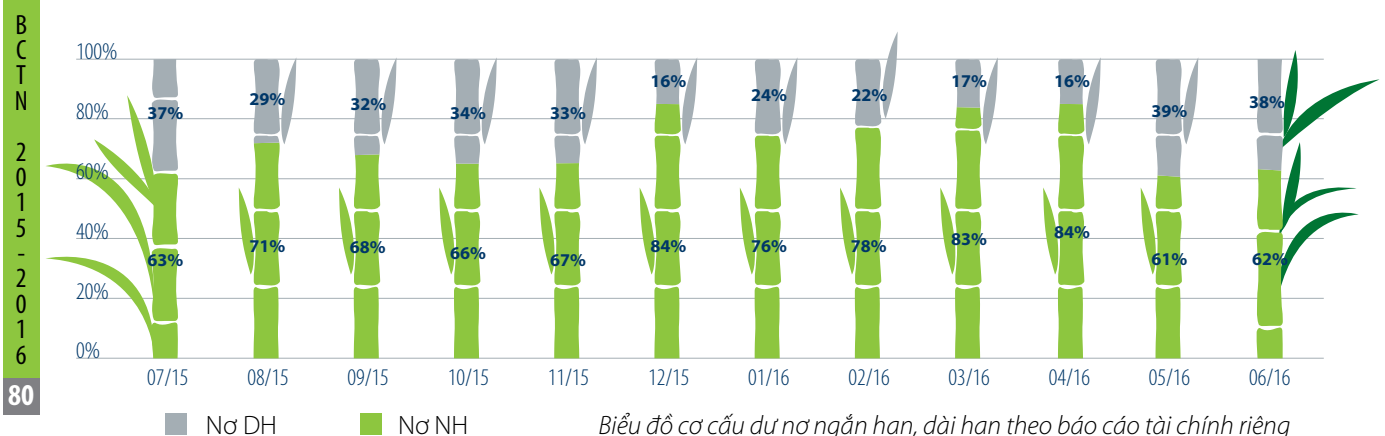
➤ **Sản phẩm nước Miaqua:** Hiện tại, TTCS đã tung sản phẩm nước Miaqua ra thị trường, tổ chức sản xuất 1 triệu chai theo mẫu mới, triển khai cho nhà phân phối đặt hàng và bán hàng ra thị trường.

➤ **Công tác kho vận:** Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành tốt, chủ động điều tiết logistic qua đó chi phí vận chuyển tiết giảm hơn 8% so với kế hoạch. Ngoài ra, để tối ưu hiệu quả trong điều phối và bảo quản tốt hơn chất lượng lưu kho nguyên liệu/ thành phẩm, Công ty đã chủ động cải tiến chỉnh sửa và ban hành hàng loạt các quy trình xuất, nhập, lưu trữ tại kho thô và đường thành phẩm.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trong niên độ 2015 - 2016, TTCS đã phát hành thành công gói trái phiếu 1.000 tỷ nhằm tái cấu trúc lại cơ cấu nợ. Thành công từ đợt phát hành trái phiếu 1.000 tỷ, không chỉ tạo tiền đề tái cơ cấu nguồn vốn, tăng cường quy mô và ổn định hoạt động cho TTCS, mà còn mở ra thời kỳ hợp tác toàn diện, hiệu quả giữa TTCS với các tổ chức tín dụng, gia tăng lợi ích chung, cùng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, Công ty đã hoàn tất phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV, góp phần tạo động lực cho tập thể phấn đấu vì mục tiêu chung gắn với lợi ích cá nhân.

Danh mục đầu tư hợp nhất của TTCS tại thời điểm 30/06/2016 đạt 686 tỷ đồng, chiếm 10% tổng tài sản. Đầu tư lĩnh vực công ty cùng ngành chiếm 85,6% tổng giá trị đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động qua sự cộng hưởng giá trị, phát huy yếu tố nội lực qua việc trao đổi kinh nghiệm, hướng đến phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh thời kỳ hội nhập.



CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Trong nền kinh tế hội nhập sâu rộng như hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là trình độ CBNV, được coi là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh nguồn lực bền vững của tổ chức.

Tỷ lệ lao động đã qua các lớp đào tạo từ sơ cấp nghề trở lên chiếm hơn $\frac{3}{4}$ (77%) tổng số lao động toàn Công ty, cho thấy trình độ nhân viên đã đáp ứng nhu cầu Công ty hiện tại. Công tác tuyển dụng đầu vào khắt khe về trình độ và những tiêu chuẩn bắt buộc khi bổ nhiệm nhân sự đã nói lên quyết tâm của Công ty trong việc nâng cao và chuẩn hóa trình độ đội ngũ CBNV. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên mở các lớp đào tạo nâng cao tay nghề và kỹ năng chuyên môn cho CBNV, đặc biệt là các vị trí mang tính chất kế thừa.

Hiện nay, với hơn 40% lao động có độ tuổi dưới 35, Công ty đang có nguồn nhân lực trẻ dồi dào, luôn năng động, nhiệt tình, sáng tạo và sẵn sàng cho mọi thử thách. Mặt khác, 44% CBNV có thâm niên làm việc trên 5 năm là điều hết sức lý tưởng cho việc đào tạo đội ngũ kế thừa và truyền đạt kinh nghiệm.

Với những yếu tố vừa nêu, TTCS hoàn toàn có khả năng đáp ứng nguồn nhân lực về chất lượng và số lượng cho nhu cầu mở rộng quy mô. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh và nhanh hơn nữa việc đào tạo đội ngũ kế thừa cũng như nâng cao trình độ chuyên môn cho các vị trí quan trọng cần kế thừa.

➤ **Đào tạo:** Nhằm bổ sung kiến thức, đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã tổ chức, hoàn tất 62 khóa đào tạo với 2.290 lượt và chi phí đào tạo là 1.138.113.158 đồng. Dự kiến chú trọng hơn nữa công tác đào tạo nội bộ cũng như công tác tuyển dụng hướng đến gia tăng tỷ trọng nhóm CBNV trình độ đại học nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

Qua đó, năng suất lao động niên độ 2015 - 2016 được cải thiện đáng kể đạt 319 tấn đường/người, tăng 26% so với kế hoạch và tăng 10% so với cùng kỳ.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

➤ **Quản lý hệ thống văn bản lập quy:** Hệ thống văn bản lập quy được cập nhật, điều chỉnh định kỳ hàng năm thông việc lập Kế hoạch lập quy hàng năm và đột xuất theo yêu cầu thực tế, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Văn bản lập quy sau khi ban hành được phổ biến đến toàn thể CBNV với hình thức đa dạng (tổ chức thi tìm hiểu văn bản lập quy, phổ biến trực tiếp tại từng Đơn vị bởi Trưởng Đơn vị). Qua đó, giúp CBNV hiểu rõ và áp dụng được VBLQ vào hoạt động hàng ngày. Từ đó, giúp hệ thống được vận hành hiệu quả, an toàn, giảm thiểu rủi ro.

➤ **Công tác ISO:** Xây dựng Bộ tiêu chuẩn sản phẩm TTCS về các sản phẩm đường tinh luyện, đường trắng, đường Diamond, đường vàng thiên nhiên, đường nâu tự nhiên. Thực hiện công bố chất lượng sản phẩm TTCS: sản phẩm đường và nước uống đóng chai.

➤ **Công tác môi trường:** Thường xuyên kiểm soát môi trường, tổ chức các buổi đánh giá chéo nhằm duy trì và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn, sức khỏe lao động và thực hiện 5S. Trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã đạt giải truyền thông môi trường "Thương hiệu vì môi trường"; "Sản phẩm thân thiện với môi trường"; "Nhà máy xanh thân thiện".



NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT **NIÊN ĐỘ 2015 - 2016**

NGÀY	HUÂN CHƯƠNG VÀ DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
08/2015	Huân chương Lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2015	Chứng nhận ISO 22000:2005, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004	Bureau Veritas Certification
30/10/2015	Bằng khen “Sao Vàng Đất Việt Top10/Top100/Top200 thương hiệu Việt Nam 2015”	Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam
2015	Bông Lúa vàng Việt Nam 2015	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
	Danh hiệu “Doanh nhân - Doanh nghiệp xuất sắc ASEAN 2015, Thương hiệu được yêu thích nhất ASEAN 2015 và Sản phẩm - Dịch vụ chất lượng ASEAN 2015”	
13/01/2016	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	VNR
21/02/2016	Chứng nhận “Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2015”	Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao
03/06/2016	Chứng nhận “Gold Strusted Quality Supplier 2016”	Viện doanh nghiệp Việt Nam
09/2016	Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2016	Brand Finance Việt Nam (Trụ sở tại Anh)
	Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất 2015	Forbes Việt Nam
	Top 30 Báo cáo Thường niên tốt nhất 2015	Sở GDCK Hồ Chí Minh & Báo Đầu Tư
09/2016	Top 50 Thương hiệu tiêu biểu trong hội nhập kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	
	Top 50 Thương hiệu vì Môi trường xanh quốc gia; Top 50 Nhà máy xanh thân thiện; Top 10 Sản phẩm thân thiện có lợi cho người tiêu dùng	Hội kinh tế môi trường Việt Nam; Chương trình truyền thông xây dựng và phát triển nền kinh tế xanh quốc gia
	Top 10 Thương hiệu - sản phẩm - dịch vụ hàng đầu Việt Nam 2016	Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam (Vatap) phối hợp cùng Tạp chí Hàng hoá và Thương hiệu chứng nhận
16/09/2016	Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu 2015	Trung Ương Hội Nông dân Việt Nam
08/2016	Thương vụ Hợp nhất - Sáp nhập tiêu biểu 2015 - 2016	Báo Đầu tư và AVM Việt Nam
	Giấy khen “Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2015”	Tổng Cục Thuế



“

HÀI HOÀ LỢI ÍCH GIỮA NÔNG DÂN, NHÀ MÁY, KHÁCH HÀNG VÀ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, GẮN KẾT LÂU DÀI VỚI NÔNG DÂN, CUNG CẤP SẢN PHẨM SẠCH CHO CỘNG ĐỒNG VÀ MANG LẠI GIÁ TRỊ CỘNG ĐỒNG.”

”



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN **NIÊN ĐỘ 2016 - 2017**

CÁC MỤC TIÊU NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017

Công ty xác định mục tiêu chiến lược trong thời gian tới: “DUY TRÌ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - MỞ RỘNG QUY MÔ - TIẾP TỤC NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG”.

Niên vụ 2016 - 2017 Công ty thực hiện chủ trương ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ; xây dựng cánh đồng kiểu mẫu, cánh đồng mẫu lớn nhằm thực hiện cơ giới hóa giúp tiết giảm giá thành sản xuất.

Tập trung công tác nghiên cứu R&D tối ưu hiệu quả thông qua sản phẩm cạnh và sau đường nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh: Tiếp tục nghiên cứu các đề tài cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả thiết thực cho nhà máy. Cải tiến xưởng làm áp chuyên nghiệp tối ưu hóa hiệu suất thu hồi. Tiếp tục kiểm soát sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm suất tiêu hao hơi và điện.

Phát huy sức mạnh từ nguồn lực nhân viên trẻ, nhiệt huyết, ứng dụng tối đa công nghệ sinh học trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Tạo ra các sản phẩm có giá trị, thân thiện với môi trường từ nguồn nguyên liệu sẵn có. Đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm của khách hàng, bảo vệ sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

Tập trung phát triển thị trường theo hướng tái cấu trúc kênh tiêu thụ. Tập trung sản phẩm vào phân khúc kênh tiểu thủ công nghiệp để tối ưu hóa giá bán. Nghiên cứu phương án logistic tối ưu hóa chi phí và đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của các kênh công nghiệp nhỏ. Triển khai các giải pháp đồng bộ cho công ty con và công ty thành viên nhằm kiểm soát tốt công tác logistic và giảm chi phí vận chuyển.

Tối ưu hóa hoạt động tài chính, tái cơ cấu danh mục đầu tư tập trung vào các công ty cùng ngành, cùng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nhằm sử dụng thế mạnh của TTCS về kinh nghiệm, công nghệ,... gia tăng lợi thế cạnh tranh giữa các công ty, đa dạng hóa sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành đường.

Kiểm toàn công tác quản lý hệ thống về VBLQ, hệ thống quản lý ERP, FRM, CRM,... hỗ trợ tối ưu cho công tác quản trị điều hành Công ty.

Nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBNV Công ty nhằm hoàn thành và đảm bảo mục tiêu lợi nhuận trước thuế niên độ 2016 - 2017 đạt 315 tỷ đồng.

MỤC TIÊU

01

Diện tích mía nguyên liệu vụ 16/17

23.000 HA

MỤC TIÊU

02

Doanh thu thuần

4.000 TỶ ĐỒNG

MỤC TIÊU

03

Lợi nhuận trước thuế

315 TỶ ĐỒNG

MỤC TIÊU

04

Kiến toàn công tác quản lý hệ thống **VBLQ**
 hệ thống quản lý **ERP, FRM, CRM**



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2016 - 2017

Từ định hướng hoạt động vụ 2016 - 2017, Công ty đã cụ thể hóa thành các mục tiêu.

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2015 - 2016	KH 2016 - 2017	%TH/KH
Diện tích mía	Ha	22.861	23.000	101%
Sản lượng mía ép	Tấn	1.465.253	1.440.000	98%
Đường thô nguyên liệu	Tấn	102.186	90.000	88%
Đường thành phẩm	Tấn	232.111	220.000	95%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.027	4.000	99%
Tổng LNTT	Tỷ đồng	310	315	98%

(Số liệu theo KHNS hợp nhất)

1.440.000

TẤN

SẢN LƯỢNG MÍA ÉP

220.000

TẤN

ĐƯỜNG THÀNH PHẨM

B C T N 2 0 1 5 - 2 0 1 6

85



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2016 - 2017 (tiếp theo)

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2016 - 2017

Công tác nguyên liệu

Công ty xác định giải pháp trọng tâm niên độ 2016 - 2017 là ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ, áp dụng cơ giới hóa vào quá trình canh tác,... cụ thể gồm các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- **Ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ:** Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư cơ giới hóa, hỗ trợ kỹ thuật, tiếp tục chú trọng đầu tư trong cây sâu và tưới nhằm gia tăng hiệu quả trồng mía. Tăng cường công tác phát triển quỹ đất nông trường, tăng tính chủ động về nguyên liệu. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác, tăng năng suất, chất lượng mía.
- **Áp dụng cơ giới hóa và kỹ thuật canh tác tiên tiến:** Đẩy mạnh cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khâu thu hoạch, tăng cường áp dụng các hệ thống tưới hữu hiệu nâng cao năng suất mía; hỗ trợ kỹ thuật canh tác đến khách hàng thông qua các quy trình canh tác cho từng khu vực, quy chuẩn bón phân hiệu quả, tiết kiệm; tổ chức trình diễn các mô hình mía mẫu, điểm trình diễn; kiểm soát giống mía theo cơ cấu giống phù hợp với từng vùng nguyên liệu.
- **Kiểm soát tốt công tác quản lý thu hoạch:** Thông qua việc ban hành các tiêu chí, quy chuẩn về mía chín, mía sạch, mía tươi, chặt đúng chuẩn; kiểm soát tỷ lệ mía cháy dưới 8%, tỷ lệ tạp chất dưới 5%.

Công tác kỹ thuật sản xuất

- **Công tác R&D:** Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới cạnh đường và sau đường đáp ứng nhu cầu thị trường và khách hàng, nâng cao lợi thế cạnh tranh.
- **Công tác đầu tư mới, bảo trì bảo dưỡng - Cải tiến kỹ thuật:** Nghiên cứu các đề tài cải tiến kỹ thuật, giải pháp giảm độ đục nước chè trong máy lã, giải pháp giảm floc, vón cục trong đường thành phẩm; cải tiến xưởng làm áp chuyên nghiệp tối ưu hóa hiệu suất thu hồi; kiểm soát sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm suất tiêu hao hơi và điện.
- **Công tác đào tạo, nhân sự:** Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học kỹ năng mềm; đào tạo nhân viên đa năng để linh động trong phân công và điều phối công việc. Khuyến khích nhân viên tự đào tạo, tìm tòi học hỏi, chủ động trong công việc. Bên cạnh đó, chú trọng công tác đào tạo cán bộ kế thừa để chủ động nguồn lực cho giai đoạn phát triển sắp tới.

Công tác kinh doanh

- **Tập trung phát triển thị trường theo hướng tái cấu trúc kênh tiêu thụ:** Tối ưu hóa công tác logistic và dịch vụ chăm sóc khách hàng: nhằm tiết giảm chi phí và đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.
- **Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ:** Thường xuyên phối hợp giữa sản xuất và kinh doanh cho ra các thành phẩm đường ổn định về chất lượng tuyệt đối trước khi đến kho khách hàng; liệt kê các khách hàng khó tính để sản xuất chú ý và đảm bảo sự tin



tường của khách hàng vào sản phẩm; điều phối giao hàng đúng thời gian và tiến độ đã quy định.

- **Nhân sự, đào tạo:** Tiếp tục nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân viên bán hàng thông qua hình thức huấn luyện thực tế trên thị trường, đào tạo kỹ năng chuyên sâu,...

Công tác tài chính

- **Tối ưu hóa hoạt động tài chính:** Tăng cường khai thác các nguồn vốn lãi suất thấp tạo nguồn tài trợ cho các dự án phát triển. Xây dựng cấu trúc tài chính lành mạnh, an toàn và hiệu quả. Xây dựng cấu trúc vốn hợp lý, đảm bảo khả năng thanh khoản, tận dụng hiệu ứng tích cực của đòn cân nợ, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần gia tăng giá trị cho TTCS.

- **Cơ cấu danh mục đầu tư hiệu quả, cùng ngành:** Đầu tư vào các công ty ngành đường có tỷ lệ cổ tức cao và công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- **Phát huy vai trò tham mưu** trong công tác xây dựng và điều hành kế hoạch.

Công tác nhân sự

Nâng cao năng lực chuyên môn và năng suất lao động; xây dựng hệ thống đánh giá năng lực CBNV; xây dựng chiến lược nhân sự, lộ trình thăng tiến cụ thể; chuẩn hóa hệ thống, cơ chế chính sách đãi ngộ; thiết lập KPIs niên độ 2016 - 2017; tổ chức sinh hoạt CLB Anh văn,

tạo văn hóa, môi trường chuyên nghiệp; tổ chức đào tạo 15 chuyên đề và 70 khóa đào tạo bên ngoài.

Công tác đào tạo

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học kỹ năng mềm; đào tạo nhân viên đa năng nhằm linh động trong phân công và điều phối công việc.

- Khuyến khích nhân viên tự đào tạo, tìm tòi học hỏi, chủ động trong công việc. Đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nhân sự kế thừa nhằm chủ động nguồn lực cho giai đoạn phát triển sắp tới.

- Tiếp tục nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân viên bán hàng thông qua hình thức huấn luyện thực tế trên thị trường, đào tạo kỹ năng chuyên sâu,...

Công tác quản lý hệ thống

- **Kiện toàn công tác quản lý hệ thống:** Cải tiến và ban hành VBLQ và kiện toàn hệ thống VBLQ theo hướng phù hợp với thực tiễn hoạt động và kiểm soát tốt các rủi ro có thể phát sinh.

- **Hoàn thiện công tác quản lý thu hoạch và ứng dụng CNTT:** Hoàn thiện phần mềm FRM giai đoạn 1, tiếp tục thực hiện công tác giai đoạn 2 đáp ứng hơn nữa nhu cầu quản lý trong nông nghiệp.

- Nhân rộng mô hình quản lý hiện đại tại các công ty con thông qua ứng dụng ERP, FRM, CRM.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



BÁO CÁO GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

**TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÃ ĐƯA CÔNG TY
HOÀN THÀNH VÀ
VƯỢT KẾ HOẠCH,
MỤC TIÊU MÀ
ĐHĐCĐ ĐÃ
THÔNG QUA TRÊN
NHIỀU CHỈ TIÊU
CHỦ YẾU ”**

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS).
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm tài chính 2014 - 2015.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014 - 2015 và HĐQT trong năm 2015 - 2016. Kết quả như sau:

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, HĐQT đã nghe báo cáo đánh giá hoạt động của TGD và kịp thời chỉ đạo các giải pháp trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tháng 12 năm 2015.

Trong quá trình điều hành, TGD cũng thường xuyên báo cáo về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. HĐQT cùng với TGD đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, Trưởng Ban Kiểm soát đại diện cho BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và Ban Điều hành có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các quyết định của HĐQT và TGD nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc TTCS thường xuyên trao đổi và làm việc với Phòng Kiểm soát nội bộ thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng và kế hoạch hành động cụ thể để phòng ngừa rủi ro, qua đó góp ý cho TGD trong công việc điều hành doanh nghiệp.

HĐQT thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

TỔNG SẢN LƯỢNG MÍA ÉP
912.941
TẤN

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Năm 2015 - 2016 đã biến động theo xu hướng có nhiều yếu tố thuận lợi hơn đối với ngành đường so với các năm trước, dưới sự điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể BĐH đã linh hoạt và nhanh nhạy nắm bắt các thời điểm thuận lợi để trình HĐQT thông qua các chủ trương lớn quan trọng, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty trong năm qua. Kết quả: Tổng Giám đốc đã đưa Công ty hoàn thành và vượt kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu.

Tình hình thực hiện các chiến lược Công ty trong năm tài chính 2015 - 2016:

Trong năm 2015 - 2016, Tổng Giám đốc đã từng bước chỉ đạo triển khai thực hiện, xây dựng KHHĐ triển khai các mục tiêu chiến lược của Công ty giai đoạn 2016 - 2020 đã được HĐQT phê duyệt, cụ thể:

- Hoàn thành thủ tục M&A và niêm yết bổ sung trên HOSE đối với CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC) vào CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh: tháng 11/2015.
- Quyết định tham gia mua vốn đầu tư tại CTCP Mía đường Tây Ninh, CTCP Xuất Nhập khẩu Bến Tre hiện thực hóa chiến lược M&A với công ty cùng ngành có lợi thế cạnh tranh tiềm năng.
- Cải tiến và đổi mới chính sách nông nghiệp phù hợp mục tiêu củng cố, phát triển mở rộng vùng nguyên liệu Công ty theo hướng bền vững, ổn định, thâm canh và cơ giới hóa sâu rộng.
- Chuẩn hóa hệ thống chứng nhận chất lượng sản phẩm cho toàn bộ các nhà máy do Công ty quản lý theo lộ trình cụ thể, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về ATVSTP.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới R&D, thành lập Ban R&D chuyên trách nhằm đa dạng hóa các sản phẩm của Công ty.
- Xây dựng và ban hành IT-Roadmap nhằm CNTT hóa các hệ thống phần mềm quản lý, triển khai ERP, các dự án CNTT đồng bộ hóa dữ liệu của Khối Nguyên liệu, Khối Kỹ thuật sản xuất, Nhà máy... nhằm tối ưu hóa, chuyên nghiệp hóa quản lý và khai thác các nguồn lực, cơ sở dữ liệu.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Kết quả hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao trong niên độ 2015 - 2016:

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015 - 2016	TH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016	% TH/KH	NIÊN ĐỘ 2014 - 2015	% 15/16 SO 14/15
A	Sản lượng mía ép	Tấn	860.000	912.941	106%	884.420	103%
B	Sản lượng đường thô	Tấn	55.000	102.186	186%	63.375	161%
C	Sản lượng sản xuất						
1	Đường	Tấn	142.831	180.619	126%	140.056	129%
2	Mật rỉ	Tấn	46.850	50.646	108%	46.663	109%
3	Điện thương phẩm	Mwh	38.700	38.053	98%	38.447	99%
D	Sản lượng tiêu thụ						
1	Đường	Tấn	163.501	216.212	132%	133.892	158%
2	Mật rỉ	Tấn	45.000	42.462	94%	60.684	70%
3	Điện thương phẩm	Mwh	38.700	38.122	99%	38.569	99%
E	Kết quả kinh doanh hợp nhất						
1	Doanh thu thuần hợp nhất	Tr.đ	3.306.000	4.027.232	119%	2.066.900	195%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đ	220.000	310.076	141%	208.305	149%

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất năm
2016 do Forbes bình chọn

TOP 30

Công ty có Báo cáo thường niên
tốt nhất năm 2015

TOP 500

Công ty lớn nhất Việt Nam
VNR 500 do Báo Vietnamnet
bình chọn

B
C
T
N
2
0
1
5
-
2
0
1
6

90

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

Mặc dù gặp khó khăn vì vụ 2015 - 2016, giá mía giảm dẫn đến tình trạng người dân không mạnh dạn đầu tư cây mía, tuy nhiên Khối Nguyên liệu TTCS đã tiên phong vận động, xây dựng chính sách đầu tư và thu mua phù hợp, kết quả vụ 15/16 tổng sản lượng mía nguyên liệu đưa về nhà máy đạt 912.941 tấn vượt +6% so với kế hoạch.

Niên vụ 2015 - 2016 tổng diện tích phát triển cho vụ thu hoạch 2016 - 2017 dự kiến đạt ở mức 12.300 ha.

Tổng diện tích tưới mía qua 3 vụ theo xu hướng tăng dần, cụ thể vụ 2015 - 2016 đạt 6.500 ha tăng +20% so với cùng kỳ và tăng gần 100% so với thực hiện vụ 2013 - 2014.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Sản lượng và chất lượng: Niên vụ sản xuất 2015 - 2016 Công ty đã tổ chức ép thành công hơn 912.941 tấn mía vượt 6% so với kế hoạch; cùng với sản lượng đường thô đưa vào hòa tan đạt mức kỷ lục qua các năm tương ứng ở mức hơn 102.186 tấn và vượt hơn +86% kế hoạch nâng tổng sản lượng đường thành phẩm cả vụ đạt 180.169 tấn vượt 26% mục tiêu đề ra và tăng 29% so với thực hiện vụ 2014 - 2015.



Chất lượng đường thành phẩm có sự cải thiện vượt bậc khi sản phẩm không phù hợp được kiểm soát ở mức tối đa; cụ thể giảm hơn 93% sản phẩm đường bị vón cục so với vụ trước.

CÔNG TÁC KINH DOANH

Trong niên độ 2015 - 2016 sản lượng tiêu thụ đường của Công ty đạt 216.212 tấn vượt +32% so với kế hoạch, +56% so với cùng kỳ 2014 - 2015.

Công ty tiếp tục duy trì được lượng khách hàng ổn định, giữ vững thị phần đồng thời chủ yếu phát triển chuỗi khách hàng tại kênh công nghiệp vừa và nhỏ.

Đẩy mạnh kênh tiêu thụ xuất khẩu để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và luyện đường, cung ứng đầy đủ cho các đối tác có nhu cầu sản xuất và xuất khẩu.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trong niên độ 2015 - 2016, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài chính thông qua việc phát hành thành công gói trái phiếu doanh nghiệp 1.000 tỷ đồng, qua đó cân đối lại tỷ trọng nợ vay duy trì ở mức bình quân 40% ngắn hạn, 60% trung dài hạn trên tổng nợ, giúp Công ty chủ động vốn cũng như gia tăng khả năng thanh khoản đáp ứng tốt về nguồn cho các dự án đầu tư trọng điểm.

Phát hành thành công cổ phiếu ESOP tỷ lệ 5% cho CBNV, nâng tổng quy mô vốn điều lệ lên 1.947 tỷ đồng, nâng cao năng lực tài chính Công ty.

Niên độ vừa qua, Công ty cũng đã triển khai thành công và vận hành hệ thống ERP (giai đoạn 1), chuẩn bị tiến hành giai đoạn 2 trong công tác quản lý kế toán nhằm hỗ trợ tốt hơn về quản trị doanh nghiệp.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Năng suất lao động toàn Công ty được cải thiện thông qua việc tái cấu trúc toàn Công ty cũng như hoàn tất trong thực hiện giao và đánh giá hiệu quả công việc theo

Balance Scorecard (BSC), KPI kết quả ghi nhận năng suất lao động gia tăng cụ thể niên độ 2015 - 2016 thực hiện tăng +29% so với cùng kỳ.

Triển khai xây dựng hệ thống đào tạo và quy hoạch đội ngũ nhân sự kế thừa giai đoạn 2016 - 2020.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP & TUÂN THỦ

Tổng Giám đốc đã triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch nhân sự kế thừa cho cấp quản lý của Công ty, khuyến khích và phát triển các hình thức đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBNV, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa.

Tổng Giám đốc quan tâm hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý cho công tác điều hành hoạt động được thông suốt, minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy chế, quy định Công ty.

Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ tất cả các Nghị quyết, Quyết định và chủ trương chỉ đạo định hướng của Hội đồng Quản trị.

KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong niên độ 2015 - 2016, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Trân trọng!

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

Phạm Hồng Dương

BÁO CÁO GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm tài chính 2014 - 2015,

Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2015 - 2016 như sau:



PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Theo quy định tại Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với thành viên BĐH. Trên cơ sở xác định các ưu tiên công việc của HĐQT và thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT đã đánh giá các thành viên Ban Điều hành trên cơ sở sử dụng bảng kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc đối với thành viên BĐH. Nội dung đánh giá tập trung vào việc BĐH thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên BĐH được đánh giá trên cả 2 phương diện: Kết quả thực hiện các KPI Công ty - Kết quả KPI của Khối phụ trách.

HĐQT Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Việc giám sát thực hiện qua các phiên họp định kỳ của HĐQT, qua việc tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp giao ban, các cuộc họp sơ kết, tổng kết năm, các cuộc họp nội bộ để xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành gửi đến HĐQT để bám sát tình hình hoạt động sản xuất, đồng thời chỉ đạo kịp thời thực hiện các quyết sách và định hướng của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng đánh giá thi đua đánh giá của từng thành viên BĐH và TGD dựa trên kết quả hoạt động năm 2015 - 2016 thông qua hệ thống các tiêu chí KPIs cụ thể của mỗi thành viên BĐH.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Năm 2015 - 2016, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, toàn thể CBNV đã nỗ lực vượt bậc bắt kịp thời cơ thị trường. Do đó, Ban Điều hành đã đưa Công ty hoàn thành xuất sắc và vượt kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu. Vị thế dẫn đầu và uy tín của Công ty trên thị trường tiếp tục được duy trì và củng cố vững chắc, thể hiện đặc biệt rõ nét ở việc giữ vững và phát

triển thị phần khách hàng công nghiệp, sản lượng đường Công ty đạt mức kỷ lục, cao nhất trong ngành mía đường Việt Nam vụ 2015 - 2016: hơn 180.000 tấn đường cung ứng ra thị trường.

Tinh thần nghiên cứu, tìm tòi các giải pháp nhằm gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh được CBNV hưởng ứng nhiệt tình và mang lại những kết quả cụ thể, nhiều sáng kiến đã được nghiệm thu đánh giá và mang tính thực tiễn rất cao. Điển hình như dự án cải tiến hệ số trích ly khu xử lý mía đã góp phần làm giảm tỷ lệ tổn thất, giúp Công ty nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm giá thành sản xuất.

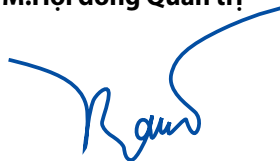
KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ

Theo đánh giá của HĐQT, Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong niên độ 2015 - 2016, đồng thời tuân thủ nghiêm túc các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo điều lệ, quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

Kết quả đánh giá các thành viên BĐH được cung cấp, thuyết minh đầy đủ cho Hội đồng đánh giá thi đua của Công ty xem xét, trước khi đưa ra kết luận. Kết thúc niên độ 2015 - 2016, theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên BĐH bao gồm Tổng Giám đốc và các Giám đốc điều hành đều được xếp loại xuất sắc trong hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.

Trân trọng!

TM.Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Thu Trang

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS).
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm tài chính 2014 - 2015.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện chức năng định hướng, giám sát hoạt động Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm tài chính 2015 - 2016. Kết quả như sau:

Trong năm tài chính, HĐQT đã tổ chức 68 phiên họp thường kỳ lẫn phiên họp bất thường với sự tham gia của Trưởng Ban Kiểm soát và Ban Điều hành để hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty. Ngoài các phiên họp trên, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các TV.HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển nguồn lực, hoạt động đầu tư, điều chỉnh cơ

- Thông qua định hướng chiến lược phát triển cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020.
- Quyết định đầu tư chiến lược tại CTCP Mía đường Tây Ninh thông qua đấu giá cổ phần hóa; CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre.
- Quyết định phát hành trái phiếu doanh nghiệp giá trị 1.000 tỷ đồng.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai áp dụng các biện pháp để tăng năng suất, chất lượng mía, năng suất mía, nâng cao hiệu suất thu hồi đường, tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh về giá.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư niên độ 2015 - 2016, cùng các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015 - 2016.

Trân trọng!

TM.Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch



Lê Văn Đình

cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; ban hành các văn bản, quy định nội bộ. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các TV.HĐQT và trên cơ sở lợi ích của các cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty. Cụ thể trong niên độ 2015 - 2016 vừa qua, HĐQT đã thông qua các Nghị quyết quan trọng:

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS).

Định hướng của HĐQT trong năm tài chính 2016 - 2017 là tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư phát triển nguyên liệu và đầu tư xây dựng cơ bản, hạ giá thành cạnh tranh, tạo thế phát triển vững chắc những năm tiếp theo. Nghiên cứu hiệu quả để quyết định tham gia hoạt động M&A thông qua mua vốn cổ phần tại các công ty mục tiêu tiềm năng trong cùng ngành. Các mục tiêu cụ thể như sau:

- Bám sát tình hình thực tế, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.
- Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đầu tư công tác R&D, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Tăng cường củng cố và mở rộng vị thế, thị phần kênh tiêu dùng; đồng thời đẩy mạnh phát triển kênh tiểu thủ công nghiệp, khách hàng vừa và nhỏ; kênh xuất khẩu.
- Tích cực chỉ đạo tập trung công tác phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, năng suất cao, quản lý trên CNTT FRM. Chú trọng áp dụng thực hiện cơ giới hóa và triển khai từng bước đưa công tác thủy lợi vào cánh đồng mía.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tổ chức các phiên họp bất thường để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. Định kỳ tổ chức các phiên họp với Ban Tổng Giám đốc để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với yêu cầu mới và các văn bản pháp quy hiện hành, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và kiện toàn các tiểu ban, bộ máy chuyên môn giúp việc HĐQT theo các chuẩn mực quản trị Công ty.

Với những định hướng nêu trên, trong niên độ 2015 - 2016 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ niên độ 2015 - 2016 sẽ tổ chức trong tháng 10/2016.

Trân trọng!

TM.Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Phạm Hồng Dương



3

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 98 Hội đồng Quản trị
- 102 Ban Kiểm soát
- 106 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
- 114 Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty
- 114 Kế hoạch hành động và thành lập các tiểu ban chuyên trách thuộc HĐQT
- 116 Kế hoạch và mục tiêu cải thiện ma trận mức độ quản trị doanh nghiệp

Tăng trưởng
LÀ PHƯƠNG THỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	CPSH CHỐT NGÀY 30/06/2016	TỶ LỆ	CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÔNG TY KHÁC
1	Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	1.319.485	0,69%	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công
2	Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	1.158.600	0,59%	Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai
3	Đặng Huỳnh Úc My	TV.HĐQT	3.034.130	1,56%	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần XNK Bến Tre Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
4	Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	87.700	0,05%	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công
5	Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	578.600	0,30%	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường Nước Trong Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh Thành viên HĐQT CTCP Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công

Sự thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị trong niên độ 2015 - 2016:

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	CHỨC VỤ	THỜI GIAN LÀM VIỆC TRONG NIÊN ĐỘ		LÝ DO THAY ĐỔI
			Từ	Đến	
1	Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	
2	Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	
3	Đặng Huỳnh Ước My	TV.HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	
4	Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	19/12/2015	30/06/2016	Bầu bổ sung theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
5	Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	19/12/2015	30/06/2016	
6	Lê Quang Hải	TV.HĐQT	14/09/2015	19/12/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
7	Lê Ngọc Thông	TV.HĐQT	01/07/2015	19/12/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
8	Nguyễn Bá Chủ	TV.HĐQT	01/07/2015	14/09/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
9	Võ Tòng Xuân	TV.HĐQT	01/07/2015	19/12/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
10	Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	01/07/2015	30/06/2016	
11	Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên BKS	19/12/2015	30/06/2016	Bầu bổ sung theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
12	Huỳnh Thành Nhân	Thành viên BKS	19/12/2015	30/06/2016	Bầu bổ sung theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
13	Lê Văn Hòa	Thành viên BKS	01/07/2015	19/12/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ
14	Phạm Trung Kiên	Thành viên BKS	01/07/2015	19/12/2015	Chuẩn y từ nhiệm theo Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban nằm trong Hội đồng Quản trị mà phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng theo quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị. Đối với các công việc quan trọng, cần nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng Quản trị sẽ ra quyết định thành lập hội đồng/ban. Trong niên độ 2015 - 2016, có các ban sau đã hoạt động:

STT	TÊN BAN QLDA	SỐ QĐ	NGÀY
1	Quyết định điều chỉnh thành phần BQLDA xây dựng kho chứa đường 12.000 tấn	83/2015/QĐ-TGĐ	11/08/2015
2	Quyết định thành lập BQLDA xây dựng hệ thống kênh tưới Nông trường Biên giới	134/2016/QĐ-HĐQT	17/11/2015
3	Quyết định thành lập BQLDA đầu tư xây dựng kho Tân Kim	08a/2016/QĐ-HĐQT	28/01/2016
4	Quyết định thành lập BQLDA sản xuất và kinh doanh nước Miaqua	61/2016/QĐ-HĐQT	01/06/2016
5	Quyết định thành lập BQLDA sản xuất đường Organic	55/2016/QĐ-HĐQT	20/05/2016
6	Quyết định thành lập BQLDA cải tạo kho 12.000 tấn	52/2016/QĐ-HĐQT	16/05/2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tiếp theo)

Từ **01/07/2015** đến **30/06/2016**

Hội đồng Quản trị đã tiến hành 68 cuộc họp

68
CUỘC HỌP

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THỜI GIAN	SỐ CUỘC HỌP	NỘI DUNG CHÍNH
7/2015	6	Thuận duyệt phương án đầu tư, kế hoạch đầu thầu Bến thủy nội địa Năm Chỉ, hệ thống cấp thoát nước, PCCC.
8/2015	8	Bán cổ phiếu Quý.
9/2015	6	Duyệt kế hoạch mua đường thô nhập khẩu.
10/2015	2	Ủy quyền sử dụng tài khoản và các dịch vụ tại ngân hàng.
11/2015	8	Mở tài khoản vay vốn và duy trì hạn mức tín dụng tại ngân hàng.
12/2015	7	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị. Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa. Chuyển đổi loại hình và cử nhân sự tham gia Hội đồng thành viên CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai. Thay đổi mẫu con dấu. Mua cổ phần làm nhà đầu tư chiến lược tại Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh. Tạm ứng cổ tức niên độ 2014 - 2015. Thông qua các hợp đồng vay, hạn mức tín dụng và bảo lãnh vay vốn.
1/2016	7	Chọn đơn vị thực hiện Báo cáo Tài chính niên độ 2015 - 2016.
2/2016	5	Cử nhân sự đại diện phần vốn góp và tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh.
3/2016	7	Cử nhân sự đại diện phần vốn góp và tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh.
4/2016	1	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình tự chọn cho người lao động.
5/2016	6	Triển khai các hoạt động trọng tâm.
6/2016	5	Thay đổi nhân sự Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai. Chuyển nhượng quyền sở hữu công trình và quyền sử dụng đất thuê Khối văn phòng Sacombank thuộc dự án EBTN. Thông qua phương án phát hành trái phiếu. Mua cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre. Bán cổ phần Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

Tỷ lệ tham dự của các thành viên trong Hội đồng Quản trị:

Giai đoạn: Từ 01/07/2015 - 31/12/2015

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	38	100%	-
2	Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	38	100%	-
3	Đặng Huỳnh Ước My	TV.HĐQT	38	100%	-
4	Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	4	100%	-

5	Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	4	100%	-
6	Nguyễn Bá Chủ	TV.HĐQT	22	100%	-
7	Võ Tòng Xuân	TV.HĐQT	34	100%	-
8	Lê Quang Hải	TV.HĐQT	17	100%	-
9	Lê Ngọc Thông	TV.HĐQT	23	100%	-

Giai đoạn: Từ 01/01/2016 - 30/06/2016

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	30	100%	-
2	Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	30	100%	-
3	Đặng Huỳnh Ước My	TV.HĐQT	30	100%	-
4	Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	30	100%	-
5	Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	30	100%	-

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Với vai trò chất vấn, giám sát, kiểm soát công tác quản lý công ty, thành viên HĐQT độc lập góp phần bảo vệ lợi ích chung của cổ đông và trong những năm vừa qua, ông Lê Văn Dĩnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Niên độ 2015 - 2016, tuy tuổi đã cao nhưng với nền kiến thức và kinh nghiệm dày dặn, hơn 50 năm tham gia vào lĩnh vực mía đường ông đã hỗ trợ tham mưu cho HĐQT và BĐH trong lĩnh vực kỹ thuật vận hành nhà máy, các dự án sản xuất đường Organic, nước mía không ngọt Miaqua, đường lỏng, ... Trong niên độ tiếp theo, ông sẽ tiếp tục đồng hành cùng TTCS cũng như nỗ lực không ngừng để hoàn thành các nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhằm nâng cao chất lượng Quản trị Công ty trong các công ty cổ phần đại chúng, các lãnh đạo của Công ty đã trực tiếp tham dự và hoàn thành xuất sắc các chương trình Đào tạo Quản trị cho các công ty cổ phần đại chúng, góp phần nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường hiệu quả hoạt động, tăng khả năng huy động vốn của các công ty, nâng cao tính minh bạch của thị trường, cập nhật kiến thức và kỹ năng về Quản trị Công ty theo đúng quy định pháp lý Việt Nam và chuẩn mực quốc tế,...

Đây là các chương trình đào tạo thiết thực do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng với Trung tâm Nghiên cứu Khoa học & Đào tạo Chứng khoán tổ chức và cấp chứng chỉ cho các lãnh đạo, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CHỨNG CHỈ	NGÀY CẤP
1	Đặng Huỳnh Ước My	TV.HĐQT	Số 30 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013
2	Lê Văn Dĩnh	TV.HĐQT	Số 06 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013
3	Nguyễn Văn Đệ	P.TGD	Số 05 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013
4	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	Số 59 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013

Các thành viên HĐQT khác, vì điều kiện công tác hiện chưa sắp xếp tham dự được các khóa đào tạo Chứng chỉ Quản trị Công ty do Sở GD&ĐT HOSE tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

CÁC KIỂM SOÁT VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

STT	KIỂM SOÁT VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU CHỐT NGÀY	TỶ LỆ (%)	CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÔNG TY KHÁC
1	Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	1.060.370	0,54%	Kiểm soát viên - Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
2	Nguyễn Xuân Thanh	Kiểm soát viên	40.400	0,02%	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai
3	Huỳnh Thành Nhân	Kiểm soát viên	21.500	0,01%	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh

SỰ THAY ĐỔI KIỂM SOÁT VIÊN TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Trong niên độ 2015 - 2016, theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên niên độ 2014 - 2015 ngày 18/12/2015, Đại hội đồng Cổ đông đã chuẩn y thôi nhiệm chức vụ Kiểm soát viên của ông Phạm Trung Kiên và ông Lê Văn Hòa kể từ ngày 19/12/2015. Đồng thời, thông qua kết quả bầu bổ sung BKS nhiệm kỳ 2012 - 2016 với hai kiểm soát viên là ông Nguyễn Xuân Thanh và ông Huỳnh Thành Nhân.

CÁC PHIÊN HỌP CỦA BKS

BKS bao gồm 3 thành viên được ĐHCĐ tin tưởng, giao trọng trách thực hiện các công việc giám sát hoạt động của toàn Công ty theo các quy định của pháp luật. Trong niên độ tài chính 2015 - 2016, được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và BĐH, BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Đồng thời, BKS còn đưa ra những khuyến nghị kịp thời nhằm hạn chế những rủi ro, nâng cao chất lượng quản lý trong quá trình hoạt động của Công ty.

BKS đã tổ chức các cuộc họp để sắp xếp lại tình hình nhân sự và đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

- Tháng 12/2015: Tổ chức họp để thống nhất bầu lại Trưởng BKS;
- Tháng 12/2015: Tổ chức họp để tiến hành phân công nhiệm vụ của các Kiểm soát viên;
- Tháng 01/2016: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu niên độ 2015 - 2016 và định hướng hoạt động 6 tháng cuối niên độ 2015 - 2016;
- Tháng 07/2016: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong niên độ 2015 - 2016 và định hướng hoạt động trong niên độ 2016 - 2017.

Các Kiểm soát viên trong BKS đều thống nhất ý kiến trong các cuộc họp.

Ngoài các phiên họp chính, BKS còn thực hiện các trao đổi giữa các kiểm soát viên BKS qua email, điện thoại; tổ chức và tham gia nhiều cuộc họp với HĐQT, Tiểu ban Quản lý rủi ro của HĐQT, Kiểm soát nội bộ (KSNB) cũng như tham gia cùng các đơn vị tư vấn tiềm năng nhằm hoàn thiện các nhiệm vụ của BKS.

BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật

- Trong niên độ qua, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng trong công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BDH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các Quy định của pháp luật.
- Qua quá trình kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động của Công ty đều phù hợp với nội dung trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước cùng chế độ kế toán tài chính. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ việc chi trả thù lao HĐQT, BKS; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; phân phối lợi nhuận niên độ 2014 - 2015; phát hành cổ phiếu ưu đãi theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty; phát hành thành công gói trái phiếu 1.000 tỷ đồng; thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính niên độ 01/7/2015 đến 30/6/2016 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.
- BKS cũng xem xét mức độ phù hợp của các Quyết định của HĐQT, BDH trong công tác quản lý, điều hành, tiến hành kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Công ty để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- BKS thống nhất với nội dung Báo cáo Kết quả Kinh doanh mà Ban Tổng Giám đốc (BTGD) đã trình bày, đồng thời đánh giá cao những cố gắng của BTGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như có những biện pháp ứng phó nhanh chóng, kịp thời với những biến động của thị trường. Với kết quả đạt được, Công ty đã chứng minh được vị thế của mình là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả, có tiềm lực và nội lực vững vàng.

Giám sát tình hình tài chính

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng và cả niên độ của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/7/2015 đến ngày 30/6/2016. Song song đó, BKS cũng đã thực hiện kiểm tra các quy trình lập hóa đơn, chứng từ và các hồ sơ liên quan; tiến hành phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên Báo cáo Tài chính, báo cáo quản trị, cùng kiểm tra kỹ lưỡng quy trình về lưu trữ chứng từ kế toán để qua đó xác nhận về tính trung thực, hợp lý của các tài liệu, sổ liệu kế toán và Báo cáo Tài chính.

Qua kết quả soát xét, thẩm tra tình hình tài chính của Công ty, BKS đánh giá Báo cáo Tài chính niên độ 01/7/2015 đến 30/6/2016 của Công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với chuẩn mực và các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam.

Các số liệu phản ánh trên Báo cáo Tài chính đã thể hiện rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ngày 30/6/2016, cũng như phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm qua được đánh giá là khá khả quan, sự thể hiện chủ trương với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự nhanh nhạy với tình hình thị trường của BDH và sự đồng hành của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã giúp Công ty vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Giám sát tình hình hoạt động và duy trì sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ

Với cơ chế BKS - Phòng Kiểm soát nội bộ (KSNB) độc lập với BDH, thì BKS và Phòng KSNB đã thực hiện toàn diện công tác giám sát hoạt động của Công ty thông qua việc kiểm tra kiểm soát tại chỗ, giám sát từ xa, giám sát kế hoạch hành động năm định kỳ hoặc đột xuất theo định hướng rủi ro, hay theo yêu cầu ngoài kế hoạch của HĐQT/BDH. Nội dung kiểm tra tập trung vào kiểm toán các quy trình, kiểm toán tuân thủ và chú trọng đánh giá Hệ thống KSNB khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

Với trọng trách của mình, BKS quán triệt các nguyên tắc chung để có thể sớm đạt được những mục tiêu trong công tác KSNB bao gồm:

- Khách quan, trung thực trong các đánh giá và xác nhận.
- Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cá nhân và phòng ban trong Công ty.
- Hệ thống văn bản lập quy của toàn Công ty phải được xây dựng hoàn thiện và truyền đạt rộng rãi trong nội bộ Công ty.
- Mọi nhân viên đều phải tuân thủ hệ thống KSNB.
- Trách nhiệm kiểm tra và giám sát được phân tách rõ ràng; định kỳ tiến hành các biện pháp kiểm tra độc lập; nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát.

Bên cạnh đó, BKS và Phòng KSNB cũng đã phối hợp hỗ trợ các khối phòng ban trong công tác thu hồi công nợ; giám sát nghiệm thu đầu tư nông dân; kiểm soát việc lập kế hoạch và thực hiện thu mua nguyên liệu trong vụ sản xuất; chú trọng công tác thanh tra quyết toán với các cơ quan Nhà nước và công tác thực hiện dự án đầu tư,...

Với sự quan tâm sâu sát của BKS, hoạt động hệ thống KSNB trong niên độ 2015 - 2016 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động sản xuất kinh doanh. BKS đã tham gia các cuộc họp hàng quý, đánh giá rủi ro cấp Công ty cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với HĐQT và BĐH của Công ty trong việc thiết lập thêm các chốt kiểm soát hữu hiệu trong hệ thống KSNB.

Giám sát hoạt động của cơ quan Quản trị - Điều hành

Trong năm tài chính vừa qua, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT định kỳ hàng quý và khi có yêu cầu, đồng thời cũng tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH để nắm bắt kịp thời các hoạt động, từ đó đưa ra những khuyến nghị, cảnh báo sớm nhất nhằm hạn chế rủi ro phát sinh.

Qua một năm hoạt động, BKS nhận được sự tín nhiệm của HĐQT về các ý kiến đóng góp cho Công ty. Các nội dung khuyến nghị của BKS đã được BĐH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh, để công tác quản lý được tốt hơn.

Kế hoạch của BKS trong niên độ 2016 - 2017

Để quản lý tốt nguồn lực, đồng thời giúp Công ty kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, điều tất yếu và không thể thiếu cho các kế hoạch của BKS là phải tăng cường công tác kiểm soát bằng cách thiết lập, vận hành một cách hiệu quả vai trò của KSNB. Đồng thời, việc quản lý chi phí, quản lý rủi ro tốt sẽ giúp Công ty sớm xây dựng được một nền tảng vững chắc và tăng sức cạnh tranh với những đối thủ từ các nền kinh tế mạnh trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Do đó, kế hoạch hành động của BKS trong niên độ mới sẽ chủ động và tập trung hơn vào các công tác trọng tâm như sau:

- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự BKS - Phòng KSNB tại Công ty, tiếp tục rà soát và đề xuất bổ sung các văn bản nghiệp vụ cần thiết và còn thiếu của tất cả các hoạt động để xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát, giám sát việc thực hiện hệ thống theo đúng quy định nội bộ và pháp luật nhằm đáp ứng các mục tiêu căn bản là xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu tại Công ty.
- Tiếp tục duy trì việc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo: tính tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật; kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, hạch toán của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam; đảm bảo tính trung thực, hợp lý của các báo cáo khi phát hành; đảm bảo việc thực hiện các giải pháp và kiến nghị khắc phục sai phạm, rủi ro.
- Để luôn giữ vai trò là đơn vị độc lập và chuyên trách trong công tác kiểm tra, kiểm soát thì bản thân các nhân sự trong BKS và Phòng KSNB phải luôn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật thường xuyên các quy định mới về pháp luật và thuế để đảm bảo công tác kiểm tra, kiểm soát cùng tham mưu trong



công việc quản lý rủi ro được hiệu quả, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật. Nhân sự của Phòng KSNB cũng phải là một đội ngũ có trình độ chuyên môn tốt về nghiệp vụ kiểm soát, biết xây dựng những chốt kiểm soát cho từng mảng hoạt động của Công ty, chú trọng công tác kiểm tra chéo để có thể phát hiện và điều chỉnh những sai phạm. Đồng thời, BKS sẽ thiết lập các chương trình kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo tính tuân thủ của toàn hệ thống KSNB.

- Phòng KSNB sẽ tiếp tục kiểm tra dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động KSNB được thực hiện hoàn thiện để giảm tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phạm vi kiểm tra sẽ được mở rộng nhiều hơn tới các đơn vị nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các nhân viên và quản lý toàn Công ty.

- BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập, chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán trong Báo cáo Tài chính.

Với phương châm hỗ trợ và kiện toàn hệ thống KSNB, BKS luôn giữ vững vai trò nòng cốt trong công việc rà soát, phát hiện và cải tiến hệ thống hoạt động, giúp HĐQT và BĐH an tâm, vững tin trong công tác quản trị - điều hành.

Cuối cùng, thay mặt BKS, xin chân thành cảm ơn HĐQT, BĐH, các phòng ban nghiệp vụ của Công ty đã luôn tạo điều kiện và hợp tác để chúng tôi hoàn thành tốt vai trò của mình trong suốt thời gian vừa qua.

**TM. Ban Kiểm soát
Trưởng ban**

Nguyễn Thùy Vân



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ LƯƠNG THƯỞNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Tổng thù lao cho Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát trong niên độ 2015 - 2016 xấp xỉ 4 tỷ đồng, phù hợp với chủ trương của ĐHĐCĐ đã thông qua trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/12/2015.

Chi tiết như sau:

Thù lao cho Thành viên HĐQT trong niên độ 2015 - 2016:

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	THỜI GIAN LÀM VIỆC		TỶ LỆ			
			TỪ	ĐẾN	LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO	TỔNG
1	Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
2	Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
3	Đặng Huỳnh Ước My	TV.HĐQT	01/07/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
4	Võ Tòng Xuân	TV.HĐQT	01/07/2015	19/12/2015	0%	0%	100%	100%
5	Nguyễn Bá Chủ	TV.HĐQT	01/07/2015	14/09/2015	0%	0%	100%	100%
6	Lê Ngọc Thông	TV.HĐQT	01/07/2015	19/12/2015	0%	0%	100%	100%
7	Lê Quang Hải	TV.HĐQT	14/09/2015	19/12/2015	0%	0%	100%	100%
8	Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	19/12/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
9	Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	19/12/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%

Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát trong niên độ 2015 - 2016:

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	THỜI GIAN LÀM VIỆC		TỶ LỆ			
			TỪ	ĐẾN	LƯƠNG	THƯỜNG	THÙ LAO	TỔNG
1	Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	01/07/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
2	Phạm Trung Kiên	TV.BKS	01/07/2015	19/12/2015	0%	0%	100%	100%
3	Lê Văn Hòa	TV.BKS	01/07/2015	19/12/2015	0%	0%	100%	100%
4	Huỳnh Thành Nhân	TV.BKS	19/12/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%
5	Nguyễn Xuân Thanh	TV.BKS	19/12/2015	30/06/2016	0%	0%	100%	100%

Chi phí lương, thưởng cho Ban Điều hành niên độ 2015 - 2016 xấp xỉ 7.300.000.000 đồng

Chi tiết như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	THỜI GIAN LÀM VIỆC		TỶ LỆ			
			TỪ	ĐẾN	LƯƠNG	THƯỜNG	THÙ LAO	TỔNG
1	Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	01/07/2015	30/06/2016	87%	13%	0%	100%
2	Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2015	30/06/2016	87%	13%	0%	100%
3	Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	01/07/2015	30/06/2016	88%	12%	0%	100%
4	Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	01/07/2015	30/06/2016	88%	12%	0%	100%
5	Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc Hỗ trợ	15/07/2015	31/05/2016	96%	4%	0%	100%
6	Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	01/07/2015	30/06/2016	88%	12%	0%	100%
7	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	01/07/2015	30/06/2016	85%	15%	0%	100%
8	Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	01/07/2015	30/06/2016	87%	13%	0%	100%
9	Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	01/07/2015	30/06/2016	86%	14%	0%	100%
10	Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	01/07/2015	30/06/2016	87%	13%	0%	100%
11	Nguyễn Thị Thu Trang	Quyển Giám đốc khối Hỗ trợ	01/07/2015	30/06/2016	87%	13%	0%	100%

(*) Chi phí khác gồm: thuế TNCN, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, Công đoàn phí.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết từ 01/07/2015-31/12/2015.

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	851.710	0,57%	776.710	0,42%	Từ 26/06/2015 đến 01/07/2015 bán 75.000 cp
2	Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên HĐQT	7.103.430	3,89%	2.103.430	1,15%	Từ 01/12/2015 đến 03/12/2015 bán 5.000.000 cp
3	Nguyễn Bá Chủ	Thành viên HĐQT	130.000	0,08%	80.000	0,05%	Từ 14/08/2015 đến 09/09/2015 bán 50.000 cp
4	Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	342.870	0,24%	242.870	0,13%	Từ 31/07/2015 đến 18/08/2015 bán 100.000 cp
5	Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng GD Kinh doanh	35.470	0,03%	0	0%	Ngày 05/08/2015 bán 35.470 cp
6	Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	723.610	0,49%	713.610	0,38%	Ngày 06/08/2015 bán 10.000 cp
7	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	86.690	0,06%	0%	0%	Từ 01/08/2015 đến 28/08/2015 bán 28.000 cp Từ 09/09/2015 đến 30/09/2015 bán 58.690 cp

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết từ 1/1/2016-30/6/2016.

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	776.710	0,4%	1.319.485	0,69%	Từ 02/06/2016 đến 29/06/2016 bán 715.000 cp Ngày 17/6/2016 mua 1.257.775 cp ESOP
2	Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên HĐQT	2.103.430	1,05%	3.034.130	1,56%	Ngày 17/6/2016 mua 930.700 cp ESOP
3	Nguyễn Quốc Việt	Thành viên HĐQT	0	0%	578.600	0,30%	Ngày 17/6/2016 mua 578.600 cp ESOP

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
4	Phạm Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	0	0%	87.700	0,05%	Ngày 17/6/2016 mua 87.700 cp ESOP
5	Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	242.870	0,13%	1.060.370	0,54%	Ngày 17/6/2016 mua 817.500 cp ESOP
6	Huỳnh Thành Nhân	Kiểm soát viên	0	0%	21.500	0,01%	Ngày 17/6/2016 mua 21.500 cp ESOP
7	Nguyễn Xuân Thanh	Kiểm soát viên	0	0%	40.400	0,02%	Ngày 17/6/2016 mua 40.400 cp ESOP
8	Nguyễn Thanh Ngự	Tổng Giám đốc	1.258.902	0,67%	1.548.502	0,75%	Ngày 17/6/2016 mua 289.600 cp ESOP
9	Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	713.610	0,4%	796.710	0,41%	Ngày 17/6/2016 mua 83.100 cp ESOP
10	Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0	0%	87.500	0,04%	Ngày 17/6/2016 mua 87.500 cp ESOP
11	Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	12.900	0,007%	103.100	0,05%	Từ 06/04/2016 đến 19/04/2016 bán 12.900 cp Mua 103.100 cp ESOP
12	Lê Đức Tôn	Giám đốc Nhà máy	18.595	0,01%	103.205	0,05%	Từ 13/01/2016 đến 25/01/2015 bán 18.590 cp Ngày 17/6/2016 mua 103.200 ESOP
13	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	0	0%	103.200	0,05%	Ngày 17/6/2016 mua 103.200 cp ESOP
14	Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	0	0%	73.100	0,04%	Ngày 17/6/2016 mua 73.100 cp ESOP
15	Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	0	0%	93.200	0,05%	Ngày 17/6/2016 mua 93.200 cp ESOP
16	Nguyễn Thị Thu Trang	Quyển Giám đốc Hỗ trợ	0	0%	84.600	0,04%	Ngày 17/6/2016 mua 84.600 cp ESOP
17	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Trưởng phòng Nguyên liệu Em ruột của bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Giám đốc tài chính	0	0%	93.200	0,05%	Ngày 17/6/2016 mua 93.200 cp ESOP
18	Võ Thị Bích Hạnh	Phó phòng Tài chính - Kế hoạch Vợ của ông Lê Phát Tín - Kế toán trưởng	0	0%	38.700	0,02%	Ngày 17/6/2016 mua 38.700 cp ESOP
19	Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch HĐQT	15.900	0,008%	1.158.600	0,59%	Mua 1.755.500 cp ESOP Bán 612.800 cp



Giao dịch của cổ đông lớn

- Ngày 13/7/2015 cổ đông Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên thông báo bán 3.000.000 cổ phiếu nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 32.055.670 cổ phiếu chiếm 22,34% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 11/8/2015 cổ đông HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY thông báo bán 705.000 cổ phiếu, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.449.100 cổ phiếu chiếm 6,58% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 18/8/2015 cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư Thành Thành Công thông báo bán 3.000.000 cổ phiếu nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 40.885.830 cổ phiếu chiếm 27,51% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 28/8/2015 cổ đông HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY thông báo bán 525.820 cổ phiếu, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 8.254.100 cổ phiếu chiếm 5,75% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 17/9/2015 cổ đông HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY thông báo bán 250.000 cổ phiếu, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 7.004.100 cổ phiếu chiếm 4,88% tổng số cổ phiếu và không còn là cổ đông lớn.
□
- Ngày 13/11/2015 cổ đông Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên thông báo số lượng cổ phiếu SBT đang sở hữu tăng thêm 1.976.255 do số lượng cổ phiếu SEC của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai chuyển đổi thành cổ phiếu SBT, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 34.013.015 cổ phiếu chiếm 18,65% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 16/11/2015 cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công thông báo số lượng cổ phiếu SBT đang sở hữu tăng thêm 5.089.567 do số lượng cổ phiếu SEC của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai chuyển đổi thành cổ phiếu SBT, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 45.945.397 cổ phiếu chiếm 24,75% tổng số cổ phiếu.
□
- Ngày 23/3/2016 cổ đông MARKET VECTORS ETF TRUST MARKET VECTORS VIETNAM ETF thông báo mua 4.877.070 cổ phiếu và trở thành cổ đông lớn, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 10.377.070 cổ phiếu chiếm 5,69% tổng số cổ phiếu.



GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

Điều lệ Công ty quy định rõ trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi trong các giao dịch có liên quan, cụ thể:

- a. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- c. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- d. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

- » Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc Tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.
- » Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
- » Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch, hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Thống kê giao dịch với các tổ chức có liên quan

	TÊN CÔNG TY	NỘI DUNG GIAO DỊCH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Mua nguyên liệu	54,8%	0,0%
		Bán nguyên liệu	34,6%	0,0%
		Bán hàng hóa	8,9%	1,8%
		Mua hàng hóa	0,7%	81,3%
		Mua dịch vụ	0,1%	1,2%
		Bán TSCĐ	0,0%	0,0%
		Nhận cổ tức	0,9%	15,7%
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Bến Tre	Mua hàng hóa	71,2%	0,0%
		Bán hàng hóa	25,5%	0,0%
		Thu nhập lãi	3,3%	0,0%
3	Công ty TNHH MTV Mía đường SvayRiang	Mua nguyên liệu	100%	0,0%
4	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bán hàng hóa	72,0%	0,0%
		Mua hàng hóa	27,7%	0,0%
		Bán TSCĐ	0,3%	0,0%
5	Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	Mua dịch vụ	43,3%	17,1%
		Bán hàng hóa	26,7%	60,0%
		Bán hàng hóa	17,3%	9,5%
		Cung cấp dịch vụ	12,7%	13,4%
6	Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bán hàng hóa	23,6%	0,0%
		Mua hàng hóa	70,6%	0,0%
		Thu nhập lãi	5,8%	0,0%
7	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Mua hàng hóa	91,3%	97,9%
		Cung cấp dịch vụ	4,4%	1,2%
		Bán hàng hóa	1,8%	0,3%
		Thu nhập lãi	1,7%	0,6%
		Chi phí lãi	0,9%	0,0%

STT	TÊN CÔNG TY	NỘI DUNG GIAO DỊCH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
8	Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Tiền thuê đất	97,1%	99,0%
		Mua dịch vụ	2,9%	1,0%
		Bán hàng hóa	0,0%	0,0%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bán hàng hóa	91,9%	81,8%
		Mua dịch vụ	4,8%	7,3%
		Thu nhập lãi	2,4%	10,8%
		Cho vay	0,3%	0,0%
		Mua hàng hóa	0,3%	0,0%
		Cung cấp dịch vụ	0,2%	0,0%
		Chi hộ	0,0%	0,0%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Mua hàng hóa	28,5%	69,5%
		Cho vay	43,1%	28,2%
		Bán hàng hóa	23,3%	0,4%
		Thu nhập lãi	3,6%	0,8%
		Mua dịch vụ	1,5%	1,0%
		Cung cấp dịch vụ	0,0%	0,1%
11	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bán hàng hóa	60,9%	0,0%
		Mua hàng hóa	30,3%	92,0%
		Cho vay	7,4%	0,0%
		Mua nguyên liệu	0,7%	0,0%
		Thu nhập lãi	0,7%	8,0%
12	Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Nhận cổ tức	41,9%	0,0%
		Mua nguyên liệu	31,5%	0,0%
		Bán hàng hóa	14,9%	100,0%
		Mua dịch vụ	11,5%	0,0%
		Thu nhập lãi	0,3%	0,0%
13	Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Cho vay	91,1%	0,0%
		Cung cấp dịch vụ	2,4%	0,0%
		Thu nhập lãi	2,4%	0,0%
		Chi phí lãi	2,2%	0,0%
		Mua hàng hóa	1,8%	0,0%

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về Quản trị Công ty của pháp luật và đang hướng dẫn áp dụng theo các thông lệ tốt nhất của quốc tế.

Các hoạt động nổi bật nhằm nâng cao Quản trị Công ty gồm:

- **Tuân thủ quy định về Quản trị Công ty:** Điều lệ Công ty đã được sửa đổi để phù hợp với các quy định mới của Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- **Tại Đại hội cổ đông thường niên 2014 - 2015, TTCS tiếp tục xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:** Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/7/2015, do Luật Doanh nghiệp mới ban hành có nhiều ảnh hưởng lớn đến quản trị, điều hành Công ty.
- **Trình xin ý kiến và thông báo UBCK NN:** Tăng room sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài.
- **Đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư:** Công ty tuân thủ quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012. Từ ngày 01/01/2016, tuân thủ theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- **Công ty đã tập trung rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy trình nội bộ:** Giúp Ban Lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.
- **Sửa đổi, bổ sung VBLQ theo nhu cầu thực tế hoạt động công ty:** Tạo hành lang pháp lý rõ ràng để triển khai hoạt động điều hành. Năm 2016 - 2017, Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế/quy trình nội bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý của TTCS đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ của Công ty.

Bên cạnh đó, năm 2015 - 2016, TTCS đã nỗ lực từng bước thực hành theo cơ chế quản trị tiên tiến và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định về pháp luật đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết. Tuy nhiên, vì điều kiện hoạt động thực tế, Công ty vẫn chưa hoàn thành đầy đủ một số nội dung được khuyến khích và quy định về pháp luật Quản trị Công ty, cụ thể:

STT	NỘI DUNG	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP/GHI CHÚ
1	Các thành viên HĐQT tham gia các lớp cập nhật đào tạo về quản trị	Bận công tác	Đăng ký, sắp xếp TV.HĐQT tham dự đầy đủ theo quy định.
2	Xây dựng Báo cáo thường niên tiệm cận chuẩn mực IFC, quốc tế	Áp dụng từ BCTN 2015 - 2016	Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện theo khuyến nghị của Sở GD&ĐT TP.HCM, IFC theo bộ tiêu chí Balance Scorecard đánh giá khu vực ASEAN.
3	Xây dựng mô hình Quản trị Công ty theo chuẩn mực quốc tế, IFC và ASEAN		Bắt đầu triển khai áp dụng từng phần từ năm tài chính 2016 - 2017.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VÀ THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN CHUYÊN TRÁCH THUỘC HĐQT

Hội đồng Quản trị niên vụ 2016 - 2017 sẽ thành lập 03 Tiểu ban trực thuộc gồm:

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

TIỂU BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

TIỂU BAN NHÂN SỰ VÀ ĐÃI NGỘ

Các tiểu ban sẽ được bổ nhiệm nhân sự phụ trách đảm bảo số lượng và yêu cầu theo quy định của Công ty; hoạt động theo trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Quy chế Quản trị Công ty. Hàng quý, các tiểu ban họp và gửi báo cáo cho Hội đồng Quản trị theo phạm vi công việc được phân công.

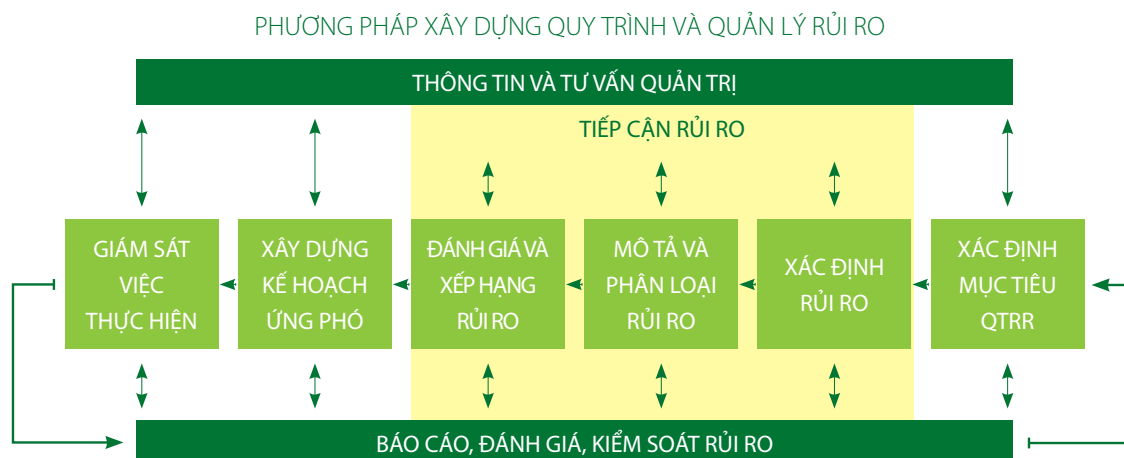
Kế hoạch trong niên độ 2016 - 2017, các tiểu ban sẽ thực hiện báo cáo, đề xuất, tham mưu cho HĐQT đối với những công việc chuyên môn thuộc phạm vi của tiểu ban như sau:

➤ TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

- » Chỉ đạo Ban Điều hành triển khai phân rã thực hiện xây dựng KHHĐ phát triển Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020.
- » Xây dựng kế hoạch triển khai nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị phần, xuất khẩu, khai thác lợi thế hệ thống phân phối: các giải thưởng và danh hiệu nhận được nhằm hỗ trợ tăng trưởng doanh thu; mở rộng và tăng trưởng so với ngành; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng; nâng cao sự thỏa mãn khách hàng; khai thác tối đa lợi thế về hệ thống phân phối.
- » Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu: tăng năng suất lao động; tăng tỷ lệ tự động hóa; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt.
- » Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.
- » Mở rộng hợp tác đầu tư theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.
- » Trách nhiệm xã hội và môi trường: Thực hiện nhiều chương trình hướng đến cộng đồng.

➤ TIỂU BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- » Thực hiện phối hợp kiểm tra và đánh giá Báo cáo Tài chính, phối hợp với Công ty Kiểm toán Ernst & Young (EY) hoàn thiện Báo cáo Kiểm toán theo quy định.
- » Báo cáo tình hình thực hiện góp ý thư quản lý của EY.
- » Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách và kiểm soát chi phí.
- » Báo cáo chi tiết doanh thu, lợi nhuận.
- » Phân tích, tham mưu tài chính và cung cấp số liệu kịp thời cho nhu cầu Quản trị Công ty.
- » Hoàn thiện và cập nhật các VBLQ khung phục vụ công tác điều hành.
- » Nhận diện và cảnh báo các vấn đề về quản trị rủi ro chưa tuân thủ hướng dẫn hoạt động.



➤ TIỂU BAN NHÂN SỰ VÀ ĐÃI NGỘ

- » Báo cáo tình hình nhân sự mỗi quý (số lao động, thu nhập, báo cáo về tuyển dụng,...).
- » Phối hợp với UBNS TTC để triển khai Dự án Quản trị nguồn nhân lực.
- » Xây dựng, điều chỉnh và ban hành các chính sách lương, thưởng trong Khối Kinh doanh, Khối Nguyên liệu, Khối Nhà máy theo mô hình lương 3P, KPIs nhằm động viên, khích lệ CBNV trong tình hình kinh doanh nhiều thách thức và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- » Phối hợp Tiểu ban Tài chính tổ chức triển khai mục tiêu, chiến lược 2016 - 2020 và kế hoạch kinh doanh 2016 - 2017.
- » Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- » Cập nhật, xây dựng và lập kế hoạch nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, đội ngũ nhân sự kế thừa.

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MA TRẬN MỨC ĐỘ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Level

1

A. CAM KẾT QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Công ty có một bản điều lệ, quy định về:

- Bảo vệ các quyền của cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Hệ thống phân quyền giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cơ quan điều hành.
- Công bố thông tin và tính minh bạch các hoạt động của Công ty.



Level

2

- Công ty có một văn bản quy tắc đạo đức được Hội đồng Quản trị phê duyệt.
- Công ty có một nhân viên chịu trách nhiệm đảm bảo việc tuân thủ các chính sách quản trị doanh nghiệp của Công ty và có một chuyên viên chịu trách nhiệm đảm bảo việc tuân thủ của Công ty với quy tắc đạo đức.
- Quản lý Hội đồng Quản trị phê duyệt lịch hàng năm của các sự kiện của Công ty (các cuộc họp Hội đồng Quản trị, ĐHCĐ,...).

B. CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG CỦA HĐQT

1

- HĐQT được thành lập, họp định kỳ và các thành viên được trình bày quan điểm một cách độc lập.
- Thành viên Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ thông tin và thời gian để chuẩn bị cho các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc giám sát quản lý và phát triển định hướng và chiến lược của Công ty.

2

- HĐQT bao gồm các thành viên là những người không phải là giám đốc điều hành của Công ty và các chi nhánh, cũng không phải cổ đông kiểm soát.
- Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức theo một lịch trình thường xuyên (ít nhất 4 lần/năm), chương trình nghị sự được chuẩn bị trước, biên bản họp được ghi lại và được chấp thuận bởi các thành viên dự họp.
- Thành phần Hội đồng Quản trị (năng lực/kỹ năng) là đủ cho nhiệm vụ chiến lược và giám sát của mình.



Level

3

- Công ty có quy chế quản trị doanh nghiệp bằng văn bản.
- Công ty công bố định kỳ cho các cổ đông về quy chế quản trị công ty, các thông lệ và phạm vi các thông lệ phù hợp với quy tắc tự nguyện của quốc gia về những thông lệ tốt nhất (nếu có).

3

- Hội đồng Quản trị có một Ủy ban Kiểm toán với:
 - » Chủ tịch Ủy ban này là thành viên độc lập;
 - » Bao gồm một phần lớn các giám đốc độc lập;
 - » Bao gồm ít nhất một chuyên gia tài chính;
 - » Tất cả các thành viên ít nhất phải có kiến thức nền tảng tài chính.
- Hội đồng Quản trị và cấp quản lý điều hành nhận được bổ nhiệm và đào tạo thường xuyên.
- Hội đồng Quản trị được bầu và hoạt động theo từng nhiệm kỳ.



Level

4

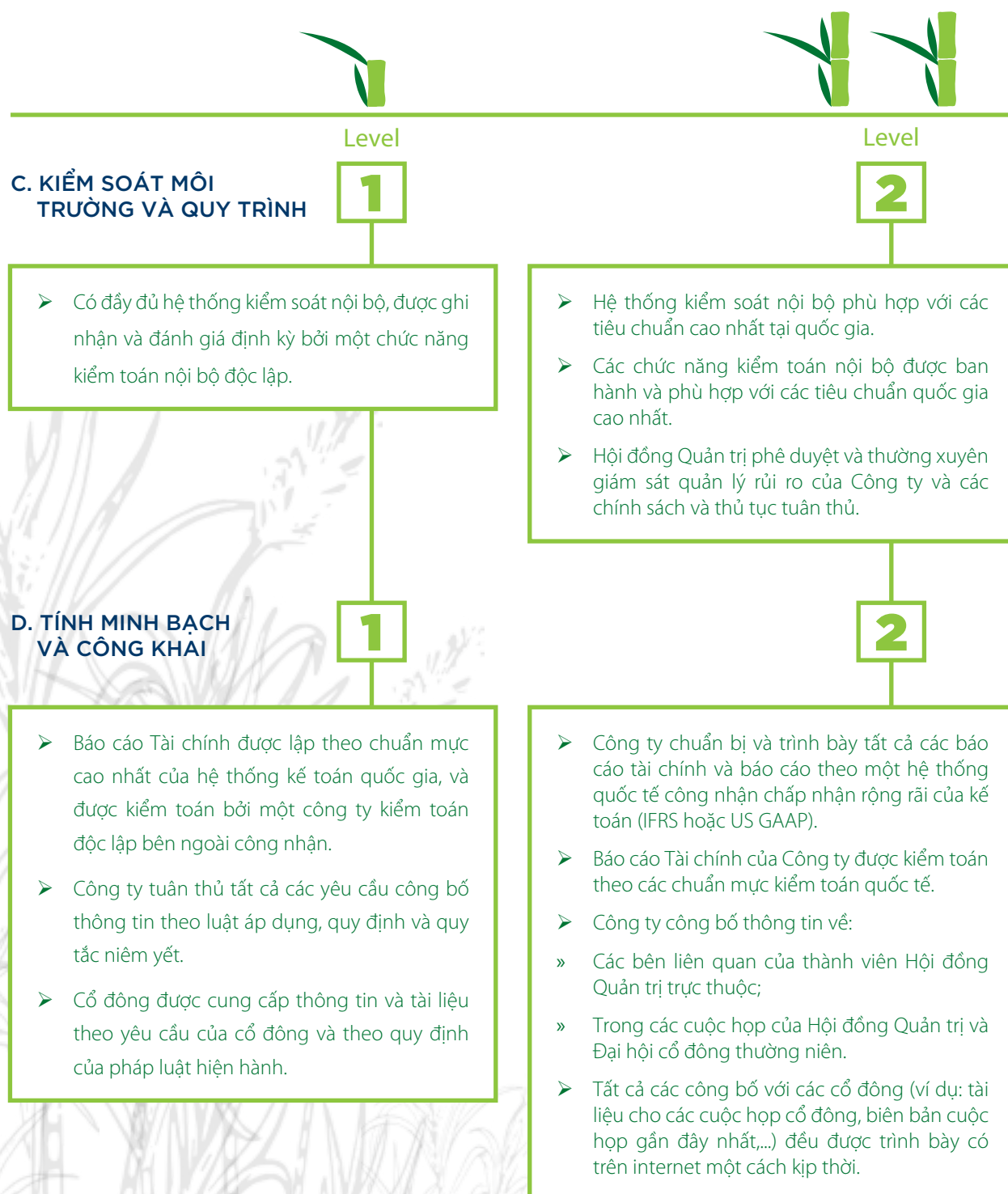
- Áp dụng quản trị công ty, kế toán, kiểm toán bên ngoài và kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, các thông tin cổ đông này bình đẳng ở những nơi công ty đại chúng thể hiện tốt nhất (tức là ít cần được thực hiện để hội đủ điều kiện phát hành ra công chúng).
- Công ty tuân thủ đầy đủ hay thuyết minh bất kỳ sai lệch của các điều khoản đang áp dụng so với quy tắc tự nguyện của các thông lệ tốt nhất của cả nước (một số yếu tố trong đó có thể chỉ áp dụng cho công ty đại chúng).

4

- Hội đồng Quản trị bao gồm một phần lớn các thành viên độc lập.
- Các ủy ban Kiểm toán được thành lập với nhân sự hoàn toàn của thành viên độc lập.
- Ban có một Ủy ban Bổ nhiệm.
- Ban có một Ủy ban Chế độ đãi ngộ.
- Hội đồng Quản trị được bầu hàng năm.
- Các hoạt động của Hội đồng Quản trị cũng như từng thành viên cá nhân được đánh giá hàng năm.
- Công ty có một kế hoạch được thiết lập cho các Giám đốc Điều hành.

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MA TRẬN

MỨC ĐỘ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)





Level

3

- Công ty có một chương trình tuân thủ toàn diện được kiểm tra và đánh giá lại hàng năm.
- Các chức năng kiểm toán nội bộ độc lập và giám sát và báo cáo trực tiếp cho Ủy ban Kiểm toán.

3

- Công ty cung cấp công khai thông tin về mức thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và quản lý cấp cao.
- Công ty xuất bản một báo cáo thường niên bao gồm một phần Quản trị Doanh nghiệp.
- Công ty thay đổi kiểm toán viên bên ngoài hoặc ít nhất là thay đổi đối tác tham gia kiểm toán.
- Công ty công khai lợi ích và quyền lợi của chủ sở hữu tại Công ty.



Level

4

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và các chức năng kiểm toán nội bộ là dựa trên rủi ro và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất.

4

- Các thông tin tài chính và phi tài chính phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất.

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MA TRẬN MỨC ĐỘ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)



Level

1

E. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

- Cổ đông thiểu số được cung cấp thông tin đầy đủ và một chương trình nghị sự của cuộc họp các cổ đông; được phép tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông đó; các cuộc họp tất cả các cổ đông được triệu tập tại một địa điểm dễ dàng tham dự.
- Tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng đối với các quyền bầu cử, quyền đăng ký và quyền ủy quyền.
- Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác và kịp thời về số lượng cổ phần của các cổ đông kiểm soát và bên liên quan.



Level

2

- Cổ đông có cơ hội bổ sung thêm nội dung vào chương trình nghị sự và đặt câu hỏi tại cuộc họp các cổ đông.
- Công ty có chính sách về công bố đầy đủ và kịp thời cho các cổ đông về tất cả các giao dịch của các cổ đông kiểm soát, giám đốc, quản lý và các bên liên quan của các thành phần này.
- Chính sách chia cổ tức được CBTT đến các cổ đông.



Level

3

- Công ty theo cơ chế cổ đông có quyền biểu quyết hiệu quả để bảo vệ cổ đông thiểu số, chống lại các hành động “không công bằng” của các cổ đông kiểm soát khi quyền sở hữu đặc biệt tập trung hoặc các cổ đông kiểm soát có những xung đột mạnh mẽ.
- Công ty đã xác định rõ ràng và có chính sách bảo vệ các cổ đông thiểu số trong tình huống thay đổi kiểm soát.
- Báo cáo hàng năm tiết lộ rõ những rủi ro chính cho các cổ đông thiểu số; các hoạt động có liên quan của cổ đông kiểm soát; mức độ tập trung quyền sở hữu; sở hữu chéo cổ phần giữa các chi nhánh của công ty; và bất kỳ sự mất cân bằng giữa quyền biểu quyết của cổ đông kiểm soát và vị thế vốn của Công ty.
- Công ty trả cổ tức ngay sau khi quyết định tuyên bố cổ tức được thực hiện.



Level

4

- Cổ đông có cơ hội sử dụng phương tiện điện tử truyền thông (bao gồm cả Internet) để bỏ phiếu.
- Công ty có một hệ thống xử lý khiếu nại của cổ đông và xử lý hiệu quả các tranh chấp của Công ty.
- Công ty được ghi nhận đối xử công bằng với các cổ đông, thể hiện sự phù hợp phù hợp với kỳ vọng thị trường quốc tế.
- Công ty có một chính sách được hiểu rõ và CBTT đầy đủ, kịp thời những thỏa thuận của cổ đông.

4 BẢO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 124 Thông điệp phát triển bền vững
- 126 Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững
- 128 Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan
- 130 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
- 132 Nghiên cứu và phát triển sản phẩm đường Organic theo hướng bền vững
- 135 Xây dựng vùng nguyên liệu bền vững
- 140 Chương trình phòng vệ thực phẩm
- 141 Tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất
- 146 Tiêu thụ năng lượng
- 150 Nguồn nước và các vấn đề liên quan
- 154 Đánh giá tác động môi trường
- 160 Tuân thủ pháp luật
- 162 Công tác xã hội - công tác quan hệ cộng đồng & địa phương
- 168 Chỉ số xã hội
- 178 Danh mục đối chiếu G4



Bền vững

LÀ GIÁ TRỊ

THÔNG điệp PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



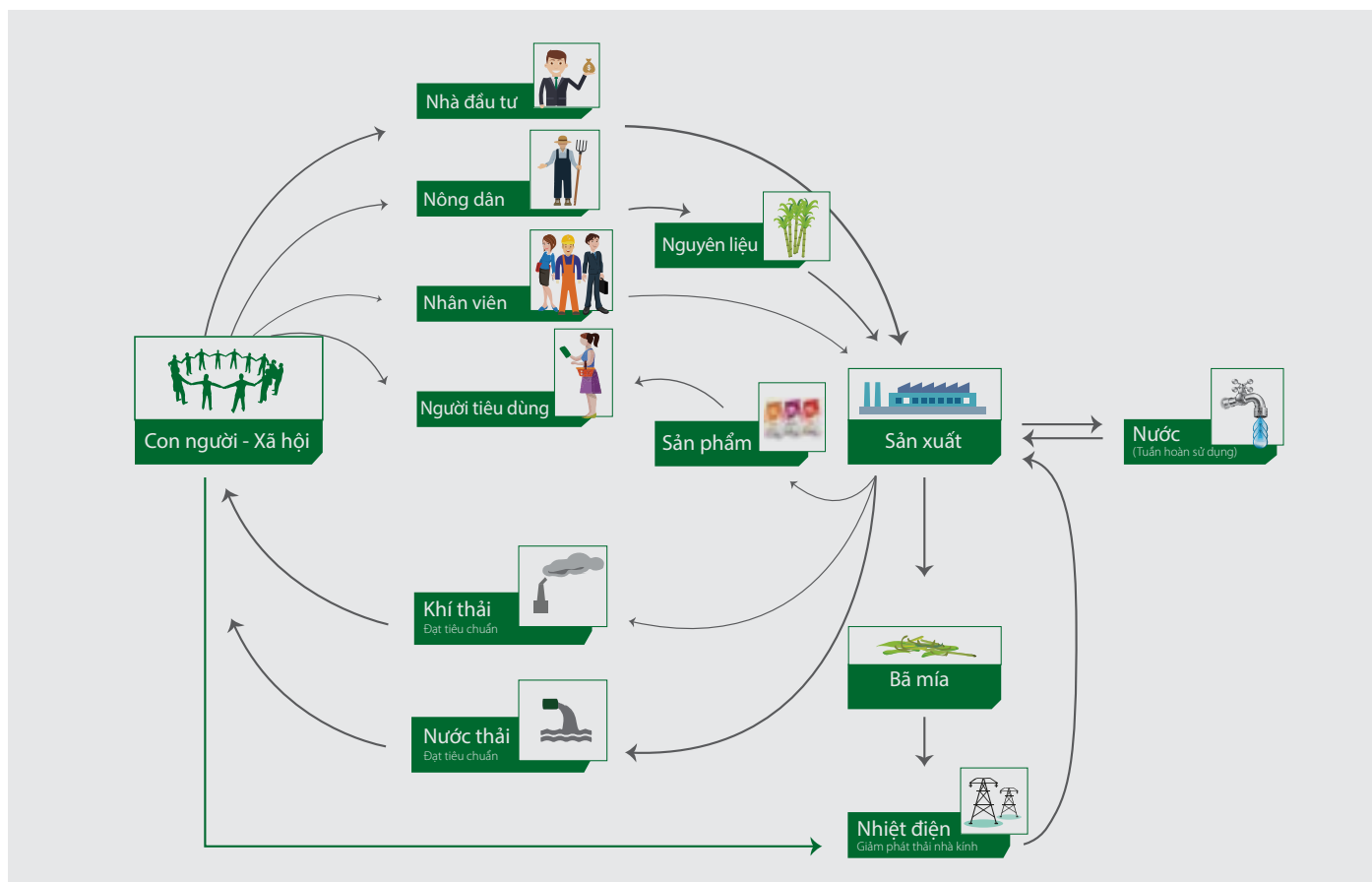
“

TRÊN CƠ SỞ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC CỐT LÕI VÀ XUYÊN SUỐT CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 LÀ “XANH - SẠCH - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”, TTCS CAM KẾT LUÔN ĐỂ CAO TÍNH TUÂN THỦ VÀ DUY TRÌ CÁC TIÊU CHUẨN TỐT NHẤT ĐỂ ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CÔNG TY DIỄN RA ỔN ĐỊNH, HIỆU QUẢ, LÂU DÀI.”

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC, TOÀN THỂ NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI TRỒNG MÍA!

Trên cơ sở hài hòa quyền lợi giữa các bên tham gia nhằm tạo ra sản phẩm tốt nhất để phục vụ nhu cầu xã hội là định hướng tiên quyết giúp TTCS phát triển không ngừng trong những năm qua. Do đó, TTCS đã, đang và sẽ luôn tìm mọi giải pháp tối ưu và bền vững nhất nhằm mục tiêu gia tăng lợi ích kinh tế cho tất cả các đối tác liên quan cùng tham gia chuỗi giá trị ngành đường.

Với quan điểm xuyên suốt “Nhà máy có lời - Nông dân có lãi” nên trong mối quan hệ biện chứng chặt chẽ giữa hoạt động Sản xuất - Môi trường - Con người - Vùng nguyên liệu, Công ty luôn coi trọng giá trị phát triển lâu dài và bền vững với các đối tác thông qua các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động, quyền lợi cao nhất của đối tác, đặc biệt đó là trách nhiệm làm giàu cho người nông dân.



Trải qua các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo TTCS luôn đề cao và hành xử trong thực tiễn hướng đến những giá trị phát triển lâu dài, bền vững, đóng góp vào sự phát triển ổn định của kinh tế với tinh thần phụng sự xã hội.

Trên cơ sở định hướng phát triển chiến lược cốt lõi và xuyên suốt của Công ty giai đoạn 2016 - 2020 là **"Xanh - Sạch - Phát triển bền vững"**, TTCS cam kết luôn đề cao tính tuân thủ và duy trì các tiêu chuẩn tốt nhất để đảm bảo hoạt động Công ty diễn ra ổn định, hiệu quả, lâu dài. Qua đó, tạo ra nhiều hơn giá trị gia tăng cho nền kinh tế nói chung, bảo vệ sức khỏe sinh hoạt của cả cộng đồng và những đối tác liên quan trong chuỗi giá trị hợp tác phát triển cùng Công ty.

Với sự đồng lòng của toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên, Công ty cam kết sẽ luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho sự phát triển lành mạnh của cộng đồng và nâng cao các giá trị xã hội.

Trân trọng!

TM. Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Thu Trang

“

**NHỮNG VẤN ĐỀ
LIÊN QUAN ĐẾN
MỤC TIÊU PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG
TIẾP TỤC ĐƯỢC
TTCS ĐÁNH GIÁ VÀ
XEM XÉT TRONG
MỐI TƯƠNG QUAN
VỚI HOẠT ĐỘNG
HIỆN TẠI, XÁC
ĐỊNH RÕ CÁC VẤN
ĐỀ TRỌNG YẾU ĐỂ
TỪ ĐÓ THỰC HIỆN
RÀ SOÁT, CẢI TIẾN
CŨNG NHƯ THỂ
HIỆN ĐẦY ĐỦ HƠN
TRONG NỘI DUNG
BÁO CÁO PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH
2016 - 2017.”**

TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Niên độ 2015 - 2016, thị trường ngành mía đường ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, giá đường có xu hướng phục hồi dẫn đã đem lại niềm phấn khởi cho bà con nông dân trồng mía cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong ngành mía đường. Với thế mạnh về công nghệ, TTCS tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới như đường vàng, đường nâu, đường lỏng,... các dòng sản phẩm cạnh đường và sau đường, nhằm khai thác tối đa chuỗi giá trị ngành đường. Đồng thời, TTCS đặc biệt chú trọng đến chất lượng sản phẩm nhằm đem đến những sản phẩm đường an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. TTCS xác định Công ty chỉ có thể thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với mục tiêu thực thi trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và môi trường. Đồng thời, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan với hoạt động của Công ty trong hiện tại và tương lai nhằm thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của TTCS.

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững của TTCS được định hướng thực hiện hàng năm nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các Công ty con. Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của TTCS đối với các vấn đề phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thị trường ngành mía đường những năm qua luôn phải đối diện với nhiều thách thức, đặc biệt sự cạnh tranh gay gắt từ thị trường đường nhập khẩu... Trước những diễn biến chung đó, đã ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy nhiên TTCS vẫn luôn chủ động đánh giá, xác định

các vấn đề cốt lõi liên quan đến con đường phát triển bền vững song song với việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị để gặp gỡ, trao đổi với các bên liên quan nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời trước những xu hướng thay đổi của thị trường, đồng thời đáp ứng nhu cầu giữa các bên liên quan một cách hiệu quả nhất, đặc biệt chú trọng đến các chính sách hỗ trợ tốt nhất cho người nông dân từ giống mía, phân bón, quy trình canh tác, kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch... dựa trên quan điểm “Nông dân có lãi, nhà máy có lời”. Chính vì vậy, nội dung của báo cáo năm nay được TTCS trình bày đầy đủ hơn theo các vấn đề quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới tính chất ngành mía đường, đồng thời cũng là vấn đề được các bên quan tâm nhiều nhất.

PHẠM VI BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho niên độ 2015 - 2016 của TTCS bắt đầu từ ngày 01/07/2015 và kết thúc ngày 30/06/2016. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong niên độ tài chính 2015 - 2016, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững của TTCS nhằm cân bằng lợi ích tốt nhất giữa các bên liên quan.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững của TTCS xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được TTCS đánh giá và xem xét trong mỗi tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững niên độ tài chính 2016 - 2017.

PHẠM VI VÀ RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Báo cáo được lập tại Việt Nam, thuộc lĩnh vực ngành nghề mía đường, đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS), các Công ty con và Công ty liên kết.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TTCS đang nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan đối với tính minh bạch thông tin, tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Website: www.ttcsugar.com.vn

ĐT: (066) 3753250 - Fax: (066) 3839834

MR. NGUYỄN QUỐC HUÂN

Email: co.mgr@ttcsugar.com.vn

Chức vụ: Chánh văn phòng công ty

MR. NGUYỄN QUANG THÁI

Email: thainq1@ttcsugar.com.vn

Chức vụ: Chuyên viên VP.HĐQT.



CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

“

TTCS XÁC ĐỊNH, CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ CÁC BÊN CÓ ẢNH HƯỞNG HOẶC BỊ ẢNH HƯỞNG Ở MỘT MỨC ĐỘ NHẤT ĐỊNH TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY. THÔNG TIN, Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG TÁC ĐỘNG ĐẾN TƯ DUY, CÁCH THỨC HÀNH ĐỘNG CỦA TTCS TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.”



Để duy trì, củng cố mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan, TTCS đã lựa chọn ra những đại diện quan trọng từ các bên liên quan trọng yếu được xác định để tham vấn về các vấn đề phát triển bền vững tại TTCS, đồng thời đưa ra định hướng mang tầm chiến lược trên con đường phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong năm 2016, TTCS đã tăng cường tương tác các mối quan hệ giữa các bên liên quan bằng cách chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ và mở rộng các kênh trao đổi thông tin như website, bản tin, truyền thông báo chí, hội thảo, hội nghị,... TTCS nhận thức để đưa thương hiệu lên một tầm cao mới thì việc duy trì các mối quan hệ tốt đẹp với các bên liên quan là điều tất yếu phải có và cần phải phát huy tốt hơn nữa.

Đối tượng	Kênh tương tác
Khách hàng - Người tiêu dùng	➤ Tổ chức các cuộc khảo sát thị hiếu, thẩm định chất lượng nhằm lấy ý kiến đóng góp của người tiêu dùng. ➤ Cập nhật thông tin trên trang fanpage facebook, website công ty. ➤ Tổ chức các buổi Hội thảo phòng vệ thực phẩm để nâng cao nhận thức cho khách hàng về nhu cầu an toàn thực phẩm sạch.
Nhân viên	➤ Khảo sát các kết quả đánh giá sự hài lòng về môi trường làm việc, các chính sách lương, thưởng, phúc lợi,... ➤ Lấy ý kiến thông qua email, điện thoại, mạng xã hội. ➤ Các chương trình đào tạo nội bộ. ➤ Các hoạt động nội bộ tại Công ty: hoạt động văn nghệ, thể thao, đoàn thể,... ➤ Xây dựng các chương trình team building, văn hóa doanh nghiệp, tinh thần teamwork.
Đối tác	➤ Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. ➤ Hội nghị nhà vận chuyển, logistic, hội nghị đầu công. ➤ Thông qua các quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác, quy chế mua hàng,...
Cổ đông và nhà đầu tư	➤ Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp các công ty chứng khoán, đại diện quỹ đầu tư, định chế đầu tư. ➤ Tiếp nhận ý kiến phản hồi qua email, điện thoại, fax,... ➤ Tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên, ĐHCĐ bất thường; ➤ Công bố thông tin theo quy định HOSE, Ủy ban CK NN. ➤ Tham dự các hội thảo Nhà đầu tư; Diễn đàn M&A thường niên để chia sẻ thông tin và cơ hội mở rộng đầu tư.
Nông dân trồng mía	➤ Tổ chức Hội thảo đầu bờ đầu vụ; Hội nghị tổng kết vụ mùa để đánh giá kết quả công tác nguyên liệu mỗi mùa vụ. ➤ Cử cán bộ nông vụ thường xuyên và trực tiếp khảo sát, tiếp nhận thông tin, phản hồi từ nông dân. ➤ Tổ chức các hội thảo chuyên môn về kỹ thuật canh tác, nông nghiệp,... để phổ biến cho người trồng mía. ➤ Tổ chức Hội nghị quốc tế mía đường hằng năm để cập nhật các thông tin, xu hướng mới nhất của ngành đường Việt Nam và thế giới.
Nhà phân phối	➤ Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. ➤ Tiếp nhận thông tin thông qua email, điện thoại,... ➤ Ghi nhận các phản hồi từ nhà phân phối, xây dựng chính sách gắn bó khách hàng lâu dài, củng cố hệ thống đại lý Brandshop,... ➤ Định kỳ thường niên tổ chức Hội nghị nhà phân phối, ghi nhận và tôn vinh các nhà phân phối có thành tích cao với Công ty.
Cộng đồng địa phương	➤ Thực hiện các chương trình, sự kiện tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. ➤ Tổ chức các chương trình về bảo vệ môi trường. ➤ Tài trợ các đơn vị xã hội, cộng đồng, Quỹ bảo trợ trẻ em trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; ➤ Tài trợ góp phần xây dựng các chương trình từ thiện theo Thư mời kêu gọi của các tổ chức: Hội Liên hiệp Phụ nữ; Mặt trận Tổ quốc,... ➤ Hỗ trợ các cuộc vận động về hiến máu nhân đạo, kêu gọi vì người nghèo,...
Chính phủ	➤ Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành mía đường do Chính phủ, các Bộ ngành tổ chức. ➤ Tham gia các hội nghị các tổ chức, hiệp hội mía đường xúc tiến thương mại. ➤ Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và phí theo quy định.
Báo chí	➤ Phỏng vấn trả lời báo chí. ➤ Thực hiện thông tin cáo báo chí khi có sự kiện. ➤ Website công ty, mạng xã hội facebook. ➤ Phối hợp thực hiện seri các phóng sự, chương trình truyền hình tại Tây Ninh và báo đài chính thống về các nội dung phát triển vùng nguyên liệu mía, phát triển cộng đồng.

XÁC ĐỊNH

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Các bên liên quan được xem là các đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để TTCS tiếp tục phát triển và củng cố mọi hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Công ty, từ đó phân bổ nguồn lực một cách hợp lý để thực hiện những chiến lược đầu tư, phát triển chung của TTCS.

Báo cáo phát triển bền vững TTCS được thực hiện thông qua việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu có mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh của TTCS, cũng như đáp ứng yêu cầu của các bên có liên quan.

Năm 2015 - 2016, TTCS đưa ra một số cải tiến trong quy trình xác định, xem xét và đánh giá các vấn đề trọng yếu nhằm bổ sung và thực hiện đầy đủ hơn các nội dung liên quan đến Báo cáo phát triển bền vững trên tiêu chí chính xác và minh bạch thông tin.

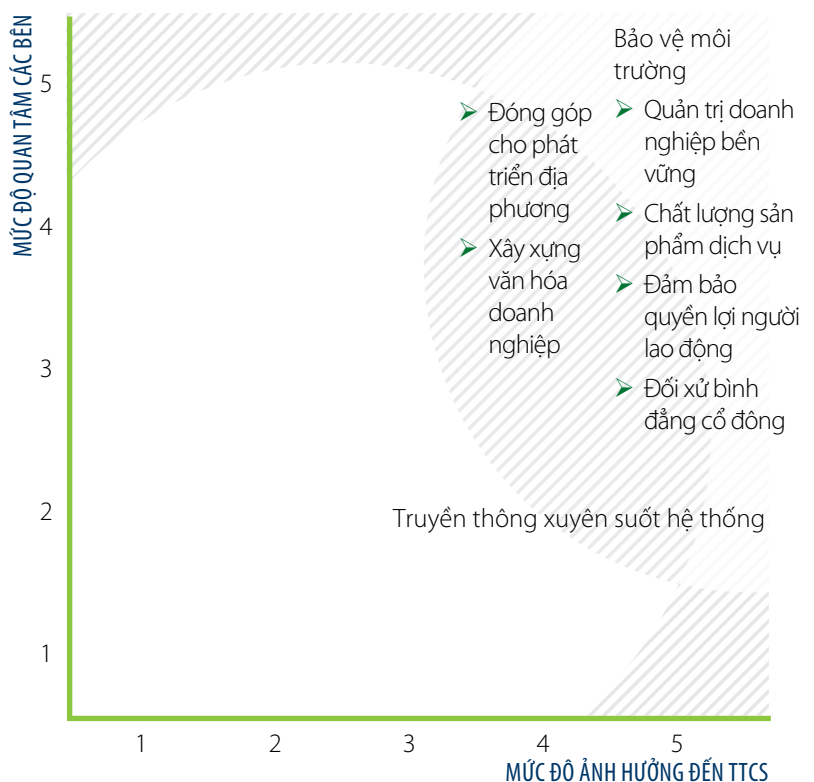
CÁC ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN CƠ SỞ

- Xem xét đánh giá và sự kỳ vọng của các bên liên quan thông qua các yêu cầu, kết quả đạt được và những phản hồi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của TTCS, quá trình cung ứng sản phẩm cho thị trường, trao đổi công việc với các bên liên quan.
- Tiến hành kiểm soát nội bộ, tiếp thu ý kiến và đánh giá nội bộ của các Đơn vị, Phòng, Ban chức năng thông qua các cuộc họp, báo cáo tháng, quý, năm.
- Thu thập ý kiến đánh giá, giám sát hoạt động từ các tổ chức, cơ quan chức năng, cơ quan Nhà nước.
- Xem xét các báo cáo đánh giá chung của khách hàng, tổ chức tư vấn trong quá trình làm việc với TTCS.
- Xem xét các báo cáo về dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, sự phát triển chung của thị trường ngành mía đường trong và khu vực...

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO CÁC BƯỚC

- 1 Đánh giá xu hướng chung, nghiên cứu hoạt động chung của ngành, đưa ra các vấn đề chính có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty và lợi ích của các bên liên quan.
- 2 Phân tích và xác định mức độ trọng yếu về các vấn đề được các bên quan tâm.
- 3 Xác định các vấn đề trọng yếu trong mối quan hệ giữa hoạt động kinh doanh của Công ty và những tác động của hoạt động này đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường.
- 4 Đánh giá các ảnh hưởng đến các hoạt động và mức độ kiểm soát.
- 5 Lựa chọn các vấn đề trọng yếu để đưa ra trong báo cáo.

MA TRẬN XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU





DANH SÁCH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các vấn đề trọng yếu	Nội dung chính
Bảo vệ môi trường	Tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước: Nước thải, khí thải, tiếng ồn,... Áp dụng các công nghệ xử lý nước thải sinh học để thân thiện môi trường; Ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng thân thiện môi trường: Năng lượng mặt trời; Trồng và phủ xanh khuôn viên với định hướng: "Factory in the forest".
Quản trị doanh nghiệp	Nâng cao tính chuyên nghiệp công tác quản trị; Chuyên môn hóa các tiểu ban trực thuộc HĐQT; Bảo vệ và công bằng cổ đông nhỏ lẻ; Tuân thủ và tiệm cận các tiêu chí chuẩn mực Corporate Governance quốc tế.
Đầu tư phát triển, đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ	Phát triển các dòng sản phẩm mới như đường vàng, đường nâu, đường lỏng,... các dòng sản phẩm cạnh đường và sau đường. Đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng; Ưu tiên đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu sản phẩm khách hàng; ghi nhận các phản hồi để cải tiến sản phẩm và chất lượng dịch vụ.
Phát triển cộng đồng, sinh kế người trồng mía	Cải tiến và nâng cao thu nhập cho người trồng mía; Đóng góp xây dựng các chương trình cộng đồng, địa phương; Hướng dẫn ứng dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, thân thiện môi trường.
Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Tổng quan nguồn nhân lực, các định hướng, chính sách liên quan đến phát triển nguồn nhân lực; Tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp gắn kết và chia sẻ tại Công ty; Xây dựng chế độ thu nhập phù hợp, khuyến khích và động viên CBNV gắn với hiệu quả công việc.
Phát triển bền vững vùng nguyên liệu với phương châm "Làm giàu cho nông dân là trách nhiệm của chúng ta".	Ứng dụng công nghệ canh tác tiên tiến, thân thiện với môi trường; Ứng dụng các giống mía phù hợp thổ nhưỡng; Chuyển giao mô hình canh tác hiệu quả cao và nhân rộng các cánh đồng mẫu lớn giúp giảm giá thành, tăng thu nhập cho người trồng mía.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM **ĐƯỜNG ORGANIC THEO HƯỚNG BỀN VỮNG**



VAI TRÒ CỦA ĐƯỜNG SẠCH ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ KINH TẾ XÃ HỘI

Đối với nước ta cũng như nhiều nước đang phát triển, lương thực thực phẩm là một loại sản phẩm chiến lược, ngoài ý nghĩa kinh tế còn có ý nghĩa chính trị, xã hội rất quan trọng.

Do vậy, vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để phòng tránh các bệnh gây ra từ nguồn cung cấp dinh dưỡng này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của con người nói riêng và sự phát triển bền vững của kinh tế xã hội nói chung.

Tuy nhiên, hiện nay người tiêu dùng vẫn còn sử dụng các loại đường không rõ nguồn gốc xuất xứ được bày bán tràn lan tại các chợ và tạp hóa mà không biết rõ nguy cơ tiềm ẩn của loại đường này đối với sức khỏe.

Hiểu được điều này, TTCS đã không ngừng nỗ lực sản xuất ra những hạt đường “sạch” đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu thụ hàng ngày của người tiêu dùng.

Mở rộng thị trường tiêu thụ đường sạch tiêu chuẩn quốc tế

Với tôn chỉ hoạt động phát triển một cách bền vững nhằm đóng góp cho sự phát triển toàn diện của kinh tế xã hội quốc gia, TTCS luôn tạo ra các sản phẩm không những đạt tiêu chuẩn và chất lượng cao mà còn an toàn và tốt cho sức khỏe người tiêu dùng.

Để đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường, TTCS đã và đang phát triển thêm dòng sản phẩm đường TSU Organic, loại đường hữu cơ được làm từ những cây mía không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, hoàn toàn tốt cho sức khỏe người dùng vì chứa hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao hơn so với loại đường thông thường.

“LÀ ĐƠN VỊ TIÊN PHONG, LUÔN ĐI ĐẦU
TRONG LĨNH VỰC MÍA ĐƯỜNG TẠI VIỆT NAM,
TTCS ĐÃ KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN SẢN XUẤT
ĐƯỜNG HỮU CƠ ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM TỪ
NĂM 2015.”

TTCS khởi động dự án sản xuất đường hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam

Sản phẩm hữu cơ Organic đang là xu hướng tiêu dùng tất yếu trên toàn thế giới với doanh thu hàng năm từ việc bán thực phẩm và đồ uống có nguồn gốc hữu cơ ngày càng tăng, đạt 64 tỷ USD vào năm 2012 tăng gấp 3 lần so với cách đây 10 năm (theo Organic Monitor, 2014). Ở Việt Nam, khái niệm về thực phẩm hữu cơ còn khá mới mẻ nhưng được dự đoán sẽ trở thành xu hướng tiêu dùng phổ biến trong tương lai.

Là đơn vị tiên phong, luôn đi đầu trong lĩnh vực mía đường tại Việt Nam, TTCS đã khởi động dự án sản xuất đường hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam từ năm 2015 với mục tiêu đưa ra thị trường sản phẩm đường hữu cơ Made in Vietnam vào đầu năm 2017 với quy mô 1 tấn sản phẩm/ngày.

Tình hình sản xuất đường hữu cơ trên thế giới

Sản lượng tiêu thụ đường toàn thế giới năm 2014 khoảng 180 triệu tấn, trong đó thị phần của sản phẩm đường hữu cơ chiếm 0,3% (khoảng 300.000 tấn/năm). Thị trường tiêu thụ sản phẩm đường hữu cơ tập trung chủ yếu ở các nước phát triển và đòi hỏi đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng như Mỹ, Đức, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Nhật, Úc,...

Với ưu điểm nổi bật là độ an toàn vệ sinh thực phẩm cao và đảm bảo giá trị dinh dưỡng tối ưu, các sản phẩm thực phẩm hữu cơ đã và đang trở thành xu hướng tiêu dùng tất yếu của người tiêu dùng thông minh trong thời buổi an toàn vệ sinh thực phẩm đang trong tình trạng báo động. Sản phẩm đường được chứng nhận là hữu cơ khi không sử dụng bất kỳ loại hóa chất và các chất phụ gia nhân tạo trong cả chuỗi cung ứng (từ trồng trọt, đến thu hoạch và chế biến đường). Do đó, tất cả các khâu sản xuất, từ vùng nguyên liệu trồng mía đến khi đưa ra sản phẩm đường đều phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm đồng thời cũng phải đảm bảo cho hệ thống sản xuất bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế.

Dù chi phí sản xuất đường hữu cơ cao dẫn đến giá bán cao hơn nhiều so với các sản phẩm truyền thống, người tiêu dùng thông minh vẫn sẵn sàng dốc hầu bao cho các sản phẩm vì sức khỏe. Sản phẩm đường hữu cơ bán lẻ tại thị trường Mỹ có giá cao gấp 5 lần sản phẩm truyền thống (5,5-6,5 USD/kg so với sản phẩm đường thông thường giá chỉ 1,1 USD/kg) nhưng doanh số sản phẩm hữu cơ không ngừng gia tăng.

TTC KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN SẢN XUẤT ĐƯỜNG HỮU CƠ ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM



“

**TRÊN ĐẾN NAY,
TTCS ĐANG HỢP
TÁC VỚI CÁC TỔ
CHỨC CHỨNG NHẬN
QUỐC TẾ CONTROL
UNION, PETERSON
CONSULTANCY
TRONG TƯ VẤN
TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH
GIÁ CẤP CHỨNG
NHẬN ĐẠT CÁC TIÊU
CHUẨN CỦA CHÂU
ÂU (EC 834/2007) VÀ
MỸ (USDA - NOP) CHO
SẢN PHẨM ĐƯỜNG
ORGANIC ĐẦU TIÊN
TẠI VIỆT NAM”**

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn về việc đa dạng hóa các sản phẩm đường, đáp ứng nhiều phân khúc khách hàng khác nhau, trong đó có khách hàng cao cấp, hướng tới các thị trường khó tính như Mỹ và Châu Âu, TTCS đã khởi động dự án nghiên cứu sản xuất đường Organic từ cuối năm 2015. Mục tiêu của dự án này là sản xuất được sản phẩm đường hữu cơ vào tháng 1.2017 quy mô khoảng 1 tấn sản phẩm/ngày (100 tấn/vụ). Các khâu chuẩn bị như xây dựng dự án, thành lập Ban Quản lý Dự án, đào tạo nhân sự nắm vững các quy chuẩn quốc tế Organic và chuẩn bị vùng nguyên liệu đã được tiến hành. Đến nay, TTCS đang hợp tác với các tổ chức chứng nhận quốc tế Control Union, Peterson Consultancy trong tư vấn triển khai và đánh giá cấp chứng nhận

đạt các tiêu chuẩn của châu Âu (EC 834/2007) và Mỹ (USDA - NOP) cho sản phẩm đường Organic đầu tiên tại Việt Nam.

Với ưu thế được đầu tư bài bản về con người và cơ sở vật chất, công nghệ, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và canh tác mía như thiết bị cơ giới hóa từ khâu cày đất đến thu hoạch, hệ thống tưới pivot,... nông trường Thành Long được chọn để thí điểm triển khai vùng nguyên liệu Organic. Trên quy mô được quy hoạch hơn 1.000 ha cho vùng nguyên liệu mía hữu cơ tại Tây Ninh, hiện nông trường Thành Long đã sẵn sàng các điều kiện để sản xuất và cung cấp mía hữu cơ cho ra những tấn đường hữu cơ đầu tiên của TTCS vào đầu năm 2017.

XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU BỀN VỮNG

“

VỚI ĐỊNH HƯỚNG VÀ TÂM THẾ CHUẨN BỊ SẴN SÀNG CHO QUÁ TRÌNH CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ, TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY TTCS ĐÃ ĐẦU TƯ MẠNH MẼ CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP MÍA ĐƯỜNG, ĐẦU TƯ CHO NGƯỜI DÂN TRỒNG MÍA.”

BỀN VỮNG TỪ LÀM GIÀU VÀ CẢI THIỆN SINH KẾ NGƯỜI TRỒNG MÍA

Trước tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay, TTCS luôn dành tâm huyết vào sự phát triển của cây mía cũng như đời sống người nông dân. Những định hướng chiến lược được xây dựng trên cơ sở nền tảng mục tiêu nhằm cải thiện đời sống người dân, thúc đẩy nông nghiệp tăng trưởng theo chiều sâu và nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành mía đường Việt Nam.

Có thể thấy, hiện tượng El Nino tại miền Trung và Tây Nguyên trong năm 2015, đầu năm 2016 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác trồng và chăm sóc mía trong niên vụ 2016 - 2017. Tuy nhiên, với tâm thế sẵn sàng cho quá trình cạnh tranh và hội nhập quốc tế, TTCS đã đầu tư mạnh mẽ vào hoạt động sản xuất cũng như hỗ trợ hết mình cho người trồng mía. Ngoài việc tạo điều kiện về vốn trồng và chăm sóc, TTCS còn tập trung đầu tư vào công tác tưới mía với giá trị đầu tư không hoàn lại cho hệ thống béc đến 14 triệu đồng/ha trong niên vụ 2016 - 2017. 100% diện tích mía tại các nông trường do TTCS quản lý được trang bị hệ thống tưới hiện đại tiết kiệm nước (pivot, béc quay); ưu tiên trọng tâm phát triển

dịch vụ cơ giới cày sâu để tăng năng suất mía và khả năng chịu khô hạn.

Tháng 8/2016 vừa qua, TTCS cùng các công ty thành viên đã tổ chức thành công Hội thảo thường niên Mía đường Quốc tế lần 4 với chủ đề “Các mô hình canh tác mía hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu” tại Đà Lạt. Đến tham dự hội thảo có đại diện các Bộ, Ban, Ngành, cơ quan, doanh nghiệp có liên quan và khách mời đến từ các cường quốc mía trên thế giới như Hoa Kỳ, Brazil, Thái Lan, Úc, Ấn Độ, Mauritius và Campuchia. Tại hội thảo, nhiều chuyên gia mía đường trong và ngoài nước đã khẳng định tầm quan trọng của việc chuyển giao công nghệ cho nông dân Việt Nam trong việc chung tay ứng phó với tác động gay gắt của biến đổi khí hậu. Đồng thời, thông qua Hội thảo các xu hướng phát triển của ngành mía đường toàn cầu được cập nhật đầy đủ. Qua đó, các doanh nghiệp và người trồng mía cùng chia sẻ kinh nghiệm, trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng và sự chủ động trước các thách thức về biến đổi khí hậu.



“

CÁCH ĐÂY 10 NĂM, VIỆT NAM LÀ MỘT NƯỚC NHẬP KHẨU ĐƯỜNG, NHƯNG ĐẾN NAY ĐÃ DẪN TỰ CUNG TỰ CẤP, TỪNG BƯỚC TIẾN TỚI XUẤT KHẨU TRONG VÒNG 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY. NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ TTCS NÓI RIÊNG ĐÃ CÓ NHIỀU BƯỚC CHUYỂN MÌNH, SONG ĐANG ĐỐI DIỆN VỚI KHÔNG ÍT THÁCH THỨC, ĐẶC BIỆT TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM THAM GIA NHIỀU HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO TRONG VÀ NGOÀI KHU VỰC.”

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng và giải quyết các khó khăn trong vấn đề khâu thu hoạch, TTCS đặc biệt quan tâm phát triển các mô hình cánh đồng mẫu lớn trong đó tập trung các khu vực trọng điểm như Tây Ninh, Long An, Gia Lai... và cả Campuchia. Do đó, việc thu hoạch nhanh, đồng bộ và hiệu quả là vấn đề cần được chú trọng và phát huy. Để chuẩn bị tốt cho niên vụ 2016 - 2017, TTCS sẽ tiếp tục đầu tư vào các loại máy thu hoạch mía hiện đại cho người dân và các nông trường, từ đó giải quyết tốt bài toán nhân công lao động trong những niên vụ sắp tới.

Ngoài những chính sách thiết thực như trên, TTCS còn đưa ra những gói giải pháp được kỳ vọng sẽ mang lại lợi nhuận cho người dân trồng mía bao gồm:

- **Đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, bền vững.** Quy hoạch sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn từ 50 ha, canh tác trên diện rộng.
- **Tăng cường áp dụng cơ giới hóa,** đặc biệt là cơ giới nặng; áp dụng từ khâu làm đất, trồng mía, chăm sóc tới khi thu hoạch, giảm thiểu lao động thủ công để nâng cao hiệu quả công việc và tiết giảm chi phí sản xuất nguyên liệu.
- **Xây dựng đội ngũ nghiên cứu chuyên sâu,** cơ cấu giống hợp lý; khảo nghiệm, tuyển chọn giống mía năng suất, chất lượng cao, sạch bệnh và phù hợp với điều kiện từng vùng. Hiện TTCS đang phối hợp với Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công tiến hành khảo nghiệm 30 giống nhập nội, thời gian tới sẽ đưa các giống mới ra vùng nguyên liệu.
- **Chú trọng công tác tưới mía,** mục tiêu 100% diện tích trồng mía đều được tưới, ưu tiên các hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, nâng cao tính chủ động ứng phó và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.
- **Xây dựng chính sách đầu tư phù hợp,** kịp thời cho bà con nông dân; điều phối lịch thu hoạch hợp lý, giảm thiểu thất thoát nhằm củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn bó giữa người nông dân và doanh nghiệp.
- **Tổ chức sản xuất theo quy trình khép kín với quy chuẩn ISO,** tạo ra sản phẩm vì sức khỏe cộng đồng, đảm bảo an toàn thực phẩm; đẩy mạnh chương trình “Người địa phương dùng hàng địa phương”, phân phối sản phẩm đến 63 tỉnh thành trong nước, hướng tới các thị trường quốc tế.

Với tầm nhìn chiến lược của mình, những gói giải pháp thiết thực TTCS được kỳ vọng sẽ không ngừng nâng cao lợi nhuận/ha cho người nông dân trồng mía, giúp người trồng mía không chỉ đủ ăn mà trở nên giàu có. Từ đó, vừa tăng cường hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, vừa giúp gia tăng giá trị kinh tế cho cây mía, làm giàu cho bà con nông dân, vừa từng bước tăng năng lực cạnh tranh của ngành mía đường trong thời kỳ hội nhập.



THÀNH CÔNG TỪ CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA, PHÁT HIỆN VÀ TỔ CHỨC PHÒNG TRỪ SẴN SÂU ĐỤC THÂN HẠI MÍA Ở TÂY NINH

Niên vụ 2014 - 2015, vùng nguyên liệu mía tại Tây Ninh và Campuchia của TTCS ảnh hưởng nghiêm trọng bởi loài sâu 4 vạch đầu nâu *Chilo tumidicostalis*. Ngoài các yếu tố khách quan như điều kiện thời tiết, kỹ thuật canh tác,... nguyên nhân chính là do công tác bảo vệ thực vật trên cây mía chưa được quan tâm đúng mức; công tác dự tính, dự báo và giám sát dịch hại mía còn chủ quan, bị động. Ngoài ra, do yếu tố địa lý, các vùng mía nguyên liệu ở Tây Ninh nằm liền kề với các vùng mía của Campuchia nên có thể loài sâu này vốn đã có từ lâu ở Thái Lan xâm nhập và lây lan vào Việt Nam qua con đường này.

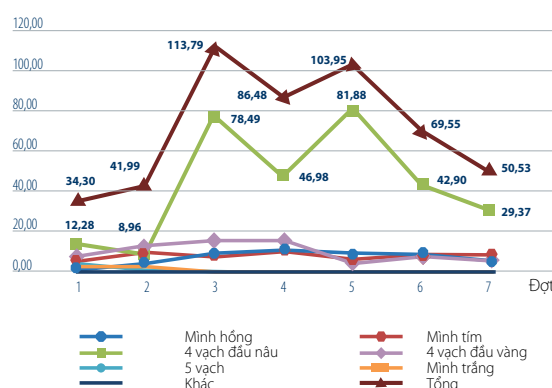
Để chủ động trong công tác phòng chống, trong vụ mía 2015 - 2016, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công đã kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (SRDC) thực hiện chương trình điều tra, phát hiện và tổ chức phòng trừ sớm sâu đục thân hại mía ở Tây Ninh, nhằm phát hiện kịp thời sự phát sinh, phát triển của các loài sâu hại phổ biến trên mía và đưa ra các khuyến cáo phòng trừ thích hợp, hiệu quả cho từng diện tích mía bị hại. Đồng thời, qua chương trình này, chúng ta có thêm cơ sở để tìm ra quy luật phát sinh, phát triển của một số loài sâu hại phổ biến trên mía.

Từ tháng 6 - 11/2015, Công ty đã tiến hành điều tra trên 1.624 ha mía tại 3 khu vực với tổng diện tích 1.000 ha mía nguyên liệu trên trong 7 đợt liên tục. Số liệu thu thập

được cho thấy mức độ gây hại của sâu đục thân trong vụ thu hoạch 2015 - 2016 không cao, tỷ lệ diện tích bị gây hại nặng đạt đỉnh vào 2 thời điểm: khoảng cuối tháng 7 (173 ha, chiếm 10,6% tổng diện tích điều tra) và tháng 9 (63 ha, chiếm 3,9%). Các khoảng thời gian còn lại diện tích mía bị sâu tấn công ở mức độ nhẹ và trung bình, chủ yếu là mức độ nhẹ.

Biểu đồ 01: Diễn biến mật số sâu đục thân

ĐVT:
con/100m²





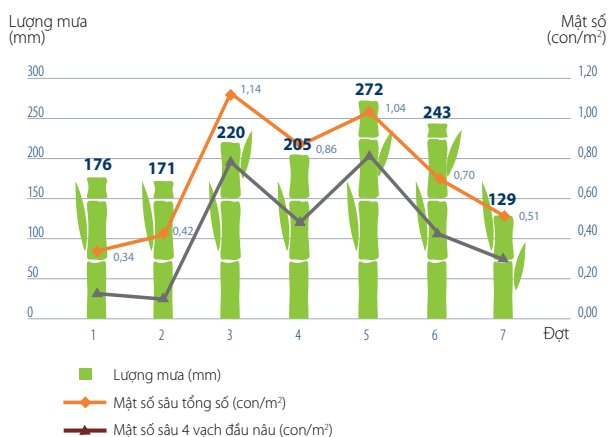
Thành phần nhóm sâu đục thân mía gồm chủ yếu 6 loài: Minh hồng *Sesamia* sp, minh tím *Phragmataecia castaneae*, 4 vạch đầu nâu *Chilo tumidicostalis*, 4 vạch đầu vàng *Chilo sacchariphagus*, 5 vạch *Chilo infuscatellus* và minh trắng *Scirpophaga excerptalis* (Biểu đồ 01). Các loài sâu như sâu minh tím, 4 vạch đầu nâu, 4 vạch đầu vàng xuất hiện và gây hại trong suốt thời gian điều tra. Về tỷ lệ thành phần loài giữa các loại sâu qua các thời điểm điều tra, kể từ đầu tháng 7 sâu 4 vạch đầu nâu luôn có tỷ lệ thành phần loài cao hơn các loại sâu còn lại. Đặc biệt, vào khoảng cuối tháng 7 và tháng 9, loài sâu này có tỷ lệ thành phần và mật số cao nhất. Vì vậy, đây là thời điểm chúng ta cần lưu ý cho công tác phòng chống dịch sâu 4 vạch đầu nâu phát sinh hằng năm.

Qua quá trình điều tra, đã ghi nhận các giống mẫn cảm với sâu đục thân gồm: KK3, LK92-11 và K94-2-483

(Suphanburi 7), đây cũng là các giống có hàm lượng đường cao trong thực tế sản xuất. Điều này cho thấy tỷ lệ bị sâu tấn công có thể có liên quan đến đặc tính CCS (%) của các giống mía. Bên cạnh đó, kết quả điều tra còn ghi nhận được mối tương quan theo tỷ lệ thuận giữa lượng mưa và mật số sâu đục thân (Biểu đồ 02).

Biểu đồ 02:

So sánh biến động lượng mưa và mật số sâu đục thân



Ngoài những yếu tố khách quan, chương trình điều tra, phát hiện và phòng trừ sớm sâu đục thân hại mía ở Tây Ninh đã có những thành công nhất định, được thể hiện rõ qua diện tích mía bị hại, cụ thể là giảm thiểu tối đa tỷ lệ diện tích mía bị hại nặng do chúng ta đã hoàn toàn chủ động trong công tác phát hiện và tổ chức khuyến cáo các biện pháp phòng trừ thích hợp cho người trồng mía tại các điểm vừa chớm phát sinh dịch, hạn chế tối đa diện tích mía bị sâu hại tấn công. Quan trọng hơn nữa, Công ty đã có 1 phần cơ sở dữ liệu hệ thống để tìm ra quy luật phát sinh phát triển của sâu đục thân, đặc biệt sâu 4 vạch đầu nâu.

Công ty sẽ tiếp tục phối hợp cùng SRDC tiến hành việc điều tra định kỳ này trong ít nhất 2 vụ tiếp theo, 2016 - 2017 và 2017 - 2018, để có cơ sở khoa học chính xác về quy luật phát sinh, phát triển và mức độ gây hại trên cây mía của nhóm sâu đục thân nói chung và sâu đục thân 4 vạch đầu nâu nói riêng nhằm chủ động trong công tác điều tra phát hiện, áp dụng các biện pháp phòng trừ sớm, hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất cũng như chất lượng, cải thiện hiệu quả kinh tế từ cây mía, ổn định vùng nguyên liệu.



TƯỚI VÀ CÀY SÂU - CÁC BIỆN PHÁP HỮU HIỆU TRONG CANH TÁC MÍA

Mặc dù được xem là loại cây trồng có khả năng chịu hạn tốt, cây mía vẫn rất cần nước, bởi nước chiếm đến 70% khối lượng cây mía khi thu hoạch. Nếu được cung cấp nước tưới đầy đủ và đúng thời điểm sinh trưởng, năng suất cây mía có thể gia tăng một cách đáng kể. Mặt khác, trong điều kiện khô hạn như các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên, việc tìm kiếm nguồn cung cấp và các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng hiệu quả sử dụng nước cho cây mía là cần thiết, trong đó cày ngầm không lật đã chứng minh được những tác dụng tốt ưu.

Hiện nay, có nhiều phương pháp tưới được áp dụng trên các vùng mía của TTCS. Từ các phương pháp tưới đơn giản như tưới xả tràn, tưới dây phun Đài Loan, tưới béc quay di động hoặc cố định cho đến phương pháp tưới hiện đại như hệ thống Center Pivot súng phun. Hướng đến mục tiêu 100% diện tích mía được tưới chủ động, TTCS mạnh dạn triển khai một số mô hình tưới hiệu quả, phù hợp với các quy mô canh tác khác nhau như tưới béc quay cố định, hệ thống Center Pivot. Phương pháp tưới béc quay cố định đang được khuyến khích nhân rộng vì có nhiều ưu điểm nổi trội. So với các phương pháp khác, hệ thống béc quay cố định chỉ tốn chi phí lắp đặt một lần khoảng 13 - 14 triệu đồng/ha cho thời hạn sử dụng khoảng 6 - 7 năm. Trong suốt thời gian vận hành hầu như không tốn chi phí nhân công để theo dõi hay di dời ống.

Bên cạnh đó, hệ thống béc quay cố định cũng không gây cản trở cho việc vận hành các phương tiện cơ giới cày xới cũng như chăm sóc mía. Hơn nữa, với chiều cao béc cố định khoảng 1,6m, hệ thống hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu tưới nước cho mía lớn nên có thể tưới

trong thời kỳ mía vươn lóng, tăng đáng kể năng suất thu hoạch. Niên vụ 2015 - 2016, nhiều hộ nông dân tại Tây Ninh đã áp dụng mô hình này giúp tăng năng suất 22 - 25 tấn mía/ha so với mía không tưới, và hơn 10 tấn/ha so với các hình thức tưới khác, từ đó đem lại lợi nhuận, sự phấn khởi và tin tưởng cho người trồng mía. Đối với quy mô canh tác lớn ở những nông trường mía, TTCS đã áp dụng phương pháp tưới có mức độ cơ giới hóa cao. Hệ thống tưới Center Pivot đang được áp dụng tại nông trường Thành Long có thể xem là một trong những công nghệ tưới hiện đại nhất thế giới sử dụng cho quy mô sản xuất đại diện. Được nhập khẩu từ Mỹ với chi phí khoảng 4 tỷ đồng/giàn, mỗi giàn tưới Center Pivot với chiều dài 500m, và khả năng tự vận hành có thể tưới cho 80ha mía chỉ trong 20 giờ.

Cùng với tưới mía, công tác đầu tư hệ thống máy cày hiện đại, công suất lớn và thiết bị cày sâu không lật cũng góp phần cải thiện năng suất mía cũng như chống hạn trong điều kiện khí hậu ngày càng khắc nghiệt như hiện nay. Với những máy kéo có công suất từ 90HP đến 245HP, việc cày sâu tối thiểu 40cm hoàn toàn khả thi trên tất cả các địa hình. Cày sâu phá vỡ tầng đế cày, giúp bộ rễ ăn sâu hơn, cây mía hút nước tốt, hấp thu được nhiều chất dinh dưỡng trong đất, tăng khả năng chống chịu khô hạn và đồng thời giúp cây mía chống đổ ngã, đảm bảo chất lượng, năng suất, thuận lợi cho thu hoạch.

Trước tình hình hạn hán đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, việc đầu tư các hệ thống tưới chủ động có mức độ cơ giới hóa cao, hiệu quả cùng với các biện pháp canh tác tiên tiến là bước đi thực sự cần thiết để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp TTCS bền vững, đủ khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, nâng cao năng suất mía không những giúp bà con nông dân gia tăng lợi nhuận mà còn tạo lập vùng nguyên liệu ổn định, tăng lợi thế cạnh tranh cho TTCS nói riêng và Việt Nam nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.



CHƯƠNG TRÌNH **PHÒNG VỆ THỰC PHẨM**

AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM LÀ VẤN ĐỀ SỐNG CÒN CỦA DOANH NGHIỆP

Chất lượng cuộc sống và nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao đã kéo theo sự thay đổi của xu hướng tiêu dùng. Trong đó, các sản phẩm xanh - sạch, chất lượng, tốt cho sức khỏe ngày càng được chú trọng và ưu tiên sử dụng. Vì thế, đây vẫn là lĩnh vực còn nhiều tiềm năng để doanh nghiệp khai phá và phát triển trên cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng cũng như sự an toàn của sản phẩm. Đặc biệt khi hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp phải minh bạch hóa sản phẩm về chất lượng và sự an toàn trong chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu. Với vai trò là một trong những công ty mía đường hàng đầu Việt Nam, TTCS luôn quan tâm, đặt mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ sức khỏe gia đình Việt lên hàng đầu. Việc quản lý chất lượng từ cánh đồng đến bếp ăn được TTCS thực hiện theo một quy trình chặt chẽ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nhận thức được tầm quan trọng của Phòng vệ thực phẩm, từ năm 2010 đến nay, TTCS không ngừng nghiên cứu, rút tỉa kinh nghiệm để đúc kết thành một quy trình Phòng vệ thực phẩm hiệu quả, đồng thời ban hành các văn bản, quy định, xây dựng kế hoạch hành động mang tính cam kết lâu dài trong toàn thể Công ty.

Tiếp nối thành công trong việc phát động chương trình Phòng vệ thực phẩm của niên độ trước, cùng với chủ trương chung của Tập đoàn TTC phối hợp cùng Vissan xây dựng chuỗi Hội thảo với chuyên đề "Nâng cao Nhận thức và phương pháp xây dựng hệ thống về Phòng vệ thực phẩm" cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm vừa và nhỏ Việt Nam, TTCS đã, đang và sẽ tiếp tục tổ chức Hội thảo Phòng vệ thực phẩm tại nhiều tỉnh thành trên khắp cả nước với mục đích chia sẻ ngày càng nhiều hơn các kinh nghiệm thực tiễn, giúp người tiêu dùng nâng cao nhận thức và khó tính hơn trong việc lựa chọn các sản phẩm an toàn, đồng thời xây dựng một tập quán tốt trong sản xuất, phân phối,... hướng đến mục tiêu an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng được đặt lên hàng đầu.

“CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VÀ NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN NGÀY CÀNG ĐƯỢC NÂNG CAO ĐÃ KÉO THEO SỰ THAY ĐỔI CỦA XU HƯỚNG TIÊU DÙNG.”

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG SẢN XUẤT

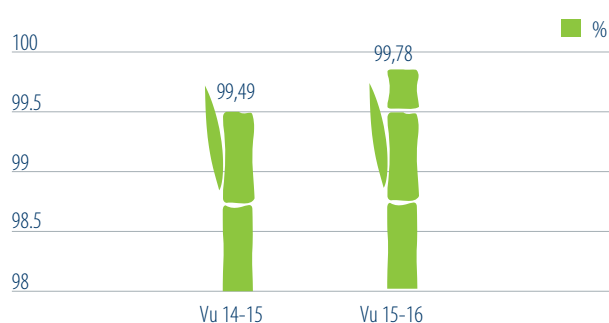


TTCS HIỆN LÀ CÔNG TY CÓ CÔNG SUẤT LỚN NHẤT VÀ SẢN LƯỢNG CAO NHẤT TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM, VỚI CHẤT LƯỢNG CAO CẤP & ỔN ĐỊNH. ĐƯỜNG TINH LUYỆN VÀ ĐƯỜNG TRẮNG CỦA TTCS ĐANG CHIẾM GẦN 16% TỔNG SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG CẢ NƯỚC, CHIẾM 29% SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TINH LUYỆN CỦA CẢ NƯỚC.

Thỏa mãn khách hàng là một trong những tiêu chí hàng đầu của TTCS. Để đạt được điều đó cần có sự phối hợp tốt giữa các công đoạn sản xuất, máy móc thiết bị và nguyên vật liệu. Trong vụ 2015 - 2016, TTCS đã thực hiện các việc cơ bản như sau:

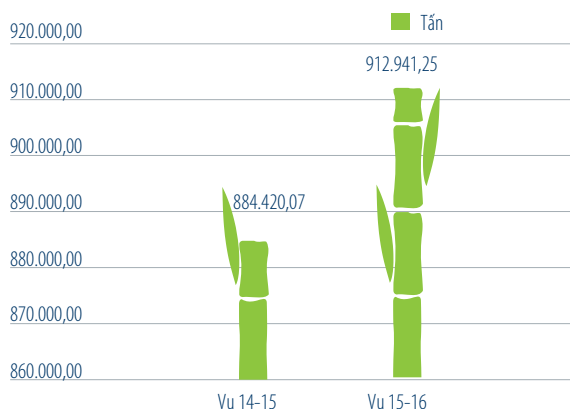
1. NÂNG CAO HIỆU SUẤT AN TOÀN THIẾT BỊ: Nhờ công tác bảo trì tốt, thời gian dừng máy do sự cố giảm đi đáng kể. Điều này góp phần quan trọng vào việc tiết kiệm chi phí hoạt động của Công ty cũng như hạn chế tối đa tổn thất cho nông dân do phải chờ sửa máy.

Hiệu suất ATTB	%
Vụ 2014 - 2015	99.49
Vụ 2015 - 2016	99.78



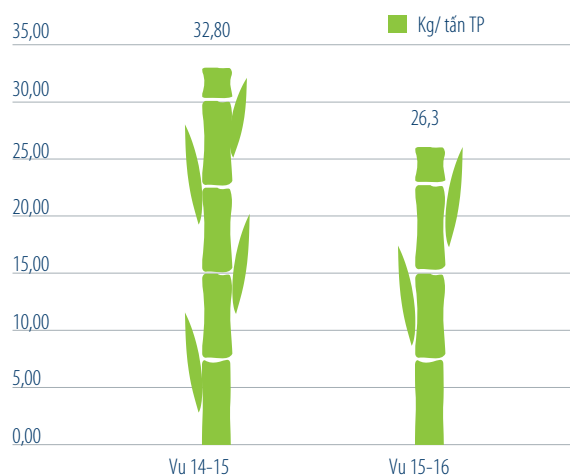
2. NGUYÊN LIỆU MÍA: Định hướng hoạt động và chủ trương phát triển vùng nguyên liệu lâu dài dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía. Tại TTCs, nông dân trồng mía không đơn thuần là khách hàng mà còn là người bạn đồng hành với Công ty và là một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh mía đường. Nông dân là bạn đồng hành là một trong những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong công tác nguyên liệu mía, công ty xác định tôn chỉ trong mọi hoạt động là làm sao để nông dân có lợi thì nhà máy mới có lợi. Mặc dù có sự cạnh tranh mạnh của các loại cây trồng, nguyên liệu mía vẫn đủ để cung cấp cho nhà máy.

Nguyên liệu mía	Đơn vị tấn
Vụ 2014 - 2015	884.420
Vụ 2015 - 2016	912.941



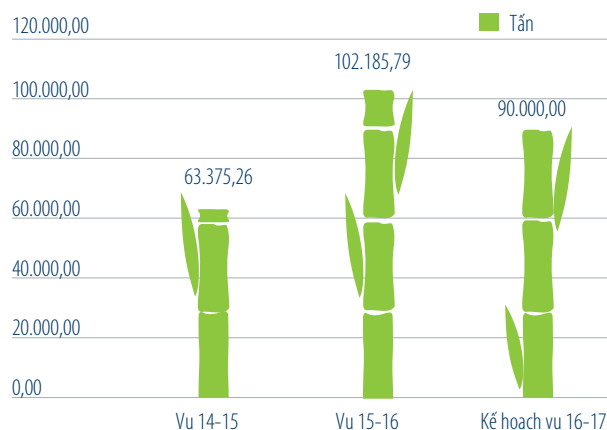
3. VẬT TƯ HÓA CHẤT: Nguyên liệu hóa chất sản xuất giảm so với vụ trước và dưới mức chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên, chất lượng sản phẩm vẫn đạt theo tiêu chuẩn cam kết cũng như đạt các tiêu chuẩn chất lượng cho khách hàng nước giải khát như Pepsi, Coca Cola... Một trong những điều kiện để tiết kiệm tốt hóa chất vật tư sản xuất tốt là chúng tôi kiểm soát tốt sản phẩm không phù hợp trong dây chuyền sản xuất của mình, hạn chế tối đa việc quay trở lại dây chuyền sản xuất. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm vôi, muối, bao bì trong sản xuất, dùng đủ định mức trong sản xuất. Vụ 2015 - 2016 sử dụng hiệu quả và tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Vôi cho mía	Kg/Tấn TP
Vụ 2014 - 2015	32,80
Vụ 2015 - 2016	26,3

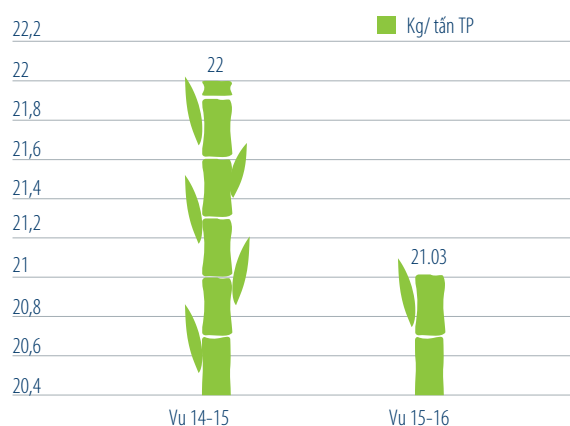


Nguyên liệu đường thô hòa tan

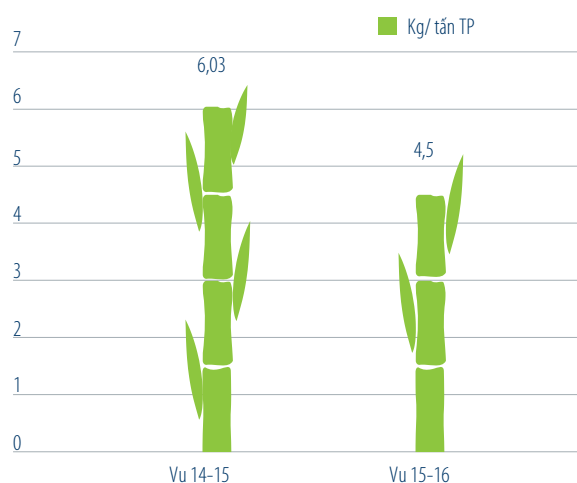
Nguyên liệu đường thô	Đơn vị tấn
Vụ 2014 - 2015	63.375,26
Vụ 2015 - 2016	102.185,79
Kế hoạch vụ 2016 - 2017	90.000,00



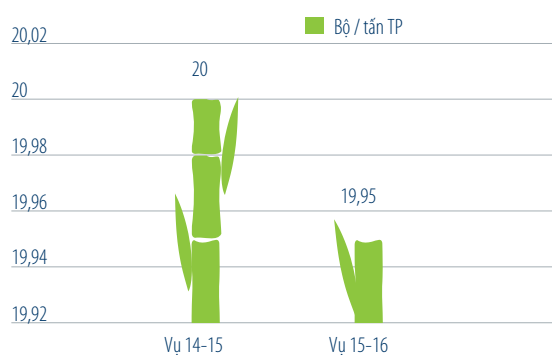
Vôi cho đường thô	Kg/Tấn TP
Vụ 2014 - 2015	22
Vụ 2015 - 2016	21,03



Muối	Kg/tấn TP
Vụ 2014 - 2015	6,03
Vụ 2015 - 2016	4,5

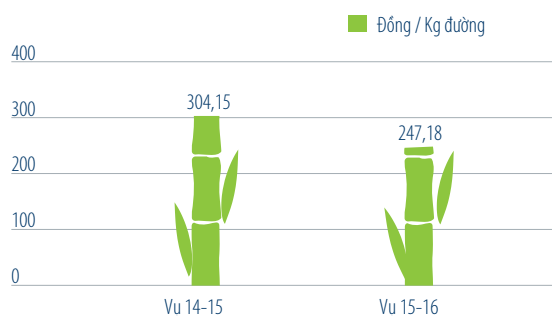


Bao PP - PE	Bộ / Tấn TP
Vụ 2014 - 2015	20
Vụ 2015 - 2016	19,95



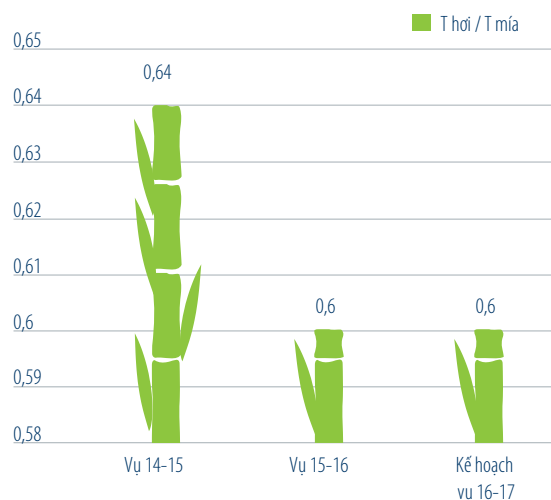
4. TỔNG HỢP CHI PHÍ HÓA CHẤT SẢN XUẤT

Hóa chất sản xuất + Dụng cụ kiểm nghiệm + Phân tích chữ đường	Đồng/kg đường
Vụ 2014 - 2015	304,15
Vụ 2015 - 2016	247,18

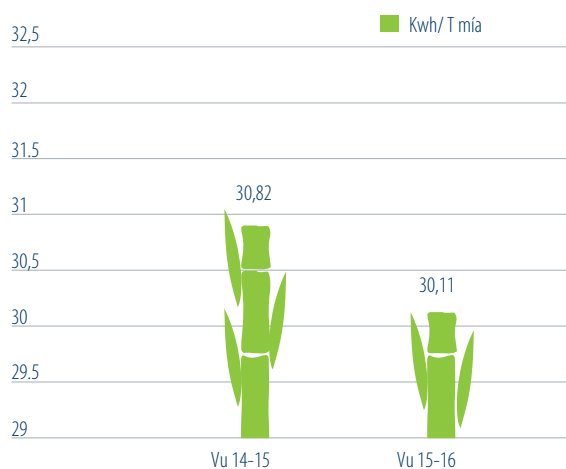


5. TỐI ƯU HÓA SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG: Lợi về năng lượng ước tính khoảng 7 tỉ/năm. Tối ưu hóa việc sử dụng hơi trong công nghệ. Cải thiện hệ thống bốc hơi.

Tiêu hao hơi	Tấn hơi / tấn mía
Vụ 2014 - 2015	0,64
Vụ 2015 - 2016	0,6
Kế hoạch vụ 2016 - 2017	0,6

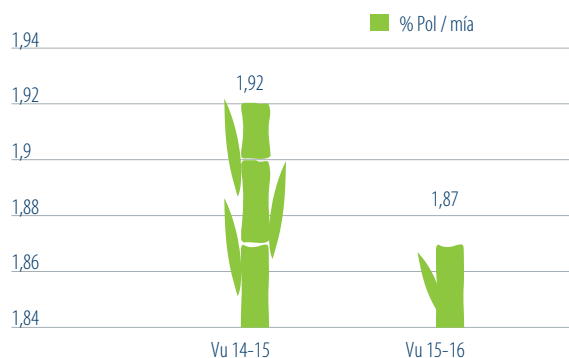


Tiêu hao điện	Kwh / tấn mía
Vụ 2014 - 2015	30,82
Vụ 2015 - 2016	30,11



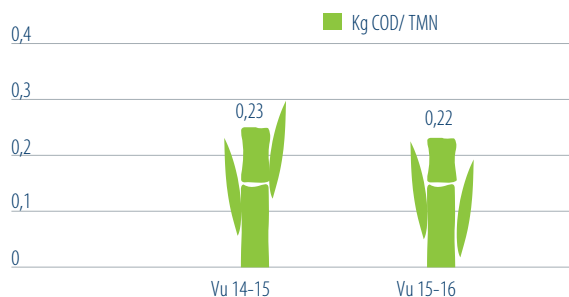
6. BÊN CẠNH GIẢM THIỂU CÁC MẤT MÁT

Tổng mất mát	% Pol/mía
Vụ 2014 - 2015	1,92
Vụ 2015 - 2016	1,87

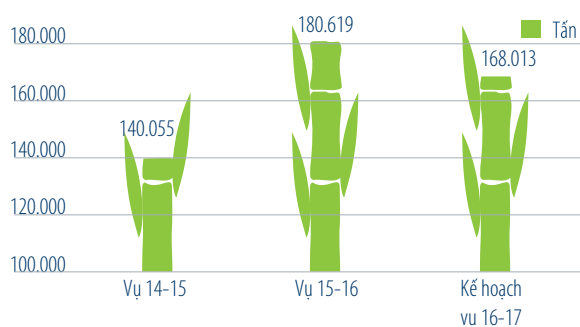


7. NGOÀI RA QUAN TÂM CHỈ SỐ COD PHÁT THẢI RA MÔI TRƯỜNG

COD phát thải	Kg COD/TMN
Vụ 2014 - 2015	0,23
Vụ 2015 - 2016	0,22

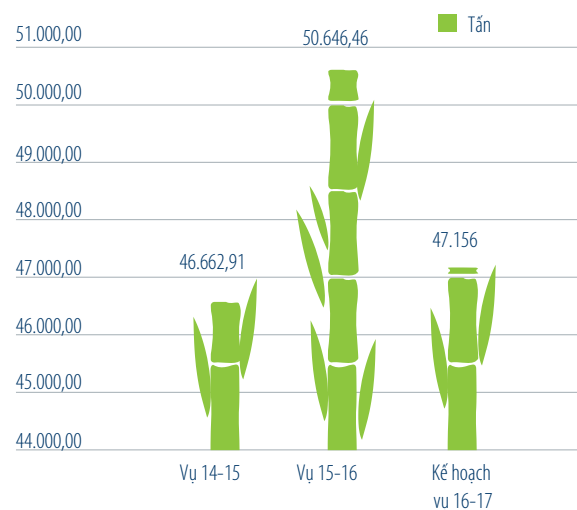


Đường đóng bao	Tấn
Vụ 2014 - 2015	140.055
Vụ 2015 - 2016	180.619
Kế hoạch vụ 2016 - 2017	168.013

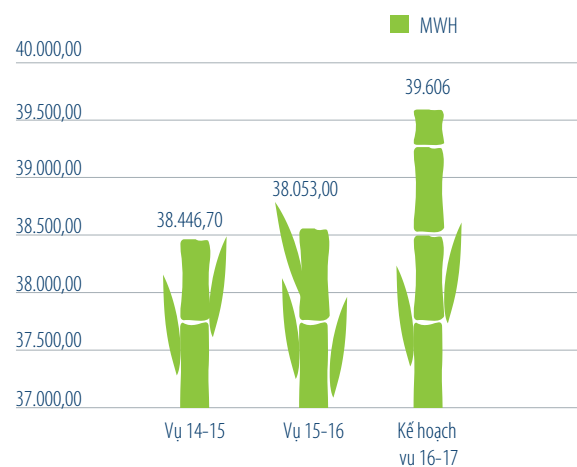


Kết quả đạt được: Sản lượng đường thành phẩm đạt 180.619 tấn, sản lượng tăng gần 30% so với vụ mùa 2014 - 2015 và 45% so với vụ 2013 - 2014.

Mật rỉ	Tấn
Vụ 2014 - 2015	46.662,91
Vụ 2015 - 2016	50.646,46
Kế hoạch vụ 2016 - 2017	47.156



Điện thương phẩm	MWH
Vụ 2014 - 2015	38.446,70
Vụ 2015 - 2016	38.053,00
Kế hoạch vụ 2016 - 2017	39.606



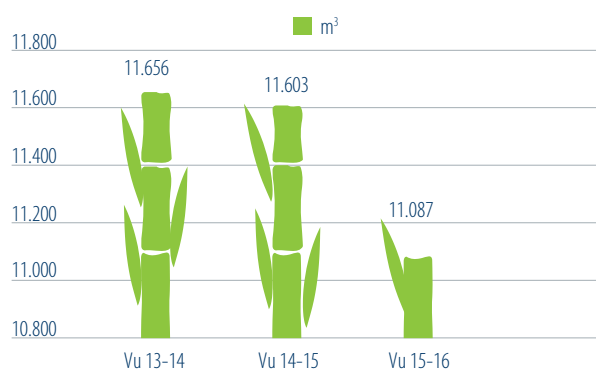


11.000 m³

lượng nước sử dụng cho mùa vụ 2015 - 2016
so với 30.000 m³ vụ mùa 2012 - 2013

Thống kê lượng nước sử dụng tạo chân không hàng ngày từ kênh thủy lợi. Công ty tuần hoàn nước sau hệ thống xử lý nước thải, tiết kiệm tài nguyên nước. So với vụ mùa 2012 - 2013, lượng nước cần cho nhà máy sử dụng trong việc tạo chân không cho các thiết bị nấu, bốc hơi giảm rất nhiều, mùa vụ 2015 - 2016 lượng nước chỉ sử dụng khoảng 11.000 m³ thay vì trước đó là hơn 30.000 m³, chủ yếu cung cấp bù từ nước bị bốc hơi trong quá trình hoạt động, nước tạo chân không được giải nhiệt và sử dụng tuần hoàn kín làm giảm đáng kể việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Lượng nước sử dụng hàng ngày để tạo chân không
(Theo dữ liệu thống kê của Công ty)



TIÊU THỤ **NĂNG LƯỢNG**

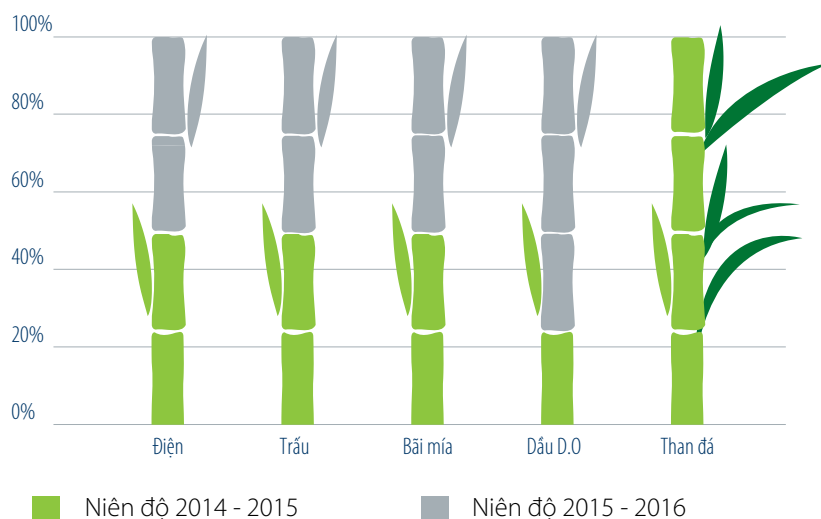
NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG CHỦ YẾU TRONG NHÀ MÁY LÀ:

- **Dầu D.O** làm nhiên liệu cho xe cơ giới vận chuyển nhiên liệu.
- **Bã mía, trấu, than nâu** làm nhiên liệu đốt cho lò hơi.
- **Nguồn điện** được lấy từ lưới điện quốc gia phục vụ công tác bảo trì của nhà máy.



Trước tình hình nguồn năng lượng ngày càng khan hiếm, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là vấn đề quan trọng, ưu tiên hàng đầu trong sản xuất. Chúng tôi không ngừng kiểm tra, giám sát và phân tích thực tế các nguồn năng lượng sử dụng để tìm ra cơ hội cải tiến, giảm năng lượng tiêu thụ.

Mức năng lượng tiêu thụ	Đơn vị	Niên độ 2014 - 2015		Niên độ 2015 - 2016	
		Số lượng	Năng lượng/ tấn đường thành phẩm	Số lượng	Năng lượng/ tấn đường thành phẩm
Than đá	Tấn	0	0	623	0,00345
Dầu D.O	Lít	59.776	0,427	73.632	0,407
Bã mía	Tấn	302.547	2,16	324.579	1,797
Trấu	Tấn	450	0,00321	165	0,00091
Điện	KWh	34.210.800	244	39.156.000	216



Biểu đồ mức tiêu thụ năng lượng trên tấn đường của niên độ 2015 - 2016 so với 2014 - 2015

Trong niên độ 2015 - 2016 Công ty đã thực hiện dự án đổ bê tông toàn bộ sân chứa bã mía gần 30.000 m² với tổng chi phí đầu tư hơn 9,5 tỷ đồng. Việc này giúp cho công tác vận chuyển bã mía dễ dàng hơn, giảm mức tiêu hao nhiên liệu cho xe cơ giới. So với niên độ 2014 - 2015, mức tiêu thụ dầu D.O cho việc vận chuyển 1 tấn bã mía giảm từ 0,573 xuống còn 0,529 (lít dầu D.O/tấn bã mía vận chuyển).

Thông số	Đơn vị	Niên độ 2014 - 2015	Niên độ 2015 - 2016
Dầu D.O tiêu thụ	Lít	59.776	73.632
Bã vận chuyển	Tấn	104.291	139.274
Dầu D.O/bã vận chuyển	Lít/tấn	0,573	0,529

TTCS không chỉ hướng dẫn, tuyên truyền tiết kiệm năng lượng đến tất cả các cán bộ nhân viên toàn Công ty mà còn thuê đơn vị tư vấn bên ngoài thực hiện kiểm toán năng lượng toàn nhà máy để xác định những lãng phí năng lượng trong quy trình công nghệ, quy trình vận hành máy móc thiết bị để từ đó, Công ty tiến hành phân tích, đưa ra giải pháp tối ưu để tránh sự lãng phí năng lượng.

Hơn nữa, TTCS cũng rất quan tâm đến nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng xanh nên trong những năm qua, Công ty không ngừng nghiên cứu và tìm nguồn năng lượng biomass phù hợp làm nhiên liệu đốt cho lò hơi, thay thế những nguyên liệu đốt gây ô nhiễm môi trường.

“

CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN DỰ ÁN DÙNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI CHO TÒA NHÀ VĂN PHÒNG VỚI TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ HƠN 750 TRIỆU ĐỒNG. DỰ ÁN NÀY ĐÃ TIẾT KIỆM 7.665 KWH LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016.

”

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

Một số công trình năng lượng mặt trời Công ty đã triển khai bên ngoài:

STT	Mô tả	Công suất	ĐVT	SL	Ngày hoàn thành	Địa điểm
1	Hệ thống tưới bằng NLMT	1,5 kW	dàn	1	15/06/2015	Nông trường Pi-Dông, SEC
2	Hệ thống tưới bằng NLMT	1,5 kW	dàn	1	20/06/2015	Ninh Sơn, Ninh Thuận, PRS
3	Hệ thống tưới bằng NLMT	1,5 kW	dàn	1	26/06/2015	SRDC
4	Hệ thống tưới bằng NLMT	1,5 kW	dàn	1	21/08/2015	SRC
5	Hệ thống điện MT V.P Svayrieng	3,36 kWp	hệ thống	1	21/08/2015	SRC
6	Hệ thống tưới bằng NLMT	2,2 kW	dàn	12	22/02/2016	Ninh Sơn, Ninh Thuận, PRS
7	Hệ thống điện MT V.P TTCS	46 kWp	hệ thống	1	05/04/2016	TTCS



Tất cả việc làm trên đã mang đến cho Công ty một kết quả rất khả quan hơn so với niên độ 2014 - 2015, năng lượng tiêu thụ trên 1 kg đường thành phẩm giảm từ 3.702 kJ/kg xuống còn 3.073 kJ/kg.

Thông số	Đơn vị	Niên độ 2014 - 2015	Niên độ 2015 - 2016
Tổng năng lượng tiêu thụ	Kj	518.439.114.848	555.080.760.540
Đường thành phẩm	Kg	140.055.000	180.619.000
Năng lượng tiêu thụ/sản phẩm	Kj/kg	3.702	3.073

Tất cả việc làm trên đã mang đến cho chúng tôi một kết quả rất khả quan. So với niên độ 2014 - 2015, năng lượng tiêu thụ trên 1 kg đường thành

phẩm giảm từ **3.702KJ** xuống còn **3.073KJ**.

GIẢM GẦN 19% SO VỚI NĂM TRƯỚC

NGUỒN NƯỚC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC

Phát triển môi trường bền vững trong quá trình hoạt động sản xuất phụ thuộc vào việc khai thác nguồn nước có chất lượng và lưu lượng phù hợp, đồng thời có trách nhiệm trong việc sử dụng nước. Với quy mô sản xuất cần sử dụng một lượng không nhỏ nước cấp cho dây chuyền công nghệ và làm sao để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, đây là một trong những bài toán phức tạp mà TTCS luôn quan tâm. Do đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty là phải giảm lượng nước mua ngoài, tăng lượng nước tuần hoàn song song với việc thường xuyên cải tiến quy trình công nghệ.

Hiện nay, nguồn nước chính được sử dụng cho sản xuất là nước mặt được mua từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng nước ngầm khai thác từ các giếng khoan trong khuôn viên để phục vụ cho sinh hoạt.

NƯỚC MẶT

Nhu cầu nước mặt cấp cho nhà máy chủ yếu được lấy từ kênh Tân Hưng, với công suất khai thác cho phép 0,15 m³/giờ, lưu lượng nước khai thác từ nguồn này chiếm phần lớn tổng lưu lượng khai thác phục vụ cho hoạt động sản xuất. Trong niên vụ 2015 - 2016, tổng lượng nước mặt (mua ngoài) là 2.172.960 m³ so với 1.810.080 m³ trong niên vụ 2014 - 2015, mức tăng nhẹ này phản ánh công suất vận hành tại Nhà máy cũng như việc cải thiện hiệu suất hoạt động.

NƯỚC NGẦM

Nguồn nước ngầm phục vụ cho sinh hoạt được khai thác tại các giếng khoan đã được cấp phép, Công ty đã sử dụng bơm chìm để khai thác nguồn nước ngầm với công suất cho phép trong niên vụ 2015 - 2016 là 93.607 m³, thấp hơn so với niên vụ 2014 - 2015 là 98.704 m³. Đó là do Công ty đã tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước ngầm, phần đầu năm sau sử dụng ít hơn năm trước.

NƯỚC SỬ DỤNG NIÊN VỤ 2015 - 2016

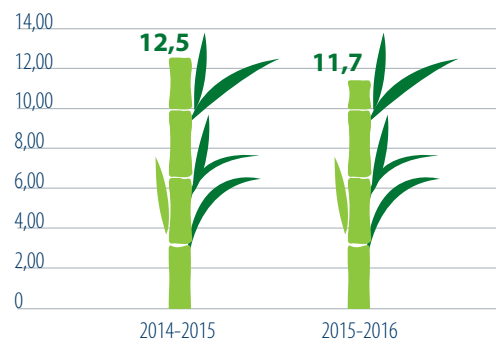
11,7 M³/TẤN ĐƯỜNG

NƯỚC SỬ DỤNG NIÊN VỤ 2014 - 2015

12,5 M³/TẤN ĐƯỜNG

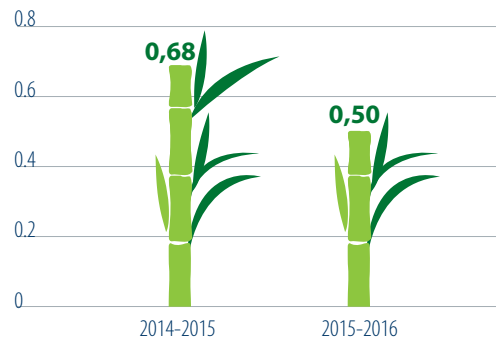
TIẾT KIỂM HƠN **6%**

ĐVT: m³/tấn đường



Biểu đồ tiết kiệm nước/tấn đường

ĐVT: m³/tấn đường



Biểu đồ tiết kiệm khai thác nước ngầm/tấn đường

LƯỢNG NƯỚC TÁI SỬ DỤNG
180.000 m³

NGUỒN XẢ THẢI

Công ty được cấp phép xả thải một điểm nằm phía sau khu vực xử lý nước thải của nhà máy và nước thải sau xử lý chảy qua điểm xả thải được cấp phép và nhập vào suối Tà Hợp. Nước tại nguồn tiếp nhận dưới hạ lưu được sử dụng cho mục đích nông nghiệp và tưới tiêu, đồng thời lưu lượng nước thải được đo hàng ngày bằng công cụ quan trắc.

CHẤT LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI

Bằng những cải tiến thường xuyên về công nghệ, trong đó có việc tuần hoàn tái sử dụng nước đã giúp cho lượng nước xả thải ra ngoài môi trường luôn được kiểm soát thấp hơn mức được cho phép. Việc nước thải đạt cột A giúp Công ty luôn tự tin vào việc tuân thủ Luật định về xả thải của mình.

“ Công ty luôn thực hiện công khai minh bạch nhất quán về chia sẻ thông tin liên quan đến số liệu chất lượng nước xả thải, gửi báo cáo hàng tháng tới các Cơ quan ban ngành cũng như tích cực hợp tác trong các đợt thanh tra về môi trường. ”

NƯỚC TUẦN HOÀN

Nước mua ngoài phục vụ sản xuất một phần được tuần hoàn tái sử dụng, giúp giảm thiểu tác động đến các bên liên quan, đồng thời mang lại lợi ích to lớn về kinh tế và môi trường. Trong niên vụ 2015 - 2016, nhà máy đã tái sử dụng gần 180.000 m³ nước, chiếm hơn 9% tổng lượng nước mua ngoài để sản xuất. Để đạt được điều này, từ năm 2010, nhà máy đã đầu tư hệ thống Cooling Tower, hỗ trợ tuần hoàn nước sử dụng và cắt giảm dần lượng nước mua ngoài, tiết kiệm chi phí. Trước đây khi chưa có hệ thống này, nhà máy phải bỏ ra hơn 6 tỷ đồng để mua nước, hiện nay chỉ còn mất khoảng 1,6 tỷ đồng.

NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ XẢ THẢI

Nước thải sau xử lý luôn đáp ứng tiêu chuẩn cho phép và các yêu cầu của Luật định, từ niên vụ 2014 - 2015 nước thải sau nhà máy đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A (trước đó là cột B).

Việc quan trắc và kiểm tra được Công ty, chính quyền địa phương, các hộ dân lân cận và Sở ban ngành thường xuyên thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý các nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.



NGUỒN NƯỚC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

(tiếp theo)

TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	01/07/2015 - 30/06/2016
Tổng khối lượng nước sử dụng theo từng nguồn (m³)	
➤ Nước bề mặt, bao gồm nước từ các vùng đầm lầy, sông, hồ và đại dương	0
➤ Nước ngầm: phục vụ sinh hoạt, dành cho PCCC và tưới cây. (báo cáo nước ngầm hàng năm)	7/2014 - 6/2015: 98.704 m ³ (6 tháng đầu năm 2015 hạn hán) 7/2015 - 6/2016: 93.607 m ³
➤ Nước mưa do tổ chức thu thập và lưu trữ	0
➤ Nước thải từ tổ chức khác: (theo dõi trên smartlab)	0
➤ Nước mua từ Công ty thủy lợi TN phục vụ sản xuất, tưới mía cho nông trường Tân Hưng (hợp đồng thanh lý tiền nước kênh Tân Hưng)	Vụ 2014 - 2015: 156 ngày - 1.810.080 m ³ : TB: 11.603,1 Vụ 2015 - 2016: 196 ngày - 2.172.960 m ³ : TB: 11.086,5
➤ Các tiêu chuẩn, phương pháp và giả thiết được sử dụng	Nước ngầm QCVN 09:2015-MT/BTNMT Nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT
Phân loại nước sử dụng theo mục đích sử dụng (m³)	
➤ Sản xuất: (Sơ đồ cân bằng nước: gồm nước kênh 302,4 m ³ /h và nước tái sử dụng từ HTXLNT từ số đo đồng hồ: 69,68 m ³ /h - tương đối với số liệu nước tái sử dụng từ sơ đồ cân bằng nước : 69,52 m ³ /h)	(302,4 m ³ /h x 24h + 1.672,4 m ³ /ngày) x 196 ngày sản xuất = 1.750.280 m ³ Nước sản xuất không tính hệ thống giải nhiệt: 80,4 m ³ /h x 24h x 196 ngày = 378.201,6 m ³



TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	01/07/2015 - 30/06/2016
Trong nước sản xuất có nước cho hoạt động hệ thống giải nhiệt nhà máy (Sơ đồ cân bằng nước): nước cấp bù từ kênh 222 m ³ /h, nước tái sử dụng từ HTXLNT 69,52 m ³ /h, nước ngưng tụ từ hơi 104,6 m ³ /h	396 m ³ /h x 24h = 9.507 m ³ /ngày x 196 ngày = 1.863.372 m ³
➤ Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của CBCNV	55 m ³ /ngày x 196 ngày : 10.780 m ³
Bình quân trong sản xuất (m ³ /tấn sp)	1.750.280 m ³ : 180.619 tấn đường thành phẩm = 9,69 m ³ Không tính nước giải nhiệt: 378.201,6 m ³ : 180.619 tấn đường thành phẩm = 2,09 m ³
Bình quân trong sinh hoạt (m ³ /người)	10.780 m ³ : 196 : 695 nv = 0,08 m ³ / người
Tái chế/tái sử dụng trong sản xuất (tái sử dụng nước sau HTXLNT)	Lắp đồng hồ theo dõi ngày 23/01/2016: 178.947 m ³ : 107 ngày = 1.672,4 m ³ /ngày
➤ Tỷ lệ phần trăm nước tái sử dụng so với nước mua vào từ kênh	178.947 : 2.172.960 = 8,2%
➤ Chi phí tiết kiệm được từ việc tuần hoàn nước	Hệ thống giải nhiệt tiết kiệm được 396 m ³ /h - 222 m ³ /h = 174 m ³ /h. Chi phí tiết kiệm được: 174 m ³ /h x 24h x 196 ngày x 900 đ = 736.646.400 đồng
Quản lý nước xả thải (m³)	Nước thải nhà máy 735,4 m ³ /ngày x 196 = 144.138,4 m ³ /vụ
➤ Nước thải sau xử lý (quan trắc hàng ngày bằng dụng cụ chuyên dùng)	Nước thải sau hệ thống XLNT : QCVN 40:2011/BTNMT cột A
➤ Các tiêu chuẩn, phương pháp và giả thiết được sử dụng	



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

**“ MÍA ĐƯỜNG
THÀNH THÀNH CÔNG
TÂY NINH THỰC HIỆN
THÀNH CÔNG CÁC BIỆN
PHÁP GIẢM THIỂU CÁC
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG,
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG. ”**

Công ty đi vào hoạt động ổn định, chúng tôi vẫn không ngừng tìm kiếm các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản trị môi trường. Hiện tại, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được nhiều thành tựu trong việc bảo vệ môi trường, cho sự phát triển kinh tế xanh bền vững.

Trong ngành sản xuất đường, mối quan tâm hàng đầu về vấn đề môi trường là nước thải, khí thải, bã mía, bã bùn và tro lò. Công ty luôn có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, bảo vệ môi trường tại khu vực sản xuất, giảm tối đa các tác hại đến môi trường xung quanh.





ĐẾN NAY, CHÚNG TÔI ĐỀ RA 03 MỤC TIÊU CHÍNH



Sử dụng toàn bộ chất thải
tro, bã bùn từ cây mía làm phân hữu cơ cung cấp cho nông dân.



Giảm lượng nước sử dụng
cho việc tạo chân không bằng cách đầu tư xây hệ thống nước làm nguội, tuần hoàn nước làm nguội quay về khu vực sản xuất.



Giảm lượng tiêu thụ điện, tiêu thụ dầu
bằng cách thay thế những thiết bị cũ, áp dụng tiết kiệm cho toàn Công ty, áp dụng công nghệ mới: năng lượng mặt trời.

NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Nước ngầm

phục vụ sinh hoạt, dành cho PCCC và tưới cây.



7/2014 - 6/2015:
(6 tháng đầu năm 2015 hạn hán)

98.704 m³

7/2015 - 6/2016:

93.607 m³

Nước mua

từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh phục vụ sản xuất, tưới mía cho nông trường Tân Hưng.



Vụ 2014 - 2015: 156 ngày

1.810.080 m³
TB: 11.603,1

Vụ 2015 - 2016: 196 ngày

2.172.960 m³
TB: 11.086,5

Nước dành cho sản xuất



(302,4 m³/h x 24h + 1.672,4 m³/ngày)
x 196 ngày sản xuất =

1.750.280 m³

Trong đó nước sản xuất không tính nước dành cho hệ thống giải nhiệt
80,4 m³/h x 24h x 196 ngày =

378.201,6 m³

Bình quân trong sản xuất
(m³/tấn sp)



1.750.280 m³

180.619 tấn đường thành phẩm = 9,69 m³

NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

**Không tính
nước giải nhiệt**



378.201,6 m³

180.619 tấn đường thành phẩm = 2,09 m³

Bình quân trong sinh hoạt (m³/người):



10.780 m³

10.780 m³: 196: 695 nv = 0,08 m³ / người

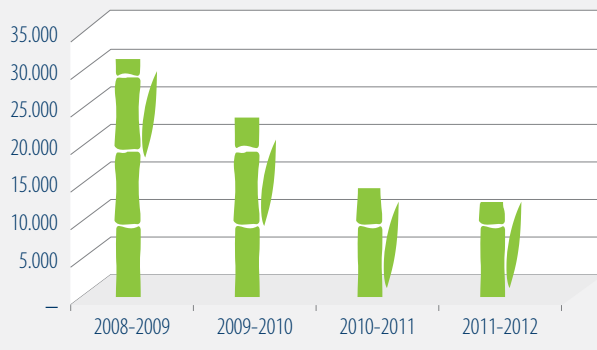
**Nước phục vụ
nhu cầu sinh hoạt
của CBCNV**



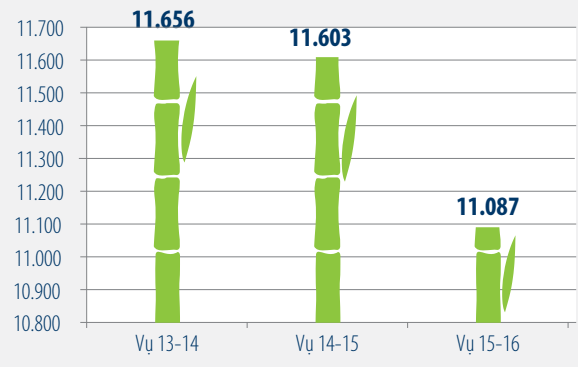
55 m³/ ngày x 196 ngày:

10.780 m³

Thống kê lượng nước sử dụng tạo chân không hàng ngày từ kênh thủy lợi. Công ty tuần hoàn nước sau hệ thống xử lý nước thải, tiết kiệm tài nguyên nước.



Lượng nước sử dụng tạo chân không (m³/ngày)



Nước thủy lợi sử dụng hàng ngày m³ (Lưu lượng nước)

Lưu lượng nước thải: vụ 15-16, thực hiện tuần hoàn, sử dụng lại nước sau hệ thống xử lý nước thải, tiết kiệm tài nguyên nước gần

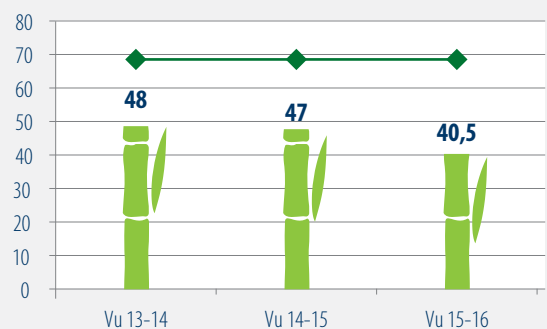
1.000 m³/ngày.

Nước thải nhà máy vụ 2014 - 2015: 126.796 m³/vụ, tương đương bình quân 0,874 m³/ tấn đường

Nước thải nhà máy vụ 2015 - 2016: 144.138 m³/vụ, tương đương bình quân 0,779 m³/tấn đường

Thống kê theo dõi chỉ số COD,
theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A <67.5

COD
Chuẩn A, QCVN 40:2011



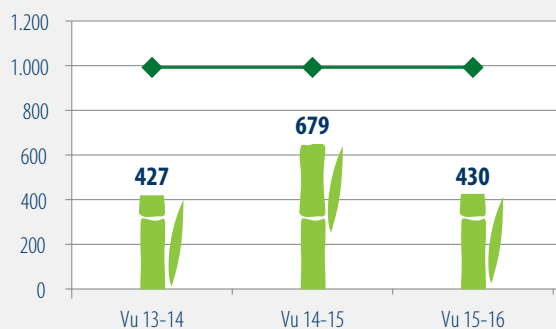
KHÍ THẢI

“ ĐỐI VỚI LÒ HƠI CÔNG SUẤT 235 TẤN HƠI/GIỜ, VẤN ĐỀ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐƯỢC CÔNG TY XÂY DỰNG 02 HỆ THỐNG CYCLONE XỬ LÝ KHÍ THẢI HIỆN ĐẠI, LƯỢNG CO_2 TRONG KHÍ THẢI LÒ HƠI, SAU KHI QUA HỆ THỐNG XỬ LÝ ĐƯỢC THU HỒI PHỤC VỤ QUÁ TRÌNH LÀM SẠCH DỊCH ĐƯỜNG. CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI SAU HỆ THỐNG XỬ LÝ LUÔN ĐẠT CỘT B THEO QCVN 19:2009/BTNMT. CHỈ TIÊU KHÍ CO SAU HỆ THỐNG XỬ LÝ LUÔN NẪM XUNG QUANH NGƯỠNG 400 - 500 MG/NM^3 SO VỚI CỘT B THEO QCVN 19:2009/BTNMT LÀ 1.000 MG/NM^3 . ”



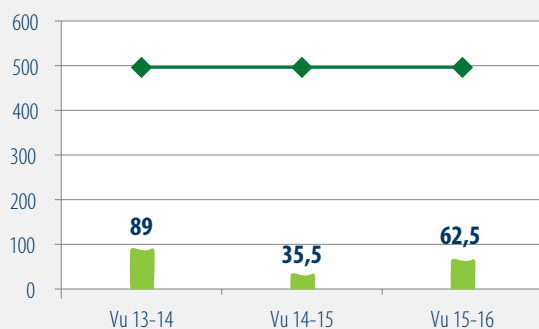
Thống kê theo dõi chỉ số CO khí thải,
theo QCVN 19/BTNMT, cột B<1000

■ CO khí thải ◆ QCVN19/BTNMT, cột B



Thống kê theo dõi chỉ số SO_2 khí thải,
theo QCVN 19/BTNMT, cột B<500

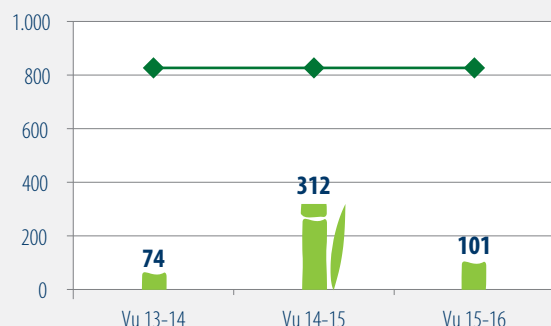
■ SO_2 khí thải mg/Nm^3 ◆ QCVN19/BTNMT, cột B



KHÍ THẢI

Thống kê theo dõi chỉ số Nox khí thải, theo QCVN 19/BTNMT, cột B < 850

Nox khí thải mg/Nm³ 
QCVN19/BTNMT, cột B 



Với công suất khoảng gần 1 triệu tấn mía cây cho 1 vụ, lượng bã mía phát sinh hơn 320.000 tấn bã, một vấn đề cho việc lưu chứa và xử lý. Ngay từ khi xây dựng vào năm 1995, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã xác định xây dựng hệ thống phát điện từ bã mía thay vì xử lý thô như hầu hết nhà máy đường thời đó. Từ khi đi vào hoạt động năm 1997 đến nay, cụm thiết bị lò hơi công suất 235 tấn hơi/giờ và hai tua bin phát điện tổng công suất 24.000 kW, là một trong những trung tâm đồng phát nhiệt điện hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Lượng điện từ bã mía của Công ty chủ yếu phục vụ việc sản xuất đường và hoạt động tại Công ty, phần còn lại được đưa lên lưới điện quốc gia của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), mỗi ngày đơn vị này bán cho EVN khoảng 360.000 kWh, cả vụ là

50.000.000 kWh, đáp ứng đáng kể cho nhu cầu điện trong mùa khô, giảm áp lực cho các nhà máy thủy điện đang thiếu nước, đảm bảo tính an toàn và thuận lợi cho việc cấp điện tại khu vực nông thôn. Nhà máy nhiệt điện từ bã mía tại Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh cũng như các nhà máy nhiệt điện khác thuộc Tập đoàn Thành Thành Công có tiềm năng to lớn về năng lượng tái tạo, phát triển năng lượng tái tạo góp phần giảm tiêu thụ than, dầu, khí đồng thời giảm phát thải khí nhà kính. Đây là kế hoạch chiến lược của Công ty cũng như Tập đoàn, tăng cường đầu tư và hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo để bảo vệ môi trường, đảm bảo ngành năng lượng phát triển hiệu quả và bền vững theo định hướng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

“VỚI PHƯƠNG CHÂM “CÁI GÌ CỦA CÂY MÍA, TRẢ VỀ CÂY MÍA” CÔNG TY ĐÃ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ TỪ TRO LÒ VÀ BÃ Bùn CỦA CÂY MÍA LÀM PHÂN HỖ TRỢ, PHỤC VỤ ƯU ĐÃI CHO NÔNG DÂN TRỒNG MÍA CỦA CÔNG TY. NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ VỚI CÔNG SUẤT 10 NGÀN TẤN/NĂM GIÚP GIẢI QUYẾT TỐT TRO VÀ BÃ Bùn CỦA NHÀ MÁY ĐƯỜNG VÀ HỖ TRỢ KHỐI NÔNG TRƯỞNG MÍA TRONG VIỆC NÂNG CAO NĂNG SUẤT MÍA.”

Ngoài ra, tại Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh còn trích lợi nhuận mía làm nước đóng chai, phục vụ nhu cầu giải khát hàng ngày.

Về rác sinh hoạt: Hợp đồng với Công ty Công trình Đô thị Tây Ninh thu gom xử lý.

Chất thải	Tấn		
	2014	2015	2016 (tính tới 31/8)
Rác sinh hoạt	66.960	59.320	32.880

Chi phí xử lý rác trung bình 1 vụ: vụ 15-16

Tên phế liệu	Số lượng (kg)	Giá tiền	Thành tiền
Rác sinh hoạt	60.000	6.050.000/tháng	72.600.000
Rác công nghiệp	5.000	3.500/kg	17.500.000
Chất thải nguy hại	11.840	40.000.000/vụ	40.000.000

Nguồn: theo kế hoạch chi phí

Trung bình 1 vụ, chi phí xử lý rác: 130.100.000 VNĐ/vụ (một trăm ba mươi triệu một trăm nghìn đồng)

Ngoài ra, để phát huy tính sáng tạo trong đội ngũ CBCNV, Ban Lãnh đạo Công ty đã đưa ra những chính sách phù hợp và kịp thời, nhằm động viên và khích lệ sự đóng góp những sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Nhờ đó, từ năm 2008, nhiều sáng kiến của nhân viên được áp dụng đã đem lại những khoản lợi đáng kể về kinh tế cho Công ty.

MỘT SỐ SÁNG KIẾN ĐIỂN HÌNH

- » Cải tiến công nghệ, thay thế nhiên liệu sấy lò hơi từ dầu sang bã mía, giúp giảm chi phí đáng kể trong việc phải mua dầu FO và cải thiện tình trạng ảnh hưởng đến môi trường do việc đốt dầu FO gây ra;
- » Cải tiến hệ thống phân phối nước chè trong máy khuếch tán, thay thế cho hệ thống cũ, đã làm tăng hệ số trích ly đường trong mía, nghĩa là làm giảm độ Pol trong bã mía từ 1,05% trong mùa vụ 2007 - 2008 xuống còn 0,97% kể từ mùa vụ 2008 - 2009 và ổn định cho đến hiện tại;
- » Giảm độ ẩm bã mía sau che ép, thông qua việc thiết kế phần mềm điều khiển tự động cho tỷ số truyền giữa che ép lớn và che ép nhỏ, dựa vào độ lệch trục đỉnh của che lớn, đã làm giảm độ ẩm bã mía trung bình mùa vụ 2007 - 2008 từ 52,06% xuống còn 51,29% kể từ mùa vụ 2008 - 2009;
- » Thiết kế và lắp đặt hệ thống làm nguội nước tạo chân không, giúp tiết kiệm gần 50% lượng nước sử dụng hàng năm, làm giảm chi phí hàng tỷ đồng;

- » Năm 2013 cải tiến hệ thống xử lý nước thải, sử dụng phương pháp sinh học thông qua bể acid hóa để giảm màu nước thải từ loại B đạt loại A theo QCVN40:2011;
- » Năm 2014 thực hiện thiết kế, lắp đặt thêm silo chứa và máy tách ẩm gió đưa vào silo, giúp giảm tỷ lệ sản phẩm bị vón cục 90% so với trước đây;
- » Tận dụng lượng nhiệt thừa từ hệ thống khói thải để nâng nhiệt nước cấp từ 125°C lên 160°C => Nâng hiệu suất lò hơi từ 78% lên 83%, tiết kiệm 20.000 tấn bã (8%) tương đương 20 tỷ đồng;

Dự án phát triển hệ thống điện năng lượng mặt trời: Nhằm giải quyết vấn đề nước tưới cho cây mía tại các nông trường và nhu cầu tiêu thụ cho các hoạt động văn phòng, hệ thống điện năng lượng mặt trời đã được lắp đặt ở một số khu vực và đáp ứng tốt cho những yêu cầu thiết thực trên, đồng thời góp phần giữ gìn môi trường, tiết kiệm năng lượng và giảm tối đa chi phí.

- » Việc hình thành và duy trì hoạt động các xưởng cơ khí, xưởng điện, hay xưởng cơ giới đã góp phần đáng kể trong việc giảm chi phí sản xuất, cũng như giảm giá thành sản phẩm.

TUÂN THỦ **PHÁP LUẬT**



Việc tuân thủ theo pháp luật đã được TTCS thực hiện triệt để, như việc nộp thuế, các chính sách bảo hiểm xã hội, việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về xả thải, việc xử lý rác thải,... TTCS đã nhận được các bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận từ các cấp, các ban ngành liên quan về việc tuân thủ theo pháp luật:

- » Bằng khen của UBND tỉnh nhiều năm liền về việc nộp thuế;
- » Giấy khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh nhiều năm liền về việc thực hiện tốt chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;
- » Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- » Giấy phép khai thác nước dưới đất;
- » Giấy chứng nhận chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Ngoài ra Công ty còn áp dụng các chương trình quản lý về chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe, an sinh xã hội và hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm:

- » Nhận được chứng nhận ISO 9001 từ năm 2003, do tổ chức AFNOR chứng nhận;
- » Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường 14001 từ năm 2008 cũng được chứng nhận bởi AFNOR;
- » Chứng nhận hệ thống quản lý An sinh xã hội SEDEX năm 2011;
- » Năm 2012 triển khai áp dụng thành công và nhận được giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm FSSC 22000.

Cải tiến chất lượng là một trong những tiêu chí sống còn của Công ty, nó được đưa vào trong chính sách Chất lượng - Môi trường của Công ty. Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 từ năm 2002 và hệ thống quản lý về an toàn vệ sinh thực phẩm FSSC 22000 từ năm 2012. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các công cụ cải tiến như SPC, 7 công cụ quản lý nhằm hỗ trợ cho việc cải tiến hoạt động của Công ty.

“ NHẢM TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN CHO CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH THỜI KỲ 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1393/QĐ-TTG NGÀY 25/9/2012. ĐỒNG THỜI HƯỞNG ỨNG NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI 05/06/2016, TRUNG ƯƠNG HỘI KINH TẾ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM, TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHỐI HỢP VỚI CTCP PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ XANH QUỐC GIA. ”

CÁC GIẢI THƯỞNG TTCS ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VỀ MÔI TRƯỜNG

Tại lễ Tổng kết ngày 25/06/2016, CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh vinh dự được BTC chương trình trao tặng kỷ niệm chương cùng văn bằng chứng nhận đạt các danh hiệu:



CÁC CHỨNG NHẬN VỀ ISO, AN TOÀN THỰC PHẨM, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG



Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008



Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004



Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm FSSC 22000: 2005



Chứng nhận HALAL



Giấy Chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa - thương hiệu Mimosa



Giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn vệ sinh thực phẩm



Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước



Giấy chứng nhận chủ nguồn thải chất thải nguy hại



Các giấy xác nhận sự phù hợp với điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm của các sản phẩm

Tóm lại, quản trị về môi trường đã được Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh xây dựng và phát triển trở thành lợi thế cạnh tranh của riêng mình, vừa giảm thiểu tác động đến môi trường, tiết kiệm chi phí và tăng lợi nhuận cho Công ty - định hướng phát triển bền vững.

CÔNG TÁC XÃ HỘI, CÔNG TÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG & ĐỊA PHƯƠNG



**CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN
ĐÃ VÀ ĐANG TẠO RA
NHỮNG Ý NGHĨA SÂU
SẮC, THỂ HIỆN TINH
THẦN, VĂN HÓA DOANH
NGHIỆP VÀ MỤC TIÊU CỦA
TTCS TRONG CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐÓ LÀ SẢN XUẤT KINH
DOANH, TỒN TẠI VÀ PHÁT
TRIỂN THÔNG QUA VIỆC
PHỤNG SỰ XÃ HỘI. ”**

1000

Phần quà

cho các bệnh nhân nghèo
thuộc TP. Hồ Chí Minh

Năm 2015 - 2016, ngoài việc tiếp tục cùng phối hợp với Chính quyền địa phương duy trì tham gia đóng góp kinh phí cho các chương trình an sinh xã hội, phát triển đời sống và kinh tế tại địa phương Tây Ninh, thì dấu ấn nổi bật nhất trong năm 2015 - 2016 đó là TTCS đã tham gia rất tích cực trong việc chăm lo, phát triển vì trẻ em với rất nhiều các chương trình như tài trợ, ủng hộ kinh phí, trao tặng học bổng, xây sửa lớp học tình thương, tặng quà cho thiếu nhi ngày 1/6 và Tết trung thu 2015,...

Đồng thời, TTCS cũng tích cực tham gia đóng góp, đồng hành cùng Tập đoàn Thành Thành Công và các đơn vị thành viên khác trong những chương trình như ủng hộ kinh phí xây cầu tại tỉnh Bến Tre trị giá 100 triệu đồng; ủng hộ bà con nghèo tỉnh Phú Yên đón Tết 2016 trị giá 125 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí chương trình xây dựng nhà dừng chân "Nguyễn Thị Định" - Bến Tre trị giá 383 triệu đồng.

Ngoài ra, Công ty cũng tham gia đóng góp kinh phí cho các công tác xã hội thiết thực như: Hỗ trợ vì biển đảo quê hương, bảo vệ tổ quốc - Ủng hộ Hoàng Sa và Trường Sa 200 triệu đồng; đóng góp kinh phí trùng tu di tích "Trung ương Cục miền Nam" tại Tây Ninh 250 triệu đồng.

Các hoạt động trên đã và đang tạo ra những ý nghĩa sâu sắc, thể hiện tinh thần, văn hóa doanh nghiệp và mục tiêu của TTCS trong chiến lược phát triển bền vững đó là sản xuất kinh doanh, tồn tại và phát triển thông qua việc phụng sự xã hội.



Các chương trình thuộc hoạt động quan hệ cộng đồng & địa phương (CRM - Community Relationship Management)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH XÃ HỘI

- Từ năm 2014, TTCS chính thức là thành viên của SEDEX (Supplier Ethical Data Exchange), cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật về an sinh xã hội, đạo đức kinh doanh. Hàng năm, công ty được các tổ chức độc lập đánh giá về sự tuân thủ này.
- Đồng tài trợ và hoàn thành xây dựng 9 cây cầu tại huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nhằm giúp đỡ những cư dân vùng sông nước khắc phục nguy hiểm trong việc đi lại cũng như nối liền ước mơ đến trường của các em học sinh vào tháng 3/2016.
- Quyên góp ủng hộ câu lạc bộ “Vi Hoàng Sa - Trường Sa thân yêu”, chia sẻ cùng các cán bộ, chiến sĩ đảo Trường Sa và gia đình chính sách của Hải Quân vào 26/12/2015.
- Tài trợ chương trình “Nghĩa tình Côn Đảo” năm 2015.
- Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh chung tay góp phần cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang giúp đỡ, ủng hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ xóa đói giảm nghèo vào ngày 05/12/2015.
- Hỗ trợ làm mới, tôn tạo một số công trình tại khu di tích thuộc căn cứ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- Ủng hộ 500.000.000 đồng cho UBND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho xã Long Khánh và Long Phước năm 2015.
- Ủng hộ Quỹ Bảo trợ Trẻ em Tây Ninh nhân Kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty.
- Hỗ trợ Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tây Ninh “Trang trí chiếu sáng đường phố năm 2015”.
- Hỗ trợ xây nhà Đại Đoàn Kết cho xã Hòa Hiệp, Trung Đoàn BB 174 Tây Ninh năm 2015.
- Tặng 1000 phần quà cho các bệnh nhân nghèo thuộc TP. Hồ Chí Minh.
- Hỗ trợ kinh phí cho xã Bình Minh xây dựng nông thôn mới năm 2014.



CÔNG TÁC XÃ HỘI, CÔNG TÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG & ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)



THAM GIA HOẠT ĐỘNG CỨU TRỢ

- Ủng hộ những người thiếu may mắn thuộc Hội Chữ thập đỏ - Ban thường vụ Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh.
- Ủng hộ quà cho các bé thuộc Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thị - Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tây Ninh.
- Thăm và hỗ trợ, giúp đỡ cho các cụ, các cháu cô nhi thuộc Trung tâm Bảo trợ Xã Hội Tây Ninh.
- Tặng quà trung thu cho trẻ em nghèo huyện Châu Thành và huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh.
- Ủng hộ quỹ “Bảo trợ trẻ em” huyện Gò Dầu nhân dịp Tết trung thu năm 2015.
- Tặng quà cho học sinh trường khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Tây Ninh.

HOẠT ĐỘNG THIÊN NGUYÊN

- Chương trình Hiến máu tự nguyện “Niềm vui từ lòng nhân ái” được thực hiện thường xuyên mỗi năm một lần, trên quy mô lớn.
- Trao tặng 300 thẻ BHYT cho các hộ nghèo thuộc xã Thạnh Bình.
- Trao tặng 100 thẻ BHYT cho hộ nghèo xã Long Thành Bắc, Huyện Hòa Thành.

TÀI TRỢ HỌC BỔNG

- Tài trợ học bổng cho sinh viên của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM năm 2015 - 2016.
- Trao 4000 cuốn tập cho Hội Khuyến học Huyện Tân Châu - Tỉnh Tây Ninh vào 10/8/2015 nhằm hỗ trợ các em nhỏ trước ngày khai giảng năm học 2015 - 2016.



Một số chương trình công tác xã hội vì cộng đồng nổi bật năm 2015 - 2016

Nội dung	Chi phí (VNĐ)
Hỗ trợ kinh phí trùng tu di tích "Trung ương Cục miền Nam" tại Tây Ninh.	250.000.000
Ứng hỗ Quỹ Bảo trợ Trẻ em Tây Ninh nhân Kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty.	50.000.000
Tặng 1.000 phần quà Trung thu cho các Trung tâm bảo trợ xã hội, trường nuôi dạy trẻ em khiếm thị, khuyết tật, trẻ em các huyện Tân Biên, Tân Châu, Châu Thành, Dương Minh Châu,... tỉnh Tây Ninh.	100.000.000
Ứng hỗ kinh phí chương trình xây dựng cầu tỉnh Bến Tre - Chương trình "Nối những bờ vui".	100.000.000
Ứng hỗ đồng bào dân tộc thiểu số Hà Giang.	100.000.000
Ứng hỗ Hoàng Sa - Trường Sa.	200.000.000
Hội Đồng Hương tỉnh Phú Yên "Ứng hỗ bà con nghèo tỉnh Phú Yên đón Tết 2016".	125.000.000
Ứng hỗ cho chương trình "Hành trình tuổi trẻ vì biển đảo quê hương 2016" tại Huyện Trường Sa, Đảo Đá Lớn B.	15.000.000
Ứng hỗ Quỹ Bảo trợ trẻ em Tây Ninh - Quốc tế thiếu nhi 1/6/2016 giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.	20.000.000
Ứng hỗ Chùa Tứ Phước để xây sửa lớp học tình thương cho trẻ em hoàn cảnh khó khăn.	20.000.000
Hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Tân Hưng" và "Tiếp sức đến trường 2016 - 2017" - UBND xã Tân Hưng.	10.000.000
Tài trợ chương trình "Những trái tim đồng cảm" - hỗ trợ chi phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, chi phí mổ tim cho trẻ em,... Bộ LĐTBXH, tạp chí Gia đình và Trẻ em - Hà Nội.	20.000.000
Hỗ trợ kinh phí chương trình xây dựng nhà dừng chân "Nguyễn Thị Định" tỉnh Bến Tre.	383.000.000
CBNV công ty tham gia chương trình "Hiến máu tự nguyện 2016" phối hợp cùng Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Châu và Bệnh viện Chợ Rẫy.	71 đơn vị máu

Tổng ngân sách cho công tác an sinh xã hội vì cộng đồng của công ty năm 2015 - 2016:

	Số tiền (đồng)
Năm 2014 - 2015	2.039.800.000
Năm 2015 - 2016	2.559.519.265



Hỗ trợ kinh phí trùng tu di tích "Trung ương Cục miền Nam" tại Tây Ninh

250.000.000



Ứng hỗ Hoàng Sa - Trường Sa

200.000.000



Hỗ trợ kinh phí chương trình xây dựng nhà dừng chân "Nguyễn Thị Định" tỉnh Bến Tre

383.000.000

CÔNG TÁC XÃ HỘI, CÔNG TÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG & ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)



**PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG LUÔN LÀ
ĐỊNH HƯỚNG
NHẤT QUÁN VÀ
XUYÊN SUỐT
TRONG CHIẾN
LƯỢC PHÁT TRIỂN
DÀI HẠN CỦA
TTCS, ĐÓNG MỘT
VAI TRÒ TRUNG
TÂM TRONG TẤT
CẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY. ”**

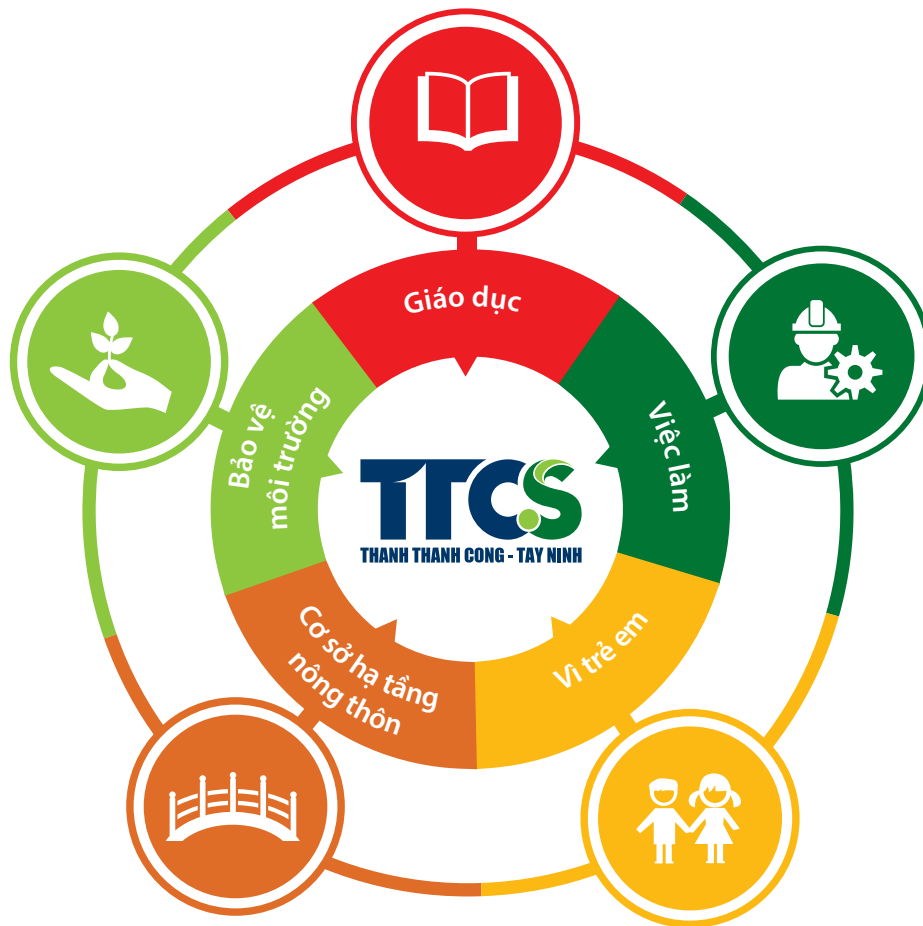
Đánh giá nhận định về sứ mệnh cộng đồng của Công ty trong chiến lược phát triển bền vững 5 năm tới

Là một doanh nghiệp sản xuất gắn liền với ngành nông nghiệp, trồng trọt, với nông dân trồng mía và kinh tế địa phương, Công ty đã xây dựng được uy tín nhiều năm qua trên thị trường không chỉ bằng những kết quả kinh doanh xuất sắc mà còn bằng những đóng góp to lớn vì sự nghiệp phát triển kinh tế địa phương và trách nhiệm xã hội.

Chính vì thế, phát triển bền vững luôn là định hướng nhất quán và xuyên suốt trong chiến lược phát triển dài hạn của TTCS, đóng một vai trò trung tâm trong tất cả hoạt động của Công ty. Trong mỗi bước đi, mỗi hành động, mỗi dự án phát triển... suốt 21 năm qua, Công ty đều thực hiện dựa trên tiêu chí kết hợp hài hòa các mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với những trách nhiệm đối với nông dân, khách hàng, với môi trường sống, môi trường sản xuất, môi trường kinh doanh mà doanh nghiệp đang tham gia.

➤ Đối với nông dân trồng mía: Công ty xác định nguyên tắc “Nông dân có lợi, nhà máy có lời”. Giai đoạn 2016 - 2020, Công ty định hướng xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, bền vững, hiện đại và áp dụng công nghệ cao. Cung cấp kiến thức, khoa học kỹ thuật, đầu tư tài chính cùng máy móc thiết bị hiện đại... định hình nên những người nông dân hiện đại, tri thức cao. Từ đó, giúp người nông dân trồng mía nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị kinh tế cho chính mình.

- Đối với khách hàng tiêu thụ: Công ty đề ra nguyên tắc “Hiếu thị trường - Nâng chất lượng - Giảm giá thành” nhằm đảm bảo lợi ích cho khách hàng trong việc thụ hưởng những sản phẩm chất lượng cao nhất với giá cạnh tranh nhất, cung cấp cho thị trường các sản phẩm an toàn vì sức khỏe chung cho cộng đồng.
- Đối với CBNV Công ty: Lãnh đạo công ty quản lý và sử dụng lao động với quan điểm “Nhân viên là tài sản”. Trong 5 năm tới, công ty đẩy mạnh phát triển và áp dụng các hệ thống quản lý bằng công nghệ thông tin, nhằm tối ưu sử dụng nguồn nhân lực và chuyên nghiệp hóa mọi hoạt động Công ty.
- Song song đó, Công ty tập trung mạnh và sâu rộng các hoạt động xây dựng, phát huy văn hóa doanh nghiệp, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự kế thừa, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo mọi điều kiện phát triển cá nhân và phát triển nghề nghiệp cùng công ty.
- Sức mệnh cộng đồng, xã hội: Trong 5 năm tới, Công ty sẽ tiếp tục tập trung và đẩy mạnh các hoạt động thiết thực nhằm mang lại nhiều thay đổi tích cực và bền vững hơn cho người dân, cho địa phương và cộng đồng xã hội, ở các lĩnh vực như:



- Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội được TTCS thực hiện luôn đảm bảo tuân theo chủ trương, định hướng của Lãnh đạo địa phương, thường xuyên thông tin, phối hợp cùng với Chính quyền địa phương để có các chương trình hành động phù hợp thực tế, kịp thời để đáp ứng những yêu cầu về tình hình Kinh tế - Xã hội - An ninh an toàn của địa phương và cộng đồng dân cư.
- Trong chiến lược phát triển bền vững, TTCS kiên định mục tiêu luôn đảm bảo tuân thủ và chấp hành tốt các quy định pháp luật về môi trường và nỗ lực không ngừng để trở thành một đơn vị điển hình, kiểu mẫu của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong công tác sản xuất xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, tiến tới hòa nhập với xu hướng phát triển chung của toàn thế giới.



“

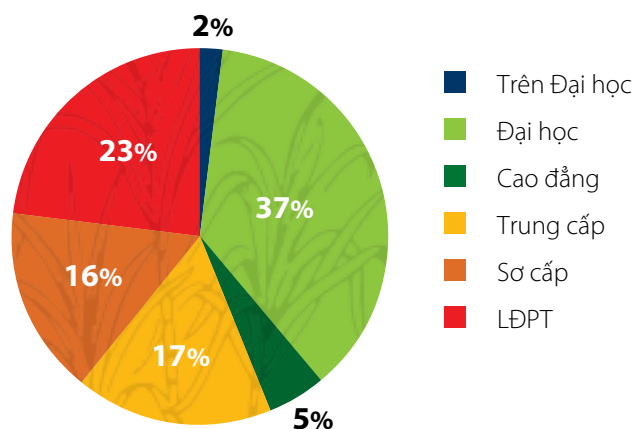
VỚI ĐỘI NGŨ LAO ĐỘNG NGÀY Càng ĐƯỢC TRẺ HÓA VÀ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, TTCS ĐANG NỖ LỰC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ TẠO TIỀN ĐỀ VỮNG CHẮC CHO NHỮNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TRONG TƯƠNG LAI, HƯỚNG TỚI HỘI NHẬP SÂU VỚI ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHẤT LƯỢNG CAO TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC.”

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Kết thúc niên độ 2015 - 2016, tổng số lao động chính thức là 537 tăng 10% so với niên độ 2014 - 2015. Tổng số lao động (bao gồm cả chính thức, thời vụ) niên độ 2015 - 2016 là 723 tăng 7% so với niên độ 2014 - 2015.

Cơ cấu lao động theo trình độ:

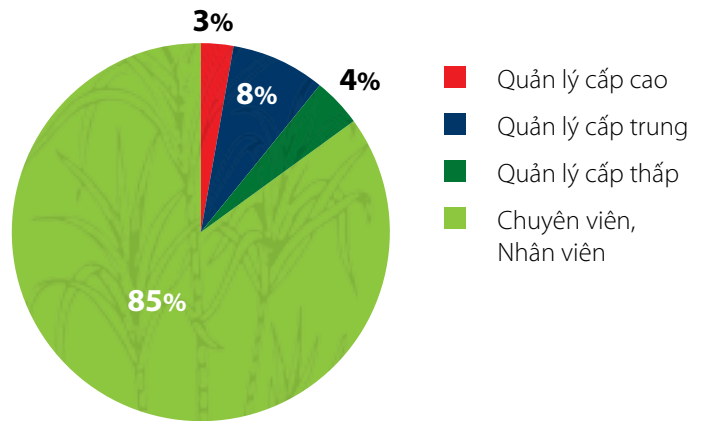


Biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ

Cơ cấu lao động theo cấp quản lý:

Cơ cấu lao động theo trình độ vẫn duy trì ổn định. Tỷ lệ lao động có trình độ từ đại học trở lên là 39% tăng 2% so với niên độ 2014 - 2015. Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 22% tăng nhẹ 1% và tỷ lệ lao động trình độ sơ cấp, phổ thông chiếm 39% giảm 3% so với niên độ 2014 - 2015. Với đội ngũ lao động ngày càng được trẻ hóa và bồi dưỡng kiến thức, TTCS đang nỗ lực nâng cao chất lượng nhân sự tạo tiền đề vững chắc cho những chiến lược kinh doanh trong tương lai, hướng tới hội nhập sâu với đội ngũ nhân sự chất lượng cao tại Việt Nam và các nước trong khu vực.

Trong niên độ 2015 - 2016, lực lượng quản lý chiếm 15% trên tổng số lao động chính thức toàn Công ty.



Biểu đồ cơ cấu lao động theo cấp quản lý

Mức lương trung bình với người lao động:

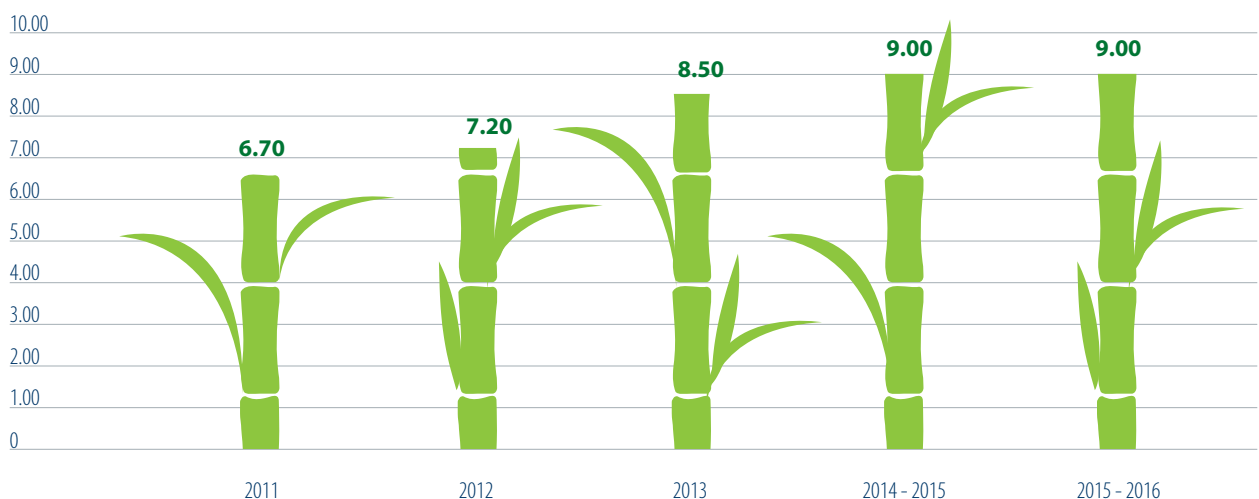
Thu nhập bình quân của người lao động dần được nâng cao qua các năm, cụ thể thu nhập bình quân năm 2013 là 8,5 triệu đồng/tháng/người và thu nhập bình quân niên độ 2014 - 2015 và niên độ 2015 - 2016 là 9,0 triệu đồng/tháng/người. Định kỳ hằng năm, Công ty đều xem xét điều chỉnh thu nhập của CBNV trên cơ sở phù hợp với tình hình kinh doanh và kết quả lợi nhuận nhằm chăm lo đời sống và tạo động lực, từ đó nâng cao năng suất lao động của CBNV.

Công ty áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc - KPI (Key Performance Indicators) giúp trả lương công

bằng, đúng năng lực và mức độ đóng góp của từng nhân viên; khuyến khích tinh thần học hỏi, nâng cao trình độ, cải tiến trong công việc; góp phần xây dựng tinh đoàn kết, hoạt động có kỷ luật và quan trọng nhất là tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Hiện nay, việc áp dụng hệ thống KPIs đã được thực hiện xuyên suốt trên quy mô toàn Công ty, trong đó có cả KPIs của từng đơn vị và KPIs của từng cá nhân nhằm thực hiện đánh giá toàn diện quá trình làm việc hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng).





CHỈ SỐ **XÃ HỘI** (tiếp theo)

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài chính sách bắt buộc theo quy định như BHYT, BHXH, BHTN, Công ty còn quy định các chế độ phúc lợi khác dành cho cán bộ nhân viên nhằm khuyến khích, động viên về tinh thần cũng như vật chất cho CBNV làm việc tại Công ty như: cơm trưa; khám sức khỏe định kỳ; quà tặng sinh nhật, kết hôn, sinh con, các dịp Lễ Tết khác; thăm hỏi, ốm đau, tang chế, nghỉ hưu, nghỉ mát định kỳ; tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao, văn nghệ nhằm tạo điều kiện cho CBNV luyện tập thể thao, giao lưu giữa các bộ phận/phòng/ban và các đơn vị thành viên trong Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về tinh thần, vật chất cho nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ nhân viên theo quy định của pháp luật và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên phát huy hết năng lực bản thân, an tâm công tác.

Công ty còn chăm lo đời sống cán bộ nhân viên về vật chất và tinh thần như: mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể CBNV với mức bồi thường 10.000 USD/người/năm (Công ty Bảo Minh Tây Ninh), bảo hiểm sức khỏe cho đối tượng CBQL cấp trung trở lên (ốm đau, bệnh tật, thai sản,...) với mức bồi thường cao nhất 210.000.000 đồng/người/năm (Công ty Bảo hiểm PVI Đông Đô).

Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động như nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại để đảm bảo sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Hiện nay, bữa ăn giữa ca được thực hiện với mức ăn 25.000 đ/suất. Đồng thời, với những lao động đang làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại được áp dụng chế độ bồi dưỡng độc hại theo quy định.

Định kỳ hàng năm Công ty mời các cơ quan chức năng nhà nước kiểm tra độ ồn, rung, bụi,... chỉ số trong biên độ cho phép hay không và căn cứ kết quả trên Công ty sẽ trang bị bảo hộ cho nhân viên nhằm giới hạn ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe người lao động. Công ty đã phát động chương trình thi đua sáng kiến, cải tiến để đưa vào áp dụng giảm độ ồn.

Song song đó, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc Xanh - Sạch - Đẹp cùng những khẩu hiệu, hình ảnh giúp người lao động có được nhận thức thông suốt đối với các chủ trương, chính sách về việc bảo vệ ngôi nhà chung, môi trường chung.

Hoạt động đào tạo người lao động

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tại TTCS, số giờ đào tạo trung bình là 13 giờ/CBNV/năm nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự am tường công việc, có chuyên môn giỏi và đạo đức nghề nghiệp. Hằng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể:

- **Đào tạo hội nhập:** Người lao động mới sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập, giúp hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, hiểu rõ được quy định, quy trình, nội quy làm việc, môi trường, văn hóa của Công ty để nhanh chóng nắm bắt cũng như hòa nhập nhanh nhất với công việc và đồng nghiệp.
- **Đào tạo nội bộ:** Thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, mời các chuyên gia chuyên ngành giảng dạy kiến

thức về nghiệp vụ chuyên sâu cho người lao động. Chú trọng huấn luyện đào tạo nội bộ thực tế, cấp trên đào tạo cho cấp dưới, chuyên viên cấp cao đào tạo cho cấp thấp hơn để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- **Đào tạo các kỹ năng mềm:** Chú trọng đến công tác đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương thảo, đàm phán,... giúp người lao động tự tin và thành công hơn trong công việc.

Đào tạo và phát triển đội ngũ kế thừa

Hoạch định và phát triển lực lượng cán bộ quản lý (CBQL) là công tác mang tính chiến lược của TTCS. Niên độ 2015 - 2016, Công ty đã tổ chức thành công các khóa đào tạo cho CBQL như sau:

Khóa đào tạo	Lượt tham gia	Chi phí	Thời gian tổ chức
Năng lực quản trị dành cho nhà quản lý	52	325.160.000đ	09/2015 - 10/2015
Nâng cao năng lực giám sát	58	28.717.000đ	09/2015
Phát triển CBQL cấp cao	7	35.000.000đ	12/2015
Kỹ năng dẫn giảng	34	62.000.000đ	05/2016

Các chương trình đào tạo CBQL hướng tới nâng cao chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành cho CBQL. Đối với những người lao động có tiềm năng phát triển sẽ được đề cử vào danh sách đội ngũ CEO tiềm năng, được tham dự các buổi đào tạo bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức công việc và các kỹ năng khác.

Trong tiến trình hội nhập sâu rộng của kinh tế Việt Nam với các nước trong khu vực, công tác đào tạo đóng một vai trò thực sự quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh nội tại của TTCS, gia tăng năng lực cạnh tranh trên một thị trường với nhiều cơ hội và thách thức.

Chỉ số xã hội: Thông lệ về lao động và việc làm hợp thức

Tỷ lệ thôi việc

Dữ liệu thống kê	Độ tuổi			Giới tính		Tổng cộng
	<30	30 - 50	>50	Nam	Nữ	
Số lượng cán bộ nghỉ việc niên độ 2015 - 2016	4	10	1	12	3	15
Tỷ lệ	0,7%	1,9%	0,2%	2,2%	0,6%	2,8%
Số lượng cán bộ nghỉ việc niên độ 2014 - 2015	12	16	5	25	8	33
Tỷ lệ	2,5%	3,3%	1,0%	5,1%	1,7%	6,8%

Niên độ 2015 - 2016 tỷ lệ nghỉ việc tại TTCS là 2,8% giảm 4% so với niên độ trước. Trong đó, xét theo giới tính, tỷ lệ thôi việc của nam (2,2%) cao hơn của nữ (0,6%). Tỷ lệ thôi việc của CBNV cao nhất ở độ tuổi từ 30 - 50 tuổi trong khi lao động có xu hướng ổn định ở độ tuổi trên 50.

CHỈ SỐ **XÃ HỘI** (tiếp theo)



“

ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, QUÝ, NĂM, BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CÔNG TY PHỐI HỢP CÙNG NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TỔ CHỨC HỌP MẶT, ĐỐI THOẠI GIỮA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUY CHẾ ĐỐI THOẠI VÀ HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP NHẪM TRAO ĐỔI THÔNG TIN, LẮNG NGHE Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN NHẪM XÂY DỰNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP HÀI HÒA, ỔN ĐỊNH VÀ TIẾN BỘ.”

QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Hiện nay, 100% CBNV Công ty được hưởng thỏa ước lao động tập thể. Khi có sự thay đổi về nội dung của thỏa ước lao động tập thể, Công ty luôn chủ động tổ chức lấy ý kiến CBNV để đạt đồng thuận sau cùng.

Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Ban chấp hành công đoàn Công ty phối hợp cùng Người sử dụng lao động tổ chức họp mặt, đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động theo quy chế đối thoại và hội nghị Người lao động tại doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, lắng nghe ý kiến của các bên nhằm xây dựng quan hệ lao động tại doanh nghiệp hài hòa, ổn định và tiến bộ.

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN NGHỀ NGHIỆP

Hiện nay, Ban 5S tại TTCS có 15 thành viên chiếm 2,8% tổng số lao động toàn Công ty. Nhiệm vụ của Ban 5S là kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đánh giá các mối nguy và đưa ra tư vấn các biện pháp cải thiện môi trường, an toàn lao động.

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động:		
	➤ Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	17
	» Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	01
	➤ Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	17
	» Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	01
	➤ Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...)	Ngàn đồng	317.880
	➤ Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	➤ Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	212
2	Bệnh nghề nghiệp:		
	➤ Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	» Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	0
	➤ Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	➤ Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	0
	➤ Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động:		502
	» Loại I	Người	19
	» Loại II	Người	132
	» Loại III	Người	131
	» Loại IV	Người	172
	» Loại V	Người	48
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	620

Với đặc thù công ty sản xuất, TTCS rất quan tâm đến Công tác an toàn lao động. CBNV khi tuyển mới sẽ được hướng dẫn, đào tạo an toàn để nhận biết và phòng tránh các mối nguy trong quá trình làm việc. Ngoài ra, định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức các buổi đào tạo, cập nhật kiến thức an toàn lao động cho CBNV.

Hoạt động đào tạo đầu vụ là mô hình đào tạo đặc thù tại TTCS nhằm hỗ trợ cán bộ nhân viên ứng phó với các tình huống khẩn cấp, nguy hiểm. Hơn thế nữa, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn 24/24 để CBNV được bồi hoàn những khoản chi trả cho y tế.

Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro còn thể hiện trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị sẵn sàng trước những thách thức và cơ hội mới do thị trường mang lại. Luôn ý thức được nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của Công ty, TTCS luôn chú

trọng việc phát triển chương trình giáo dục, đào tạo, tư vấn, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro để hỗ trợ lực lượng lao động.

Năm 2016, TTCS tiếp tục có nhu cầu rất lớn về nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng. Đứng trước những thách thức trong việc quản trị nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ, thì công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc hơn. Không chỉ dừng lại ở những công tác tuyển dụng được sàng lọc chặt chẽ, tăng cường đào tạo đội ngũ, nghiêm túc thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chính sách đãi ngộ để đảm bảo hạn chế rủi ro thiếu hụt và mất nguồn lực; TTCS còn chú trọng lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý kịp thời.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phát triển bền vững hay phát triển lâu bền (Sustainable development) đã trở thành một trong những định hướng chiến lược quan trọng nhất của hầu hết các quốc gia trên thế giới trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay. Trong định hướng chiến lược phát triển này, TTCS nhận định việc đào tạo và phát triển con người một cách bền vững trong sự phát triển chung đó cũng trở nên hết sức cấp bách.

Đào tạo được khẳng định tạo ra một cơ hội chính để mở rộng kiến thức cơ bản của tất cả các nhân viên với số giờ đào tạo trung bình tại TTCS là 13 giờ/năm/CBNV.

Là một Công ty ngành mía đường thì việc đào tạo về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, là những khóa đào tạo bắt buộc phải có tại Công ty. Hằng năm, hơn 1.000 nhân viên nhận được sự đào tạo cần thiết như đào tạo về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, sơ cấp cứu để có khả năng thực hiện công việc của mình tốt hơn. Từ đó, nâng cao ý thức thực hành an toàn và thủ tục thích hợp cho các nghiệp vụ cơ bản.

Các chương trình phát triển kỹ năng tại TTCS như văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng bán hàng,... là các chương trình đào tạo và phát

triển có cấu trúc nhằm giúp nhân viên tích lũy kinh nghiệm và kiến thức nền phù hợp.

Nhân viên được tiếp cận với các chương trình đào tạo và phát triển có lợi thế hơn so với các nhân viên trong các Công ty khác, hoặc những người luôn tìm kiếm cơ hội đào tạo cho riêng mình. Từ đó, nhân viên sẽ cảm thấy họ được đánh giá cao và có cơ hội phát triển thông qua các chương trình đào tạo của Công ty.

Song hành với công tác tuyển dụng và tuyển chọn, công tác đào tạo cũng được quan tâm nghiêm túc để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, cũng như tiếp thêm cảm hứng và động lực cho nhân viên. Những chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng phân khúc đối tượng, giúp tăng hiệu quả công việc, giảm rủi ro về nghiệp vụ và nâng cao tính gắn kết trong tổ chức. Chính sách đãi ngộ và chương trình đánh giá hiệu quả công việc luôn là bộ đôi song hành để đảm bảo sự hài lòng của nhân viên, tính công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích



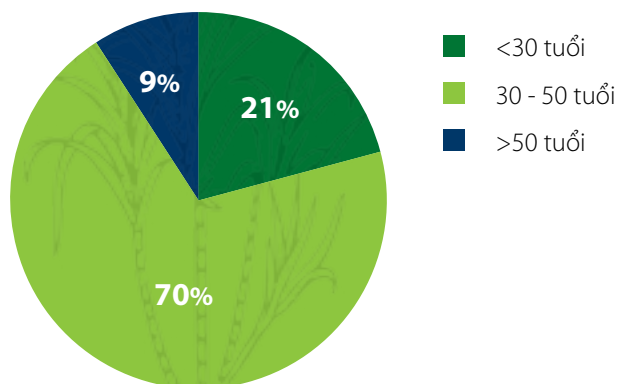
ứng với yêu cầu của thị trường, thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt giữ chân các nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Công ty.

TTCS đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Đối với công tác quản trị nhân sự, tính chính xác và bảo mật thông tin nhân sự luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Các báo cáo định kỳ cho thấy xu hướng nhân sự trong Công ty được thực hiện thông qua hệ thống quản lý thông tin giúp Ban Lãnh đạo quản lý và dự đoán tốt hơn tình hình nhân sự, cũng như có các phương án đào tạo, tuyển dụng, xây dựng chính sách phù hợp với tình hình thực tế. Với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ, các công tác nhân sự cũng đã được giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả khi tác nghiệp.

Bên cạnh đó, TTCS tiếp tục duy trì kênh đào tạo nội bộ để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần TTCS. Những chia sẻ này cũng là yếu tố động viên tinh thần làm việc, cung cấp thông tin và tránh những căng thẳng không đáng có. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt mà mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp hết sức mình vào sự phát triển chung của Công ty.

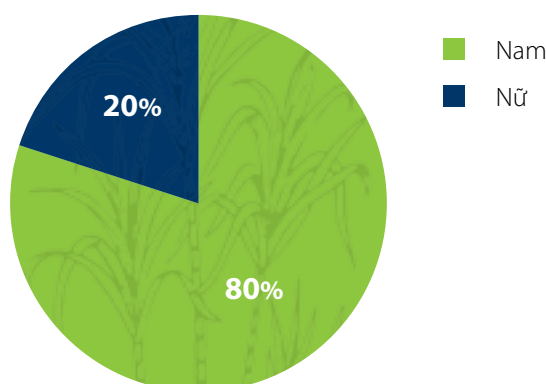
Trong niên độ 2015 - 2016, lực lượng quản lý chiếm 15% trên tổng số lao động chính thức toàn Công ty.

Cơ cấu lao động theo độ tuổi:



TTCS có cơ cấu lao động trẻ trong đó lao động dưới 30 tuổi chiếm 21%, từ 30 đến 50 tuổi chiếm 70% còn lại 9% là lao động trên 50 tuổi. Lực lượng lao động trẻ, năng động, có nền tảng kiến thức, kỹ năng tốt đóng góp rất lớn vào thành công của TTCS.

Cơ cấu lao động theo giới tính:



CHỈ SỐ XÃ HỘI

(tiếp theo)

Là công ty mía đường với đặc thù nhiều vị trí sản xuất cần lao động có sức khỏe tốt, TTCS hiện có 80% lao động là nam, 20% lao động nữ chủ yếu tập trung ở khối văn phòng.

- » Mức lương cơ bản của nam giới niên độ 2015 - 2016 là 4.465.785 đồng/tháng.
- » Mức lương cơ bản của nữ giới niên độ 2015 - 2016 là 4.701.899 đồng/tháng.

Mức lương cơ bản của nữ giới niên độ 2015 - 2016 nhìn chung cao hơn nam giới 5%. Do đặc thù công ty sản xuất nên phần lớn lực lượng lao động là công nhân và lao động phổ thông làm việc trong nhà máy. Với tính chất công việc nặng nhọc, nam giới chiếm đa số trong lực lượng này, trong khi đó, nữ giới tại TTCS chỉ chiếm số lượng nhỏ nhưng phần lớn là lao động trí thức làm việc chủ yếu ở khối văn phòng nên mức lương cơ bản nhìn chung cao hơn nam giới.

CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI: NHÂN QUYỀN

Quy định về đầu tư và mua sắm

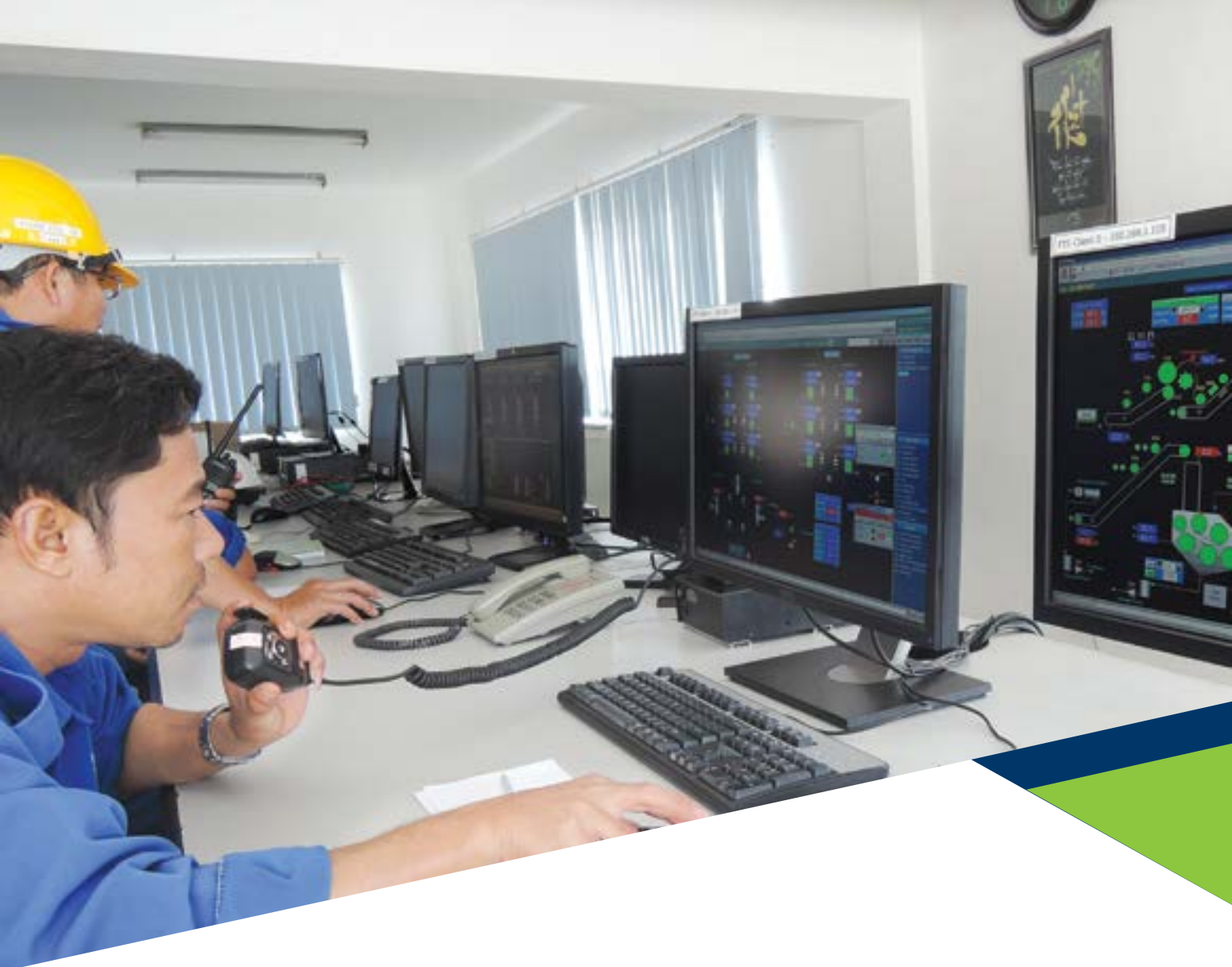
Quan điểm và ý chí về tuyển dụng của TTCS được thể hiện mạnh mẽ trong chính sách tuyển dụng, đào tạo của Công ty và thực thi thành những quy trình, hướng dẫn công việc liên quan đến hoạt động nhân sự.

Bộ Quy chế ứng xử và Quy định tránh xung đột lợi ích cũng được thiết lập, chính là kim chỉ nam cho mọi hoạt động trong môi trường doanh nghiệp, thể hiện rõ quan điểm với các bên liên quan và trách nhiệm của TTCS cũng như từng thành viên của TTCS trong các mối quan hệ.

Không phân biệt đối xử

Với hơn 650 lao động ở mọi lứa tuổi, thành phần, giới tính, dân tộc và tôn giáo, Công ty luôn tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng, không có bất kỳ sự kỳ thị nào về giới tính, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc, tuổi tác. Bên cạnh đó, các chương trình, chính sách, quy trình và hệ thống của Công ty đều hướng đến sự tôn trọng nhân quyền và tạo điều kiện để CBNV làm việc hiệu quả.





Lao động trẻ em

Tất cả nhân viên đều có cơ hội bình đẳng, được ghi nhận bằng nền tảng kiến thức và kinh nghiệm của mỗi cá nhân. Mọi hành vi phân biệt trong hoạt động tuyển dụng, thăng tiến và các quyết định về nhân sự đều bị nghiêm cấm. Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động, yêu cầu của vị trí để thực hiện kế hoạch kinh doanh, sản xuất cho Công ty.

Công đoàn TTCS là tổ chức đại diện và là nơi bảo vệ quyền lợi của người lao động, Công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hoạt động Công đoàn với hơn 500 Đoàn viên. Hàng năm, Đại hội đại biểu người lao động luôn được tổ chức để báo cáo tổng kết các kết quả hoạt động, cũng như đề ra phương hướng, kế hoạch hoạt động năm tới. Việc gia nhập Công đoàn luôn được Công ty khuyến khích.

Quan hệ lao động của Công ty luôn được tuân thủ theo pháp luật lao động Việt Nam, đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em, cưỡng bức hay ép buộc lao động.

Quyền của người dân bản địa

Cùng với việc mở rộng vùng nguyên liệu, mở rộng sản xuất, TTCS đã cung cấp hơn 650 việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động tại địa phương. Với mong muốn phát triển giàu mạnh, gắn kết và tạo công ăn việc làm cho người dân Tây Ninh, các chính sách về tuyển dụng và đào tạo được ưu tiên hàng đầu. Công ty đảm bảo tuyệt đối không có sự phân biệt hay tạo thành các nhóm nhỏ về tôn giáo, thành phần hay người bản địa. TTCS luôn là một gia đình, trong đó mọi chế độ và quyền lợi luôn được đối xử công bằng.

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG			
CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức, Chủ tịch hoặc vị trí cấp cao về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức về phát triển bền vững.	★	124-125
G4-2	Đưa ra các mô tả về tác động, rủi ro và cơ hội chính.	★	44-47
HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên công ty.	★	10-11
G4-4	Các thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính.	★	14- 5
G4-5	Trụ sở chính.	★	10-11
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo.	★	126- 27
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý.	★	10 - 11
G4-8	Thị trường kinh doanh. (theo khu vực địa lý, theo phân khúc thị trường, đối tượng khách hàng)	★	16-17
G4-9	Quy mô Công ty.	★	
G4-10	Báo cáo về lực lượng lao động.	★	40-41
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các Thỏa ước lao động tập thể.	★	172
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức.	★	
G4-13	Các thay đổi sau M&A hoặc mua sở hữu các đơn vị >20% đều CBTT. Tuy nhiên, phạm vi TTCS chưa đầy đủ, hoàn thiện hơn.	★	20 - 21
G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không áp dụng xử lý thế nào.	★	
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường, xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành và ủng hộ.	★	
XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI TRỌNG YẾU			
G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương không được đề cập trong báo cáo hay không.	★	202 - 203
G4-18	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới các lĩnh vực Giải thích cách tổ chức đã triển khai các nguyên tắc báo cáo cho việc xác định nội dung báo cáo như thế nào.	★	130-131
G4-19	Liệt kê tất cả các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo.	★	130-131
G4-20	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức.	★	130-131
G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức.	★	130-131

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	★	
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây.	★	
SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
G4-24	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia.	★	
G4-25	Báo cáo cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia.	★	
G4-26	Báo cáo phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan, bao gồm tần suất tham gia theo loại và các nhóm liên quan, và chỉ ra có sự tham vấn nào đã được triển khai đặc biệt trong khuôn khổ của quy trình lập báo cáo hay không.	★	
G4-27	Báo cáo các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, và tổ chức đã phản ứng như thế nào đối với các chủ đề và mối quan ngại chính này, bao gồm cả các báo cáo mà tổ chức đã công bố. Báo cáo về các bên liên quan đã đưa ra từng chủ đề và mối quan ngại chính.	★	
HỒ SƠ BÁO CÁO			
G4-28	Giai đoạn báo cáo (như năm tài chính hoặc năm theo lịch) dành cho thông tin được cung cấp.	★	
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất (nếu có).		
G4-30	Chu kỳ báo cáo (quý, nửa năm, hàng năm...).	★	126-127
G4-31	Thông tin liên hệ nếu có câu hỏi/ thắc mắc liên quan đến báo cáo hay nội dung của báo cáo.	★	127
G4-32	a. Báo cáo phương án 'phù hợp' mà tổ chức đã chọn. b. Báo cáo Bảng chú dẫn Mục lục GRI dành cho phương án đã chọn (xem các bảng dưới đây). c. Báo cáo tài liệu tham chiếu đến Báo cáo Đảm bảo Bên ngoài, nếu báo cáo này đã được đảm bảo bên ngoài (GRI khuyến khích sử dụng đảm bảo bên ngoài nhưng đó không phải là yêu cầu để 'phù hợp' với Hướng dẫn).	★	124-133
G4-33	a. Báo cáo chính sách và thông lệ hiện hành của tổ chức về việc sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo. b. Nếu không được bao gồm trong báo cáo đảm bảo kèm theo báo cáo phát triển bền vững, báo cáo quy mô và cơ sở của bất kỳ đảm bảo bên ngoài được cung cấp nào. c. Báo cáo mối quan hệ giữa tổ chức và các nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo. d. Báo cáo liệu có cấp quản trị cao nhất hoặc cấp điều hành cao có tham gia vào việc tìm kiếm đảm bảo cho báo cáo phát triển bền vững của tổ chức hay không.	★	124-133
QUẢN TRỊ			
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức, bao gồm cả các ủy ban của cơ quan quản lý cao nhất, chịu trách nhiệm cho các trách nhiệm cụ thể.	★	24-35
G4-35	Báo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc Điều hành cấp cao và các nhân viên khác.	★	

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4

(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
G4-36	Báo cáo liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không.	★	88 - 95
G4-37	Báo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất nào.	★	
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này.	★	24 - 29
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải Giám đốc Điều hành hay không (và, nếu có, chức năng của Chủ tịch trong quá trình hoạt động quản trị của tổ chức và lý do sự sắp xếp này).	★	88 - 95
G4-40	Báo cáo các quy trình chỉ định và lựa chọn dành cho cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của nó, và những tiêu chí sử dụng cho việc chỉ định và lựa chọn thành viên của cơ quan quản trị cao nhất.	★	111
G4-41	Báo cáo quy trình dành cho cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh và kiểm soát được xung đột lợi ích. Báo cáo liệu xung đột lợi ích có được công bố cho các bên liên quan hay không.	★	
G4-42	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt, và cập nhật mục đích, giá trị hoặc các tuyên bố sứ mệnh, chiến lược, chính sách và mục tiêu của tổ chức liên quan đến tác động kinh tế, môi trường và xã hội.	★	
G4-43	Báo cáo các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	★	
G4-44	a. Báo cáo các quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất về công tác quản trị các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội. Báo cáo công tác đánh giá như trên có độc lập hay không và tần suất đánh giá. Báo cáo công tác đánh giá như trên có phải là hình thức tự đánh giá hay không. b. Báo cáo các hành động được triển khai để đáp ứng công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất về công tác quản trị các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội, bao gồm, tối thiểu, những thay đổi trong quyền thành viên và thực hành của tổ chức.	★	
G4-45	a. Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội. b. Báo cáo hoạt động tham vấn của các bên liên quan có được sử dụng để hỗ trợ việc xác định và quản trị các tác động rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất hay không.	★	
G4-46	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc rà soát lại tính hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro của tổ chức đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	★	
G4-47	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro về cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	★	
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo.	★	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
G4-49	Báo cáo quy trình truyền đạt các quan ngại cấp bách nhất đến cơ quan quản trị cao nhất.	★	
G4-50	Báo cáo bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách đã được truyền đạt tới cơ quan quản trị cao nhất và cơ chế sử dụng để xử lý và giải quyết các mối quan ngại này.	★	
G4-51	Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao. Báo cáo tiêu chí hiệu quả hoạt động trong chính sách thù lao liên quan đến những mục tiêu kinh tế, môi trường, xã hội của cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao.	★	106 - 107
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	★	2 - 4
G4-57	Báo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực, như đường dây trợ giúp/đường dây tư vấn.	★	112 - 113
G4-58	Báo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức cho việc báo cáo những mối quan ngại về hành vi không hợp đạo đức hoặc phi pháp và các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức, như báo cáo vượt cấp lên cấp quản trị cao hơn, các cơ chế tố cáo và đường dây nóng.	★	

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ			
DANH MỤC: KINH TẾ			
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối.	★	50
EC2	Tác động về mặt tài chính, các rủi ro và cơ hội khác trong hoạt động của tổ chức do biến đổi khí hậu.	★	16
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức.	★	42 - 43
EC4	Những hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ.	★	
SỰ CÓ MẶT TRÊN THỊ TRƯỜNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	16 - 17
EC5	Tỷ lệ tiền lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của địa phương ở những khu vực làm việc cụ thể.	★	56 - 57
EC6	Tỷ lệ quản trị cấp cao thuê từ cộng đồng địa phương tại các điểm hoạt động trọng yếu.	★	
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	44 - 47
EC7	Sự phát triển và tác động của việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ.	★	
EC8	Mô tả các tác động gián tiếp về kinh tế chủ yếu, bao gồm cả phạm vi tác động.	★	44 - 47
PHƯƠNG THỨC MUA SẺ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	76 - 77

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4

(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
EC9	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương tại các địa điểm hoạt động trọng yếu.	★	76 - 77
DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG			
VẬT LIỆU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	141-145
EN1	Vật liệu được sử dụng theo khối lượng/ trọng lượng.	★	141-145
EN2	Phần trăm vật liệu được sử dụng là nguyên liệu đầu vào từ tái chế.	★	150-153
NĂNG LƯỢNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	146-149
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức.	★	146-149
EN4	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức.	★	146-149
EN5	Cường độ năng lượng.	★	146-149
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng.	★	146-149
EN7	Cắt giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	★	146-149
NƯỚC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	150-153
EN8	Tổng lượng nước khai thác phân loại theo nguồn.	★	150-153
EN9	Các nguồn nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc khai thác nước.	★	150-153
EN10	Phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng.	★	150-153
ĐA DẠNG SINH HỌC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	135 - 139
EN11	Vị trí và diện tích của đất, thuộc quyền sở hữu, cho thuê, quản lý là khu vực có đa dạng sinh học cao hoặc liên kế khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao được bảo vệ.	★	
EN12	Mô tả các tác động của hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đến sự đa dạng sinh học trong khu vực được bảo tồn và các khu vực có đa dạng sinh học cao ngoài khu vực được bảo tồn.	★	135 - 139
EN13	Môi trường sống tự nhiên được bảo tồn hoặc khôi phục.	★	135 - 139
PHÁT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	157-158
EN15	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1).	★	157-158
EN16	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp năng lượng (Phạm vi 2).	★	157-158
EN17	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3).	★	
EN18	Cường độ phát thải khí nhà kính (GHG).	★	
EN19	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG).	★	157-158

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
EN20	Các chất hủy diệt tầng OZON (ODS).	★	
EN21	No _x , SO _x và các phát thải khí đáng kể khác.	★	157-158
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	155-156
EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng thải và nơi thải.	★	155-156
EN23	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý.	★	158-159
EN24	Tổng số lượng các vụ tràn (chất thải) và khối lượng tràn.	★	158-159
EN25	Trọng lượng của chất thải vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, hoặc xử lý được coi là nguy hiểm theo các điều khoản của Công ước Basel Phụ lục I, II, III, và VIII, và tỷ lệ phần trăm chất thải vận chuyển quốc tế.	★	158-159
EN26	Nhận dạng kích cỡ, tình trạng bảo tồn đa dạng sinh học của các khu vực chứa nước và các môi trường sống liên quan bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc thải nước và dòng nước thải của tổ chức.	★	
THÔNG TIN VÀ NHÃN SẢN PHẨM DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
EN27	Phạm vi giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.	★	141 - 145
EN28	Tỷ lệ phần trăm sản phẩm đã bán và vật liệu đóng gói chúng được tái chế theo danh mục.	★	141 - 145
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	160-161
EN29	Tổng số tiền phạt và tổng số lần bị phạt (phi tài chính) do không tuân thủ quy định về môi trường và luật pháp.	★	160-161
VẬN CHUYỂN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
EN30	Các tác động đến môi trường chủ yếu trong quá trình vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa và nguyên liệu khác được dùng cho hoạt động của tổ chức, quá trình di chuyển lực lượng lao động.	★	
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	154-159
EN32	Tỷ lệ phần trăm các NCC mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường.	★	154-159
EN33	Các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	★	154-159
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ MÔI TRƯỜNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
EN34	Số lượng khiếu nại về các tác động môi trường đã nộp, đã xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	★	

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4

(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
DANH MỤC: XÃ HỘI			
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
VIỆC LÀM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	168-177
LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực.	★	168-177
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian không áp dụng cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa điểm và hoạt động trọng yếu.	★	168-177
LA3	Tỷ lệ quay lại làm việc và giữ lại sau khi nghỉ việc để chăm sóc con nhỏ mới sinh, theo giới tính.	★	
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/ LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	168-177
LA4	Các thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động, bao gồm những việc thay đổi này có được nêu cụ thể trong các thỏa thuận tập thể hay không.	★	168-177
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.		
LA 5	Tỷ lệ phần trăm tổng lực lượng lao động trong các ủy ban về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.		
LA6	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ việc và tình trạng người lao động vắng mặt, và tổng số trường hợp tử vong liên quan đến công việc theo khu vực và giới tính.		
LA7	Người lao động có tỷ lệ hoặc nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp cao.		
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thỏa thuận chính thức với công đoàn.		
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	168-177
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động.	★	168-177
LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động.	★	168-177
LA11	Phần trăm người lao động được nhận đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động.	★	168-177
SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	168-177
LA 12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác.	★	168-177

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
CÔNG BẰNG VÀ THÙ LAO CHO NAM VÀ NỮ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	168-177
LA 13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của lao động nữ so với lao động nam theo danh mục người lao động, theo địa điểm hoạt động trọng yếu.	★	168-177
ĐÁNH GIÁ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
LA 14	Tỷ lệ phần trăm các Nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí cách đối xử với người lao động.	★	
LA 15	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với cách đối xử với người lao động trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	★	
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
LA 16	Số lượng khiếu nại về cách đối xử với người lao động đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	★	
QUYỀN CON NGƯỜI			
ĐẦU TƯ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	170-177
HR1	Tỷ lệ và tổng số các thoả thuận và hợp đồng lớn có đề cập đến vấn đề nhân quyền, hoặc có xem xét quyền con người.	★	170-177
HR2	Tổng số giờ đào tạo nhân viên về chính sách và thủ tục liên quan đến quyền con người trong hoạt động. Bao gồm cả phần trăm nhân viên được huấn luyện.	★	170-177
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	177
HR3	Tổng các sự cố về phân biệt đối xử và các hành động khắc phục.	★	177
TỰ DO LẬP HỘI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
HR4	Các hoạt động của công ty và của nhà cung cấp chính được xác định là có thể vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm việc thực hiện hoạt động các hiệp hội tự do, các thoả thuận tập thể và các hành động để hỗ trợ thực hiện các quyền này.	★	
LAO ĐỘNG TRẺ EM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	177
HR5	Các hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có những rủi ro nghiêm trọng về tai nạn lao động trẻ em, biện pháp để đóng góp hiệu quả vào việc không sử dụng lao động trẻ em.	★	177
LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC VÀ ÉP BƯC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	177

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4

(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
HR6	Hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có thể có nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức và biện pháp đóng góp để loại trừ tất cả hình thức sử dụng lao động cưỡng bức và ép buộc.	★	177
CÁC PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ TÀI SẢN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	177
HR7	Tỷ lệ phần trăm của các nhân viên an ninh được đào tạo theo các chính sách của Công ty hoặc các thủ tục liên quan đến các khía cạnh của quyền con người có liên quan đến hoạt động.	★	177
QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	★	177
HR8	Tổng số vụ vi phạm liên quan đến quyền lợi của người dân bản địa và hành động khắc phục.	★	177
ĐÁNH GIÁ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	177
HR9	Tổng số và tỷ lệ phần trăm các hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động.	★	177
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI			
HR12	Số lượng khiếu nại liên quan đến lĩnh vực quyền con người được tiếp nhận, xử lý thông qua cơ chế khiếu kiện chính thức.	★	
XÃ HỘI			
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	162
SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.	★	167
SO2	Các hoạt động có các tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm tàng lên cộng đồng địa phương.	★	
CHỐNG THAM NHŨNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
SO3	Tỷ lệ phần trăm và tổng số các đơn vị kinh doanh được phân tích rủi ro là có liên quan đến tham nhũng và những rủi ro đáng kể được xác định.	★	
SO4	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng.	★	
CHÍNH SÁCH CÔNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
SO6	Tổng giá trị của những đóng góp chính trị theo quốc gia và người nhận/người thụ hưởng.	★	
HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015 - 2016	Trang
SO7	Tổng số hành động pháp lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, chống độc quyền và các thông lệ chống độc quyền và kết quả của những hành động đó.	★	
	TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
SO7	Tổng giá trị tiền phạt và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định.	★	
	CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
SO11	Số lượng khiếu nại về các tác động đối với xã hội đã nộp, xử lý, giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	★	
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
PR1	Tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu được đánh giá tác động sức khỏe và an toàn để cải thiện.	★	
PR2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe, an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời, phân loại theo loại kết quả.	★	
	THÔNG TIN NHÃN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
PR3	Loại thông tin về sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu đối với thông tin sản phẩm và dịch vụ về việc ghi nhãn, tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu thông tin như vậy.	★	
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm, dịch vụ và việc ghi nhãn, phân theo loại kết quả.	★	
PR5	Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của khách hàng.	★	
	TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
PR6	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp.	★	
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả.	★	
PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng.	★	
	TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	★	
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ.	★	

Quy ước chung:

★: TTCS thực hiện tốt, tiếp tục duy trì phát huy

★: TTCS đã có và đang thực hiện nhưng chưa đầy đủ, tiếp tục hoàn thiện theo chuẩn mực quốc tế

★: TTCS chưa có, cần bổ sung và triển khai thực hiện



5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thành công LÀ KẾT QUẢ

191	Thông tin chung
193	Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
194	Báo cáo kiểm toán độc lập
196	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
199	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
200	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
202	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	191 - 192
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	193
Báo cáo kiểm toán độc lập	194 - 195
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	196 - 198
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	199
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	200 - 201
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	212 - 247

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Chủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2015
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban	
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Văn Hòa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015

THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015 miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2015
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2015
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	
Bà Lê Hà Mai Thảo	Giám đốc Nhân sự	miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Quyển Giám đốc Hỗ trợ	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Ngữ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 196 đến trang 247, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 28 tháng 9 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.216.029.016.581	1.891.271.281.331
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	855.375.120.630	138.062.494.402
111	1. Tiền		431.443.246.481	138.062.494.402
112	2. Các khoản tương đương tiền		423.931.874.149	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	46.424.094.687	7.021.531.368
121	1. Chứng khoán kinh doanh		54.116.600.867	8.124.761.428
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(7.692.506.180)	(1.103.230.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.930.581.676.173	960.916.527.685
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	822.334.756.561	268.961.211.094
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	938.582.888.061	474.876.118.998
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	32	133.500.000.000	179.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	70.882.923.265	61.366.473.143
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.333.276.780.107	749.235.990.504
141	1. Hàng tồn kho		1.334.096.271.683	750.055.482.080
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(819.491.576)	(819.491.576)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.371.344.984	36.034.737.372
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	40.887.927.016	33.159.799.557
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.102.232.099	30.385.635
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		381.185.869	2.844.552.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01-DN/HN

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.620.667.782.014	1.405.314.238.745
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		194.048.412.209	48.611.724.058
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	8	58.769.761.197	35.904.299.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	135.278.651.012	12.707.425.000
220	II. Tài sản cố định		1.555.356.440.558	533.411.049.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.305.729.123.707	476.155.185.794
222	Nguyên giá		3.051.892.253.773	1.747.107.486.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.746.163.130.066)	(1.270.952.300.898)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	67.610.055.686	-
225	Nguyên giá		73.767.448.385	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.157.392.699)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	182.017.261.165	57.255.863.933
228	Nguyên giá		197.891.271.547	68.915.328.391
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.874.010.382)	(11.659.464.458)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		124.818.704.027	170.548.334.250
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	124.818.704.027	170.548.334.250
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	686.067.887.183	612.260.559.873
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	398.984.110.671	517.891.777.476
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	287.922.171.983	94.437.115.484
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(838.395.471)	(68.333.087)
260	V. Tài sản dài hạn khác		60.376.338.037	40.482.570.837
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	41.619.031.610	40.482.570.837
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	851.395.319	-
269	3. Lợi thế thương mại	17	17.905.911.108	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.836.696.798.595	3.296.585.520.076

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.134.301.056.939	1.375.001.591.370
310	I. Nợ ngắn hạn		2.774.320.638.118	866.292.962.370
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	46.117.978.053	82.666.961.595
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	85.044.977.543	81.251.627.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	12.205.553.830	840.996.228
314	4. Phải trả người lao động		10.133.880.337	4.512.096.380
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	58.769.362.740	10.819.139.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	24.174.187.980	5.138.453.729
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	2.520.380.695.895	667.877.287.507
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.494.001.740	13.186.399.999
330	II. Nợ dài hạn		1.359.980.418.821	508.708.629.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		185.500.000	96.300.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	1.359.794.918.821	508.612.329.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.702.395.741.656	1.921.583.928.706
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.702.395.741.656	1.921.583.928.706
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
411a	• Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	155.174.403.823	14.732.000.010
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(40.306.862.293)	(61.577.199.043)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(2.165.210.735)	-
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	243.709.260.201	227.425.653.785
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	24.1	-	(2.040.858.039)
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	386.137.417.421	257.408.414.403
421a	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		93.923.017.688	69.071.260.137
421b	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		292.214.399.733	188.337.154.266
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	12.236.403.239	635.917.590
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.836.696.798.595	3.296.585.520.076

Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	4.042.892.882.215	2.071.667.869.305
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(15.660.161.470)	(4.767.867.003)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	4.027.232.720.745	2.066.900.002.302
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(3.422.230.144.928)	(1.808.239.601.251)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		605.002.575.817	258.660.401.051
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	141.667.851.402	83.791.881.419
22	7. Chi phí tài chính	28	(216.332.843.184)	(68.270.246.238)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(152.781.586.342)	(80.244.824.475)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		12.549.340.671	59.890.974.620
25	9. Chi phí bán hàng	29	(95.464.461.360)	(68.364.786.581)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(143.593.766.960)	(65.542.929.101)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		303.828.696.386	200.165.295.170
31	12. Thu nhập khác		11.750.741.251	10.601.095.001
32	13. Chi phí khác		(5.503.138.451)	(2.460.757.230)
40	14. Lợi nhuận khác		6.247.602.800	8.140.337.771
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		310.076.299.186	208.305.632.941
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(16.761.373.041)	(18.317.918.389)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	851.395.319	(1.014.642.696)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		294.166.321.464	188.973.071.856
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		293.814.330.822	188.337.154.266
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		351.990.642	635.917.590
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	1.493	1.155
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	1.493	1.155



Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Ngày 28 tháng 9 năm 2016



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		310.076.299.186	208.305.632.941
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14	162.019.427.999	88.574.404.824
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		18.509.923.228	(25.896.350.489)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(189.260.438)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(109.948.071.965)	(142.590.801.284)
06	Chi phí lãi vay	28	152.781.586.342	80.244.824.475
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		533.249.904.352	208.637.710.467
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(531.993.919.431)	250.275.743.016
10	Tăng hàng tồn kho		(483.522.758.961)	(132.076.921.166)
11	Tăng các khoản phải trả		4.438.314.140	43.461.243.110
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		41.687.725.284	(19.157.570.020)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(45.991.839.439)	(8.124.761.428)
14	Tiền lãi vay đã trả		(130.730.947.864)	(80.406.099.977)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(11.656.363.496)	(18.060.522.444)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.941.428.130)	(12.851.966.177)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(644.461.313.545)	231.696.855.381
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(429.473.441.007)	(207.041.728.947)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.482.912.604	9.134.090.637
23	Tiền chi cho vay		(245.313.284.423)	(359.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		293.000.000.000	308.961.327.469
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(285.996.689.279)	(44.792.083.885)
26	Tiền thu thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị khác		151.110.955.658	172.452.712.934
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.346.523.587	74.731.412.079
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(450.843.022.860)	(45.554.269.713)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		115.472.765.963	-
33	Tiền thu từ đi vay		6.713.690.612.483	3.401.281.174.602
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.882.110.827.299)	(3.707.309.524.426)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.872.121.810)	-
36	Cổ tức đã trả	24.2	(127.607.494.420)	(634.303.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.812.572.934.917	(306.662.653.024)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		717.268.598.512	(120.520.067.356)
60	Tiền đầu năm		138.062.494.402	258.582.561.758
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		44.027.716	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	855.375.120.630	138.062.494.402

Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.056 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 524).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có 5 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	Đang hoạt động	90	90
Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	Đang hoạt động	100	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	Đang hoạt động	100	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	Đang hoạt động	62	48
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 34.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Bất động sản tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng và phát triển dự án; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)***Bất động sản tồn kho (tiếp theo)*

Chi phí hoa hồng không hoàn lại trả cho các đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

Hàng tồn kho khác

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	44 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.9 Các khoản đầu tư***Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VNĐ sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 37.142.358 cổ phiếu với giá 13.700 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai ("Mía đường Gia Lai"). Việc hoán đổi này đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 22 tháng 10 năm 2015. Theo đó, Công ty nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong công ty này. Giao dịch này đã tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Nhóm Công ty với số tiền 18.416.799.225 VNĐ (*Thuyết minh số 17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua thêm khoản đầu tư vào Mía đường Gia Lai, với chi tiết như sau:

VNĐ

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua
Tài sản thuần của Mía đường Gia Lai tại ngày mua	
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.812.532.442
Các khoản phải thu thuần	299.767.098.570
Hàng tồn kho	51.286.980.747
Tài sản cố định	644.732.440.993
Tài sản khác	187.143.691.787
Các khoản nợ phải trả	(752.309.239.164)
Tổng giá trị tài sản thuần của Mía đường Gia Lai tại ngày mua	490.433.505.375
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	18.416.799.225
Giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	508.850.304.600

Ngoài ra, giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công") từ 48% lên 62%. Theo đó, Mía Đường Thành Thành Công trở thành công ty con của Công ty. Giao dịch này cũng tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Nhóm Công ty với số tiền 940.942.513 VNĐ (Thuyết minh số 17).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.006.576.157	1.033.535.614
Tiền gửi ngân hàng (*)	430.436.670.324	137.028.958.788
Các khoản tương đương tiền (**)	423.931.874.149	-
TỔNG CỘNG	855.375.120.630	138.062.494.402

(*) Tiền gửi ngân hàng trị giá 55.950.823.598 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0,8% đến 5,5% một năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Mua lại công ty con thông qua việc hoán đổi cổ phiếu phát hành mới	508.850.304.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
		(VNĐ)		(VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết				
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ("PVD")	-	-	48.300	2.864.461.119
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("SSI")	-	-	35.640	753.927.572
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("KBC")	-	-	18.500	312.818.526
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PVS")	-	-	10.000	241.762.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	-	-	50.420	2.565.391.502
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	-	-	5.500	570.354.250
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ("TCM")	-	-	13.000	453.584.914
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam ("VSC")	-	-	6.000	261.291.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh ("DXG")	-	-	8.239	101.170.095
Đầu tư khác		54.116.600.867		-
TỔNG CỘNG		54.116.600.867		8.124.761.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(7.692.506.180)		(1.103.230.060)
GIÁ TRỊ THUẦN		46.424.094.687		7.021.531.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	373.204.624.751	264.446.793.194
Trong đó:		
Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam	147.570.149.989	136.502.925.302
Khách hàng khác	225.634.474.762	127.943.867.892
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	449.130.131.810	4.514.417.900
TỔNG CỘNG	822.334.756.561	268.961.211.094

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 753.980.547.842 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	938.582.888.061	474.876.118.998
Trả trước cho bên khác	765.550.818.894	361.172.283.271
Trong đó:		
- Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	274.868.447.816	20.507.601.907
- Trả trước cho nông dân (*)	353.028.961.685	248.245.458.985
- Các khoản trả trước khác	137.653.409.393	92.419.222.379
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	173.032.069.167	113.703.835.727
Dài hạn	58.769.761.197	35.904.299.058
Trả trước cho nông dân (*)	58.769.761.197	35.904.299.058
TỔNG CỘNG	997.352.649.258	510.780.418.056
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	962.633.757.544	487.493.142.506

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất từ 7,0% đến 10,8% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.287.275.550	31.782.826.019
Dự phòng trích lập trong năm	18.524.980.054	4.164.659.898
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.093.363.890)	(12.660.210.367)
Số cuối năm	34.718.891.714	23.287.275.550

9. PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	70.882.923.265	61.366.473.143
Lãi phải thu	46.527.536.973	41.418.506.655
Tạm ứng nhân viên	20.096.157.272	12.157.955.500
Khác	4.259.229.020	7.790.010.988
Dài hạn	135.278.651.012	12.707.425.000
Ký quỹ thuê đất	122.571.226.012	-
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	12.707.425.000	12.707.425.000
TỔNG CỘNG	206.161.574.277	74.073.898.143
Trong đó:		
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	24.505.351.680	18.553.709.115
Phải thu từ bên khác	181.656.222.597	55.520.189.028

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VNĐ (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 12.707.425.000 VNĐ) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Nhóm Công ty và Svayrieng Sugar and Cane Company Litimited để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Nhóm Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Nhóm Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.062.686.165.328	658.135.893.261
Nguyên vật liệu	98.843.087.846	33.796.888.944
Hàng hóa	86.807.366.465	30.434.144.508
Hàng hóa bất động sản	49.231.049.895	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.573.298.646	25.479.310.297
Công cụ và dụng cụ	1.866.121.009	771.473.815
Hàng gửi đi bán	4.089.182.494	1.437.771.255
TỔNG CỘNG	1.334.096.271.683	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.333.276.780.107	749.235.990.504

Hàng tồn kho trị giá 868.139.500.000 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	40.887.927.016	33.159.799.557
Chi phí ngoài vụ chờ phân bổ	33.790.645.815	24.920.492.027
Khác	7.097.281.201	8.239.307.530
Dài hạn	41.619.031.610	40.482.570.837
Tiền thuê đất trả trước (*)	34.708.429.061	37.689.602.004
Công cụ, dụng cụ	2.996.060.400	-
Khác	3.914.542.149	2.792.968.833
TỔNG CỘNG	82.506.958.626	73.642.370.394

(*) Quyền sử dụng đất trị giá 1.113.312.930 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

VNĐ						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Tăng do hợp nhất kinh doanh	154.480.248.985	996.212.174.949	9.133.145.094	2.036.168.973	1.707.723.484	1.163.569.461.485
Mua mới	1.493.053.137	3.254.307.016	9.114.910.468	988.372.273	57.000.000	14.907.642.894
Đầu tư XDCB hoàn thành	24.351.170.450	107.591.233.829	-	1.760.274.788	-	133.702.679.067
Thanh lý	-	(5.775.918.910)	(1.619.097.455)	-	-	(7.395.016.365)
Số cuối năm	464.399.695.683	2.475.017.846.917	41.453.733.553	10.850.923.606	60.170.054.014	3.051.892.253.773
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.122.876.462	260.008.205.444	4.279.763.884	4.979.766.600	58.274.772.348	350.665.384.738
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Tăng do hợp nhất kinh doanh	52.688.372.515	267.374.106.690	3.497.784.603	1.496.005.130	191.744.036	325.248.012.974
Khấu hao trong năm	17.993.830.550	131.565.376.327	4.114.183.847	943.797.953	88.402.906	154.705.591.583
Thanh lý	-	(3.825.634.659)	(917.140.730)	-	-	(4.742.775.389)
Số cuối năm	231.697.888.684	1.430.336.592.376	18.418.953.268	7.052.271.671	58.657.424.067	1.746.163.130.066
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số cuối năm	232.701.806.999	1.044.681.254.541	23.034.780.285	3.798.651.935	1.512.629.947	1.305.729.123.707
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23)	38.567.104.215	558.937.860.726	-	222.686.077	-	597.727.651.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

		VND
		Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:		
Số đầu năm		-
Tăng do hợp nhất kinh doanh		73.767.448.385
Số cuối năm		73.767.448.385
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		-
Tăng do hợp nhất kinh doanh		2.468.200.611
Khấu hao trong năm		3.689.192.088
Số cuối năm		6.157.392.699
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		67.610.055.686

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	57.966.954.819	10.948.373.572	68.915.328.391
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	632.686.516	632.686.516
Mua mới	135.413.796.640	48.000.000	135.461.796.640
Giảm khác	(7.118.540.000)	-	(7.118.540.000)
Số cuối năm	186.262.211.459	11.629.060.088	197.891.271.547
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	589.186.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	589.901.596	589.901.596
Hao mòn trong năm	2.551.981.179	1.215.263.070	3.767.244.249
Giảm khác	(142.599.921)	-	(142.599.921)
Số cuối năm	10.627.513.423	5.246.496.959	15.874.010.382
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	49.748.822.654	7.507.041.279	57.255.863.933
Số cuối năm	175.634.698.036	6.382.563.129	182.017.261.165
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23)	162.905.635.150	-	162.905.635.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

VNĐ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	93.957.120.070	92.700.623.082
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	17.698.066.904	1.984.343.489
Dự án kho bãi	-	67.491.898.320
Khác	13.163.517.053	8.371.469.359
TỔNG CỘNG	124.818.704.027	170.548.334.250

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 93.957.120.070 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 6.067.203.678 VNĐ (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 728.299.260 VNĐ) vào dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.1)	398.984.110.671	517.891.777.476
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 16.2)	287.922.171.983	94.437.115.484
TỔNG CỘNG	686.906.282.654	612.328.892.960
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(838.395.471)	(68.333.087)
GIÁ TRỊ THUẦN	686.067.887.183	612.260.559.873

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	(VNĐ)		(VNĐ)	
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (i)	191.055.714.436	49,00	205.795.566.787	49,00
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh (ii)	115.952.253.112	39,23	-	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (iii)	59.863.471.423	30,54	48.572.622.899	23,95
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iv)	32.112.671.700	26,32	30.519.267.021	26,32
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (v)	-	-	217.948.152.104	23,71
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	-	-	15.056.168.665	48,00
TỔNG CỘNG	398.984.110.671		517.891.777.476	

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

- (i) Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh trước đây là Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh ("Mía Đường Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía Đường Tây Ninh đặt tại Số 19, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh. Hoạt động chính của công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường.
- (iii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iv) Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh ("Hóa chất Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 45121000238 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Hóa chất Tây Ninh đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- (v) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường. Trong năm, Đường Biên Hòa đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 23,71% xuống còn 16,97% và Đường Biên Hòa không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	VNĐ
Giá gốc của khoản đầu tư:	
Số đầu năm	557.902.848.539
Tăng do đầu tư mới	117.669.852.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	16.415.872.000
Giảm giá trị đầu tư	(231.757.661.139)
Số cuối năm	460.230.911.400
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	(40.011.071.063)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	12.549.340.671
Cổ tức đã nhận	(14.320.911.000)
Giảm lợi nhuận lũy kế do thanh lý	(19.464.159.337)
Số cuối năm	(61.246.800.729)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	517.891.777.476
Số cuối năm	398.984.110.671

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	(VNĐ)		(VNĐ)	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	201.395.138.816	9,75	-	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	-	-	74.915.050.000	9,87
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	67.004.967.683	4,73	-	-
Công ty Cổ phần Đường Cần Thơ	18.752.003.100	6,43	18.752.003.100	6,43
Đầu tư dài hạn khác	770.062.384		770.062.384	
TỔNG CỘNG	287.922.171.983		94.437.115.484	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(838.395.471)		(68.333.087)	
GIÁ TRỊ THUẦN	287.083.776.512		94.368.782.397	

8.301.524 cổ phiếu trong khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	19.357.741.738
Số cuối năm	19.357.741.738
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	1.451.830.630
Số cuối năm	1.451.830.630
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	17.905.911.108

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả bên khác	39.496.572.626	77.502.317.236
Trong đó:		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	6.406.775.946	11.798.029.776
- Khác	33.089.796.680	65.704.287.460
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.621.405.427	5.164.644.359
TỔNG CỘNG	46.117.978.053	82.666.961.595

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	69.891.457.883	72.553.893.841
Trong đó:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (*)	68.570.710.000	66.731.910.000
- Khác	1.320.747.883	5.821.983.841
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	15.153.519.660	8.697.734.000
TỔNG CỘNG	85.044.977.543	81.251.627.841

(*) Đây là khoản trả trước theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại Số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	7.849.822.920	822.585.234
Thuế giá trị gia tăng	4.194.768.372	-
Thuế thu nhập cá nhân	160.828.778	18.410.994
Khác	133.760	-
TỔNG CỘNG	12.205.553.830	840.996.228

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	22.050.638.478	2.537.822.410
Chi phí mua đường	8.564.877.909	-
Chi phí vận chuyển	4.593.855.727	5.260.591.500
Lương tháng 13	4.467.090.266	-
Khác	19.092.900.360	3.020.725.181
TỔNG CỘNG	58.769.362.740	10.819.139.091

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mượn nguyên vật liệu	15.648.984.731	-
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	1.299.155.796	2.570.109.649
Các khoản phải trả khác	7.226.047.453	2.568.344.080
TỔNG CỘNG	24.174.187.980	5.138.453.729
Trong đó:		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>18.449.779.314</i>	<i>1.200.000.000</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>5.724.408.666</i>	<i>3.938.453.729</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	2.520.380.695.895	667.877.287.507
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	2.319.948.696.309	555.558.945.507
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 23.2)	89.758.828.500	112.318.342.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác (Thuyết minh số 23.3)	1.720.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan (Thuyết minh số 23.4)	2.386.342.000	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.5)	97.404.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.6)	9.162.829.086	-
Vay dài hạn	1.359.794.918.821	508.612.329.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.2)	415.086.456.668	496.680.621.000
Vay dài hạn bên khác (Thuyết minh số 23.3)	4.410.000.000	-
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 23.4)	7.159.024.000	11.931.708.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 23.5)	889.616.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 23.6)	43.523.438.153	-
TỔNG CỘNG	3.880.175.614.716	1.176.489.616.507

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và theo lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY (TIẾP THEO)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)	
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	427.746.582.087	- Từ ngày 4 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ
	11.000.000.000	- Ngày 27 tháng 7 năm 2016	Hàng tồn kho giá trị 6.250.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	370.770.333.170	- Từ ngày 5 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	193.400.000.000	- Từ ngày 19 tháng 7 năm 2016 đến ngày 13 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho với tổng giá trị 143.500.000.000 VNĐ và số dư tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	169.999.426.573	- Từ ngày 26 tháng 7 năm 2016 đến ngày 6 tháng 10 năm 2016	Quyền sử dụng đất thửa số 3105 tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai với tổng giá trị 170.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	159.774.939.311	- Từ ngày 5 tháng 7 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	126.000.000.000	- Từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 21 tháng 10 năm 2016	Thành phẩm thương mại trị giá 126.000.000.000 VNĐ

23. VAY (TIẾP THEO)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ VNĐ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	111.275.300.000	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2016 đến ngày 14 tháng 11 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 120.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	104.954.389.848	Từ ngày 29 tháng 8 năm 2016 đến ngày 11 tháng 9 năm 2016	Quyền sử dụng đất thửa số 37 tại Phường 2, Thị xã Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và 100% giá trị khoản phải thu từ dự án Espace Bourbon Tây Ninh và khoản phải thu với giá trị 75.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	- Ngày 9 tháng 12 năm 2016	Khoản phải thu với tổng giá trị 100.000.000.000 VNĐ
	55.890.000.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	54.100.000.000	Từ ngày 27 tháng 10 năm 2016 đến ngày 3 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
	48.000.000.000	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2016 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 2.500.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	98.836.953.174	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 9 tháng 11 năm 2016	Tín chấp
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Hồ Chí Minh	97.147.441.339	Từ ngày 3 tháng 9 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 4.510.000 đô la Mỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY (TIẾP THEO)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Dak Lak	60.446.524.307	Từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 - đến ngày 12 tháng 9 năm 2016	8.301.524 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 - đến ngày 28 tháng 12 năm 2016	Tín chấp
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	43.600.000.000	Từ ngày 2 tháng 12 năm 2016 - đến ngày 9 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 2.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	16.006.806.500	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 - đến ngày 30 tháng 5 năm 2017	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	11.000.000.000	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 2.500.000 đô la Mỹ
TỔNG CỘNG	2.319.948.696.309	2.500.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY (TIẾP THEO)

23.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		
	155.628.400.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 1 tháng 10 năm 2021	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	233.040.647.943	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
	16.732.218.602	Từ ngày 18 tháng 8 năm 2016 đến ngày 13 tháng 2 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	80.602.963.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 đến ngày 15 tháng 5 năm 2022	Quyền sử dụng đất thửa số 37 tại Phường 2, Thị xã Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và 100% giá trị khoản phải thu từ dự án Espace Bourbon Tây Ninh và khoản phải thu với giá trị 75.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	11.191.000.000	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Quyền sử dụng đất thửa số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	7.650.055.623	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2021	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	504.845.285.168		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	89.758.828.500		
Vay dài hạn	415.086.456.668		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY (TIẾP THEO)

23.3 Vay dài hạn bên khác

Chi tiết khoản vay dài hạn bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		
Quỹ Bảo vệ Môi trường rừng	6.130.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	Bảo lãnh từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000		
Vay dài hạn	4.410.000.000		

23.4 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	9.545.366.000	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020	Tín chấp
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000		
Vay dài hạn	7.159.024.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

23. VAY (TIẾP THEO)

23.5 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Phát hành theo mệnh giá				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hợp đồng mua trái phiếu số 01.2016/PL/TPBANK-SBT ngày 30 tháng 5 năm 2016	592.212.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hợp đồng mua trái phiếu số 06 - TP/2016/VIB - TTCS ngày 30 tháng 5 năm 2016	394.808.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	
	987.020.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	97.404.000.000			
Vay dài hạn	889.616.000.000			

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. VAY (TIẾP THEO)

23.6 Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

				VNĐ		
		Số cuối năm		Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	13.588.475.534	4.425.646.448	9.162.829.086	-	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	45.997.402.004	9.346.085.666	36.651.316.338	-	-	-
Trên 5 năm	7.134.980.474	262.858.659	6.872.121.815	-	-	-
TỔNG CỘNG	66.720.858.012	14.034.590.773	52.686.267.239	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước									VND
Số đầu năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	-	120.999.110.932	99.511.076.572	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	188.337.154.266	188.337.154.266
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	-	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	2.919.523.230	-	2.919.523.230
Số cuối năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	-	125.609.421.786	101.816.231.999	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116
Năm nay									
Số đầu năm (được trình bày lại - Thuyết minh số 36)	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	-	227.425.653.785	-	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116
Tăng vốn trong năm (*)	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	-	-	-	600.037.054.600
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	-	-	24.286.015.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	293.814.330.822	293.814.330.822
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang VND trong năm	-	-	-	(2.165.210.735)	-	-	-	-	(2.165.210.735)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	16.283.606.416	-	-	(16.283.606.416)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(21.140.258.788)	(21.140.258.788)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	2.040.858.039	-	2.040.858.039
Số cuối năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	-	-	386.137.417.421	2.690.159.338.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 37.142.358 cổ phiếu với giá 13.700 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai. Việc hoán đổi này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 9.118.675 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho người lao động. Việc phát hành này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 18 tháng 7 năm 2016.

24.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Tăng trong năm	462.610.330.000	-
Số cuối năm	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
Cổ tức công bố	127.661.462.600	666.542.350
Cổ tức đã trả	(127.607.494.420)	(634.303.200)

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	194.761.033	148.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	194.761.033	148.500.000
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3.268.840)	(4.993.840)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	191.492.193	143.506.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

24.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	293.814.330.822	188.337.154.266
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(35.257.719.699)	(22.600.458.512)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	258.556.611.123	165.736.695.754
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	173.159.938	143.506.160
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.493	1.155

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 12 năm 2015.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 12 năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND
	Giá trị
Số đầu năm	635.917.590
Tăng do nghiệp vụ công ty mẹ mua mới công ty con trong năm	11.248.495.007
Lợi nhuận thuần trong năm	351.990.642
Số cuối năm	12.236.403.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	4.042.892.882.215	2.071.667.869.305
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	3.668.742.052.016	1.856.723.222.826
Doanh thu bán mật đường	147.824.094.685	110.143.954.086
Doanh thu bán phân bón	92.273.215.003	50.853.743.786
Doanh thu bán điện	80.766.375.106	37.339.285.513
Doanh thu khác	53.287.145.405	16.607.663.094
Trừ:	(15.660.161.470)	(4.767.867.003)
Hàng bán trả lại	(9.809.063.773)	(3.221.861.315)
Giảm giá hàng bán	(5.851.097.697)	(1.546.005.688)
Doanh thu thuần	4.027.232.720.745	2.066.900.002.302
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	3.653.102.237.820	1.851.955.355.823
Doanh thu bán mật đường	147.824.094.685	110.143.954.086
Doanh thu bán phân bón	92.273.215.003	50.853.743.786
Doanh thu bán điện	80.766.375.106	37.339.285.513
Doanh thu khác	53.266.798.131	16.607.663.094
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	3.558.233.286.826	1.934.583.347.582
Doanh thu đối với bên liên quan	468.999.433.919	132.316.654.720

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi	92.244.471.783	79.209.358.798
Lãi từ thay đổi tỷ lệ sở hữu vào các khoản đầu tư	24.842.024.273	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	13.593.010.093	43.141.297
Cổ tức	7.611.466.400	3.019.902.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.375.908.252	1.493.954.916
Khác	970.601	25.524.408
TỔNG CỘNG	141.667.851.402	83.791.881.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	3.064.044.572.444	1.602.003.973.065
Giá vốn bán mật đường	139.977.576.019	110.584.361.555
Giá vốn bán phân bón	89.830.881.251	48.506.318.581
Giá vốn bán điện	83.054.088.022	33.470.324.847
Giá vốn khác	45.323.027.192	13.674.623.203
TỔNG CỘNG	3.422.230.144.928	1.808.239.601.251

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	152.781.586.342	80.244.824.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.346.316.435	3.696.995.640
Hoàn nhập dự phòng	(340.294.354)	(25.070.001.931)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	2.937.679.680	1.671.484.804
Khác	18.607.555.081	7.726.943.250
TỔNG CỘNG	216.332.843.184	68.270.246.238

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.561.967.987	55.982.017.408
Chi phí nhân viên	12.323.635.178	5.203.459.952
Chi phí khấu hao	2.699.773.694	-
Chi phí khác	12.879.084.501	7.179.309.221
TỔNG CỘNG	95.464.461.360	68.364.786.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	52.473.712.022	29.120.099.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.448.944.596	10.193.168.518
Chi phí dự phòng	16.418.117.070	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.991.952.353	3.403.731.557
Chi phí khác	38.261.040.919	22.825.929.574
TỔNG CỘNG	143.593.766.960	65.542.929.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	3.136.881.170.408	1.605.220.025.182
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	162.019.427.999	88.574.404.824
Chi phí nhân viên	152.267.920.385	88.162.865.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.955.074.112	84.528.186.253
Chi phí khác	82.164.780.344	75.661.834.845
TỔNG CỘNG	3.661.288.373.248	1.942.147.316.933

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.026.046.712	18.317.918.389
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	(4.264.673.671)	-
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(851.395.319)	1.014.642.696
TỔNG CỘNG	15.909.977.722	19.332.561.085

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

31.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	310.076.299.186	208.305.632.941
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn	7.126.677	44.418.335.096
Lãi từ các công ty liên kết	(12.549.340.671)	(59.890.974.620)
Lãi từ thay đổi tỷ lệ sở hữu vào các khoản đầu tư	(24.842.024.273)	(15.026.900.196)
Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư	17.103.494.817	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.513.953.189	(2.908.588.077)
Chi phí không được khấu trừ	2.058.554.553	644.861.974
Phân bổ lợi thế thương mại	1.451.830.630	-
Cổ tức	(7.611.466.400)	(3.019.902.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính	294.208.427.708	172.522.465.118
<i>Trong đó:</i>		
Hoạt động sản xuất đường từ mía	134.408.208.577	106.604.974.493
Hoạt động khác	159.800.219.131	65.917.490.625
Thuế TNDN ước tính phải trả	21.026.046.712	18.317.918.389
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	(4.264.673.671)	-
Chi phí thuế TNDN	16.761.373.041	18.317.918.389
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(1.278.990.594)	(1.536.386.539)
Cần trừ với thuế GTGT phải nộp	3.999.310.886	-
Thuế TNDN tăng do hợp nhất kinh doanh	(50.638.595)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(11.656.363.496)	(18.060.522.444)
Thuế TNDN phải trả (nộp thừa) cuối năm	7.774.691.242	(1.278.990.594)
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả cuối năm	7.849.822.920	822.397.891
Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	(75.131.678)	(2.101.388.485)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	851.395.319	-	851.395.319	-
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	(1.014.642.696)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	851.395.319	-		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			851.395.319	(1.014.642.696)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	292.260.639.908	129.196.707.607
		Mua dịch vụ	15.159.353.947	11.583.767.151
		Thu nhập lãi vay	7.583.979.359	17.050.557.748
		Cho vay	1.000.000.000	-
		Mua hàng hóa	971.622.886	-
		Cung cấp dịch vụ	771.309.661	40.909.091
		Chi hộ	155.920.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	141.741.761.971	196.821.222.523
		Cho vay	214.000.000.000	80.000.000.000
		Bán hàng hóa	115.703.484.343	1.187.618.116
		Thu nhập lãi vay	18.014.550.229	2.355.680.555
		Mua dịch vụ	7.251.712.022	2.734.839.036
		Cung cấp dịch vụ	229.090.911	229.090.910
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	147.617.738.785	-
		Mua hàng hóa	73.497.078.759	44.391.388.825
		Cho vay	18.000.000.000	-
		Mua nguyên liệu	1.584.354.874	-
		Thu nhập lãi vay	1.584.429.819	3.852.917.347
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Cổ tức	3.473.255.000	-
		Mua nguyên liệu	2.611.878.826	-
		Bán hàng hóa	1.232.684.000	1.517.060.000
		Mua dịch vụ	949.970.222	-
		Thu nhập lãi vay	23.333.333	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay	14.500.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	381.818.182	-
		Thu nhập lãi vay	381.222.220	-
		Chi phí lãi	352.949.858	-
		Mua hàng hóa	292.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	609.764.174.914	-
		Bán nguyên liệu	384.201.411.514	-
		Bán hàng hóa	99.603.355.639	1.603.214.378
		Cổ tức	10.465.910.000	13.630.296.000
		Mua hàng hóa	7.497.706.782	70.605.510.379
		Bán tài sản cố định	1.480.000.000	-
		Mua dịch vụ	611.685.911	1.036.116.057
		Cung cấp dịch vụ	130.230.303	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Tiền thuê đất	67.491.898.320	67.491.898.320
		Mua dịch vụ	2.010.338.018	651.265.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	117.265.955.634	-
		Bán hàng hóa	115.783.891.785	-
		Thu nhập lãi	7.251.913.101	-
Svayrieng Sugar and Cane Company Litmited	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	47.856.405.042	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	186.791.428.571	-
		Mua hàng hóa	51.981.452.387	-
		Bán tài sản cố định	529.637.837	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	195.714.285.717	-
		Mua hàng hóa	144.300.952.381	-
		Thu nhập lãi	12.674.082.003	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan khác

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

			VND
	Năm nay	Năm trước	
Lương, thưởng và các chi phí liên quan	8.659.515.086	7.939.480.663	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	170.234.000.000	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	112.847.096.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	73.238.930.627	3.584.250.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	70.643.555.625	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	16.055.201.714	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.764.013.889	-
		Cung cấp dịch vụ	24.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	323.333.334	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	930.167.900
			449.130.131.810	4.514.417.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VNĐ				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	107.533.442.140	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	14.011.549.910	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	30.400.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết trước ngày 1 tháng 10 năm 2015	Mua nguyên liệu	-	112.840.138
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	36.487.077.117	13.560.595.589
			173.032.069.167	113.703.835.727
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	4.483.602.557	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.978.780.938	271.244.461
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Thu nhập lãi	800.877.048	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	713.263.264	1.304.953.646
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Thu nhập lãi	710.136.810	328.877.705
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	193.333.332	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	23.333.333	-
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Thu nhập lãi	2.894.599.398	3.941.208.303
			11.797.926.680	5.846.284.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	100.000.000.000	179.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay	14.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Cho vay	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	1.000.000.000	-
			133.500.000.000	179.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000
Vay				
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Vay	9.545.366.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	3.413.845.227	1.642.310.824
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	3.207.560.200	3.522.333.535
			6.621.405.427	5.164.644.359

(*) Đây là các khoản phải thu cho vay ngắn hạn có kỳ hạn sáu tháng với lãi suất cho vay từ 8,0% đến 9,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VNĐ				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.906.304.482	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	1.588.600.160	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu	371.692.100	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	72.922.918	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	-	8.697.734.000
			15.153.519.660	8.697.734.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	15.648.984.731	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Chi phí lãi	1.500.345.515	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	1.200.000.000	1.200.000.000
		Chi phí lãi	100.449.068	-
			18.449.779.314	1.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	361.607.368	884.237.386

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có khoản cam kết trị giá 42.473.797.613 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 58.651.577.936 VND) liên quan đến việc xây dựng dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

34. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Đầu tư ngắn hạn	187.124.761.428	(187.124.761.428)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	8.124.761.428	8.124.761.428
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	179.000.000.000	179.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	49.186.917.643	12.179.555.500	61.366.473.143
Tài sản ngắn hạn khác	12.162.955.500	(12.162.955.500)	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	35.904.299.058	35.904.299.058
Phải thu dài hạn khác	48.611.724.058	(35.904.299.058)	12.707.425.000
Tài sản dài hạn khác	16.600.000	(16.600.000)	-
Quỹ dự phòng tài chính	101.816.231.999	(101.816.231.999)	-
Quỹ đầu tư phát triển	125.609.421.786	101.816.231.999	227.425.653.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN/HN

34. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (TIẾP THEO)

			VND
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Thu nhập khác	17.394.161.133	(6.793.066.132)	10.601.095.001
Chi phí khác	(9.253.823.362)	6.793.066.132	(2.460.757.230)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Tăng chứng khoán kinh doanh	-	(8.124.761.428)	(8.124.761.428)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(52.916.845.313)	8.124.761.428	(44.792.083.885)

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2016, Nhóm Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 20.124.764 cổ phần tương ứng 48,99% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre từ các cổ đông cá nhân.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Hân
Người lập

Ngày 28 tháng 9 năm 2016



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngử
Tổng Giám đốc





WWW.TTCSUGAR.COM.VN

Trụ sở chính

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu,
Tỉnh Tây Ninh

Tel: (066) 3753250

Fax: (066) 3839834

Email: ttcs@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại

Địa chỉ: Tầng 1 - 62 Trần Huy Liệu, Phường 12,
Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Tel: (08) 629 269 18 - 629 269 19

Fax: (08) 629 269 20

